ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

LỊCH SỬ 11

CHƯƠNG TRÌNH CƠ BẢN

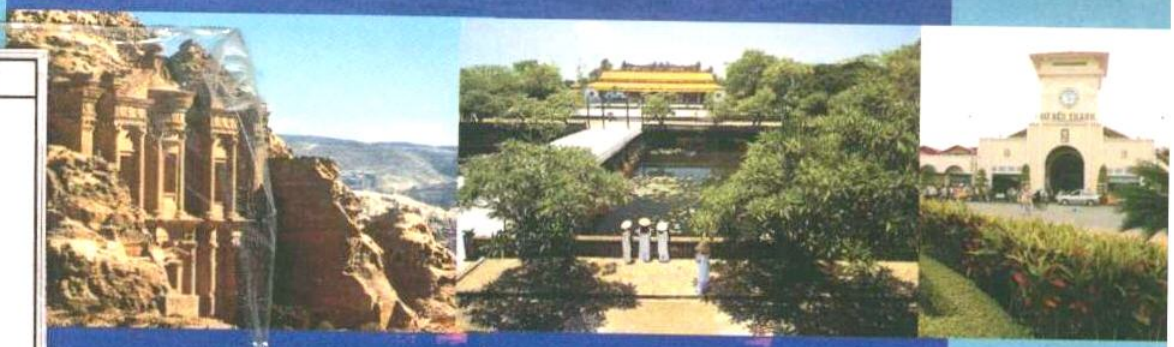

TT TT-TV * ĐHQGHN
907
TR-T
2007
LC/02021

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS. TRƯƠNG NGỌC THƠI

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

LỊCH SỬ 11

Chương trình cơ bản

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

LỜI NÓI ĐẦU

Cùng các em học sinh thân mến!

Trong rất nhiều tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập môn Lịch sử lớp 11 ở trường THPT, chúng tôi muốn giới thiệu với các em cuốn sách ***"HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP LỊCH SỬ 11"*** để các em dựa vào đó trả lời các câu hỏi, bài tập Lịch sử lớp 11 – Chương trình cơ bản.

Những kiến thức mà các tác giả biên soạn trong sách giáo khoa chỉ dừng lại ở việc cung cấp những sự kiện lịch sử cơ bản, phù hợp với yêu cầu dạy học theo hướng "phát huy tính tích cực học tập của học sinh". Muốn hiểu sâu sắc các sự kiện, niên đại, địa danh, nhân vật lịch sử... không những các em phải trả lời thật trôi chảy những câu hỏi, bài tập có sẵn trong sách giáo khoa mà còn phải vận dụng những hiểu biết của mình về bộ môn lịch sử để trả lời những câu hỏi, bài tập chúng tôi bổ sung thêm vào cuốn sách này. Làm được cả hai yêu cầu đó, nghĩa là các em nắm vững tri thức lịch sử thế giới và Việt Nam một cách tường tận. Như vậy, các em sẽ cảm thấy thật hứng thú khi học Lịch sử.

Mong rằng, cuốn sách này sẽ giúp các em có được tài liệu để học tập tốt bộ môn Lịch sử ở trường THPT theo hướng đổi mới chương trình, sách giáo khoa, đặc biệt là theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học như hiện nay.

Sẽ khó tránh khỏi những thiếu sót khi biên soạn, mong quý vị đồng nghiệp và các em góp ý chân tình.

TÁC GIẢ

PHẦN MỘT
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương I
CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LA-TINH (THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 1
NHẬT BẢN

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Tình hình Nhật Bản nửa đầu thế kỉ XIX đến trước năm 1868 có những điểm gì nổi bật?

** Hướng dẫn trả lời:*

Đến nửa đầu thế kỉ XIX, chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản đứng đầu là Tướng quân (Sô-gun) đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.

- Về kinh tế:

+ Trong nông nghiệp, nông dân không có ruộng đất, các lãnh chúa phong kiến phát canh thu tô. Địa chủ bóc lột nhân dân rất nặng nề.

+ Thủ công nghiệp phát riển mạnh ở nhiều lãnh địa phía tây nam. Song tình trạng cát cứ làm xuất hiện hàng rào thuế quan đã ảnh hưởng đến sự phát triển công thương nghiệp.

- Về xã hội:

+ Chính phủ Sô-gun vẫn duy trì chế độ đẳng cấp: Tầng lớp Đaimyô là những quý tộc phong kiến lớn quản lí các vùng lãnh địa trong nước. Họ có quyền lực tuyệt đối trong các lãnh địa của họ. Tầng lớp Samurai (võ sĩ), không có ruộng đất, chỉ phục vụ cho các Đaimyô.

+ Do bị áp bức bóc lột nặng nề, nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, thị dân liên tiếp nổi dậy chống phong kiến.

- Về chính trị:

+ Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật Bản vẫn là một quốc gia phong kiến. Nhà vua được tôn là Thiên hoàng, có vị trí tối cao nhưng quyền hành thực tế thuộc về Tướng quân (thuộc dòng họ Tô-kư-ga-oa) đóng ở phủ chúa - Mạc phủ.

Giữa lúc mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt, chế độ Mạc phủ khủng hoảng nghiêm trọng thì các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự đòi Nhật Bản phải "mở cửa".

Như vậy, đến nửa đầu thế kỉ XIX, Nhật Bản đã lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng, đứng trước sự lựa chọn: hoặc tiếp tục con đường trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâu xé; hoặc canh tân, cải cách xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa Nhật Bản hòa nhập với nền kinh tế tư bản phương Tây.

Câu 2: Trình bày nội dung cơ bản của cuộc Duy tân Minh Trị.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 1-1868, sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị (May-gi-i) đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ nhằm đưa Nhật Bản thoát khỏi tình trạng phong kiến lạc hậu. Đó là cuộc Duy tân Minh Trị, được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, giáo dục, ...

+ *Về hành chính:* Xoá bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.

+ *Về kinh tế:* Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc ...

+ *Về quân sự:* Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài ...

+ *Về văn hóa - giáo dục:* Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật, trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây...

Câu 3: Ý nghĩa nổi bật của cuộc Duy tân Minh Trị là gì?

- Nhờ chính sách cải cách của Minh Trị đã đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước tư bản phương Tây xâm lược.
- Nhật Bản trở thành nước tư bản chủ nghĩa ở châu Á.

Câu 4: Những sự kiện nào chứng tỏ vào cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau chiến tranh Trung - Nhật (1894 -1895), kinh tế Nhật phát triển mạnh mẽ. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện như Mít-xưi, Mít-su-bi-si... giữ vai trò to lớn, bao trùm lên đời sống kinh tế, chính trị của nước Nhật.
- Đầu thế kỉ XX, Nhật thi hành chính sách xâm lược và bành trướng. Chiến tranh Nga - Nhật (1904 -1905), Nhật thắng Nga. Năm 1914, Nhật dùng vũ lực mở rộng ảnh hưởng ở Trung Quốc và chiếm Sơn Đông. Nhật trở thành đế quốc hùng mạnh ở châu Á.
- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản là sự bần cùng hóa của quần chúng nhân dân lao động.
- Chủ nghĩa đế quốc Nhật được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt, hiếu chiến.

Câu 5: Vì sao cuộc cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc cải cách Minh Trị năm 1868 đã tạo ra mầm mống cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
- Sau cuộc cải cách, giai cấp tư sản công thương hình thành, kinh tế hàng hoá phát triển.

- Minh Trị tiến hành cải cách có tính chất như một cuộc cách mạng tư sản trong tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội...

- Sau cải cách, Minh Trị đã đẩy mạnh công nghiệp hoá theo hướng tập trung công nghiệp, thương nghiệp và ngân hàng, nhiều công ti độc quyền được thành lập.

Như vậy, cuộc cải cách Minh Trị đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Nhật và đó cũng chính là lí do để Nhật thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược. Vì những lẽ trên nên cuộc cải cách Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản.

Câu 6: Dựa vào lược đồ (hình 3), trình bày những nét chính về sự bành trướng của đế quốc Nhật Bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Nhìn vào lược đồ (hình 3) trong sách giáo khoa, các em nêu những nét chính về sự bành trướng của đế quốc Nhật Bản.

- Chiến tranh xâm lược Đài Loan (1874).
- Chiến tranh với Trung Quốc (1894 - 1895).
- Chiến tranh với đế quốc Nga (1904 - 1905).

Nhật Bản giành được thắng lợi trong các cuộc chiến tranh đó nên đã đem lại cho Nhật một lãnh thổ rộng lớn, từ đó thúc đẩy tốc độ phát triển kinh tế của Nhật Bản.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Lập bảng thống kê về những chính sách của Minh Trị theo các nội dung sau:

Chính sách	*Nội dung*	*Ý nghĩa*

* *Hướng dẫn trả lời:*

Chính sách	*Nội dung*	*Ý nghĩa*
1. Về hành chính	Xoá bỏ tình trạng cát cứ. Tổ chức chính phủ theo kiểu châu Âu. Ban hành Hiến pháp 1889.	- Tạo nên sự thống nhất thị trường ở Nhật, giúp Nhật Bản có điều kiện phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa. - Đưa nước Nhật thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược.
2. Về kinh tế	Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, xóa bỏ sự độc quyền ruộng đất của giai cấp phong kiến, tăng cường phát triển tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, phục vụ giao thông liên lạc...	

3. Về quân sự	Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, ngoài ra còn tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài...	
4. Về văn hóa-giáo dục	Thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây...	

Câu 2: Nguyên nhân sụp đổ của chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Do mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân với chế độ phong kiến - đại diện là chính quyền của Sô-gun.

- Do mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với chính quyền Sô-gun, đang cản trở sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

- Do mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và Tướng quân.

Câu 3: Hãy trình bày hoàn cảnh, và tác động của cuộc cải cách Minh Trị 1868 ở Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Hoàn cảnh:

+ Những hiệp ước bất bình đẳng mà Mạc phủ kí với nước ngoài làm cho các tầng lớp xã hội phản ứng mạnh mẽ.

+ Phong trào đấu tranh chống Sô-gun nổ ra sôi nổi vào những năm 50 của thế kỉ XIX đã làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.

- Tác động:

+ Xoá bỏ những rào cản phong kiến tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Nhật Bản.

+ Bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Cổ vũ cuộc đấu tranh chống lại đế quốc phong kiến của nhân dân châu Á.

Câu 4: Ghi vào bảng dưới đây về nguyên nhân sâu xa và duyên cớ làm sụp đổ chế độ Mạc phủ.

Nguyên nhân	*Nội dung*
Sâu xa	
Duyên cớ	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Nguyên nhân	*Nội dung*
Sâu xa	- Mâu thuẫn giữa nhân dân lao động, chủ yếu là nông dân, với chế độ phong kiến - đại diện là chính quyền Sô-gun. - Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc với chính quyền Sô-gun, đang cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. - Mâu thuẫn giữa Thiên hoàng và Tướng quân
Duyên cớ	Chính quyền Tô-ku-ga-oa kí các hiệp ước bất bình đẳng với Mĩ và các nước tư bản khác, khơi dậy truyền thống yêu nước của nhân dân, đấu tranh để bảo vệ nền độc lập và làm cho nước nhà cường thịnh.

Câu 5: Hãy lập bảng thống kê về cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản theo yêu cầu sau đây và nêu rõ nguyên nhân thành công của cuộc cải cách này.

Các mặt	*Nội dung*
1. Nhiệm vụ	
2. Mục tiêu	
3. Lãnh đạo	
4. Động lực	
5. Phương hướng	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Các mặt	*Nội dung*
1. Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến phản động; ngăn chặn sự xâm lược của các nước tư bản phương Tây, đưa đất nước tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.
2. Mục tiêu	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
3. Lãnh đạo	Giai cấp phong kiến tư sản hoá.
4. Động lực	Quần chúng nhân dân.
5. Phương hướng	Phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

- *Nguyên nhân thành công:*

+ Trong giai cấp phong kiến đang cầm quyền ở Nhật Bản xuất hiện một bộ phận tiến bộ, tiêu biểu là Thiên hoàng Mây-gi.

+ Nhật Bản có điều kiện về kinh tế - xã hội là tiền đề vững chắc để tiến hành cải cách.

+ Khi thực hiện cải cách được sự đồng tình ủng hộ của quần chúng nhân dân.

Câu 6: Trong cải cách của Minh Trị, cải cách nào được đánh giá là nhân tố "chìa khoá" để đưa nước Nhật phát triển?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868 là một cuộc cải cách toàn diện trên các lĩnh vực hành chính, kinh tế- xã hội, quân sự và cải cách về giáo dục. Trong các lĩnh vực đó, cải cách về giáo dục đước đánh giá là cải cách mang tính chất "chìa khoá" bởi vì:

- Chỉ có cải cách giáo dục mới mở đường cho con người Nhật Bản đủ bản lĩnh nắm bắt được tri thức tiên tiến các nước phương Tây.

- Từ sự nắm bắt tri thức tiên tiến sẽ đưa Nhật Bản từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước tư bản hùng mạnh sau đó trở thành một nước đế quốc ở châu Á.

Câu 7: Ghi sự kiện vào thời gian cho sẵn ở bảng kê dưới đây cho đúng về Nhật Bản cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Thời gian	***Sự kiện***
1) Những năm 60 của thế kỉ XIX	
2) Tháng 1 - 1868	
3) Sau những năm 1894 - 1895	
4) Năm 1874	
5) Năm 1904 - 1905	
6) Năm 1901	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	***Sự kiện***
1) Những năm 60 của thế kỉ XIX	Chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản bị sụp đổ.
2) Tháng 1 - 1868	Thiên hoàng Minh Trị lên ngôi, thực hiện cuộc cải cách nhằm đưa nước Nhật thoát khỏi tình trạng một nước phong kiến lạc hậu.
3) Sau những năm 1894 - 1895	Chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở Nhật Bản.
4) Năm 1874	Nhật gây chiến tranh với Đài Loan.
5) Năm 1904 - 1905	Diễn ra cuộc chiến tranh Nga - Nhật, Nhật giành được thắng lợi.
6) Năm 1901	Đảng Xã hội dân chủ Nhật Bản được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Ca-tai-a-ma Xen.

Bài 2
ẤN ĐỘ

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Hãy nêu những nét lớn trong chính sách thống trị của Anh ở Ấn Độ.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ đầu thế kỉ XVII, cuộc tranh giành quyền lực giữa các lãnh chúa phong kiến trong nước làm cho Ấn Độ suy yếu. Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, chủ yếu là Anh và Pháp, đua tranh xâm lược Ấn Độ. Đến giữa thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã hoàn thành việc xâm lược và đặt ách cai trị ở Ấn Độ.

- Về kinh tế, thực dân Anh mở rộng công cuộc khai thác Ấn Độ một cách quy mô, ra sức vơ vét các nguồn nguyên liệu và bóc lột công nhân rẻ mạt để thu lợi nhuận. Ấn Độ trở thành thuộc địa quan trọng nhất của nền công nghiệp Anh.

- Về chính trị - xã hội, chính phủ Anh nắm quyền cai trị trực tiếp Ấn Độ. Để làm chỗ dựa vững chắc cho nền thống trị của mình, thực dân Anh đã thực hiện chính sách chia để trị, mua chuộc tầng lớp có thế lực trong giai cấp phong kiến bản xứ. Đồng thời, Anh còn tìm cách khơi sâu sự cách biệt về chủng tộc, tôn giáo và đẳng cấp trong xã hội để dễ bề cai trị.

Câu 2: Hãy nêu nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Xi-pay.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Sâu xa: Do tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, ý chí đấu tranh chống sự thống trị của thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ.

+ Trực tiếp: Binh lính Xi-pay bị sĩ quan Anh bạc đãi, khinh rẻ.

- *Diễn biến:*

+ Sáng ngày 10-5-1857, ở Mi-rút, khi thực dân Anh sắp áp giải 85 binh lính Xi-pay trái lệnh, thì ba trung đoàn Xi-pay nổi dậy khởi nghĩa bắt bọn chỉ huy Anh.

+ Khởi nghĩa nhanh chóng lan rộng đến Đê-li, khắp miền Bắc và một phần miền Tây Ấn Độ.

+ Nghĩa quân đã lập được chính quyền ở ba thành phố lớn. Cuộc khởi nghĩa duy trì được hai năm thì bị thực dân Anh dốc toàn bộ lực lượng đàn áp dã man. Khởi nghĩa bị thất bại.

- *Ý nghĩa:*

Thể hiện lòng yêu nước, ý thức dân tộc và tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.

Câu 3: Hãy trình bày sự thành lập và phân hoá trong Đảng Quốc đại.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Sự thành lập:*

+ Từ giữa thế kỉ XIX, giai cấp tư sản và tầng lớp trí thức Ấn Độ đã dần dần đóng vai trò quan trọng. Tư sản Ấn Độ muốn được tự do phát triển kinh tế và đòi hỏi được tham gia chính quyền, nhưng bị thực dân Anh kìm hãm bằng mọi cách.

+ Cuối năm 1885, Đảng Quốc dân Đại hội (Đảng Quốc đại) thành lập. Đó là chính đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một giai đoạn mới, giai đoạn giai cấp tư sản Ấn Độ bước lên vũ đài chính trị.

- *Sự phân hoá:*

+ Trong 20 năm đầu (1885 - 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hòa để đòi chính phủ thực dân tiến hành cải cách và không tán thành phương pháp đấu tranh bằng bạo lực. Giai cấp tư sản Ấn Độ chỉ yêu cầu Anh nới rộng các điều kiện cho họ được tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kỹ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội. Tuy vậy, thực dân Anh vẫn tìm cách hạn chế hoạt động của Đảng Quốc đại.

- Thất vọng trước thái độ thỏa hiệp của những người cầm đầu Đảng Quốc đại và chính sách hai mặt của chính quyền Anh, một phái dân chủ cấp tiến do B. Ti-lắc đứng đầu đã hình thành, thường được gọi là phái "cực đoan". Phái này phản đối thái độ thỏa hiệp của phái "ôn hoà", đòi hỏi có thái độ kiên quyết chống Anh.

Câu 4: Đảng Quốc đại có vai trò như thế nào trong phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối năm 1885, Đảng Quốc đại được thành lập. Đó là đảng đầu tiên của giai cấp tư sản Ấn Độ. Nó đánh dấu một thời kì mới - Thời kì giai cấp tư sản Ấn Độ lên vũ đài chính trị.

- Trong 20 năm đầu (1885 - 1905), Đảng Quốc đại chủ trương dùng phương pháp ôn hoà để đòi chính phủ thực dân Anh cải cách. Giai cấp tư sản Ấn Độ yêu cầu thực dân Anh nới rộng điều kiện để họ tham gia các hội đồng tự trị, giúp đỡ họ phát triển kĩ nghệ, thực hiện một số cải cách về mặt giáo dục, xã hội.

- Đối lập với phái ôn hoà là phái cực đoan, một phái cấp tiến trong Đảng Quốc đại do Ti-lắc đứng đầu. Phái này phản đối đường lối thoả hiệp của phái ôn hoà, đòi có thái độ kiên quyết chống thực dân Anh.

- Hưởng ứng chủ trương của phái cực đoan, hàng vạn quần chúng, chủ yếu là công nhân ở Bom-bay tiến hành tổng bãi công. Họ đã xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống quân đội Anh. Cuộc đấu tranh lên đến đỉnh cao buộc thực dân Anh phải nhượng bộ.

Như vậy, vai trò của Đảng Quốc đại trong phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ được thể hiện chủ yếu trong phái cực đoan. Nhờ chủ trương của phái này đã khơi dậy trong nhân dân Ấn Độ lòng căm thù sâu sắc đối với thực dân Anh nên họ kiên quyết đứng lên đấu tranh.

Câu 5: Hãy nêu tính chất và ý nghĩa của phong trào đấu tranh 1905 - 1908 của nhân dân Ấn Độ.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Tính chất:*

Đây là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đầu thế kỉ XX nhằm mục tiêu độc lập, dân chủ.

- *Ý nghĩa:*

Thể hiện sự thức tỉnh của nhân dân Ấn Độ trong trào lưu dân tộc, dân chủ chung của châu Á.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Tại sao cuộc khởi nghĩa Xi-pay là cuộc khởi nghĩa dân tộc?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc khởi nghĩa Xi-pay nổ ra đầu tiên ở Mi-rút sau đó nhanh chóng lan rộng khắp miền Bắc và một phần miền Tây Ấn Độ, đã thu hút đông đảo nhân dân tham gia, chủ yếu là nông dân.

- Từ cuộc nổi dậy của binh lính Xi-pay dần dần phát triển thành cuộc khởi nghĩa của nông dân và nó mang tính dân tộc sâu sắc bởi vì:

+ Khởi nghĩa đã giải quyết mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Ấn Độ với thực dân Anh cướp nước để giành độc lập dân tộc.

+ Lực lượng tham gia khởi nghĩa đã đại diện cho quyền lợi của dân tộc, thể hiện ý thức dân tộc rất rõ nét.

Câu 2: Lập niên biểu về phong trào chống thực dân Anh của nhân dân Ấn Độ từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Thời gian	*Sự kiện*
1857 - 1859	
1875 - 1885	
1885	
1905	
7 - 1908	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
1857 - 1859	Nhiều cuộc nổi dậy của nhân dân Ấn Độ liên tục nổ ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Xi-pay.
1875 - 1885	Các phong trào đấu tranh của nhân dân trong những năm 1875-1885 đã thúc đẩy giai cấp tư sản Ấn Độ đứng lên chống thực dân Anh.
1885	Đảng Quốc đại- chính Đảng của giai cấp tư sản Ấn Độ được thành lập nhằm mục đích đấu tranh giành quyền tự chủ phát triển kinh tế dân tộc. Đảng Quốc đại chia thành hai phái: phái "Ôn hòa" và phái "Cấp tiến". Phái "Cấp tiến", do Ti-lắc cầm đầu có thái độ kiên quyết chống Anh.
1905	Nhân dân Ấn Độ biểu tình chống chính sách "chia để trị" của thực dân Anh đối với Ben-gan.
7 - 1908	Công nhân Bom-bay bãi công chính trị, thành lập đơn vị chiến đấu, xây dựng chiến lũy chống lại quân đội Anh.

Câu 3: Hãy nêu những nét chính về phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ trong những năm 1905 - 1908.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 7-1905, chính quyền Anh thi hành chính sách chia để trị, ban hành đạo luật chia đôi xứ Ben-gan: miền Đông theo đạo Hồi và miền Tây theo đạo Ấn. Điều đó làm bùng lên phong trào đấu tranh chống thực dân Anh, đặc biệt ở Bom-bay và

Can-cút-ta. Ngày 6-10-1905, Đạo luật chia cắt Ben-gan bắt đầu có hiệu lực, nhân dân coi đó là ngày quốc tang: Hơn 10 vạn người kéo đến bờ sông Hằng, dòng sông linh thiêng của người Ấn, làm lễ tuyên thệ và hát vang bài "Kính chào người - Mẹ hiền Tổ quốc" để tỏ ý thống nhất. Khắp nơi vang lên khẩu hiệu "Ấn Độ của người Ấn Độ".

- Tháng 6 - 1908, thực dân Anh bắt Ti-lắc và kết án ông sáu năm tù. Vụ án Ti-lắc thổi bùng lên một đợt đấu tranh mới. Hàng vạn công nhân Bom-bay tiến hành tổng bãi công sáu ngày (để trả lời sáu năm tù của Ti-lắc), xây dựng chiến lũy, thành lập các đơn vị chiến đấu chống lại quân Anh. Các thành phố khác cũng hưởng ứng, cuộc đấu tranh lên đỉnh cao buộc thực dân Anh phải thu hồi Đạo luật chia cắt Ben-gan.

Câu 4: Hãy trình bày những hiểu biết của em về Ti-lắc, người lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống thực dân Anh.

** Hướng dẫn trả lời:*

Ti-lắc (1856 - 1920) sinh ra trong một gia đình trí thức Ba-la-môn ở bang ven biển miền Tây Ấn Độ. Từ nhỏ ông đã sớm có tinh thần dân tộc và yêu nước nồng nàn. Năm 1880, sau khi tốt nghiệp cử nhân Luật, ông từ chối làm quan trong chính quyền thực dân, cùng với bạn mở trường tư thục nhằm giáo dục tinh thần độc lập cho thanh niên. Trong phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Ấn Độ những năm 1905 - 1907, Ti-lắc hô hào nhân dân đứng lên lật đổ nền thống trị của thực dân Anh. Phương pháp cách mạng của ông không phù hợp với chủ trương ôn hoà của Đảng Quốc đại nên ông bị khai trừ ra khỏi Đảng. Năm 1908, thực dân Anh bắt và xử ông 6 năm khổ sai, đày sang Miến Điện. Ông mất ở Bom-bay năm 1920.

Bài 3
TRUNG QUỐC

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Xác định trên bản đồ Trung Quốc (treo tường) những vùng bị các nước đế quốc chiếm đóng.

** Hướng dẫn trả lời:*

Dùng bản đồ treo tường về Trung Quốc, các em lần lượt xác định các nước chiếm đóng Trung Quốc đến cuối thế kỉ XIX theo hướng dẫn sau đây:

- Đức chiếm Sơn Đông.
- Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử.
- Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông.
- Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc.

Câu 2: Hãy nêu diễn biến chính của các phong trào yêu nước của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc:*

+ Lãnh đạo: Hồng Tú Toàn.

+ Bùng nổ ngày 1-1-1851 ở Kim Điền - Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước.

+ Đây là một phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc.

+ Khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm (1851 - 1864), đã xây dựng được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng được đề ra.

- Cuộc vận động Duy tân năm Mậu Tuất (1898):

+ Lãnh đạo: hai nhà nho yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu, được sự đồng tình và ủng hộ của vua Quang Tự.

+ Phong trào hoạt động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến mà không đi sâu vào quần chúng nhân dân lao động, không dựa vào lực lượng nhân dân.

+ Cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi nó vấp lại sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến, do Từ Hi Thái hậu cầm đầu.

- Phong trào Nghĩa Hòa đoàn:

+ Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây. Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.

+ Liên quân tám nước (Anh, Nhật, Đức, Mĩ, Nga, Pháp, Áo - Hung, I-ta-li-a) tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào, cuối cùng đã bị thất bại.

+ Nguyên nhân thất bại: Thiếu sự lãnh đạo, thiếu vũ khí. Nhà Mãn Thanh lại một lần nữa đầu hàng đế quốc, kí Hiệp ước Tân Sửu (1901). Trung Quốc phải trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến tranh và buộc phải để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh. Với Hiệp ước Tân Sửu, Trung Quốc đã thực sự biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 3: Dựa vào lược đồ, trình bày diễn biến chính của Cách mạng Tân Hợi.

** Hướng dẫn trả lời:*

Từ lược đồ có sẵn, các em trình bày diễn biến chính của Cách mạng Tân Hợi theo tiến trình sau đây:

- Ngày 9-5-1911, chính quyền Mãn Thanh ra sắc lệnh "Quốc hữu hóa đường sắt", thực chất là trao quyền kinh doanh đường sắt cho các nước đế quốc, bán rẻ quyền lợi dân tộc. Sự kiện này đã gây nên một làn sóng căm phẫn công khai trong quần chúng nhân dân và trong tầng lớp tư sản, trở thành ngòi pháo mở đầu cho cách mạng.

- Ngày 10-10-1911, Đồng minh hội phát động khởi nghĩa ở Vũ Xương, cuộc khởi nghĩa thắng lợi nhanh chóng và lan rộng ra tất cả các tỉnh miền Nam và miền Trung Trung Quốc.

- Ngày 29-12-1911, Quốc dân Đại hội (gồm đại biểu các tỉnh cách mạng) họp ở Nam Kinh, bầu Tôn Trung Sơn làm Đại Tổng thống đứng đầu chính phủ lâm thời. Tại đại hội này, Hiến pháp lâm thời được thông qua, công nhận sự bình đẳng và quyền tự do dân chủ của mọi công dân, nhưng không đề cập đến vấn đề ruộng đất của nông dân đã được ghi trong cương lĩnh của Đồng minh hội.

- Trước thắng lợi bước đầu của cách mạng, một số phần tử lãnh đạo Đồng minh hội đã hoảng sợ, tìm cách hạn chế sự phát triển của phong trào, thương lượng với triều đình Mãn Thanh. Kết quả là vua Thanh thoái vị, nhưng Viên Thế Khải - một

đại thần của triều đình Mãn Thanh lên làm Tổng thống. Tôn Trung Sơn buộc phải từ chức (tháng 2-1913). Trên thực tế, cách mạng đến đây chấm dứt. Các thế lực phong kiến quân phiệt lên nắm chính quyền.

Câu 4: Nêu kết quả của Cách mạng Tân Hợi. Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Kết quả:

+ Đã lật đổ triều đình phong kiến Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc.

+ Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Trung Quốc.

- Vì sao:

+ Cách mạng chỉ lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 5: Nhận xét về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Hướng dẫn trả lời:

- Ngay từ nửa sau thế kỉ XIX, phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Trong khi triều đình phong kiến Mãn Thanh nhu nhược, bảo thủ, từng bước nhượng bộ các nước đế quốc thì nhân dân Trung Quốc liên tục đấu tranh chống xâm lược, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, cuộc vận động Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

- Đầu thế kỉ XX, phong trào tiếp tục phát triển, giai cấp tư sản đã bước lên vũ đài chính trị, nắm lấy vai trò lãnh đạo cách mạng. Tiêu biểu là cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Tại sao gọi cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Anh vào Trung Quốc là Chiến tranh thuốc phiện?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Để tiến hành xâm lược Trung Quốc, thực dân Anh đòi chính quyền Mãn Thanh phải "mở cửa", đòi tự do buôn bán thuốc phiện, món hàng mang lại nhiều lợi nhuận cho giới tư bản.

- Nạn thuốc phiện vào Trung Quốc đã phá hoại đời sống xã hội một cách trầm trọng. Nhân dân Trung Quốc hết sức bất bình và kiên quyết chống tệ nạn thuốc phiện đang huỷ hoại đời sống của họ.

- Trước tình hình đó, Lâm Tắc Từ đã dựa vào nhân dân yêu cầu thương nhân Anh phải nộp hết thuốc phiện đã mang vào Trung Quốc và không bao giờ được chở thuốc phiện vào Trung Quốc. Với thái độ kiên quyết của Lâm Tắc Từ và quần chúng nhân dân, thương nhân Anh buộc phải đem nộp toàn bộ thuốc phiện để thiêu huỷ tại Trung Quốc.

- Không chịu mất nguồn lợi lớn đó, thực dân Anh và bọn quan lại Mãn Thanh cấu kết với nhau. Chính phủ Anh lấy vấn đề thuốc phiện làm cái cớ gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

- Cuộc chiến tranh xâm lược do thực dân Anh gây ra từ tháng 6 – 1840 và kết thúc vào tháng 8 – 1842, gọi là Chiến tranh thuốc phiện.

Câu 2: Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn có ý nghĩa lịch sử gì? Vì sao các phong trào đó thất bại?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ý nghĩa:

+ Thể hiện tinh thần và ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Trung Quốc trước sự xâm lược của đế quốc và thái độ thoả hiệp của triều đình phong kiến Mãn Thanh.

+ Các phong trào Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy tân và phong trào Nghĩa Hoà đoàn góp phần làm lung lay nền tảng của chế độ phong kiến, mở đường cho tư tưởng tiến bộ xâm nhập vào Trung Quốc.

+ Các phong trào đã tạo tiền đề để cách mạng Trung Quốc bước vào giai đoạn mới, đó là giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản sau này.

- Nguyên nhân thất bại:

+ Các phong trào diễn ra trong thời điểm đất nước Trung Quốc bị các nước đế quốc xâu xé.

+ Thế lực của giai cấp tư sản còn non yếu, trong khi thế lực của phong kiến còn mạnh lại cấu kết với đế quốc.

+ Các phong trào chưa thực hiện triệt để mục tiêu của cách mạng đề ra.

Câu 3: Theo em, chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội có những tiến bộ và hạn chế gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chủ trương, chính sách của Trung Quốc Đồng minh hội dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn gồm bốn mục tiêu: "đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, chia ruộng đất cho dân cày".

- *Những điểm tiến bộ:* Đã nêu được mục tiêu và nhiệm vụ phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân về độc lập, tự do, hạnh phúc và ruộng đất cho dân cày nên được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ.

- *Những điểm hạn chế:* chưa thể hiện tính chất triệt để của cách mạng, đó là chưa nêu được kẻ thù của cách mạng là chủ nghĩa đế quốc và toàn bộ giai cấp địa chủ phong kiến.

Câu 4: Lập bảng kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ Chiến tranh thuốc phiện đến Cách mạng Tân Hợi.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
Năm 1851 - 1864	Phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc (1851-1864). Nhân dân Trung Quốc đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc, phong kiến.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
1 C / 2021

Năm 1898	Cuộc vận động Duy tân. Do hai nhà nho yêu nước là Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi chủ trương cải cách chính trị, thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến. Phong trào Duy tân tồn tại được 103 ngày thì thất bại vì lực lượng phái Duy tân yếu, các thế lực bảo thủ quá mạnh.
Năm 1900	Phong trào Nghĩa Hòa đoàn. Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra vùng Sơn Tây và Đông Bắc Trung Quốc. Nghĩa quân tiến vào Bắc Kinh tấn công các sứ quán nước ngoài.
Năm 1911	Cuộc Cách mạng Tân Hợi. Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

Câu 5: Hãy trình bày nguyên nhân và tiến trình xâm lược của các nước phương Tây đối với Trung Quốc từ thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân:

+ Trung Quốc là một nước rộng lớn và đông dân nhất châu Á.

+ Giàu tài nguyên khoáng sản.

+ Có nền văn hoá lâu đời.

Vì vậy, từ thế kỉ XVIII và nhất là sang thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành "miếng mồi" cho các đế quốc phân chia, xâu xé.

- Tiến trình xâm lược:

+ Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Anh, tìm mọi cách đòi chính quyền Mãn Thanh phải "mở cửa", đòi tự do buôn bán thuốc phiện - món hàng mang lại lợi nhuận lớn cho bọn tư bản.

+ Viện cớ chính quyền Mãn Thanh tịch thu và đốt thuốc phiện của các tàu buôn Anh, thực dân Anh đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Cuộc chiến tranh thuốc phiện bắt đầu từ tháng 6-1840 và kết thúc vào tháng 8-1842. Chính quyền Mãn Thanh phải kí Hiệp ước Nam Kinh, chấp nhận các điều khoản theo yêu cầu của thực dân Anh.

+ Sau chiến tranh thuốc phiện, các nước đế quốc từng bước xâu xé Trung Quốc. Đến cuối thế kỉ XIX, Đức đã chiếm tỉnh Sơn Đông; Anh chiếm vùng châu thổ sông Dương Tử; Pháp chiếm vùng Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông; Nga, Nhật chiếm đóng vùng Đông Bắc...

Câu 6: Hãy trình bày nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa của phong trào nông dân Thái bình Thiên quốc (1851 - 1864).

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân: Trước nguy cơ xâm lược của các nước đế quốc và sự hèn yếu của triều đình Mãn Thanh, từ giữa thế kỉ XIX nhân dân Trung Quốc tiếp tục nổi dậy đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc.

- *Diễn biến:* Dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, phong trào nổ ra ngày 1-1-1851 ở Kim Điền - Quảng Tây, sau đó lan rộng ra khắp các địa phương trong cả nước. Đây là một phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa kéo dài suốt 14 năm, từ năm 1851 đến năm 1864, đã xây dựng được một chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.

- *Ý nghĩa:* Lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, chính sách ruộng đất bình quân, chính sách xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng được đề ra.

Câu 7: Lập bảng thống kê về phong trào Duy tân hãy theo yêu câu sau đây:

1. Nguyên nhân	.....
2. Lãnh đạo	.....
3. Tóm tắt diễn biến	.....
4.Tính chất	.....

* *Hướng dẫn trả lời:*

1. Nguyên nhân	- Cuối thế kỉ XIX, các nước đế quốc tăng cường xâu xé Trung Quốc. - Một số người tiến bộ thuộc giai cấp phong kiến Trung Quốc chủ trương tiến hành cải cách để hòng cứu vãn tình thế.
2. Lãnh đạo	Hai nhà nho yêu nước Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu.
3. Tóm tắt diễn biến	- Phong trào hoạt động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến mà không đi sâu vào quần chúng nhân dân lao động, không dựa vào lực lượng nhân dân. Vì vậy, cuộc vận động Duy tân đã nhanh chóng thất bại khi nó vấp lại sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến, do Từ Hi Thái hậu cầm đầu. - Ngày 21-9-1898, khi phong trào Duy tân mới diễn ra hơn 100 ngày, Từ Hi Thái hậu làm cuộc chính biến, ra lệnh bắt vua Quang Tự, tịch thu ấn tín; bắt và xử tử những người lãnh đạo phái Duy tân.
4.Tính chất	Phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, chống phong kiến không triệt để.

Câu 8: Những nét chính về phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Sự hình thành và phát triển phong trào:* Bùng nổ ở Sơn Đông, phong trào nhanh chóng lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây.

- *Mục tiêu:* Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh. Ngay sau đó, liên quân tám nước (Anh, Nhật, Đức, Mĩ, Nga, Pháp, Áo - Hung, I-ta-li-a) tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nghĩa Hoà đoàn đã anh dũng chiến đấu chống quân xâm lăng, nhưng cuối cùng đã bị đánh bại vì thiếu sự lãnh đạo, thiếu vũ khí.

- *Thái độ của nhà Mãn Thanh:* Một lần nữa đầu hàng đế quốc, kí Hiệp ước Tân Sửu (1901). Trung Quốc phải trả một khoản tiền lớn để bồi thường chiến tranh và buộc phải

để cho các nước đế quốc được quyền đóng quân ở Bắc Kinh. Với Hiệp ước Tân Sửu, Trung Quốc đã thực sự biến thành nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

Câu 9: Hãy trình bày hoàn cảnh, cương lĩnh, mục tiêu và tác dụng của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh:* Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, thống nhất lực lượng thành một chính đảng. Tháng 8-1905, Trung Quốc Đồng minh hội - chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

- *Cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội:* Dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc".

- *Mục tiêu* của Hội: Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.

- *Tác dụng:* Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

Câu 9: Trình bày tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Tân Hợi.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Tính chất:* Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản không triệt để.

- *Ý nghĩa lịch sử:*

+ Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến lâu đời, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, có ảnh hưởng nhất định đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

+ Song Cách mạng Tân Hợi đã không thủ tiêu thực sự giai cấp phong kiến, không đụng chạm đến các nước đế quốc xâm lược và không giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Bài 4
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Dựa vào lược đồ, trình bày những nét chính về quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở Đông Nam Á.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Dựa vào lược đồ có sẵn trong sách giáo khoa (trang 18) để nêu những nét chính về quá trình xâm lược của các nước đế quốc ở Đông Nam Á như sau:

- Ở In-đô-nê-xi-a, ngay từ thế kỉ XV, XVI thực dân Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, đã có mặt và từng bước chiếm lĩnh thị trường. Đến thế kỉ XIX, Hà Lan hoàn thành việc xâm chiếm và thiết lập ách thống trị thực dân trên đất nước này.

- Phi-líp-pin bị thực dân Tây Ban Nha thống trị ngay từ thế kỉ XVI. Sau cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha năm 1898, đế quốc Mĩ liền tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Phi-líp-pin (1899 - 1902) và biến quần đảo này thành thuộc địa của Mĩ.

- Ở Miến Điện (nay là Mi-an-ma), thực dân Anh đã tiến hành ba cuộc chiến tranh xâm lược. Năm 1885, Anh thôn tính Miến Điện rồi sát nhập nước này thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

- Mã Lai (nay là Ma-lai-xi-a) sớm bị các nước tư bản nhòm ngó, can thiệp. Đến đầu thế kỉ XX, Mã Lai hoàn toàn trở thành thuộc địa của Anh.

- Ba nước: Việt Nam, Lào, Cao Miên (Cam-pu-chia) là đối tượng xâm lược của thực dân Pháp. Đến cuối thế kỉ XIX, Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược và bắt đầu thi hành chính sách bóc lột, khai thác thuộc địa.

- Vương quốc Xiêm (Thái Lan) trong nửa sau thế kỉ XIX trở thành vùng tranh chấp của đế quốc Anh và Pháp. Với chính sách ngoại giao mềm dẻo, khôn khéo của vua Ra-ma V, Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được nền độc lập tương đối về chính trị.

Câu 2: Hãy nêu những nét lớn trong phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ở In-đô-nê-xi-a, sau cuộc khởi nghĩa do Đi-pô-nê-gô-rô lãnh đạo trong những năm 1825 - 1830 bị thất bại, nhân dân đảo A-chê đã anh dũng chiến đấu chống lại 3.000 quân Hà Lan đổ bộ lên vùng này vào tháng 10 - 1873.

- Phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra mạnh mẽ. Điển hình là cuộc khởi nghĩa nông dân do Sa-min lãnh đạo vào khoảng năm 1890.

- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, xã hội In-đô-nê-xi-a có nhiều biến đổi. Việc đầu tư bóc lột của tư bản Hà Lan ngày càng mạnh mẽ, về khách quan đã tạo nên những tiền đề xã hội cho giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ra đời. Ý thức dân tộc phát triển.

- Phong trào công nhân cũng sớm hình thành với sự ra đời của các tổ chức: Hiệp hội công nhân đường sắt (1905), Hiệp hội công nhân xe lửa (1918)... Tháng 12-1914, Liên minh xã hội dân chủ In-đô-nê-xi-a ra đời nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong công nhân, đặt cơ sở cho Đảng Cộng sản ra đời (tháng 5-1920). Giai cấp tư sản dân tộc, tầng lớp trí thức tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản châu Âu đóng vai trò nhất định trong phong trào yêu nước ở In-đô-nê-xi-a đầu thế kỉ XX.

Câu 3: So sánh những điểm giống và khác nhau giữa hai xu hướng đấu tranh ở Phi-líp-pin.

* *Hướng dẫn trả lời:*

	Xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan	***Xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô***
Khác nhau	- Thể hiện rõ chủ trương cải cách thể hiện tính chất ôn hoà của tư sản dân tộc và trí thức tư sản. - Không có cơ sở trong quần chúng nên yếu ớt.	- Thể hiện tính bạo động, khởi nghĩa vũ trang của quần chúng nhân dân. - Được quần chúng ủng hộ, phát triển thành cuộc cách mạng tư sản chống đế quốc
Giống nhau	- Cả hai xu hướng đều thể hiện tinh thần dân tộc, đấu tranh đòi các quyền lợi cho nhân dân Phi-líp-pin. - Cả hai xu hướng đều chuẩn bị cho cao trào cách mạng sau này.	

Câu 4: Cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 18-8-1896, Bô-ni-pha-xi-ô phát lệnh khởi nghĩa với khẩu hiệu "Chiến thắng hay là chết!", được nhân dân hưởng ứng nhiệt liệt. Phong trào kháng chiến chống thực dân lan rộng toàn quần đảo. Nhiều vùng giải phóng đã thiết lập chính quyền nhân dân do KATIPUNAN lãnh đạo, chia ruộng đất cho nông dân, tiến tới thành lập nền cộng hòa. Nhưng sau đó, Bô-ni-pha-xi-ô bị sát hại, KATIPUNAN tan rã.

- Cuộc cách mạng năm 1896 ở Phi-líp-pin là cuộc cách mạng mang tính chất tư sản chống đế quốc đầu tiên ở Đông Nam Á, đánh dấu sự thức tỉnh của nhân dân Phi-líp-pin trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc.

Câu 5: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ đối với Phi-líp-pin như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 4-1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha dưới danh nghĩa ủng hộ cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân Phi-líp-pin.

- Tháng 6-1898, Mĩ đưa A-ghi-nan-đô lên làm Tổng thống nước Cộng hòa Phi-líp-pin. Sau khi Tây Ban Nha thua trận, quân Mĩ đổ bộ chiếm Ma-ni-la và nhiều nơi trên quần đảo. Nghĩa quân Phi-líp-pin chuyển mũi nhọn đấu tranh sang chống Mĩ xâm lược.

- Như vậy, Mĩ thực hiện âm mưu xâm lược Phi-lip-pin bằng chính sách thực dân mới nhằm biến Phi-líp-pin trở thành một trong những nước chư hầu của Mĩ và là bàn đạp để tấn công các nước ở Đông Nam Á.

Câu 6: Trình bày diễn biến chính các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nhân dân Cam-pu-chia.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Vào thế kỉ XIX, trong quá trình tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã từng bước xâm chiếm Cam-pu-chia và Lào.

- Năm 1863, Pháp gây áp lực buộc vua Cam-pu-chia là Nô-rô-đôm phải chấp nhận quyền bảo hộ của chúng. Sau khi gạt bỏ ảnh hưởng của Xiêm đối với triều đình Phnôm Pênh, Pháp buộc vua Nô-rô-đôm phải kí Hiệp ước 1884, biến Cam-pu-chia thành thuộc địa của Pháp.

- Ách thống trị của thực dân Pháp đã gây nên nỗi bất bình trong hoàng tộc và các tầng lớp nhân dân. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp diễn ra sôi nổi trong cả nước .

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa lớn của Hoàng thân Si-vô-tha, kéo dài hơn 30 năm (1861-1892).

- Cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa (1863 - 1866) diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.

- Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866 - 1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

Câu 7: Nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia đã đoàn kết chiến đấu như thế nào trong các cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa và Pu-côm-pô?

** Hướng dẫn trả lời:*

a. Khởi nghĩa A-cha Xoa:

- Cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa (1863-1866) diễn ra ở các tỉnh giáp với biên giới Việt Nam, đã gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất to lớn.

- A-cha Xoa lúc đầu tham gia khởi nghĩa của Si-vô-tha; bị đàn áp, ông và nhiều nghĩa quân phải phiêu bạc sang Việt Nam. Số phận của người dân Việt Nam lúc này cũng giống như người dân Khơ-me, nên cuộc vận động khởi nghĩa của A-cha Xoa gặp nhiều thuận lợi. Nhân dân Việt Nam đã sẵn sàng giúp đỡ A-cha Xoa, chống lại thực dân Pháp và triều đình Khơ-me.

- Từ vùng núi Thất Sơn, A-cha Xoa lấy Châu Đốc, Hà Tiên làm bàn đạp đánh về Cam-pu-chia. Năm 1864, có lần nghĩa quân đã chiếm được tỉnh Cam-pốt và áp sát Phnôm Pênh. Hoạt động của nghĩa quân trong các năm 1864 – 1865 càng mạnh mẽ. Biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia biến thành vùng căn cứ cho cuộc khởi nghĩa A-cha Xoa.

b. Khởi nghĩa Pu-côm-pô:

- Cuộc khởi nghĩa của Pu-côm-bô (1866 - 1867) không chỉ thể hiện tinh thần anh dũng, bất khuất của nhân dân Cam-pu-chia mà còn biểu tượng về liên minh chiến đấu của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

- Năm 1866, Pu-côm-pô phát động cuộc khởi nghĩa chống Pháp và lập căn cứ ở Tây Ninh. Nghĩa quân bao gồm người Khơ-me, người Chăm, người Xtiêng, người Kinh. Trương Quyền và Võ Duy Dương đã liên kết với nghĩa quân Pu-côm-pô trong những trận đánh Pháp. Khi lực lượng lớn mạnh, Pu-côm-pô tiến quân về nước, kiểm soát Pa-man, tiến công kinh đô U-đông (17 - 12 - 1866). Nhân dân Việt Nam ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì thường xuyên cung cấp lương thực, vũ khí cho nghĩa quân.

Câu 8: Nêu những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào chống Pháp của nhân dân Lào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1893, thực dân Pháp thực sự biến Lào thành thuộc địa của Pháp. Nhân dân Lào đã liên tiếp đứng lên chống Pháp.

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc (1901 - 1903). Phong trào giải phóng Xa-van-na-khét, mở rộng sang vùng biên giới Việt – Lào.

- Tiếp theo đó là cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven kéo dài 37 năm (1901 - 1973) do Ong kẹo và Com-ma-đam chỉ huy. Thực hiện chiến thuật đánh du kích, nghĩa quân của hai ông đã gây cho địch nhiều tổn thất.

- Không thể đàn áp cuộc khởi nghĩa, thực dân Pháp giở trò "đàm phán". Ong Kẹo nhận lời đến họp để thăm dò thái độ của địch. Theo quy định không ai được mang vũ khí đến vào cuộc họp. Ông Kẹo đã bị mắc mưu kẻ thù và bị chúng sát hại vào ngày 31 - 10 - 1907.

- Sau khi Ong Kẹo mất, Com-ma-đam tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Tháng 9-1936, ông bị thương và hi sinh trong một trận đánh lớn ở Phù Luông.

người con của Com-ma-đam vẫn cùng nghĩa quân chiến đấu cho đến tháng 7 - 1937 mới bị bắt.

Câu 9: Trình bày các biện pháp cải cách của Ra-ma V.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1868, Chu-la-long-con lên ngôi (Ra-ma V, ở ngôi từ năm 1868 - 1910) ra lệnh xóa bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ vì nợ, giải phóng số đông người lao động được tự do làm ăn sinh sống. Đồng thời, xóa bỏ cho nông dân nghĩa vụ lao dịch ba tháng trên các công trường nhà nước, giảm nhẹ thuế ruộng. Những biện pháp trên đã có tác dụng tích cực đối với sản xuất nông nghiệp: nâng cao năng suất lúa, tăng nhanh lượng gạo xuất khẩu. Việc xuất khẩu gỗ tếch cũng được đẩy mạnh.

- Nhà nước khuyến khích tư nhân bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp, xây dựng nhà máy xay xát lúa gạo, nhà máy cưa, mở hiệu buôn bán và ngân hàng.

- Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu của các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, quân đội, trường học..., tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, nước Xiêm vừa lợi dụng được vị trí "nước đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh - Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng trở thành thuộc địa như các nước trong khu vực, vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

Câu 10: Những cải cách của Ra-ma V có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển của Xiêm.

- Đưa nước Xiêm phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, có ý nghĩa tích cực trong việc bảo vệ độc lập.

- Song trong tình hình lúc bấy giờ, Xiêm cũng không thoát khỏi sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh, trở thành "nước đệm" của hai thực dân: Anh và Pháp.

Câu 11: Nêu những nét chính về tình hình các nước Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Vào cuối thế kỉ XIX, ở Đông Nam Á chế độ phong kiến vẫn giữ địa vị thống trị, nhưng lâm vào cuộc khủng hoảng triền miên về chính trị, kinh tế, xã hội. Nhân cơ hội này, các nước thực dân phương Tây mở rộng và hoàn thành việc xâm lược các nước Đông Nam Á.

- Hầu hết các nước ở Đông Nam Á (trừ Xiêm) trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.

- Sự xâm lược và đô hộ của thực dân phương Tây đã gây nên những biến chuyển lớn trong xã hội các nước Đông Nam Á, đưa đến những phong trào đấu tranh mạnh mẽ vì độc lập và tiến bộ xã hội.

- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á phát triển theo hai khuynh hướng chủ yếu: phong trào đấu tranh tự phát của nông dân (cuối thế kỉ XIX) và phong trào đấu tranh của tư sản (đầu thế kỉ XX) với những phong trào tiêu biểu ở Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a và ba nước Đông Dương.

Câu 12: Em có nhận xét gì về hình thức đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối thế kỉ XIX, hình thức đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á diễn ra chủ yếu bằng khởi nghĩa vũ trang, tự phát. Lực lượng khởi nghĩa gồm đông đảo nông dân.

- Đầu thế kỉ XX, hình thức đấu tranh bước đầu có tổ chức, lãnh đạo phát triển theo khuynh hướng tư sản.

Câu 13: Vì sao Xiêm là nước duy nhất trong khu vực Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của các nước phương Tây?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1892, Ra-ma V đã tiến hành hàng loạt cải cách theo khuôn mẫu của các nước phương Tây như cải cách hành chính, cải cách tài chính, quân đội, trường học..., tạo cho nước Xiêm một bộ mặt mới theo hướng phát triển tư bản chủ nghĩa.

+ Xoá bỏ chế độ nô lệ vì nợ; xoá bỏ chế độ tạp dịch của nông dân đối với địa chủ, quý tộc và nhà nước phong kiến, giải phóng số đông người lao động. Cải cách chế độ thuế khoá, giảm nhẹ thuế ruộng.

+ Cải tổ chính trị. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu gạo, gỗ tếch.

+ Cải cách tài chính, quân đội, trường học theo kiểu phương Tây.

- Ra-ma V đặc biệt quan tâm đến hoạt động ngoại giao. Nhờ chính sách ngoại giao mềm dẻo, nước Xiêm vừa lợi dụng được vị trí "nước đệm" giữa hai thế lực đế quốc Anh - Pháp, vừa cắt nhượng một số vùng đất phụ thuộc để giữ gìn chủ quyền của đất nước. Nhờ vậy, Xiêm không bị rơi vào tình trạng trở thành thuộc địa như các nước trong khu vực, vẫn giữ được độc lập mặc dù chịu sự lệ thuộc về chính trị, kinh tế vào Anh và Pháp.

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngay khi bị thực dân xâm lược, nhân dân các nước Đông Nam Á đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ tổ quốc. Thực dân thi hành chính sách cai trị hà khắc.

- Điểm chung của chính sách cai trị thuộc địa của thực dân phương Tây là: Vơ vét tài nguyên, không mở mang công nghiệp, tăng các loại thuế, mở đồn điền, bắt lính, đàn áp phong trào yêu nước.

- Cuộc đấu tranh chống xâm lược giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Đông Nam Á phát triển liên tục, rộng khắp.

+ Ở In-đô-nê-xi-a: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX nhiều tổ chức yêu nước của trí thức tư sản tiến bộ ra đời.

Năm 1905 nhiều tổ chức công đoàn được thành lập và truyền bá chủ nghĩa Mác vào In-đô-nê-xi-a.

+ Ở Phi-líp-pin: Cuộc cách mạng năm 1896 - 1898 bùng nổ đánh dấu sự ra đời của nước cộng hòa Phi-líp-pin. Sau đó Mĩ nhảy vào, phong trào kháng chiến chống Mĩ phát triển song thất bại.

+ Ở Cam-pu-chia: Năm 1863 - 1866, A-cha Xoa lãnh đạo khởi nghĩa ở Ta-Keo, năm 1866 - 1867 Pu-côm-pô chỉ huy khởi nghĩa ở Cra-chê.

+ Ở Lào: Năm 1901, Pha-ca-đuốc lãnh đạo nhân dân Xa-van-na-khét đấu tranh vũ trang; khởi nghĩa cao nguyên Bô-lô-ven (1901 - 1907).

+ Ở Miến Điện: Năm 1885, nhân dân kháng chiến anh dũng chống thực dân Anh.

+ Ở Việt Nam: Có phong trào Cần Vương, khởi nghĩa nông dân Yên Thế (1884 - 1913).

Các phong trào đấu tranh chống xâm lược, giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á thất bại vì chưa có đường lối cứu nước đúng đắn.

Câu 2: Hãy nêu hai xu hướng cách mạng ở Phi-líp-pin những năm 90 thế kỉ XIX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Đến những năm 90 của thế kỉ XIX, ở Phi-líp-pin xuất hiện hai xu hướng chính trong phong trào giải phóng dân tộc.

- Thứ nhất, là xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-dan. Năm 1892, Hô-xê Ri-dan thành lập "Liên minh Phi-líp-pin", thu nạp nhiều trí thức yêu nước, địa chủ và tư sản tiến bộ cùng một số dân nghèo. Hoạt động của Liên minh đã thức tỉnh tinh thần dân tộc trong các tầng lớp nhân dân, có ý thức như một sự chuẩn bị tư tưởng cho cao trào cách mạng sau này.

- Thứ hai, là xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô. Tháng 7-1892, Bô-ni-pha-xi-ô tách khỏi Liên minh Phi-líp-pin, thành lập "Liên hiệp những người con yêu qúy của nhân dân" - viết tắt là KATIPUNAN.

Câu 3: Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân Lào đầu thế kỉ XIX diễn ra như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1865, nhiều đoàn thám hiểm người Pháp đi ngược sông Mê Công lên thượng nguồn để thăm dò khả năng xâm nhập Lào, gây sức ép buộc triều đình Luông Pha-băng phải công nhận nền thống trị của Pháp. Tiến hành đàm phán với Xiêm thừa nhận quyền cai trị của Pháp ở Lào. Như vậy, Lào thực sự biến thành thuộc địa của Pháp từ năm 1893. Ngay từ đầu thế kỉ XX, nhân dân Lào đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bất khuất trên toàn lãnh thổ để chống lại ách nô dịch tàn bạo của thực dân Pháp.

- Mở đầu là cuộc khởi nghĩa của nhân dân Lào dưới sự chỉ huy của Pha-ca-đuốc (1901 - 1903). Phong trào đã phát triển nhanh chóng, giải phóng Xa-van-na-khét, mở rộng sang cả đường 9, biên giới Lào - Việt.

- Đặc biệt kiên cường là cuộc khởi nghĩa trên cao nguyên Bô-lô-ven kéo dài 37 năm (1901 - 1973) do Ong Kẹo và Com-ma-đam chỉ huy. Thực hiện chiến thuật đánh du kích, nghĩa quân của hai ông đã gây cho địch nhiều tổn thất.

- Sau khi Ong Kẹo mất, Com-ma-đam tiếp tục chỉ huy nghĩa quân chiến đấu. Tháng 9-1936, ông bị thương và hi sinh trong một trận đánh lớn ở Phù Luông. Ba người con của Com-ma-đam vẫn cùng nghĩa quân chiến đấu cho đến tháng 7-1937 mới bị bắt.

- Cuộc khởi nghĩa của Chậu Pa-chay diễn ra trên địa bàn Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam, kéo dài hơn bốn năm (1918 - 1922).

Câu 4: Lập niên biểu về các cuộc đấu tranh của nhân các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Tên nước	*Thời gian*	*Các cuộc đấu tranh tiêu biểu*	*Kết quả*

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tên nước	***Thời gian***	***Các cuộc đấu tranh tiêu biểu***	***Kết quả***
1) In-đô-nê-xi-a	1905 - 1908	- Thành lập Nghiệp đoàn xe lửa. - Thành lập Hội liên hiệp công nhân.	Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a được thành lập.
2) Phi-lip-pin	1896 - 1898	Cách mạng bùng nổ và lan rộng nhiều nơi.	Nước Cộng hoà Phi-líp-pin ra đời.
3) Cam-pu-chia	1863 -1868	Khởi nghĩa Ta-keo, khởi nghĩa Cra-chê.	Gây cho Pháp nhiều tổn thất, bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
4) Lào	1901 - 1907	- Đấu tranh vũ trang ở Xa-van-na-khét. - Khởi nghĩa ở cao nguyên Bô-lô-ven.	Gây cho Pháp nhiều tổn thất, bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
5) Việt Nam	- 1885 - 1896 - 1884 - 1913.	- Phong trào Cần vương. - Khởi nghĩa nông dân Yên Thế.	Bước đầu thành lập liên minh chống Pháp.
6) Miến Điện	1885	Kháng chiến chống thực dân Anh.	Chưa thu được kết quả.

Bài 5
CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (THẾ KỈ XIX- ĐẦU THẾ KỈ XX)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Các nước đế quốc đua nhau xâm lược châu Phi trong những năm 70 - 80 thế kỉ XIX như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Vào những năm 70 – 80 thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi:

+ Năm 1882, Anh độc chiếm Ai Cập, kiểm soát kênh đào Xuy-ê, chiếm Nam Phi, Ni-giê-ri-a...

+ Năm 1883, Pháp chiếm Tuy-ni-di và Nam Ca-mơ-run, Xa-ha-ra...

+ Năm 1884, Đức chiếm Bắc Ca-mơ-run, Tô-gô, Tây Nam Phi...

- Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các đế quốc ở châu Phi, căn bản hoàn thành.

Câu 2: Hãy trình bày những cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi chống chủ nghĩa thực dân.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ở An-giê-ri: Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847. Thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian mới chinh phục được nước này.

- Ở Ai Cập: Từ năm 1879 - 1882, diễn ra phong trào "Ai Cập trẻ". Các nước đế quốc phải can thiệp mạnh mới ngăn chặn được cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ai Cập.

- Ở Xu-đăng: Từ năm 1877 - 1898, diễn ra cuộc khởi nghĩa của Mô-ha-mét. Thực dân Anh được các nước đế quốc giúp đỡ mới dập tắt được phong trào.

- Ở Ê-ti-ô-pi, Từ năm 1885 - 1896, đã đấu tranh chống thực dân I-ta-li-a và là một trong những nước giữ được độc lập ở châu Phi.

Câu 3: Dựa vào lược đồ, hãy nêu kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập ở khu vực Mĩ La-tinh đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

Dựa vào lược đồ trong sách giáo khoa (trang 29) để nêu kết quả của cuộc đấu tranh giành độc lập ở Mĩ La-tinh. Cụ thể như sau:

Thời gian	*Phong trào đấu tranh*	*Kết quả*
1791 - 1804	Phong trào đấu tranh của nhân dân Ha-i-ti.	Ha-i-ti tở thành nước cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ La-tinh.
1810 - 1821	Phong trào đấu tranh của nhân dân Mê-hi-cô.	Nước Mê-hi-cô thành lập nước cộng hoà.
1810 - 1816	Khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Ác-hen-ti-na.	Ác-hen-ti-na thành lập nước cộng hoà.
1822	Cuộc đấu tranh của nhân dân Bra-xin.	Bra-xin thoát khỏi ách thống trị của Bồ Đào Nha và duy trì chế độ quân chủ.

Câu 4: Hãy trình bày những nét lớn của lịch sử châu Phi thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Là lục địa lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá lâu đời. Thời cận đại, châu Phi có hai miền chính: Bắc Phi và Nam Phi.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, cuộc sống yên ổn, tài nguyên phong phú và nền văn hoá lâu đời của họ đã bị thực dân châu Âu xâm phạm, phá hoại, cướp bóc và đàn áp.

- Vào những năm 70 – 80 thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đua nhau xâu xé châu Phi.

- Đến đầu thế kỉ XX, việc phân chia thuộc địa giữa các đế quốc ở châu Phi, căn bản hoàn thành.

- *Các cuộc đấu tranh tiêu biểu của nhân dân châu Phi:*

+ Ở An-giê-ri: Cuộc khởi nghĩa của Áp-đen Ca-đê kéo dài từ năm 1830 đến năm 1847. Thực dân Pháp phải mất nhiều thời gian mới chinh phục được nước này.

+ Ở Ai Cập: Từ năm 1879 - 1882, diễn ra phong trào "Ai Cập trẻ". Các nước đế quốc phải can thiệp mạnh mới ngăn chặn được cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Ai Cập.

+ Ở Xu-đăng: Từ năm 1877 - 1898, diễn ra cuộc khởi nghĩa của Mô-ha-mét. Thực dân Anh được các nước đế quốc giúp đỡ mới dập tắt được phong trào.

+ Ở Ê-ti-ô-pi, Từ năm 1885 - 1896, đã đấu tranh chống thực dân I-ta-li-a và là một trong những nước giữ được độc lập ở châu Phi.

Câu 5: Lập niên biểu cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Mĩ La-tinh đầu thế kỉ XIX theo thứ tự: thời gian, tên nước, tên phong trào, năm giành độc lập.

Niên đại	*Tên nước*	*Tên phong trào*	*Năm giành độc lập*

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	*Tên nước*	*Tên phong trào*	*Năm giành độc lập*
1791	Ha-i-ti	Phong trào đấu tranh của người da đen do Tút-xanh Lu-véc-tuy-a lãnh đạo.	1803
1810	Mê-hi-cô	Cuuộc đấu tranh giải phóng dân tộc do Mi-sen Hi-đan-gô lãnh đạo.	1821
1810	Ác-hen-ti-na	Khởi nghĩa vũ trang.	1816
1822	Bra-xin	Đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha.	1822

Câu 6: Chính sách bành trướng của Mĩ đối với khu vực Mĩ La-tinh biểu hiện như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1823, Mĩ đưa ra học thuyết Mơn-rô: "Châu Mĩ của người châu Mĩ".

- Năm 1889, tổ chức "Liên minh dân tộc các nước cộng hoà châu Mĩ" được thành lập, gọi tắt là "Liên Mĩ".

- Năm 1898, Mĩ gây chiến với Tây Ban Nha, chiếm Ha-oai, Cuba, Pu-éc-tô Ri-cô.

- Từ thế kỉ XIX, Mĩ áp dụng chính sách "cái gậy lớn" và "Ngoại giao đồng đôla" để chiếm kênh đào Pa-na-ma và một số nước ở Mĩ La-tinh. Chính quyền Oa-sinh-tơn biến châu Mĩ La-tinh thành "sân sau" của nước Mĩ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nhận xét về phong trào đấu tranh chống thực dân của nhân dân châu Phi trong thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần yêu nước cao.
- Trình độ tổ chức của các phong trào còn ở mức thấp, sự chênh lệch về lực lượng khá rõ ràng nên bị các nước phương Tây đàn áp.
- Mặc dầu bị thất bại, các phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục và phát triển trong thế kỉ XX.

Câu 2: Nêu những nét khái quát về tình hình châu Phi trước khi bị thực dân xâm lược.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Là lục địa lớn, giàu tài nguyên, có nền văn hoá lâu đời. Thời cận đại, châu Phi có hai miền chính: Bắc Phi và Nam Phi.

+ Bắc Phi kéo dài từ Bắc Xa-ha-ra đến Địa Trung Hải, theo đạo Hồi, có một số nơi vẫn còn chế độ bộ lạc, quan hệ phong kiến.

+ Nam Phi bao gồm vùng đất từ Nam Xa-ha-ra đến mũi Hảo Vọng. Quan hệ phong kiến là chủ yếu. Nhiều nơi còn tàn tích của chế độ bộ lạc và nô lệ.

- Từ nửa sau thế kỉ XIX, cuộc sống yên ổn, tài nguyên phong phú và nền văn hoá lâu đời của họ đã bị thực dân châu Âu xâm phạm, phá hoại, cướp bóc và đàn áp.

Câu 3: Hãy thống kê diện tích ở châu Phi bị các nước đế quốc xâm chiếm trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX sau đây:

Tên các nước đế quốc	*Diện tích xâm chiếm ở châu Phi*
1) Đế quốc Pháp	
2) Đế quốc Anh	
3) Đế quốc I-ta-li-a	
4) Đế quốc Đức	
5) Đế quốc Bỉ	
6) Đế quốc Bồ Đào Nha	
7) Các đế quốc khác	

** Hướng dẫn trả lời:*

Tên các nước đế quốc	*Diện tích xâm chiếm ở châu Phi*
1) Đế quốc Pháp	35%
2) Đế quốc Anh	30%
3) Đế quốc I-ta-li-a	8%
4) Đế quốc Đức	7,5%
5) Đế quốc Bỉ	7,5%
6) Đế quốc Bồ Đào Nha	6,5%
7) Các đế quốc khác	5,5%

Câu 4: Trình bày những nét cơ bản về sự xâm lược của thực dân châu Âu vào khu vực Mĩ La-tinh theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	*Tên các nước phương Tây*	*Tên các nước Mĩ La-tinh bị xâm lược*
Thế kỉ XV		
Thế kỉ XIX		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Tên các nước phương Tây*	*Tên các nước Mĩ La-tinh bị xâm lược*
Thế kỉ XV	Tây Ban Nha	Trung Nam Mĩ
	Bồ Đào Nha	Bra-xin
	Anh, Pháp	Một số vùng biển Ca-ri-bê
	Anh, Pháp, Hà Lan	Chia cắt Guy-a-na
Thế kỉ XIX	Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha	Chiếm hầu các nước Mĩ La-tinh

Câu 5: Vì sao vùng Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô) được gọi là khu vực Mĩ La-tinh?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Châu Mĩ La-tinh là khu vực thuộc Trung và Nam Mĩ, phần lớn cư dân ở đây nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha. Cư dân bản địa lâu đời là người In-đi-an, chủ nhân của nền văn hoá May-a, văn hoá In-ca, A-dơ-tếch.

- Từ thế kỉ XV, thực dân châu Âu - chủ yếu là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã làm chủ hầu hết vùng này.

- Thực dân phương Tây tàn sát dân bản địa, dồn đuổi và rừng sâu, chiếm đất lập đồn điền để trồng lúa mì, ngô, khoai tây, cà phê, thuốc lá... Thực dân châu Âu đưa người nô lệ da đen từ châu Phi sang đây lao động trong các đồn điền. Trải qua vài ba chục thế kỉ, trên châu lục này đã xuất hiện những cộng động người da trắng, da đen và thổ dân da đỏ.

- Những cộng đồng dân tộc này cùng chung sống trên một lãnh thổ và hình thành những dân tộc riêng biệt ở Trung, Nam Mĩ và một phần Bắc Mĩ (Mê-hi-cô), nói tiếng Tây Ban Nha hay Bồ Đào Nha thuộc ngữ hệ La-tinh nên gọi vùng này là khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 6: Nêu ý nghĩa cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp của nhân dân Ha-i-ti

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, Pháp của nhân dân Ha-i-ti thắng lợi buộc chúng phải công nhận nền độc lập của Ha-i-ti.

- Với thắng lợi này, Ha-i-ti trở thành nước cộng hoà da đen đầu tiên ở Mĩ La-tinh.

- Ha-i-ti đã xoá bỏ được chế độ nô lệ và thực hiện quyền bình đẳng giữa người da đen và da trắng.

- Nó có tác dụng cổ vũ phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở khu vực Mĩ La-tinh.

Câu 7: Hãy trình bày tình hình các nước châu Mĩ La-tinh sau khi giành được độc lập.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi giành được độc lập, nhân dân Mĩ La-tinh thành lập các nước cộng hoà độc lập và phát triển nhanh chóng.

+ Bra-xin trồng nhiều bông, cao su và cung cấp một nửa số cà phê trên thị trường thế giới.

+ Ác-hen-ti-na sản xuất len, da cừu và thịt bò xuất khẩu sang Anh.

+ Các nước Trung Mĩ và Ca-ri-bê xuất khẩu cà phê, chuối, mía...

+ Bô-li-vi-a khai thác mỏ bạc và nhiều kim loại khác.

- Các nước Mĩ La-tinh phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, song nhân dân lao động, chủ yếu là người da đen và người In-đi-an, vẫn không thoát khỏi nghèo khổ.

- Đế quốc Mĩ muốn biến các nước ở Mĩ La-tinh thành "sân sau" của chúng để khống chế khu vực này.

Câu 8: Thực chất của học thuyết Mơn-rô "châu Mĩ của người châu Mĩ " là gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đây là âm mưu của Mĩ nhằm gạt bỏ thực dân châu Âu khỏi vùng Mĩ La-tinh và thay vào đó là sự thống trị độc quyền của Mĩ, biến khu vực này thành "sân sau" của Mĩ.

- Học thuyết Mơn-rô thể hiện trên ba phương diện:

+ Mĩ phải quan tâm đến cuộc tranh chấp ở khu vực Mĩ La-tinh.

+ Vì lí do an ninh của nước Mĩ, Mĩ sẽ có hành động can thiệp vào các cuộc xung đột hoặc chiến tranh giữa các nước với nhau cũng như chiến tranh giữa họ với các nước bên ngoài. Mĩ cũng sẽ tham gia vào các cuộc tranh chấp kinh tế, chính trị ở châu Mĩ.

+ Mĩ tự cho rằng phải có "trách nhiệm bảo vệ" an ninh của cả châu lục và sự nhòm ngó từ bên ngoài.

Chương II

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 6

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Hãy cho biết nguyên nhân sâu xa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Do sự phát triển không đồng đều, đặc biệt là sự tranh chấp thuộc địa của các nước đế quốc Đức, Áo- Hung, I-ta-li-a và Anh, Pháp, Nga.

+ Cả hai tập đoàn đều ôm mộng xâm lược, cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của nhau, điên cuồng chạy đua vũ trang. Chính mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thuộc địa, mà trước tiên là giữa đế quốc Anh và đế quốc Đức, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến chiến tranh.

+ Tình hình căng thẳng ở Ban-căng từ năm 1912 đến năm 1913 tạo cơ hội cho chiến tranh bùng nổ.

- Duyên cớ chiến tranh:

+ Ngày 28-6-1914, Thái tử Áo - Hung bị một người Xéc-bi ám sát tại Bô-xni-a. Giới quân phiệt Đức, Áo bèn chớp cơ hội đó để gây ra chiến tranh.

+ Ngày 28-7-1914, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 1-8, Đức tuyên chiến với Nga; ngày 3-8, tuyên chiến với Pháp. Ngày 4-8, Anh tuyên chiến với Đức. Chiến tranh đế quốc đã bùng nổ và nhanh chóng lan rộng thành chiến tranh thế giới.

Câu 2: Trình bày diễn biến chính trong giai đoạn đầu của chiến tranh.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đức tập trung phần lớn binh lực ở mặt trận phía Tây và ngay trong đêm 3-8 đã tràn vào Bỉ, rồi đánh thọc sang Pháp. Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp có nguy cơ bị tiêu diệt.

- Năm 1915, Đức dồn binh lực sang mặt trận phía Đông cùng quân Áo - Hung tấn công Nga quyết liệt, định đè bẹp Nga.

- Trong năm thứ hai của cuộc chiến tranh (1915), cả hai bên đều ở thế cầm cự.

- Năm 1916, thấy không tiêu diệt được quân Nga, Đức lại chuyển trọng tâm hoạt động về mặt trận phía Tây, mở chiến dịch Vec-đoong. Quân Đức vẫn không hạ nổi thành Véc-đoong.

- Chiến cuộc năm 1916 không đem lại ưu thế cho bên nào mà vẫn duy trì thế cầm cự. Từ cuối năm 1916 trở đi, Đức, Áo từ thế chủ động đã chuyển sang phòng ngự ở hai mặt trận.

Câu 3: Nét nổi bật trong giai đoạn thứ hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất là gì? Vì sao Mĩ tham gia chiến tranh muộn?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nét nổi bật:

+ Tháng 2-1917, cuộc cách mạng dân chủ tư sản thành công. Chế độ Nga hoàng bị lật đổ nhưng Chính phủ lâm thời trong tay giai cấp tư sản vẫn tiếp tục theo đuổi chiến tranh.

+ Lúc này, Đức gây ra cuộc "chiến tranh tàu ngầm" làm cho Anh nhiều thiệt hại. Viện cớ tàu ngầm Đức tấn công cả tàu buôn cập bến các nước phe "Hiệp ước", Mĩ nhảy vào vòng chiến.

+ Ngày 2-4-1917, Mĩ tuyên chiến với Đức. Sự tham chiến của Mĩ có lợi hơn cho phe Anh - Pháp - Nga.

+ Tháng 10-1917 (theo lịch Nga), nhân dân Nga dưới sự lãnh đạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đứng lên làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước Xô viết ra đời. Để đối phó với các thế lực đế quốc đang bao vây, nhà nước Xô viết buộc phải kí với Đức Hoà ước Bơ-rét Li-tốp (ngày 3-3-1918). Nước Nga ra khỏi chiến tranh đế quốc.

+ Đầu năm 1918, tranh thủ thời cơ quân Mĩ chưa sang đến châu Âu, quân Đức mở liên tiếp bốn đợt tấn công với quy mô lớn trên mặt trận Pháp. Một lần nữa, chính phủ Pháp chuẩn bị rời khỏi Pa-ri.

+ Tháng 7-1918, 65 vạn quân Mĩ đổ bộ vào châu Âu, Mĩ trực tiếp tham chiến khi cả hai phe bị thiệt hại quá nhiều, hết sức mệt mỏi. Mĩ trở thành người đứng đầu phe Hiệp ước thay Anh. Pháp và Anh quay lại phản công mạnh mẽ quân Đức trên các mặt trận.

+ Từ cuối tháng 9-1918, quân Đức liên tiếp thất bại, bỏ chạy khỏi lãnh thổ Pháp và Bỉ. Các nước đồng minh của Đức cũng bị tấn công liên tiếp, buộc phải đầu hàng: Bun-ga-ri (ngày 29-9), Thổ Nhĩ Kì (ngày 30-10), Áo - Hung (ngày 2-11).

+ Ngày 11-11-1918, Đức kí Hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc bằng sự thất bại của phe Liên minh.

- Vì sao Mĩ tham gia muộn:

+ Lúc đầu Mĩ giữ thái độ trung lập, nhưng khi các nước tham chiến suy yếu và phong trào cách mạng nổ ra ở nhiều nước, Mĩ quyết định tham gia vào chiến tranh nhằm thu lợi nhuận và ngăn chặn phong trào cách mạng lan rộng. Trên cơ sở đó Mĩ sẽ vươn lên đứng đầu thế giới.

+ Để bí mật bán vũ khí cho các nước để kiếm lời và theo dõi diễn biến của chiến tranh.

Câu 4: Chiến tranh thế giới thứ nhất để lại những hậu quả gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây nên những thảm hoạ hết sức nặng nề đối với nhân loại:

+ Có 38 nước với tổng số quân là 37 triệu người và 1,5 tỉ dân bị lôi cuốn vào vòng khói lửa.

+ Cuộc chiến tranh đã làm cho 10 triệu người chết, trên 20 triệu người bị thương.

+ Nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, cầu cống, nhà máy bị phá huỷ. Số tiền của các nước tham chiến chi phí cho chiến tranh lên tới 85 tỉ đô la. Các nước châu Âu đều biến thành con nợ của Mĩ.

- Chiến tranh không những không giải quyết được mâu thuẫn giữa các nước đế quốc trong việc tranh giành thuộc địa mà còn làm cho mâu thuẫn đó tăng lên.

Câu 5: Hãy phân tích tính chất của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời:* Học sinh dựa vào các gợi ý dưới đây để phân tích:

- Chiến tranh thế giới thứ nhất là cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa các nước đế quốc, chỉ đem lại lợi nhuận cho giai cấp tư sản cầm quyền.
- Là cuộc chiến tranh xâm lược nhằm cướp đoạt lãnh thổ và thuộc địa của đối phương.
- Là cuộc chiến tranh phi nghĩa đối với cả hai phe tham chiến.

Câu 6: Lập niên biểu về những sự kiện lớn của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Diễn biến*	*Kết quả, ý nghĩa*
Năm 1914	- Chiến tranh thế giới bùng nổ, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi (28 - 7 - 1914); Đức tuyên chiến với Pháp (1 - 8); Anh tuyên chiến với Đức (4 - 8). - Sau khi đánh chiếm Bỉ, Đức tấn công Pháp ở mặt trận phía Tây (8 - 1914). Nga tấn công Đức ở mặt trận phía Đông, quân Anh đổ bộ lên lục địa châu Âu.	- Đức bị thất bại trong kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh". - Hai bên ở trong thế cầm cự.
Năm 1915	- Đức tấn công Nga ở mặt trận phía Đông. - Nga phản công lại Đức.	- Đức không loại Nga ra khỏi cuộc chiến tranh. - Đức và Nga ở thế cầm cự.
Năm 1916	Đức chuyển sang tấn công Pháp ở mặt trận phía Tây, mở chiến dịch tấn công Véc-đoong.	- Quân Đức không hạ được thành Véc-đoong. - Đức, Áo chuyển sang thế phòng ngự.
Năm 1917	- Cuộc cách mạng tháng Hai ở Nga bùng nổ và giành thắng lợi. - Đức sử dụng chiến tranh tàu ngầm đánh Anh. - Mĩ tuyên bố tham gia chiến tranh, tuyên chiến với Đức.	- Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 thành công. - Đế quốc Đức suy yếu trên các mặt trận.
Năm 1918	Cách mạng tháng 11 – 1918 bùng nổ ở Đức.	Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc.

II. CÂU HỎI, BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nêu những đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX đã làm thay đổi sâu sắc so sánh lực lượng giữa các nước đế quốc.
- Các "đế quốc già" (Anh, Pháp) với hệ thống thuộc địa mênh mông, các "đế quốc trẻ" (Mĩ, Đức, Nhật) đang vươn lên mạnh mẽ về kinh tế nhưng lại có quá ít thuộc địa.
- Mâu thuẫn giữa các đế quốc về vấn đề thuộc địa là không tránh khỏi và ngày càng trở nên gay gắt. Vì vậy, ngay từ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các cuộc chiến tranh giành thuộc địa đã nổ ra ở nhiều nơi.

- Trong cuộc đua giành giật thuộc địa, đế quốc Đức là kẻ hung hăng nhất vì Đức có tiềm lực kinh tế và quân sự nhưng lại ít thuộc địa. Thái độ của Đức đã làm quan hệ quốc tế ở châu Âu ngày càng căng thẳng, đặc biệt là quan hệ giữa các nước đế quốc với nhau.

Câu 2: Lập niên biểu về diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ nhất theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	*Mặt trận phía Tây*	*Mặt trận phía Đông*
Giai đoạn1: 1914 - 1916		
Giai đoạn 2: 1917 - 1918		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Mặt trận phía Tây*	*Mặt trận phía Đông*
Giai đoạn 1: 1914 - 1916	- Tháng 8-1914, Đức tấn công Bỉ, Bỉ bị Đức chiếm đóng. Đức tấn công Pháp, Pa-ri bị uy hiếp, quân Pháp đang có nguy cơ bị tiêu diệt. - Cuối năm 1914, hai bên cầm cự dai dẳng. - Năm 1916, Đức mở chiến dịch Véc-đoong. Đức bị thất bại và tổn thất nặng nề. - Cuối năm 1916, hai bên cầm cự.	- Tháng 8 – 1914, Nga tấn công Đông Phổ, cứu nguy cho Pháp. - Tháng 9-1914, Nga tấn công Áo - Hung. - Cuối năm 1914, hai bên cầm cự dai dẳng. - Năm 1915, Đức, Áo - Hung tấn công Nga. Đức bị thất bại. Hai bên chuyển sang thế cầm cự. - Năm 1916, Nga tấn công Áo - Hung. Nga thắng Áo – Hung. - Cuối năm 1916, hai bên cầm cự.
Giai đoạn 2: 1917 - 1918	- Tháng 4- 1917, Mĩ tham chiến, phe Hiệp ước có thêm Mĩ, chiếm ưu thế. - Tháng 7-1918, Anh, Pháp phản công. Tháng 9-1918, Anh, Pháp, Mĩ tổng tấn công. Các đồng minh của Đức lần lượt đầu hàng. - Tháng 11-1918, cách mạng bùng nổ ở Đức. Nền quân chủ Đức bị lật đổ, nền cộng hoà được thành lập. Chiến tranh kết thúc.	- Tháng Hai năm 1917, cách mạng dân chủ Nga thắng lợi. - Tháng 11-1917, Nga làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi. - Tháng 3-1918, Nga Xô viết kí hoà ước Bơ-rét Li-tốp với Đức. Nga rút khỏi chiến tranh.

Câu 3: Sự hình thành hai khối quân sự trước khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1882, Đức cùng Áo - Hung và I-ta-li-a thành lập liên minh tay ba, được gọi là *phe Liên minh*. Sau này, I-ta-li-a rời khỏi liên minh chống lại Đức.

- Đối phó với âm mưu của Đức, Anh, Pháp, Nga tuy có tranh chấp về thuộc địa nhưng phải nhân nhượng lẫn nhau, kí những bản hiệp ước tay đôi: Pháp - Nga (1890), Anh - Pháp (1904), Anh - Nga (1907), hình thành *phe Hiệp ước*.

- Như vậy, đến đầu thế kỉ XX, ở châu Âu đã hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau.

+ Phe Liên minh (1882) gồm Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a >< Phe Hiệp ước (1890- 1907) gồm Anh, Pháp, Nga.

Câu 4: Nêu những chiến sự dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 28 - 7 - 1914, Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi.
- Ngày 1 - 8, Đức tuyên chiến với Nga, ngày 3 - 8 tuyên chiến với Pháp.
- Ngày 4 - 8, Anh tuyên chiến với Đức.

Chiến tranh bùng nổ và nhanh chóng trở thành Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Câu 5: Lập niên biểu diễn biến chiến sự Chiến tranh thế giới thứ nhất theo mẫu sau:

Thời gian	*Sự kiện chính*
1)	
2)	
3)	
4)	
5)	
6)	
7)	
8)	
9)	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện chính*
1) 28 - 7 đến 4 - 8 - 1914	Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Đức tuyên chiến với Nga, Pháp. Anh tuyên chiến với Đức.
2) Cuối năm 1914	Ưu thế thuộc về phe Liên minh.
3) Cuối năm 1915	Nga tấn công Đức ở phía Đông, kế hoạch đánh nhanh của Đức bị thất bại.
4) Năm 1916	Cả hai phe chuyển sang thế phòng ngự.
5) Năm 1917	Ưu thế thuộc về phe Hiệp ước, chiến sự chủ yếu ở mặt trận phía Tây.
6) 7 - 11 - 1917	Cách mạng tháng Mười Nga thắng lợi. Nước Nga Xô viết ra khỏi cuộc chiến tranh.
7) 7 - 1918	Phe Hiệp ước phản công, các đồng minh Đức đầu hàng.
8) 9 - 11 - 1918	Cách mạng bùng nổ ở Đức, chế độ quân chủ bị lật đổ, chế độ cộng hoà được thành lập.
9) 11 - 11 - 1918	Chính phủ Đức đầu hàng không điều kiện, chiến tranh kết thúc.

Chương VII
NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Bài 7
NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Lập bảng hệ thống về các tác giả, tác phẩm nổi tiếng thuộc các lĩnh vực văn học nghệ thuật vào buổi đầu thời cận đại.

Lĩnh vực	*Tác giả*	*Tác phẩm*
Văn học	Pi-e Coóc-nây	Hài kịch Lơ Xít, bi kịch Orax, Xi-na, E-díp.
	La Phông-ten	Truyện thơ, tiểu thuyết Xisê
	Mô-li-e	Đông Juăng, Lão hà tiện, Người bệnh tưởng.
Nghệ thuật	Bét-tô-ven	Nhạc sĩ thiên tài người Đức là tác giả của 9 bản giao hưởng.

Câu 2: Lập bảng hệ thống kiến thức về các nhà văn hoá từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX: Tên tác giả, năm sinh – năm mất, tác phẩm tiêu biểu.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tên tác giả	*Năm sinh*	*Năm mất*	*Tác phẩm tiêu biểu*
Vích-to Huy-gô	1802	1885	Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ.
Lép Tôn-xtôi	1828	1910	Chiến tranh và Hoà bình, An-na Ka-rê-ni-a, Phục sinh.
Mác Tuên	1835	1910	Những người I-nô-xăng đi du lịch, Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ.
Lỗ Tấn	1881	1936	Nhật kí người điên, AQ chính truyện.

Câu 3: Trình bày những hiểu biết của em về chủ nghĩa xã hội không tưởng.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Chủ nghĩa xã hội không tưởng là học thuyết xây dựng một xã hội trong lòng chế độ tư bản, do Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen xây dựng, ra đời vào đầu thế kỉ XIX.

Chủ nghĩa xã hội không tưởng tố cáo mạnh mẽ sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, nhưng không đề ra được con đường đấu tranh cách mạng đúng đắn để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Họ chỉ dừng lại ở mơ ước xây dựng một xã hội mới, tốt đẹp, công bằng hơn, một cuộc sống không có nghèo khổ, không có chiến tranh. Việc thực hiện mơ ước này chỉ được thực hiện thông qua tuyên truyền, cổ động mà không đấu tranh. Vì vậy, nó mang tính chất không tưởng.

Câu 4: Học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời trong điều kiện lịch sử nào và có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của xã hội?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh:*

+ Từ giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn phát triển, gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Một số nhà tư tưởng tiến bộ đương thời đã nghĩ đến xây dựng một xã hội mới, không có tư hữu, không có bóc lột... tiêu biểu là Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen. Song họ chỉ là những nhà không tưởng.

+ Tiếp đó là sự xuất hiện của các nhà triết học Hê-ghen và Phoi-ơ-bách đã có ảnh hưởng nhất định đến Mác và Ăng-ghen.

+ Học thuyết kinh tế - chính trị cổ điển Anh cũng có tác động mạnh đến tư tưởng của Mác và Ăng-ghen.

+ Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác, Ăng-ghen sáng lập.

- *Vai trò:* Chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác – Ăng-ghen sáng lập và Lê-nin phát triển là cương lĩnh cách mạng cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản và mở ra một kỉ nguyên mới cho sự phát triển của khoa học.

Câu 5: Sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về các nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc, hoạ sĩ nổi tiếng thời cận đại.

* *Hướng dẫn trả lời:* Có thể sưu tầm tài liệu một số nhà văn, nhà thơ, nhà soạn nhạc, hoạ sĩ theo gợi ý sau:

- Pi-e Coóc-nây (1606 – 1684) đã đặt nền móng cho nền kịch dân tộc cổ điển Pháp.
- Giăng Đơ La Phông-ten (1621 – 1695) là nhà ngụ ngôn và là nhà văn cổ điển nổi tiếng của Pháp.
- Mô-li-e (1622 – 1637) là người mở đầu cho nền hài kịch cổ điển Pháp.
- Bét-tô-ven (1799 – 1827) là nhà soạn kịch thiên tài người Đức.
- Mô-da (1756 -1791) là nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo, người có những cống hiến lớn cho nghệ thuật hợp xướng.
- H. Rem-bran (1606 – 1669) là hoạ sĩ, nhà đồ hoạ người Hà Lan nổi tiếng nhất thế kỉ XVII về tranh chân dung, tranh phong cảnh trên mọi chất liệu – sơn dầu, hình hoạ, khắc kim loại...

Câu 6: Dẫn một tác phẩm văn học, nghệ thuật (tự chọn), nêu đôi nét về sự phản ánh đời sống xã hội đương thời của tác phẩm đó.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tác phẩm Tấn trò đời của Ban-dắc là một bức tranh miêu tả trung thực sinh động của xã hội Pháp nửa đầu thế kỉ XIX. Ban-dắc đã lột trần những thủ đoạn làm giàu của giai cấp tư sản. Đối lập với giai cấp tư sản giàu có là nhân dân lao động nghèo khổ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Hãy nêu bối cảnh lịch sử về sự phát triển văn hoá trong buổi đầu thời cận đại.

- Từ thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến đang trên đà suy tàn, giáo lí của Ki-tô giáo đã trở nên lỗi thời, gây cản trở cho sự phát của xã hội, điều đó đã tạo điều kiện để các ngành văn học, nghệ thuật, tư tưởng mới lần lượt ra đời, có vai trò nhất định trong việc tấn công vào dinh luỹ của chế độ phong kiến: phê phán mạnh mẽ nhà thờ Ki-tô giáo và tố cáo những tội ác, sự suy đồi của nền quân chủ chuyên chế; đồng thời hình thành quan điểm, tư tưởng của con người tư sản, góp phần vào cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ phong kiến.

- Những nhà văn hoá tiến bộ trong thời kì này trở thành những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hoá, tư tưởng chống chế độ phong kiến.

Câu 2: Trình bày những thành tựu của văn hoá trong buổi đầu thời cận đại.

Hướng dẫn trả lời:

- *Về văn học:*

+ Pi-e Coóc-nây, đại biểu xuất sắc của nền bi kịch cổ điển Pháp. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là Lơ Xít, đề cập đến cuộc đấu tranh giữa dục vọng và lí trí, giữa tình cảm và nghĩa vụ...

+ La Phông-ten, là nhà thơ Pháp nổi tiếng. Các tác phẩm ngụ ngôn của ông có ý nghĩa giáo dục đối với mọi lứa tuổi, mọi thời đại.

+ Mô-li-ê là tác giả hài kịch nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp.

- *Về âm nhạc:*

+ Có Bét-tô-ven nhà soạn nhạc thiên tài người Đức.

+ Có Mô-da nhà soạn nhạc vĩ đại người Áo.

- *Về hội hoạ:* có nhà hoạ sĩ, hoạ đồ nổi tiếng Rem-bran người Hà Lan.

- *Về tư tưởng:* có trào lưu tư tưởng Ánh sáng, có vai trò quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tư sản Pháp.

Câu 3: Nêu những thành tựu văn học, nghệ thuật từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.

Hướng dẫn trả lời:

* *Về văn học:*

Tác giả	*Tác phẩm nổi tiếng*	*Nội dung*
Vích-to Huy-gô	Nhà thờ Đức Bà Pa-ri, Những người khốn khổ.	Thể hiện lòng yêu thương vô hạn đối với những người đau khổ, mong tìm những giải pháp đem lại hạnh phúc cho họ.
Lép Tôn-xtôi	Chiến tranh và Hoà bình, An-na Ka-rê-ni-a, Phục sinh.	Phê phán trật tự xã hội Nga hoàng, ca ngợi phẩm chất của nhân dân Nga trong cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
Gô-gôn	Những linh hồn chết.	Phản ánh đầy đủ, chân xác tình hình nước Nga phong kiến.
Mác Tuên	Những người I-nô-xăng đi du lịch, Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoay-ơ.	Miêu tả cuộc sống chân thực của xã hội Mĩ thế kỉ XIX, thể hiện lòng yêu thương con người, trước hết là nhân dân lao động nghèo khổ.
Lỗ Tấn	Nhật kí người điên, AQ chính truyện.	Chống lễ giáo và đạo đức phong kiến.
Hô-xê Ri-dan	Đừng đụng vào tôi.	Tố cáo tội ác của kẻ xâm lược và miêu tả cuộc kháng chiến giành độc lập của nhân dân Phi-líp-pin.

** Về nghệ thuật:*

- Cung điện Véc-xai được hoàn thành vào năm 1708, trở thành một công trình kiến trúc đặc sắc.

- Nhiều tác phẩm mĩ thuật nổi tiếng được trưng bày ở các bảo tàng lớn đều được xây dựng vào thời cận đại.

- Nhiều hoạ sĩ, điêu khắc nổi tiếng thời kì này như: Rô-danh, Rơ-noa...

- Về âm nhạc: nổi bật là Trai-cốp-xki, một trong những nhà điển hình của nền âm nhạc hiện thực thế giới lúc bấy giờ.

Câu 4: Những nét chính về trào lưu tư tưởng tiến bộ và sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX

Hướng dẫn trả lời:

- Hoàn cảnh:

+ Từ giữa thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản bước vào giai đoạn phát triển, gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân lao động. Một số nhà tư tưởng tiến bộ đương thời đã nghĩ đến xây dựng một xã hội mới, không có tư hữu, không có bóc lột...tiêu biểu là Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê, Ô-oen. Song họ chỉ là những nhà không tưởng.

+ Tiếp đó là sự xuất hiện của các nhà triết học Hê-ghen và Phoi-ơ-bách đã có ảnh hưởng nhất định đến Mác và Ăng-ghen.

+ Học thuyết kinh tế - chính trị cổ điển Anh cũng có tác động mạnh đến tư tưởng của Mác và Ăng-ghen.

+ Cùng với sự phát triển của phong trào công nhân, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời, do Mác, Ăng-ghen sáng lập.

- Cơ sở hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học:

+ Thành tựu khoa học xã hội và khoa học tự nhiên của loài người.

+ Nổi bật nhất là định luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết về tế bào, định luật tiến hoá của các giống loài, các trào lưu triết học cổ điển Đức, học thuyết kinh tế - chính trị ở Anh và lí luận về chủ nghĩa xã hội ở Pháp.

Bài 8
ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nội dung cơ bản của lịch sử thế giới cận đại bao gồm những vấn đề nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời và phát triển; mâu thuẫn giữa tư sản, các tầng lớp nhân dân với chế độ phong kiến ngày càng gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tư sản.

- Các cuộc cách mạng Hà Lan, Anh, Mĩ đưa đến nhiều kết quả tác động đến sự phát triển của xã hội.

- Cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng triệt để nhất, ảnh hưởng lớn đến lịch sử châu Âu.

- Cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức khác nhau ở nhiều nước đánh dấu chủ nghĩa tư bản đã thắng lợi trên phạm vi thế giới, một số nước chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, các nước phương Tây đẩy mạnh xâm lược các nước phương Đông.

- Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa diễn ra sôi nổi, liên tục.

- Cuộc đấu tranh của công nhân ngày càng mạnh mẽ. Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời. Các tổ chức quốc tế của công nhân thành lập.

- Văn học nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật đạt được những thành tựu lớn.

- Mâu thuẫn không thể điều hòa của các nước đế quốc dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, gây nhiều tai họa cho nhân loại.

Câu 2: Nêu những điểm chung và riêng của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII, Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ và Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Nội dung so sánh	*Cách mạng tư sản Anh*	*Chiến tranh giành độc lập 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ*	*Cách mạng tư sản Pháp*
Mục tiêu, nhiệm vụ	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.	Lật đổ ách thống trị của thực dân Anh giành độc lập dân tộc, tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Mĩ.	Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
Động lực	Quần chúng nhân dân.	Quần chúng nhân dân.	Quần chúng nhân dân.
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản, Quý tộc mới.	Tư sản , chủ nô.	Tư sản.
Hình thức	Nội chiến.	Chiến tranh giải phóng dân tộc.	Nội chiến, chống ngoại xâm.
Kết quả	Xác lập chế độ quân chủ lập hiến.	Giành độc lập, xác lập chế độ cộng hoà liên bang.	Xác lập chế độ cộng hoà.

Câu 3: Nêu một số luận điểm cơ bản trong tư tưởng của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp đối kháng.

- Khẳng định giai cấp công nhân là giai cấp nắm lấy sứ mệnh lịch sử lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng giải phóng giai cấp và giải phóng dân tộc.

- Muốn lãnh đạo cách mạng thắng lợi, giai cấp công nhân phải thành lập chính đảng của giai cấp mình, đó là Đảng Cộng sản.

Câu 4: Lập bảng thống kê những diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời:* (Dựa vào câu 6 của bài 6 để trả lời).

Câu 5: Trình bày diễn biến chính của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước châu Á.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Phong trào đấu tranh của nhân dân Ấn Độ giữa thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX:*

+ Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Anh xâm lược Ấn Độ, mâu thuẫn giữa đông đảo nhân dân Ấn Độ với thực dân Anh trở nên gay gắt. Các cuộc đấu tranh giành độc lập diễn ra quyết liệt dưới nhiều hình thức, lôi cuốn được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Điển hình là cuộc khởi nghĩa Xi-pay (1857 – 1858). Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, cuộc khởi nghĩa Xi-pay tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Ấn Độ chống chủ nghĩa thực dân Anh.

+ Tiếp theo khởi nghĩa Xi-pay là phong trào đấu tranh của giai cấp tư sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại, tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân Bom-bay tháng 6 – 1908.

- Phong trào đấu tranh ở Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX:

+ Sau cuộc Chiến tranh thuốc phiện, lịch sử Trung Quốc chuyển sang thời kì mới. Đó là thời kì Trung Quốc bị các nước đế quốc Âu – Mĩ đua nhau xâm lược và chia xẻ. Đây là thời kì nhân dân Trung Quốc đấu tranh anh dũng, liên tục và rộng khắp để vừa chống đế quốc vừa chống triều đình phong kiến Mãn Thanh.

+ Mở đầu cho các phong trào đấu tranh ở Trung Quốc là cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc dưới sự lãnh đạo của Hồng Tú Toàn, nổ ra vào tháng 1 – 1851 đến năm 1861, khởi nghĩa bị thất bại. Tiếp đó là cuộc Duy tân năm Mậu Tuất (1898) do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu lãnh đạo. Phong trào Duy tân diễn ra hơn 100 ngày thì bị thất bại. Gần như đồng thời với phong trào Duy tân, một cuộc khởi nghĩa vũ trang của nông dân chống đế quốc, đó là phong trào Nghĩa Hoà đoàn.

+ Đỉnh cao là cuộc Cách mạng Tân Hợi (1911) do Tôn Trung Sơn khởi xướng và lãnh đạo. Đây là cuộc cách mạng dân chủ tư sản đã lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Phong trào đấu tranh ở các nước Đông Nam Á:

+ Từ nửa sau thế kỉ XIX, các nước ở Đông Nam Á, (trừ Xiêm) đều bị các nước đế quốc xâm lược, thống trị. Phong trào đấu tranh của nhân dân các nước ở Đông Nam Á diễn ra liên tục, sôi nổi.

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan của nhân dân In-đô-nê-xi-a cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Điển hình là cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1890 do Sa-min lãnh đạo.

+ Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Tây Ban Nha của nhân dân Phi-líp-pin vào cuối thế kỉ XIX với hai xu hướng: xu hướng cải cách của Hô-xê Ri-đan và xu hướng bạo động của Bô-ni-pha-xi-ô.

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Cam-pu-chia cuối thế kỉ XIX gắn liền với các cuộc khởi nghĩa cuat Si-vô-tha (1861 - 1892); cuộc khởi nghĩa của A-cha Xoa (1863 - 1866); khởi nghĩa của Pu-côm-pô (1866 - 1867).

+ Phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Lào đầu thế kỉ XX. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam nổ ra năm 1901 và kéo dài đến năm 1937.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nêu những sự kiện cơ bản chứng tỏ sự cản trở của chế độ phong kiến đối với sự phát triển chủ nghĩa tư bản ở Hà Lan, Anh, Bắc Mĩ, Pháp, Đức, I-ta-li-a, Nga, Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời:*

Tên nước	*Sự cản trở của chế độ phong kiến*
1/ Hà Lan	Sự cản trở của chế độ phong kiến ở Hà Lan chủ yếu là thế lực phong kiến Tây Ban Nha. Vua Tây Ban Nha đàn áp những người chống lại đạo Thiên Chúa. Hàng hoá nhập vào Nê-đéc-lan phải đóng thuế cao, thương nhân Nê-đéc-lan bị hạn chế buôn bán với các nước thuộc địa của Tây Ban Nha.
2/ Anh	Dưới thời vu Sác-lơ I, Anh là nước quân chủ chuyên chế. Ruộng đất thuộc quyền sở hữu của quý tộc địa chủ. Nhà nước phong kiến dựa vào quý tộc và Giáo hội Anh để cản trở việc kinh doanh của tư sản và quý tộc mới, nhiều thứ thuế mới đặt ra, nhà nước nắm độc quyền thương mại. Mâu thuẫn giữa quý tộc mới và tư sản với chế độ quân chủ trở nên gay gắt.
3/ Bắc Mĩ	Các thuộc địa ở Bắc Mĩ đều đặt dưới quyền của vua Anh. Các thuộc địa này là nguồn cung cấp nguyên liệu và là thị trường tiêu thụ hàng hoá của chính quốc. Người dân Bắc Mĩ phải tuân theo các đạo luật khắt khe do Chính phủ Anh đề ra. Chính sách khai thác thuộc địa của Anh đã cản trở sự phát triển của xã hội Bắc Mĩ, gây mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa nhân dân thuộc địa với chế độ thực dân.
4/ Pháp	Trước cách mạng tư sản, Pháp là một nước quân chủ chuyên chế, với chế độ đẳng cấp rất hà khắc. Xã hội chia thành ba đẳng cấp: Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba. Hai đẳng cấp đầu đại diện cho quyền lợi của chế độ phong kiến và Giáo hội, hưởng nhiều đặc quyền, đặc lợi. Mâu thuẫn giữa quý tộc phong kiến, nhà thờ với các tầng lớp nhân dân trong Đẳng cấp thứ ba ngày một gay gắt.
5/ Đức	Dưới thời phong kiến, Đức bị chia cắt thành nhiều quốc gia là một sự cản trở lớn cho sự phát triển chủ nghĩa tư bản. Một yêu cầu cấp thiết đặt ra là nước Đức phải làm cuộc cách mạng, xoá bỏ chế độ phong kiến thành lập nước cộng hoà thống nhất.
6/ I-ta-li-a	Sau năm 1815, I-ta-li-a bị chia xẻ thành 7 nước lớn, nhỏ theo chế độ quân chủ chuyên chế và phần lớn phụ thuộc vào Áo. Yêu cầu phải đấu tranh xoá bỏ chế độ phong kiến và thống nhất đất nước nhằm đưa I-ta-li-a phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa trở nên cấp thiết.
7/ Nga	Nửa đầu thế kỉ XIX, Nga là nước phong kiến lạc hậu. Quan hệ phong kiến – nông nô chiếm địa vị thống trị. Hầu hết ruộng đất trong tay quý tộc địa chủ và nhà nước chuyên chế. Công nghiệp không phát triển vì thiếu nhân công tự do và thị trường trong nước bị bó hẹp. Do vậy, cuộc

	cải cách nông nô ở Nga tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển là yêu cầu cấp thiết.
8/ Nhật Bản	Đến giữa thế kỉ XIX, Nhật vẫn là nước phong kiến. Dưới chế độ Mạc Phủ Tô-ku-ga-oa, chế độ phong kiến Nhật rơi vào tình trạng bế tắc suy thoái, không đáp ứng được nhu cầu phát triển xã hội, không đủ sức chống lại sự xâm nhập của các nước đế quốc Âu - Mĩ. Cuộc Duy tân Minh Trị nhằm xoá bỏ chế độ Mạc phủ, đưa Nhật tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa là tất yếu.

Câu 2: Trình bày hình thức, diễn biến của các cuộc cách mạng tư sản đã học.

** Hướng dẫn trả lời:*

Các cuộc cách mạng tư sản	***Hình thức***	***Diễn biến***
Cách mạng tư sản Hà Lan	Chiến tranh giải phóng dân tộc	Giai đoạn 1566 – 1572: Nhân dân tấn công, đập phá nhà thờ Thiên Chúa giáo. Giai đoạn 1572 – 1648: Hội nghị U-trếch, Tây Ban Nha công nhận độc lập của Hà Lan.
Cách mạng tư sản Anh	Nội chiến	Giai đoạn 1642 – 1649: - 22-8-1642: Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội, nội chiến bắt đầu. - 14-6-1645: Quân Quốc hội thắng lớn; 31-1-1649, xử vua Sác-lơ I, tuyên bố thành lập nền cộng hoà. Cách mạng đạt đến đỉnh cao. Giai đoạn 1649 – 1689: - Chế độ độc tài quân sự Crôm-oen (1653 – 1658). - Sự phục hồi Vương triều Xtiu-ớt (1660). - Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến (1689).
Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ	Chiến tranh giành độc lập	- Tháng 10 – 1773, nhân dân Bắc Mĩ tấn công cảng Bô-xtơn, đến đầu năm 1776, nghĩa quân chiếm được Bô-xtơn. - 17 – 10 – 1777, chiến thắng lớn ở Xa-ra-tô-ga. Năm 1781, chiến thắng I-oóc-tao, quân Anh suy yếu dần, chiến tranh kết thúc.
Cách mạng tư sản Pháp	Nội chiến và chiến tranh chống xâm lược	- 14 -7 - 1789, quần chúng đánh chiếm ngục Ba-xti. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế. - 10 - 8 -1792, nhân dân khởi nghĩa lật đổ chính quyền đại tư sản. Thiết lập nền cộng hoà, - 2 - 6 - 1793, quần chúng cách mạng lật đổ chính quyền gi-rông-đanh. Phái gia-cô-banh lên nắm chính quyền, lập nên nền chuyên chính dân chủ gia-cô-banh.

Câu 3: Trình bày những kết quả của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Các cuộc cách mạng tiêu biểu	*Kết quả*
Cách mạng tư sản Anh	Thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.
Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ	Lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, thành lập nước Hoa Kì với nền cộng hoà. Tư sản và chủ nô nắm quyền, theo chế độ Tổng thống.
Cách mạng tư sản Pháp	Thành lập chế độ cộng hoà, giai cấp tư sản nắm quyền.

Câu 4: Sự phát triển kinh tế diễn ra như thế nào ở các nước tư bản Anh, Pháp, Đức, Mĩ?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Các nước tư bản	*Sự phát triển kinh tế*
Nước Anh	Là "công xưởng của thế giới". Làm chủ mặt biển. Là ngân hàng quốc tế. Có hệ thống thuộc địa rộng lớn trên thế giới, được mệnh danh "Mặt trời không bao giờ lặn trên đế quốc Anh".
Nước Pháp	Có 2/3 tư bản nắm trong tay 5 ngân hàng lớn. Là nước xuất khẩu tư bản, cho vay tài chính. Pháp trở thành "đế quốc cho vay nặng lãi".
Nước Đức	Có thị trường rộng lớn, thống nhất. Nhận được 5 tỉ phrăng bồi thường chiến phí. Giữa thế kỉ XIX, Đức đã có một số cơ sở kinh tế công, thương nghiệp với tốc độ tăng trưởng nhanh.
Nước Mĩ	Áp dụng được thành tự khoa học – kĩ thuật tiên tiến vào sản xuất. Xuất hiện các nhà tư bản tài chính lớn, được gọi là "vua công nghiệp". Mĩ vươn lên vị trí hàng đầu trong các cường quốc tư bản.

Câu 5: Hãy nêu những thành tựu của khoa học – kĩ thuật có tác dụng thúc đẩy sản xuất xã hội.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Trong công nghiệp, từ nửa sau thế kỉ XVIII sản xuất máy móc được tiến hành ở Anh, sau lan sang các nước Âu - Mĩ. Kĩ thuật luyện kim được cải tiến làm tăng nhanh sản xuất thép. Cuối thế kỉ XIX phát minh ra phương pháp sản xuất nhôm nhanh, rẻ, nhiều máy chế tạo công cụ ra đời; nhiên liệu mới được sử dụng như dầu hỏa, than đá. Sắt trở thành nguyên liệu chủ yếu để chế tạo máy móc, xây dựng đường sắt. Máy hơi nước được sử dụng rộng rãi.

- *Giao thông vận tải:*

+ Năm 1807, Phơn-tơn đóng được tàu thủy chạy bằng động cơ hơi nước.

+ Năm 1802, người Anh chế tạo được đầu máy xe lửa chạy trên đường sắt kéo nhiều toa, tốc độ nhanh.

+ Giữa thế kỉ XIX, máy điện tín được phát minh ở Nga và Mĩ, Moóc-xơ sáng chế bảng chữ cái cho điện tín.

- *Trong nông nghiệp:* Máy kéo chạy bằng hơi nước, máy cày nhiều lưỡi, máy gặt đập, phân bón hóa học được sử dụng rộng rãi.

- *Trong lĩnh vực quân sự*, nhiều loại vũ khí mới được sản xuất: Đại bác, súng trường bắn nhanh và xa, chiến hạm vỏ bọc thép chạy bằng chân vịt trong tải lớn, ngư lôi bắt đầu được sử dụng; khí cầu dùng để trinh sát trận địa...

- *Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên:*

+ Đầu thế kỉ XVIII, nhà bác học Niu-tơn (Anh) tìm ra thuyết vạn vật hấp dẫn.

+ Giữa thế kỉ XVIII, nhà bác học Lô-mô-nô-xốp (Nga) tìm ra định luật bảo toàn vật chất và năng lượng.

+ Năm 1837, nhà bác học Puốc-kin-giơ (Séc) khám phá bí mật của sự phát triển của thực vật và đời sống của mô động vật.

+ Năm 1859, nhà bác học Đác-uyn (Anh) nêu lên thuyết tiến hóa và di truyền.

+ Những phát minh trên chứng tỏ rằng vạn vật biến chuyển, vận động theo quy luật, chúng tấn công mạnh mẽ vào giáo lí thần học cho rằng Thượng đế sinh ra muôn loài.

Câu 6: Tìm hiểu một số thành tựu của khoa học xã hội và nhân văn góp phần thúc đẩy sự phát triển lịch sử loài người.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng được xây dựng với các đại biểu là Phoi-ơ-bách và Hê-ghen.

- Chính trị kinh tế học tư sản ra đời với các đại biểu là Xmít và Ri-các-đô.

- Chủ nghĩa xã hội không tưởng với các tên tuổi Xanh Xi-mông, Phu-ru-ê, Ô-oen.

- Phát minh lớn nhất về khoa học xã hội là sự ra đời của học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác và Ăng-ghen đề xướng. Đây là cuộc cách mạng trong lịch sử tư tưởng của loài người.

- Vai trò của khoa học xã hội đến với đời sống xã hội loài người trong các thế kỉ XVIII - XIX là đã phá ý thức hệ phong kiến, tấn công vào nhà thờ, giải thích rõ quy luật vận động của thế giới và thúc đẩy xã hội phát triển.

Câu 7: Trình bày các hình thức đấu tranh của vô sản chống tư sản trước năm 1848.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Trong xã hội tư bản, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản là mâu thuẫn cơ bản nhất. Để giải quyết mâu thuẫn này, ngay từ đầu giai cấp vô sản đã đứng lên đấu tranh chống lại giai cấp tư sản. Hình thức đấu tranh chủ yếu là: cuộc tranh chấp giữa chủ và thợ, từ việc đập phá máy móc, đến các phong trào đình công, bãi công.

- Những cuộc đấu tranh trong thời kì đầu diễn ra chủ yếu đòi các quyền lợi về kinh tế như đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sống.

Câu 8: Lập bảng thống kê các sự kiện chính trong phong trào đấu tranh của công nhân thế giới nửa sau thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

Sự kiện chính	***Nội dung***
Công xã Pa-ri 1871	- Sáng 18-3-1871, Chính phủ do Chi-e đứng đầu cho quân đánh chiếm đồi Mông-mác, nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân. Quần chúng hỗ trợ cho Quốc dân quân bao vây quân Chính phủ. Âm mưu chiếm đồi Mông-mác của Chính phủ bị thất bại. - Trưa 18-3, các tiểu đoàn tập trung vào trung tâm thủ đô, chiếm các cơ quan chính phủ, nhà ga, sở Cảnh sát và toà Thị chính. - Chiều 18-3, cờ đỏ phất phới bay trên nóc hầm toà Thị chính. Tàn quân của Chính phủ phải rút về Véc-xai để củng cố lực lượng. - Ngày 26-3, tổ chức bầu cử Hội đồng Công xã. Ngày 28-3, Hội đồng Công xã làm lễ ra mắt, đánh dấu cuộc cách mạng thắng lợi.
Cuộc đấu tranh của công nhân Si-ca-gô Mĩ 1 -5 - 1886	Ngày 1 – 5 – 1886, gần 40 vạn công nhân cả nước Mĩ đình công, xuống đường biểu tình đòi ngày làm 8 giờ. Cuộc đình công lan ra trên 11000 nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ. Tiêu biểu là cuộc đình công, biểu tình của công nhân Si-ca-gô. Cuộc chiến đấu anh dũng và thắng lợi bước đầu của công nhân Mĩ được giai cấp công nhân quốc tế chào mừng. Từ năm 1889, ngày 1 – 5 được ghi vào lịch sử loài người – ngày Quốc tế lao động.
Cách mạng Nga 1905 - 1907	- Ngày 9-1-1905, 14 vạn công nhân Pê-tec-bua và gia đình không vũ khí đến Cung điện Mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp. Đó là "Ngày Chủ nhật đẫm máu". - Mùa hè 1905, phong trào lan rộng, lôi cuốn cả binh lính và nông dân. - Tháng 6-1905, thuỷ thủ trên chiến hạm "Pô-tem-kin" ở Ô-đéc-xa khởi nghĩa, làm chủ chiến hạm. Nông dân lại nổi dậy đưa yêu sách chính trị. Nhiều nơi các Xô viết đại biểu công nhân được thành lập. - Tại Mat-xcơ-va, 12 - 1905, cuộc tổng bãi công biến thành khởi nghĩa vũ trang song bị thất bại. - Đến cuối năm 1907, phong trào trong cả nước bị thất bại hoàn toàn.

Câu 9: Lập bảng so sánh những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa cơ hội về cuộc đấu tranh của công nhân.

** Hướng dẫn trả lời:*

Chủ nghĩa	*Quan điểm*
Chủ nghĩa Mác – Lê-nin	- Chủ trương đấu tranh giai cấp. - Lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân.
Chủ nghĩa cơ hội	- Thủ tiêu đấu tranh giai cấp. - Đấu tranh nghị trường, thoả hiệp với giai cấp tư sản.

Câu 10: Những nguyên nhân nào làm cho phong trào chống xâm lược và giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX không thành công?

** Hướng dẫn trả lời:*

Ngay từ khi đế quốc xâm lược, nhân dân các nước bị xâm lược đã chiến đấu ngoan cường chống lại chúng. Phong trào giải phóng dân tộc diễn ra liên tục, rầm rộ ở các nước nhưng cuối cùng bị thất bại, do:

- Thiếu đường lối đấu tranh đúng đắn.
- Chưa có giai cấp tiên tiến lãnh đạo.
- Vẫn còn các thế lực phong kiến bảo thủ, phản động, đi theo đế quốc.

Câu 11: Lập niên biểu về các sự kiện cơ bản của lịch sử thế giới cận đại theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	*Sự kiện*	*Kết quả*
8-1566		
1640-1688		
1775-1783		
1789-1794		
Những năm 60 thế kỉ XVIII		
2-1848		
28-9-1864		
1871		
Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX		
1911		
1-1868		
1914-1918		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	Sự kiện	Kết quả
8-1566	Cách mạng Hà Lan	Lật đổ ách thống trị của vương quốc Tây Ban Nha.
1640-1688	Cách mạng tư sản Anh	Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển, đem lại quyền lợi cho quí tộc mới và tư sản.
1775-1783	Chiến tranh giành độc lập của các thuộc Anh ở Bắc Mĩ.	Giành độc lập, Hợp chúng quốc Hoa Kì ra đời.
1789-1794	Cách mạng tư sản Pháp	Lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên cầm quyền, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
Những năm 60 thế kỉ XVIII	Cách mạng công nghiệp.	Máy móc ra đời.
2-1848	Tuyên ngôn Đảng Cộng sản.	Là văn kiện quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học.
28-9-1864	Quốc tế thứ nhất thành lập.	Truyền bá học thuyết Mác.
1871	Công xã Pa-ri.	Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới.
Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX	- Chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. - Phong trào công nhân quốc tế - Cách mạng 1905-1907 ở Nga.	- Sự hình thành các công ti độc quyền. - Các tổ chức chính trị độc lập của công nhân các nước ra đời. Quốc tế thứ hai ra đời. - Thất bại.
1911	Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc).	Thành lập Trung Hoa Dân quốc.
1-1868	Cuộc Duy tân Minh Trị.	Nhật Bản phát triển tư bản chủ nghĩa.
1914-1918	Chiến tranh thế giới thứ nhất.	Thuộc địa thế giới được chia lại.

Câu 12: Cách mạng tư sản có tác dụng tích cực và hạn chế như thế nào đối với sự phát triển lịch sử.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Tích cực:*
  + Xoá bỏ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
  + Tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế, khoa học - kĩ thuật.
  + Đưa loài người bước vào nền văn minh mới: văn minh công nghiệp.
- *Hạn chế:*
  + Thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác.
  + Làm nẩy sinh những mâu thuẫn mới trong xã hội. Các cuộc đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 13: Hãy nêu nguyên nhân bùng nổ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại. Hình thức đấu tranh của cách mạng như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân:

+ Sự hình thành mầm mống của lực lượng sản xuất chủ nghĩa tư bản trong lòng chế độ phong kiến.

+ Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa với quan hệ sản xuất phong kiến ngày càng gay gắt.

- Hình thức của các cuộc cách mạng không giống nhau:

+ Chiến tranh giải phóng dân tộc (Hà Lan).

+ Nội chiến (Cách mạng tư sản Anh).

+ Chiến tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc (Bắc Mĩ).

+ Đấu tranh thống nhất đất nước (Đức, I-ta-li-a).

+ Cải cách (Nga, Nhật Bản)...

Câu 14: Trình bày những mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản của giai cấp công nhân diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Những mâu thuẫn cơ bản:

+ Mâu thuẫn giữa tư sản, các tầng lớp nhân dân với chế độ phong kiến ngày càng gay gắt dẫn đến những cuộc cách mạng tư sản.

+ Mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản.

- Phong trào đấu tranh của công nhân:

+ Chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời đã dẫn dắt phong trào đấu tranh của công nhân ngày cành giành được thắng lợi.

+ Những năm cuối thế kỉ XIX, phong trào công nhân thế giới phát triển với các cuộc đấu tranh mạnh mẽ diễn ra ở nhiều nước tư bản, sự ra đời của các tổ chức quần chúng và các đảng của giai cấp công nhân, việc thành lập và hoạt động của Quốc tế thứ nhất, Quốc tế thứ hai... đã đưa đến thắng lợi trong Công xã Pa-ri, phong trào công nhân Si-ca-gô ở Mĩ, Cách mạng 1905-1907 ở Nga, đỉnh cao là Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

PHẦN HAI
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
(PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

Chương I
CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

Bài 9
CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Em có nhận xét gì về tình hình nước Nga trước cách mạng?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nga vẫn là nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II. Đời sống nhân dân Nga ngày càng khó khăn:

+ Nông dân, công nhân bị áp bức bóc lột nặng nề, bị bần cùng hoá.

+ Nạn đói và nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng.

+ Số người chết, người bị thương ngoài mặt trận tăng cao.

- Năm 1914, Nga tham gia vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên hậu quả nghiêm trọng cho đất nước.

- Người dân Nga trước cách mạng không thể chấp nhận sống dưới ách thống trị của chế độ Nga hoàng được nữa, phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp nơi. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

Câu 2: Cách mạng tháng Hai năm 1917 đã thực hiện được những nhiệm vụ gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng tồn tại lâu đời trên đất nước Nga, chấm dứt thời kì thống trị của chế độ quân chủ chuyên chế ở Nga.

- Sau cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga hình thành cục diện hai chính quyền song song tồn tại: Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và các Xô viết của giai cấp vô sản.

- Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại và xung đột giữa chúng là không thể tránh khỏi. Trong bối cảnh đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

Câu 3: Cách mạng tháng Mười diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi. Nước Nga có hai chính quyền song song tồn tại: Các Xô viết của giai cấp vô sản và Chính phủ lâm thời của tư sản.

- Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

- Tháng 4 – 1917, Lê-nin thông qua Luận cương tháng Tư, chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Trải qua 8 tháng đấu tranh, từ đấu tranh hoà bình nhằm tập hợp lực lượng quần chúng để đủ sức lật đổ giai cấp tư sản, Đảng Bôn-sê-vích chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

- Ngày 7 – 10 (20 - 10), Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo cách mạng.

- Cuộc khởi nghĩa bắt đầu đêm 24-10 (6-11 theo lịch Nga). Các đội Cận vệ đã nhanh chóng chiếm được những vị trí then chốt ở thủ đô. Đêm 25-10 (7-11), quân khởi nghĩa chiếm Cung điện Mùa Đông. Chính phủ tư sản lâm thời sụp đổ.

- Tiếp theo thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát, chính quyền Xô viết được tành lập ở Mát-xcơ-va. Đầu năm 1918, cách mạng xã hội chủ nghĩa giành được thắng lợi trên đất nước Nga rộng lớn.

Câu 4: Chính quyền Xô viết đã làm những gì và đem lại lợi ích cho ai?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chính quyền Xô viết đã thông qua Sắc lệnh hoà bình và Sắc lệnh ruộng đất.

- Thực hiện các biện pháp nhằm thủ tiêu tàn tích của chế độ phong kiến, xoá bỏ sự phân biệt đẳng cấp, những đặc quyền của Giáo hội; thực hiện nam nữ bình quyền.

- Thành lập các cơ quan trung ương và các Xô viết ở các địa phương; chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bãi bỏ. Hồng quân công nông được thành lập để bảo vệ chính quyền mới.

- Công bố Tuyên ngôn về quyền các dân tộc ở Nga, khẳng định những nguyên tắc cơ bản về quyền dân tộc tự quyết, bình đẳng và chủ quyền của tất cả các dân tộc ở Nga.

- Quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản.

Tất cả các việc làm của Chính quyền Xô viết đem lại lợi ích cho toàn thể nhân dân lao động và các dân tộc ở Nga. Đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân Nga.

Câu 5: Chính sách cộng sản thời chiến có những nội dung gì và ý nghĩa lịch sử như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Nội dung:*

Trong hoàn cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919 Chính quyền Xô viết thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến. Nội dung:

+ Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

+ Trưng thu lương thực thừa của nông dân.

+ Thi hành chế độ lao động cưỡng bức đối với toàn dân (từ 16 đến 50 tuổi) nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài.

- *Ý nghĩa:*

+ Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng hiểm nghèo, ổn định đời sống xã hội cho nhân dân.

+ Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục đất nước, chống lại sự can thiệp của các đế quốc bên ngoài và lực lượng bạo loạn trong nước.

Câu 6: Nêu ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi hoàn toàn vận mệnh đất nước và số phận của hàng triệu con người ở Nga. Một kỉ nguyên mới đã mở ra cho lịch sử nước Nga: Giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười đã làm thay đổi cục diện thế giới cổ vũ mạnh mẽ và để lại nhiều bài học quý giá cho phong trào cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới.

Câu 7: Vì sao năm 1917 ở nước Nga đã diễn ra hai cuộc cách mạng?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc cách mạng lần thứ nhất bùng nổ vào tháng Hai 1917 đã lật đổ chế độ Nga hoàng và dẫn tới tình trạng hai chính quyền song song tồn tại. Đó là cuộc cách mạng dân chủ tư sản.

- Cuộc cách mạng thứ hai do Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo, lật đổ chính phủ lâm thời tư sản, thiết lập chính quyền thống nhất trong toàn quốc của Xô viết. Đó là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới.

Sở dĩ nước Nga năm 1917 có hai cuộc cách mạng như vậy vì: ở Nga năm 1917 có hai chính quyền còn tồn tại, đó là chính phủ Nga hoàng và chính phủ lâm thời của tư sản. Cách mạng tháng Hai nhằm lật đổ chế độ Nga hoàng, xoá bỏ chế độ phong kiến tồn tại lâu đời trên đất nước Nga; tiếp theo đó Cách mạng tháng Mười nhằm lật đổ chính phủ lâm thời tư sản, đưa nước Nga bước vào thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 8: Việc xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết diễn ra như thế nào ngay sau khi Cách mạng tháng Mười thành công?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Xây dựng Chính quyền Xô viết:

+ Ngay trong đêm 25-10 (7-11), Đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai khai mạc ở Điện Xmô-nưi đã tuyên bố thành lập chính quyền Xô viết do Lê-nin đứng đầu. Nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền Xô viết là đập tan bộ máy nhà nước cũ của giai cấp tư sản và địa chủ, khẩn trương xây dựng bộ máy nhà nước mới của những người lao động.

+ Các cơ quan trung ương và Xô viết các địa phương được thành lập, chính quyền tư sản, địa chủ các cấp đều bị bãi bỏ.

+ Cuối tháng 11-1917, chính quyền Xô viết bước đầu quốc hữu hoá các nhà máy, xí nghiệp của giai cấp tư sản. Tháng 12-1917, Hội đồng kinh tế quốc dân tối cao được thành lập.

- Bảo vệ Chính quyền Xô viết:

+ Cuối năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết non

trẻ. Trong suốt ba năm (1918 - 1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững chính quyền Xô viết.

+ Từ năm 1919 nước Nga thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng, Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước. Năm 1920, chiến sự chấm dứt, Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Luận cương tháng Tư của Lê-nin có ý nghĩa như thế nào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 4 – 1917, Lê-nin trình bày trước Trung ương Đảng Bôn-sê-vích bản báo cáo quan trọng "Nhiệm vụ của giai cấp vô sản trong cuộc cách mạng hiện nay" (Luận cương tháng Tư).

- Luận cương tháng Tư có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga:

+ Luận cương đã chỉ ra mục tiêu và đường lối để chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Luận cương đã xác định cụ thể các bước chuyển từ Cách mạng tháng Hai sang Cách mạng tháng Mười.

Câu 2: Lập bảng thống kê các sự kiện từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười 1917.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*	*Kết quả, ý nghĩa*
23-2-1917	9 vạn nữ công nhân Pê-tơ-rơ-grát biểu tình.	Thúc đẩy công nhân toàn quốc đấu tranh.
26-2-1917	Tổng bãi công chính trị - Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grát.	Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ, hai chính quyền tồn tại.
24-10-1917	Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grát.	Chiếm thành phố Pê-tơ-rơ-grát.
25-10-1917	Tấn công Cung điện Mùa Đông.	Chính phủ lâm thời tư sản bị lật đổ.

Câu 3: Vì sao nhân dân Xô viết phải thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự ra đời của Nhà nước Xô viết làm cho các nước đế quốc lo lắng, tìm cách tập hợp lực lượng để tiêu diệt nước Cộng hoà Xô viết non trẻ. Tình hình nước Nga Xô viết cực kì khó khăn.

- Cuối năm 1918, quân đội 14 nước đế quốc cấu kết với lực lượng phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết non trẻ. Trong suốt ba năm (1918 - 1920), nhân dân Xô viết đã tập trung toàn bộ sức

lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững chính quyền Xô viết.

- Từ năm 1919 nước Nga thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến nhằm huy động tối đa mọi nguồn của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài. Vừa chiến đấu, vừa xây dựng Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước. Năm 1920, chiến sự chấm dứt, Nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

Câu 4: Vì sao nhân dân Xô viết bảo vệ được thành quả Cách mạng tháng Mười.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nhờ sự lãnh đạo tài tình của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích với đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo.
- Nhờ thực hiện Chính sách cộng sản thời chiến, huy động tối đa nhân tài, vật lực của đất nước, sức mạnh và sự ủng hộ của nhân dân.
- Nhờ phát huy lòng yêu nước của nhân dân để bảo vệ chế độ mới.
- Nhờ sự chiến đấu vô cùng anh dũng của Hồng quân Liên Xô.

Câu 5: Vì sao đến đầu thế kỉ XX, nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đầu thế kỉ XX, Nga vẫn là một nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng Ni-cô-lai II.
- Sự tồn tại của chế độ quân chủ và những tàn tích phong kiến đã kìm hãm nặng nề sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga.
- Năm 1914, Nga hoàng đã đẩy nhân dân Nga vào cuộc chiến tranh đế quốc, gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho đất nước.
- Phong trào phản đối chiến tranh, đòi lật đổ chế độ Nga hoàng lan rộng khắp trong nước. Chính phủ Nga hoàng ngày càng tỏ ra bất lực, không còn khả năng tiếp tục thống trị được nữa. Nước Nga đã tiến sát tới một cuộc cách mạng.

Câu 6: Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 diễn ra như thế nào? Kết quả của cách mạng.

** Hướng dẫn trả lời:*

** Diễn biến:*

- Tháng 2-1917 (theo lịch Nga), cuộc cách mạng dân chủ tư sản bùng nổ ở Nga.
  + Cuộc biểu tình ngày 23-2 của 9 vạn nữ công nhân ở thủ đô Pê-tơ-rô-grát.
  + Ngày 27-2, phong trào nhanh chóng lan rộng toàn thành phố và chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa chiếm được các công sở, bắt các tướng tá của Nga hoàng. Chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ.
- Tin thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở thủ đô đã bay nhanh khắp trong nước. Chỉ trong vòng 8 ngày, trên phạm vi cả nước, quần chúng nhân dân đã vùng dậy lật đổ chế độ cũ. Nước Nga trở thành nước cộng hòa.

** Kết quả:*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai thắng lợi với việc lật đổ chế độ Nga hoàng. Cuộc cách mạng do đông đảo quần chúng tiến hành dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Cách mạng tháng Hai vì thế là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

- Tuy nhiên, một tình hình chính trị phức tạp chưa từng có đã diễn ra ở nước Nga. Đó là tình trạng hai chính quyền song song tồn tại: Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và chính quyền Xô viết của giai cấp vô sản.

- Hai chính quyền này đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể cùng tồn tại. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng, lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời.

Câu 7: Lập bảng so sánh cách mạng dân chủ tư sản với Cách mạng tháng Hai năm 1917.

Nội dung so sánh	*Cách mạng dân chủ tư sản*	*Cách mạng tháng Hai 1917*
Tính chất nhiệm vụ		
Giai cấp lãnh đạo		
Động lực cách mạng		
Chính quyền nhà nước		
Xu hướng phát triển		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Nội dung so sánh	*Cách mạng dân chủ tư sản*	*Cách mạng tháng Hai 1917*
Tính chất nhiệm vụ	Đánh đổ chế độ phong kiến. Xoá bỏ tàn tích phong kiến. Thực hiện dân chủ.	Đánh đổ chế độ phong kiến Nga Hoàng. Xoá bỏ tàn tích phong kiến.
Giai cấp lãnh đạo	Giai cấp tư sản.	Giai cấp vô sản
Động lực cách mạng	Tư sản và nông dân.	Công nhân, nông dân và binh lính.
Chính quyền nhà nước	Chuyên chính tư sản.	Chuyên chính công nông.
Xu hướng phát triển	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.	Tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 8: Vì sao cách mạng tháng Mười Nga 1917 được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và lịch sử nhân loại ở thế kỉ XX?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Cách mạng tháng Mười đưa đến việc thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, có ý nghĩa to lớn đối với nước Nga và thế giới.

- *Đối với nước Nga:*

+ Mở ra một kỉ nguyên mới cho nước Nga, làm thay đổi vận mệnh đất nước và số phận hàng triệu con người ở Nga.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi mọi xiềng xích nô lệ, làm chủ vận mệnh đất nước.

+ Sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đã đưa nhân dân lên nắm chính quyền ở một nước chiếm 1/6 diện tích thế giới.

- *Đối với thế giới:*

+ Có ảnh hưởng đến phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ ra cho họ con đường đi đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Câu 9: Lê-nin đóng vai trò như thế nào đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga 1917?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Lê-nin đóng vai trò quan trọng lãnh đạo trực tiếp, quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga:

- Lê-nin cùng Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm cách mạng lật đổ Chính phủ lâm thời tư sản

- Lê-nin soạn thảo Luận cương tháng Tư, chỉ ra mục tiêu và đường lối chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Lê-nin vạch kế hoạch, trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rơ-grat, tuyên bố thành lập chính phủ Xô viết.

Bài 10
LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Chính sách kinh tế mới tác động đến nền kinh tế nước Nga như thế nào? (xem bảng thống kê)

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Chính sách kinh tế mới đã xác định những biện pháp đúng đắn, thiết thực nhằm thúc đẩy kinh tế nước Nga phát triển. Đặc biệt là việc thực hiện chính sách thu thuế cố định thay cho trưng thu lương thực thừa đã có tác dụng thúc đẩy nông nghiệp phát triển, vì nông dân yên tâm sản xuất hơn.

- Với việc chuyển nền kinh tế nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần dưới sự kiểm soát của nhà nước, đáp ứng và giải quyết được những yêu cầu của nền kinh tế đất nước khi mà Chính sách cộng sản thời chiến không còn phù hợp.

- Thực hiện Chính sách kinh tế mới đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp phát triển nhanh chóng (dựa theo sản lượng trong bảng thống kê để chứng minh).

- Thực hiện Chính sách kinh tế mới làm cho đời sống nhân dân được nâng cao, đưa đất nước vượt qua những khó khăn to lớn về kinh tế, chính trị, góp phần hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.

- Chính sách kinh tế mới thực sự là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, sáng tạo của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích.

Câu 2: Việc thành lập Liên bang Xô viết có ý nghĩa như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Là sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng, nó đánh dấu sức mạnh của nhà nước Xô viết ngày càng được tăng cường.

- Nó khẳng định tính đúng đắn trong chính sách dân tộc của Lê-nin, nhất là sự cần thiết phải đoàn kết các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Liên Xô.

- Nó góp phần chống lại sự chia rẽ dân tộc của các thế lực phản động trong và ngoài nước.

Câu 3: Qua bảng thống kê trong sách giáo khoa (trang 57), hãy nêu nhận xét về thành tựu của Liên Xô trong lĩnh vực công nghiệp.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Qua bảng thống kê cho thấy rằng thành tựu của Liên Xô trong lĩnh vực công nghiệp tăng nhanh trong thời kì Liên Xô thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 – 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1933 – 1937). Trong đó sản lượng than, gang, thép đều tăng gấp hơn 3 lần.

- Từ những thành tựu đạt được trong lĩnh vực công nghiệp cho thấy rằng nhà nước Liên Xô có những chủ trương đúng đắn trong việc phát triển kinh tế, thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là ưu tiên phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng.

- Cũng qua đó thể hiện sự cần cù, sáng tạo của nhân dân lao động ở Liên Xô trong việc thực hiện chủ trương công nghiệp hoá đất nước.

Câu 4: Nêu những thành tựu của Liên Xô qua hai kế hoạch 5 năm đầu tiên.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Qua hai kế hoạch 5 năm, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản lượng quốc dân.

- Trong nông nghiệp, công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đã đưa 93% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác vào nền nông nghiệp tập thể hóa, có quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất - kĩ thuật được cơ giới hóa.

- Về văn hóa - giáo dục, Liên xô đã thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố.

- Cùng với những biến đổi về kinh tế, cơ cấu giai cấp xã hội cũng thay đổi. Các giai cấp bóc lột bị xóa bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức mới xã hội chủ nghĩa.

- Từ năm 1937, nhân dân Liên xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba, nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội tạm thời bị gián đoạn bởi cuộc chiến tranh xâm lược của phát xít Đức tháng 6-1941.

Câu 5: Liên Xô đã đạt được những thành tựu gì trong quan hệ ngoại giao vào những năm 1922 – 1933?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Cách mạng tháng Mười, chính quyền Xô viết đã từng bước xác lập quan hệ ngoại giao với một số nước láng giềng ở châu Á và châu Âu.

- Tuy nhiên, tồn tại trong vòng vây thù địch của chủ nghĩa tư bản thế giới, Liên Xô đã kiên trì và bền bỉ đấu tranh trong quan hệ quốc tế, từng bước phá vỡ chính sách bao vây, cô lập về kinh tế và ngoại giao của các nước đế quốc.

Câu 6: Nêu những nội dung cơ bản của Chính sách kinh tế mới.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn: Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng. Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi. Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - chính trị, đe doạ sự tồn tại của chính quyền Xô viết. Nhằm khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế. Đại hội lần thứ X Đảng Bôn-sê-vích vào tháng 3 - 1921 quyết định chuyển Chính sách cộng sản thời chiến sang Chính sách kinh tế mới.

- Nội dung Chính sách kinh tế mới:

+ Thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực.

+ Cho phép tư nhân xây dựng những xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.

+ Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế.

+ Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi.

Câu 7: Trình bày những biến đổi về mọi mặt của Liên Xô sau hai kế hoạch 5 năm đầu tiên.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Về kinh tế:*

+ Công nghiệp: công cuộc công nghiệp hoá ngày càng được mở rộng, đưa Liên Xô từ một nước nông nghiệp lạc hậu trở thành một nước công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Năm 1937, sản lượng công nghiệp chiếm 77,4% tổng sản phẩm quốc dân.

+ Nông nghiệp: 90% số nông hộ với trên 90% diện tích canh tác đã được đưa vào nền nông nghiệp tập thể hoá, có quy mô sản xuất lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật được cơ giới hoá.

- *Về chính trị - xã hội:* giữ vững và bảo vệ được thành quả của Cách mạng tháng Mười, làm cho nhà nước Liên Xô phát triển ổn định.

- *Về văn hoá – giáo dục:* đã thanh toán được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất.

- Những thành tựu trên góp phần khẳng định sự tồn tại vững chắc của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nước Nga Xô viết gặp phải những khó khăn gì về kinh tế, chính trị?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn:

+ Gánh chịu hậu quả nặng nề do bốn năm chiến tranh đế quốc và ba năm nội chiến.

+ Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng với tổng thiệt hại lên đến 39 tỉ rúp.

- Bên cạnh khó khăn về kinh tế là những thách thức nghiêm trọng về chính trị:

+ Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

+ Tình trạng đói kém làm phân tán và suy giảm tinh thần đội ngũ công nhân.

+ Nông dân bất bình với chính sách trưng thu lương thực thừa.

- Nước Nga rơi vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - chính trị, đe doạ sự tồn tại của chính quyền Xô viết.

Câu 2: Nêu nhận xét về tình hình kinh tế nước Nga năm 1921 so với năm 1913 – năm phát triển cao nhất của nước Nga Sa hoàng – qua bảng kê trên đây.

** Hướng dẫn trả lời:*

Sản phẩm	*Năm 1913*	*Năm 1921*
Ngũ cốc (triệu tấn)	81,63	37,6
Gang (triệu tấn)	4,8	0,1
Thép (triệu tấn)	5,2	0,2
Vải sợi (triệu mét)	2582,0	105,0
Điện (triệu kw/h)	1,9	0,55

Nhận xét:

- So với năm 1913 thì sản lượng các sản phẩm ở Nga giảm sút nghiêm trọng, điều đó chứng tỏ rằng kinh tế nước Nga Xô viết đang gặp rất nhiều khó khăn.

- Những khó khăn, thử thách đó đặt ra cho nước Nga Xô viết cần phải có chính sách về kinh tế cho phù hợp để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

Câu 3: Vì sao việc thực hiện Chính sách kinh tế mới lại bắt đầu từ nông nghiệp?

** Hướng dẫn trả lời:*

Chính sách kinh tế mới ở Nga bắt đầu từ nông nghiệp, mà quan trọng nhất là thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng chế độ thuế lương thực. Sở dĩ như vậy vì:

- Đối với nước Nga lúc này để thoát ra khỏi khủng hoảng, nông nghiệp là khâu căn bản, từ đó có thể kéo theo toàn bộ day chuyền của cuộc phát triển lực lượng sản xuất.

- Việc nông dân được tự do bán lương thực ra thị trường sau khi nộp đủ thuế sẽ làm cho họ phấn khởi sản xuất, nâng cao năng suất lao động, sản xuất nông nghiệp phục hồi nhanh chóng.

- Trên cơ sở được cung cấp lương thực và nguyên liệu từ nông nghiệp, sản xuất công nghiệp được phục hồi và phát triển.

Câu 4: Dựa vào số liệu năm 1921 và năm 1923 trong bảng kê dưới đây, hãy nêu tác dụng của Chính sách kinh tế mới đối với nền kinh tế.

** Hướng dẫn trả lời:*

Sản phẩm	*Năm 1921*	*Năm 1923*
Ngũ cốc (triệu tấn)	37,6	56,6
Gang (triệu tấn)	0,1	0,3
Thép (triệu tấn)	0,2	0,7
Vải sợi (triệu mét)	105,0	691,0
Điện (triệu kw/h)	0,55	1,1

Tác dụng:

- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.
- Nước Nga đã đẩy mạnh được sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 5: Liên bang Xô viết được thành lập như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của V.I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn liên bang diễn ra cuối tháng 12-1922 đã tuyên bố thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên xô), gồm bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-đơ.
- Mặc dù có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, về diện tích và dân số giữa các nước cộng hoà, nhưng tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Lê-nin là sự bình đẳng về mọi mặt và quyền tự quyết của các dân tộc, sự giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Đến cuối năm 1925, nhờ sự nỗ lực của các nước cộng hoà, Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 6: Vai trò của V. I. Lê-nin trong công cuộc khôi phục kinh tế và phát triển đất nước sau chiến tranh.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau chiến tranh, nước Nga Xô viết gặp rất nhiều khó khăn, để khắc phục khủng hoảng, nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh và phát triển kinh tế, Lê-nin đã đề ra Chính sách kinh tế mới. Nhờ chính sách này đã đưa nước Nga vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị.
- Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi các dân tộc phải liên minh chặt chẽ với nhau nhằm tăng cường sức mạnh về mọi mặt. Chính Lê-nin là người chỉ đạo trực tiếp Đại hội lần thứ nhất các xô viết toàn Liên bang và tuyên bố thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô).
- Sau khi thành lập Liên bang Xô viết, Lê-nin còn chỉ đạo các nước cộng hoà phải thực hiện quyền bình đẳng, quyền dân tộc tự quyết và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển vì mục tiêu chung là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.
- Nhờ những công lao to lớn của Lê-nin cùng với sự nỗ lực của các nước cộng hoà mà Liên Xô đã hoàn thành về cơ bản công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh.

Câu 7: Hãy cho biết vì sao để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, Liên Xô chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất lạc hậu, với nền nông nghiệp chiếm trên 2/3 tổng sản phẩm quốc dân.

- Liên Xô phải thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá để biến Liên Xô từ một nước nông nghiệp thành một nước công nghiệp.

Câu 8: Lập bảng so sánh "Chính sách cộng sản thời chiến" và "Chính sách kinh tế mới" theo mẫu dưới đây:

Tiêu chí so sánh	*Chính sách cộng sản thời chiến*	*Chính sách kinh tế mới*
Hoàn cảnh		
Nội dung		
Tác dụng		

** Hướng dẫn trả lời:*

Tiêu chí so sánh	*Chính sách cộng sản thời chiến*	*Chính sách kinh tế mới*
Hoàn cảnh	1918-1920, tiến hành chiến tranh cách mạng thù trong giặc ngoài.	1921-1925, khó khăn khi đất nước bước vào thời kì hòa bình, xây dựng xã hội chủ nghĩa.
Nội dung	- Trưng thu lương thực thừa. - Quốc hữu hóa toàn bộ xí nghiệp. - Nhà nước nắm độc quyền về quản lí, phân phối lương thực, thực phẩm. - Thi hành chế độ lao động bắt buộc.	- Bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực, thay bằng thuế lương thực. - Tự do buôn bán, mở lại các chợ. - Cho phép tư nhân mở các xí nghiệp nhỏ. - Khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga.
Tác dụng	- Tập trung toàn bộ sức người, sức của để chống thù trong giặc ngoài. - Bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Mười.	- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. - Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 9: Sự thành lập Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của V.I. Lê-nin, Đại hội lần thứ nhất các Xô viết toàn liên bang diễn ra cuối tháng 12-1922 đã tuyên bố thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô), gồm bốn nước cộng hòa Xô viết đầu tiên là Nga, U-crai-na, Bê-lô-rút-xi-a và Ngoại Cáp-ca-đơ.

- Ngày 21-1-1924, V.I. Lê-nin, lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản, người đứng đầu Đảng và nhà nước Xô viết, qua đời. Đó là một tổn thất to lớn đối với nhân dân Liên Xô, giai cấp công nhân quốc tế và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Sau khi Lê-nin mất, Xta-lin lên thay, tiếp tục lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Liên Xô trong những năm 1924 - 1953.

Câu 10: Em có nhận xét gì về "Chính sách kinh tế mới"? Theo hiểu biết của em Đảng Cộng sản Việt Nam có vận dụng chính sách này trong thời kì đổi mới không?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Có thể xem "Chính sách kinh tế mới" là một bước lùi nhưng là một bước lùi cần thiết để Liên Xô vượt qua những khó khăn thử thách tạo dà vững bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lê-nin.

- Đảng ta đã vận dụng kinh nghiệm này vào điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời kì đổi mới là phát triển nền kinh tế sản xuất hàng hóa nhiều thành phần có sự định hướng của nhà nước.

Câu 11: Ghi sự kiện lịch sử vào cột B cho phù hợp với thời gian ở cột A dưới đây:

A	*B*
1. 3-1921	
2. 12-1922	
3. 1940	
4. 1926-1929	
5. 1928-1932	
6. 1933-1937	
7. 1936	
8. 6-1941	

** Hướng dẫn trả lời:*

A	*B*
1. 3-1921	Đảng Bôn-sê-vích thực hiện Chính sách kinh tế mới
2. 12-1922	Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết thành lập
3. 1940	Nâng tổng số 15 nước gia nhập Liên Xô
4. 1926-1929	Tiến hành công nghiệp hóa
5. 1928-1932	Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất
6. 1933-1937	Kế hoạch 5 năm lần thứ hai
7. 1936	Sản lượng công nghiệp đứng đầu châu Âu
8. 6-1941	Đức tấn công Liên Xô

Chương II
CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 11
TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Dựa vào lược đồ (trang 60), hãy so sánh sự thay đổi lãnh thổ các nước châu Âu năm 1923 với năm 1914.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, trật tự thế giới mới theo hệ thống Véc-xai – Oa-sinh-tơn được thiết lập đưa tới sự thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế và làm thay đổi bản đồ chính trị châu Âu.
- Các quốc gia không còn trên bản đồ châu Âu: Áo – Hung.
- Các quốc gia mới ra đời: Áo, Hung, Tiệp Khắc, Nam Tư và Ba Lan.
- Những nước có thay đổi về lãnh thổ:
  + Đức bị mất 1/8 đất đai, gần 1/12 dân số.
  + Áo chỉ còn 6 triệu dân là người Đức.
  + Hung-ga-ri chỉ còn giữ được 1/3 lãnh thổ.
  + Ru-ma-ni được sáp nhập thêm vùng Bô-cô-vi-a của Áo và Tơ-ran Xin-va-ni-a của Hung-ga-ri.
- Các quốc gia khác như I-ta-li-a, Ba Lan, Bun-ga-ri cũng có những thay đổi đáng kể về lãnh thổ.

Câu 2: Nêu những nét nổi bật của cao trào cách mạng 1918 – 1923 ở các nước tư bản châu Âu.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Những năm 1918 – 1923, một phong trào cách mạng đã bùng nổ ở các nước tư bản.
- *Nguyên nhân:*
  + Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, châu Âu là chiến trường chính, toàn bộ gánh nặng của chiến tranh đè lên vai những người lao động.
  + Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.
- *Đặc điểm nổi bật của phong trào:*
  + Mang tính quần chúng rộng lớn.
  + Không dừng lại ở yêu sách kinh tế.
  + Thể hiện tính tích cực về chính trị, thành lập các nước Cộng hoà Xô viết.
- Những năm 1924 -1929, phong trào công nhân tạm thời lắng xuống. Tuy thế các cuộc đấu tranh đòi cải thiện điều kiện làm việc, chế độ tiền lương, đòi tự do dân chủ vẫn tiếp diễn.

Câu 3: Qua các nội dung hoạt động của Đại hội II và Đại hội VII, hãy nhận xét vai trò của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đại hội II (1920) giữ một vị trí nổi bật trong lịch sử hoạt động của Quốc tế Cộng sản với việc thông qua Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, do Lê-nin khởi thảo.

+ Qua Luận cương về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã chỉ ra cho cách mạng thế giới, nhất là cách mạng vô sản muốn đấu tranh giành được thắng lợi phải có chính đảng của giai cấp vô sản. Nó trở thành nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng vô sản.

+ Qua Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin đã chỉ ra cho giai cấp vô sản và các đan tộc thuộc địa muốn đấu tranh giành thắng lợi phải liên minh, liên kết với nhau, thực hiện khẩu hiệu của Lê-nin: "Vô sản tất cả các nước và các đan tộc bị áp bức đoàn kết lại".

- Đại hội lần VII (1935), Quốc tế Cộng sản đã chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng cộng sản tích cực đấu tranh thành lập các mặt trận thống nhất công nhân và các lực lượng tiến bộ nhằm mục tiêu chống phát xít, chống chiến tranh.

+ Nhờ có chủ trương của Quốc tế Cộng sản tại Đại hội VII mà các nước đã lần lượt thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

+ Mặt trận nhân dân các nước ra đời đã tập hợp được một lực lượng cách mạng đông đảo làm nhiệm vụ chống phát xít, bảo vệ độc lập dân tộc.

Câu 4: Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đã gây ra những hậu quả gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tàn phá kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa. Nó kết thúc thời kì phát triển ổn định của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, chuyển sang giai đoạn khủng hoảng, suy thoái kéo dài, tàn phá nặng nề nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, chủ yếu là ở Đức và Mĩ.

- Từ khủng hoảng về kinh tế gây ra hậu quả nghiêm trọng về chính trị xã hội: hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

- Nhiều cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

- Dẫn tới sự hình thành phe trục phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản, đe doạ nền hoà bình thế giới, nguy cơ chiến tranh bùng nổ.

Câu 5: Tại sao cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) lại dẫn tới nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc khủng hoảng đã tàn phá kinh tế, gây ra hậu quả nghiêm trọng về chính trị xã hội.

+ Hàng chục vạn công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

+ Nhiều cuộc đấu tranh của những người thất nghiệp diễn ra ở khắp các nước.

+ Đe doạ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.

- Để giải quyết khủng hoảng:

+ Đối với Anh, Pháp, Mĩ: tiến hành cải cách kinh tế - xã hội, đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất.

+ Đối với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng hình thức thống trị mới. Đó là thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất. Khi chủ nghĩa phát xít hình thành nguy cơ chiến tranh thế giới mới bùng nổ.

Câu 6: Mặt trận Nhân dân Pháp đã giành được thắng lợi như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Thắng lợi của Mặt trận Nhân dân Pháp trong những năm 1936 – 1939 là sự kiện nổi bật trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

- Trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5 – 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành được thắng lợi, lên nắm chính quyền ở Pháp và thành lập chính phủ do Lê-ông Bơ-lum đứng đầu.

- Phong trào Mặt trận Nhân dân đã bảo vệ được nền dân chủ, đưa nước Pháp vượt qua hiểm hoạ chủ nghĩa phát xít.

- Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (1935) đề cao việc thành lập Mặt trận Nhân dân Pháp, coi đó là kinh nghiệm cần phổ biến rộng rãi cho các nước trong cuộc đấu tranh chống phát xít và nguy cơ chiến tranh.

Câu 7: Trình bày các giai đoạn phát triển chính của chủ nghĩa tư bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939).

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước tư bản tổ chức Hội nghị Véc-xai (1919-1920) và Hội nghị Oa-sinh-tơn để phân chia quyền lợi. Trật tự Véc- Oa hình thành.

- *Mười năm sau chiến tranh, các nước tư bản phát triển qua các giai đoạn:*

+ Giai đoạn 1918 - 1923: Các nước tư bản (trừ Mĩ) lâm vào trình trạng khủng hoảng kinh tế, chính trị, biểu hiện ở sự suy sụp về kinh tế và cao trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

+ Giai đoạn 1924 - 1929: Các nước tư bản bước vào thời kì ổn định về chính trị và đạt mức tăng trưởng về kinh tế. Nhưng sự phát triển không đồng đều giữa các nước.

+ Giai đoạn 1929 – 1933: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới ở các nước tư bản chủ nghĩa để lại những hậu quả nặng nề về kinh tế, chính trị - xã hội đối với các nước tư bản.

+ Giai đoạn 1933 – 1939: Sự thiết lập của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản và sự phục hồi kinh tế của các nước tư bản.

Câu 8: Nêu những hậu quả về chính trị, xã hội của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) đối với các nước tư bản.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc khủng hoảng đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng về chính trị, xã hội. Hàng chục triệu công nhân thất nghiệp, nông dân mất ruộng đất, sống trong cảnh nghèo đói, túng quẫn.

- Khủng hoảng đã đe doạ nghiêm trọng sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản, các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng những hình thức thống trị mới. Đó là việc thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

- Quan hệ giữa các cường quốc tư bản ngày càng chuyển biến phức tạp. Sự hình thành hai khối đế quốc đối lập, một bên là Anh, Pháp, Mĩ với một bên là Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản và cuộc chạy đua vũ trang ráo riết đã báo hiệu nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Câu 9: Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tháng 7 - 1935, Quốc tế Cộng sản tiến hành Đại hội lần thứ VII chỉ đạo cho các Đảng Cộng sản thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít.

- Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận nhân dân chống phát xít được thành lập ở Pháp, I-ta-li-a, Tiệp Khắc, Hi Lạp, Tây Ban Nha...

+ Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha thành lập vào tháng 2 - 1936. Cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha (1936 - 1939) nhận được sự ủng hộ to lớn của phong trào cách mạng thế giới, do sự can thiệp của phát xít Đức, I-ta-li-a và sự nhượng bộ của các nước tư bản, cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân Tây Ban Nha cuối cùng bị thất bại.

+ Mặt trận Nhân dân Pháp thành lập 5 - 1936. Trong cuộc tổng tuyển cử, Mặt trận Nhân dân Pháp giành được thắng lợi, do Lê-ông Bơ-lum đứng đầu. Phong trào Mặt trận nhân dân đã bảo vệ được nền dân chủ đưa nước Pháp vượt qua hiểm hoạ của chủ nghĩa phát xít.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Trình bày nguyên nhân và đặc điểm của phong trào cách mạng (1918 – 1929) ở các nước tư bản.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Do hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất, châu Âu là chiến trường chính, toàn bộ gánh nặng của chiến tranh đè lên vai những người lao động.

+ Do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga.

- *Đặc điểm nổi bật của phong trào:*

+ Mang tính quần chúng rộng lớn.

+ Không dừng lại ở yêu sách kinh tế.

+ Thể hiện tính tích cực về chính trị, thành lập các nước Cộng hoà Xô viết.

Câu 2: Hoàn cảnh ra đời và quá trình hoạt động của Quốc tế Cộng sản.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh:*

+ Trong những năm 1918 – 1923, các đảng cộng sản lần lượt được thành lập ở các nước.

+ Sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng thế giới.

+ Trước tình đó, đòi hỏi phải có một tổ chức quốc tế để tập hợp lực lượng và chỉ đạo phong trào theo một đường lối đúng đắn.

+ Đáp ứng yêu cầu đó, tháng 3 năm 1919, Đại hội thành lập Quốc tế Cộng sản được tiến hành tại Mát-xcơ-va.

- *Hoạt động:*

+ Quốc tế Cộng sản tồn tại và hoạt động từ năm 1919 đến năm 1943.

+ Quốc tế Cộng sản tiến hành bảy đại hội, đề ra đường lối cách mạng phù hợp với từng thời kì phát triển của cách mạng thế giới. Tiêu biểu là hai đại hội:

• Đại hội lần II (1920), thông qua Luận cương về vai trò của Đảng Cộng sản, Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa do Lê-nin khởi thảo.

• Đại hội lần VII (1935), chỉ rõ nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và kêu gọi các đảng cộng sản thành lập mặt trận thống nhất nhằm đấu tranh chống phát xít, chống chiến tranh.

- Năm 1943, Quốc tế Cộng sản tuyên bố giải tán.

Câu 3: Nguyên nhân, diễn biến của cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933).

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Do sản xuất ào ạt, chạy đua theo lợi nhuận, hàng hoá ế thừa, ứ đọng.

+ Nhu cầu và sức mua của người dân không gia tăng tương ứng.

+ Cung vượt quá xa cầu, sự mất cân bằng về kinh tế trong nội bộ từng nước và sự phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản chủ nghĩa.

- *Diễn biến:*

+ Tháng 10-1929, khủng hoảng nổ ra ở Mĩ, sau đó lan ra toàn bộ thế giới tư bản.

+ Đây là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng trầm trọng nhất, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 4: Các nước tư bản chủ nghĩa giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

+ Đối với Anh, Pháp, Mĩ: tiến hành cải cách kinh tế - xã hội, đổi mới quá trình quản lí, tổ chức sản xuất.

+ Đối với Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản tìm kiếm lối thoát bằng hình thức thống trị mới. Đó là thiết lập các chế độ độc tài phát xít - nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, hiếu chiến nhất.

Câu 5: Tại sao Quốc tế Cộng sản quyết định thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít ở mỗi nước? Sự ra đời của Mặt trận Nhân dân Pháp có tác dụng như thế nào đến cách mạng Việt Nam?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 và sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít đe dọa sự ổn định, hòa bình và an ninh nhân loại.

- Yêu cầu thành lập một Mặt trận Nhân dân để đoàn kết nhân dân các nước chống kẻ thù chung là chủ nghĩa phát xít là cần thiết.

- Sự ra đời của Mặt trận Nhân dân Pháp (1936) có tác dụng tích cực đến cách mạng Việt Nam vì: Mặt trận có nhiều chính sách tiến bộ thực hiện ở các thuộc địa trả tù chính trị, tự do hội họp... tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng ở nước ta phục hồi sau thời kì bị thực dân Pháp khủng bố.

Bài 12
NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Tình hình nước Đức trong những năm 1918 – 1923 có những đặc điểm nào nổi bật?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Là nước bị bại trận, kinh tế, chính trị và quân sự sụp đổ. Mâu thuẫn xã hội ngay càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11-1918.
- Tháng 6 - 1919, Chính phủ Đức phải kí Hòa ước Véc-xai với những điều khoản hết sức nặng nề.
- Trong bối cảnh đó, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao trong những năm 1919 - 1923.
- Đảng Cộng sản Đức (thành lập tháng 12 - 1918) đã trực tiếp lãnh đạo phong trào.
- Đỉnh cao của phong trào là cuộc nổi dậy của công nhân vùng Ba-vi-e tháng 4 -1919, dẫn đến sự thành lập nước Cộng hòa Xô viết Ba-vi-e.
- Cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Hăm-buốc tháng 10 - 1923 là âm hưởng cuối cùng của cơn bão táp cách mạng vô sản ở Đức.

Câu 2: Tình hình nước Đức những năm 1924 – 1929 như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua được thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh, tạo đà cho nền kinh tế khôi phục và phát triển.
- *Về kinh tế*, giai cấp tư sản Đức đã sử dụng những khoản tiền vay của các nước Mĩ, Anh thông qua kế hoạch Đao-ét (1924) và Y-ơng (1929) để ổn định tài chính, khôi phục công nghiệp và nâng cao năng lực sản xuất. Từ năm 1925, sản xuất công nghiệp Đức phát triển mạnh và đến năm 1929 đã vượt qua Anh, Pháp.
- *Về chính trị*, chế độ cộng hòa Vai-ma được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức.
- *Về đối ngoại*, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên Xô.

Câu 3: Vì sao chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, nền kinh tế Đức bị kiệt quệ. Mâu thuẫn và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới cuộc khủng hoảng về chính trị. Giai cấp tư sản không đủ sức duy trì chế độ cộng hoà, không thể đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
- Trong bối cảnh đó Đảng Quốc xã tăng cường hoạt động, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Đảng Quốc xã đã kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và chủ trương phát xít hoá bộ máy nhà nước.

- Trong khi giới đại tư bản ngày càng ủng hộ lực lượng phát xít, Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít. Tuy nhiên, Đảng Xã hội dân chủ đã từ chối hợp tác với những người cộng sản. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

- Ngày 30-1-1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Câu 4: Qua bảng thống kê dưới đây, hãy nêu nhận xét về tình hình kinh tế nước Đức so với một số nước châu Âu.

Sản phẩm	*Anh*	*Pháp*	*I-ta-li-a*	*Đức*
Than (triệu tấn)	244,3	45,5	1,6	239,9
Điện (tỉ KW/h)	33,1	20,0	15,4	49,0
Sắt (triệu tấn)	4,3	11,5	0,5	2,8
Thép (triệu tấn)	13,2	7,9	2,1	19,8
Ô tô (nghìn chiếc)	493	200	78	351

** Hướng dẫn trả lời:*

Nhận xét:

- Sản xuất công nghiệp ở tất cả các ngành đều tăng, một số ngành đã vượt Anh.

- Kinh tế nước Đức tăng trưởng ở tất cả các ngành công nghiệp, nông nghiệp và giao thông.

- Nhịp độ phát triển kinh tế tương đối đồng bộ.

Câu 5: Trình bày ngắn gọn các giai đoạn phát triển của nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ năm 1918 đến 1923, nước Đức suy sụp về kinh tế, chính trị, quân sự. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11 năm 1918, nước Đức diễn ra cao trào cách mạng 1918 – 1923.

- Từ năm 1924 – 1929, nước Đức đã vượt qua thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh. Chính quyền tư sản đã đẩy lùi phong trào cách mạng của quần chúng, từng bước khắc phục tình trạng hỗn loạn về tài chính, tạo đà cho nền kinh tế khôi phục và phát triển.

- Từ năm 1929 -1939, nước Đức lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế và quá trình Đảng Quốc xã lên cầm quyền, chuẩn bị tiến tới gây chiến tranh thế giới.

Câu 6: Trong những năm 1933 – 1939, Chính phủ Hít-le đã thực hiện chính sách kinh tế, chính trị và đối ngoại như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Về chính trị*, từ năm 1933, Chính phủ Hít-le ráo riết thiết lập nền chuyên chính độc tài, công khai khủng bố các đảng phái dân chủ tiến bộ, trước hết là Đảng Cộng sản Đức. Tháng 2-1933, chính quyền phát xít vu cáo những người cộng sản đốt

cháy nhà Quốc hội, đặt Đảng Cộng sản ra ngoài pháp luật và bắt giam 10 vạn đảng viên cộng sản. Năm 1934, Hin-đen-bua qua đời, Hít-le tuyên bố hủy bỏ Hiến pháp Vai-ma, tự xưng là Quốc trưởng suốt đời. Nền cộng hòa Vai-ma hoàn toàn sụp đổ.

- *Về kinh tế*, chính quyền phát xít tiến hành tổ chức nền kinh tế theo hướng tập trung, mệnh lệnh, phục vụ nhu cầu quân sự. Tháng 7-1933, Hít-le thành lập Tổng Hội đồng kinh tế để điều hành hoạt động của các ngành kinh tế. Các ngành công nghiệp dần dần được phục hồi và hoạt động hết sức khẩn trương, đặc biệt là công nghiệp quân sự. Các ngành giao thông vận tải, xây dựng đường sá được tăng cường để giải quyết nạn thất nghiệp và phục vụ nhu cầu quân sự. Nền kinh tế Đức đã thoát khỏi khủng hoảng. Năm 1938, tổng sản lượng công nghiệp tăng 28% so với trước khủng khoảng và vượt qua một số nước tư bản châu Âu.

- *Về đối ngoại*, chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh. Tháng 10-1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động. Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu. Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Em có nhận xét gì về tình hình nước Đức trong những năm 1918 – 1939?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nước Đức bại trận hoàn toàn suy sụp về kinh tế, chính trị và quân sự. Mâu thuẫn xã hội ngay càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11-1918.

- Tháng 6 - 1919, Chính phủ Đức phải kí Hòa ước Véc-xai với những điều kiện hết sức nặng nề. Việc thực hiện những điều khoản của Hòa ước làm cho đất nước vốn đã kiệt quệ sau bốn năm chiến tranh trở nên hoàn toàn rối loạn.

- Để giải quyết những khó khăn trên, Đức nhanh chóng lao vào con đường phát xít hoá bộ máy nhà nước để gây chiến tranh thế giới.

Câu 2: Chính sách đối ngoại của Hit-le được thể hiện như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Chính quyền Hít-le tăng cường các hoạt động chuẩn bị chiến tranh.

+ Tháng 10-1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

+ Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

+ Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

Như vậy, Hít-le đã ráo riết chuẩn bị tiến tới cuộc chiến tranh thế giới. Đức là thủ phạm châm ngòi cho cuộc chiến tranh thế giới đầu tiên trong lịch sử nhân loại.

Câu 3: Lập bảng hệ thống kiến thức về các giai đoạn phát triển của nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1929).

** Hướng dẫn trả lời:*

Lĩnh vực	*Nước Đức 1918 - 1923*	*Nước Đức 1924 -1929*
Kinh tế	Hoàn toàn suy sụp về kinh tế.	Cuối năm 1923, nước Đức đã vượt qua được thời kì khủng hoảng kinh tế và chính trị sau chiến tranh. Chính quyền tư sản đã đẩy lùi phong trào cách mạng của quần chúng, từng bước khắc phục tình trạng hỗn loạn về tài chính, tạo đà cho nền kinh tế khôi phục và phát triển.
Chính trị, xã hội	Mâu thuẫn xã hội ngay càng gay gắt dẫn tới sự bùng nổ cuộc cách mạng dân chủ tư sản tháng 11-1918.	Chế độ cộng hòa Vai-ma được củng cố, quyền lực của giới tư bản độc quyền được tăng cường. Chính phủ tư sản thi hành chính sách đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân. Các đảng tư sản công khai tuyên truyền tư tưởng phục thù cho nước Đức. Về đối ngoại, vị trí quốc tế của nước Đức dần dần được phục hồi với việc nước này tham gia Hội Quốc liên, kí kết một số hiệp ước với các nước tư bản châu Âu và Liên xô.

Câu 4: Hít-le lên nắm quyền ở Đức trong bối cảnh như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nước Đức bị khủng hoảng kinh tế, giai cấp tư sản cầm quyền không đủ mạnh để duy trì chế độ cộng hoà tư sản, đua nước Đức vượt qua khủng hoảng. Chủ nghĩa phát xít có cơ hội hoạt động.

- Đảng Quốc xã tăng cường hoạt động, mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Đảng Quốc xã đã kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và chủ trương phát xít hoá bộ máy nhà nước.

- Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít nhưng không thành. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

- Ngày 30-1-1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Câu 5: Trình bày những chính sách lớn của Đức trong những năm 1933 – 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Về đối nội:*

+ Thực hiện quân sự hoá nền kinh tế để chuẩn bị chiến tranh, sự tăng cường khống chế toàn bộ nền kinh tế của chính quyền phát xít.

+ Chuẩn bị cơ sở vật chất cho cuộc chiến tranh xâm lược sắp tới.

- *Về đối ngoại:*

Tăng cường lực lượng quân sự, thực hiện chính sách đối ngoại hiếu chiến của chính quyền Hit-le đối với châu Âu và thế giới:

+ Tháng 10-1933, nước Đức tuyên bố rút khỏi Hội Quốc liên để được tự do hành động.

+ Năm 1935, Hít-le ban hành lệnh tổng động viên quân dịch, tuyên bố thành lập đội quân thường trực và bắt đầu triển khai các hoạt động quân sự ở châu Âu.

+ Đến năm 1938, với đội quân 1,5 triệu người cùng 30000 xe tăng và khoảng 4000 máy bay, nước Đức đã trở thành một trại lính khổng lồ, đủ sức tiến hành các kế hoạch gây chiến tranh xâm lược.

Câu 6: Khái quát về cao trào cách mạng 1918 - 1923 ở Đức.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau chiến tranh, phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao trong những năm 1919-1923.

- Đảng Cộng sản Đức (thành lập tháng 12-1918) đã trực tiếp lãnh đạo phong trào. Đỉnh cao của phong trào là cuộc nổi dậy của công nhân vùng Ba-vi-e tháng 4-1919, dẫn đến sự thành lập nước Cộng hòa Xô viết Ba-vi-e.

- Cuộc khởi nghĩa vũ trang của công nhân Hăm-buốc tháng 10 - 1923 là âm hưởng cuối cùng của cơn bão táp cách mạng vô sản ở Đức.

Câu 7: Đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức trong hoàn cảnh nào? Tình hình nước Đức trong thời kì Đảng Quốc xã cầm quyền.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh:*

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cuối năm 1929 đã giáng đòn nặng nề vào nền kinh tế Đức. Năm 1932, sản xuất công nghiệp giảm 47% so với trước khủng hoảng. Hàng ngàn nhà máy, xí nghiệp phải đóng cửa. Số người thất nghiệp lên tới hơn 5 triệu người. Mâu thuẫn xã hội và cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đã dẫn tới cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng.

+ Giai cấp tư sản cầm quyền không đủ sức mạnh để duy trì chế độ cộng hòa tư sản, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng đó. Trong bối cảnh đó, Đảng Quốc xã lên cầm quyền ở Đức.

- *Tình hình nước Đức:*

+ Đảng Quốc xã ngày càng mở rộng ảnh hưởng trong quần chúng. Các thủ lĩnh của đảng này, đứng đầu là Hít-le, ra sức tuyên truyền kích động chủ nghĩa phục thù, chủ nghĩa chống cộng và phân biệt chủng tộc. Chúng chủ trương phát xít hóa bộ máy nhà nước, thiết lập chế độ độ độc tài khủng bố công khai.

+ Trong khi giới đại tư bản ngày càng ủng hộ lực lượng phát xít, Đảng Cộng sản Đức đã kêu gọi quần chúng đấu tranh để thành lập mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít. Tuy nhiên, Đảng Xã hội dân chủ đã từ chối hợp tác với những người cộng sản. Điều đó đã tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức.

+ Ngày 30-1-1933, Tổng thống Hin-đen-bua chỉ định Hít-le làm Thủ tướng và thành lập chính phủ mới, mở ra một thời kì đen tối trong lịch sử nước Đức.

Bài 13
NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nền kinh tế Mĩ trong thập niên 20 của thế kỉ XX đã phát triển như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thập niên 20 của thế kỉ XX, nền kinh tế của Mĩ phát triển ổn định và đây là thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ.

+ Về công nghiệp: trong những năm 1923 – 1929, sản lượng công nghiệp tăng 69%. Năm 1929, công nghiệp Mĩ chiếm 48% sản lượng công nghiệp thế giới, vượt qua sản lượng của 5 cường quốc Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại.

+ Về nông nghiệp: phát triển mạnh mẽ, Mĩ đã áp dụng cơ khí hoá trong nông nghiệp.

- Sở dĩ kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng vì:

+ Nước Mĩ có điều kiện tự nhiên thuận lợi, giàu tài nguyên.

+ Mĩ không bị ảnh hưởng của Chiến tranh thế giới lần thứ nhất mà ngược lại giành được được nhiều nguồn lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất do bán hàng hoá, vũ khí.

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất Mĩ có có ưu thế là nước thắng trận, trở thành chủ nợ của châu Âu.

+ Mĩ sớm áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

+ Mĩ biết sử dụng phương pháp quản lí sản xuất tiến tiến, mở rộng quy mô và chuyên môn hoá trong sản xuất.

Câu 2: Vì sao phong trào công nhân diễn ra sôi nổi ngay cả trong thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Trong thời kì phồn vinh của kinh tế Mĩ, công nhân vẫn phải đối mặt với nạn thất nghiệp, bất công trong xã hội.

- Đời sống của người lao động nói chung và công nhân nói riêng ngày càng giảm sút.

- Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5 - 1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1919), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

Câu 3: Vì sao thu nhập quốc dân của Mĩ lại phục hồi và phát triển từ năm 1934?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ năm 1934, với "Chính sách mới" của Chính phủ Ru-dơ-ven, nền kinh tế nước Mĩ được phục hồi và phát triển nhanh chóng. "Chính sách mới" của Ru-dơ-ven đã có tác dụng thiết thực trong việc giải quyết các yêu cầu mà cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đặt ra như: trợ cấp cho người thất nghiệp, ra "Đạo luật phục hưng công nghiệp" nhằm tổ chức lại sản xuất và cải tiến quan hệ giai cấp giữa giai

cấp tư sản và giai cấp công nhân. Ngoài ra, còn có các đạo luật về nông nghiệp, đạo luật về khôi phục công nghiệp quốc gia, đạo luật về an ninh xã hội...

- "Chính sách mới" của Ru-dơ-ven đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết hậu quả của khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, đưa nền kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại từ năm 1934. Nhờ sự phục hồi và phát triển về kinh tế nên nó kéo theo thu nhập quốc dân của Mĩ được phục hồi và phát triển.

Câu 4: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) để lại hậu quả như thế nào đối với Mĩ?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Về kinh tế:

+ Kết thúc thời kì "hoàng kim" của kinh tế Mĩ.

+ Sản lượng công nghiệp chỉ còn 53,8% (so với năm 1929).

+ 11,5 công ti thương nghiệp, 58 công ti đường sắt bị phá sản.

+ 10 vạn ngân hàng phải đóng cửa...

- Về chính trị, xã hội:

+ Nạn thất nghiệp, nghèo đói tràn lan, đời sống xã hội gặp nhiều khó khăn.

+ Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lan rộng toàn nước Mĩ.

Câu 5: Em hãy nêu những điểm cơ bản trong Chính sách mới của Tổng thống Ru-dơ-ven.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Về kinh tế - tài chính:

+ Thông qua các đạo luật phục hưng công nghiệp, nông nghiệp, ngân hàng.

+ Thành lập những cơ quan để thực hiện vai trò "điều tiết" của nhà nước tư bản đối với đời sống xã hội.

- Về chính trị - xã hội:

+ Chi 16 tỉ đô la để cứu trợ trực tiếp cho người thất nghiệp.

+ Lập ra quỹ liên bang để giúp các doanh nghiệp đang phá sản.

- Về đối ngoại:

+ Đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô (11-1933).

+ Thực hiện Chính sách láng giềng thân thiện với các nước khu vực Mĩ La-tinh.

+ Thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trước các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Hãy nêu nhận xét về nền kinh tế Mĩ trong những năm 20 của thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất. Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

- Mặc dù đạt mức tăng trưởng cao nhưng sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo công nghiệp tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

Câu 2: Nội dung chủ yếu của "Chính sách láng giềng thân thiện" của Mĩ.

** Hướng dẫn trả lời:*

- "Chính sách láng giềng thân thiện" của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

- Đối với các nước Mĩ La-tinh: Từ năm 1934, chính phủ Ru-dơ-ven chấm dứt cuộc can thiệp vũ trang, tiến hành tương lượng, hứa hẹn trao trả độc lập, nhằm xoa dịu cuộc đấu tranh chống Mĩ và củng cố vị trí của Mĩ ở khu vực này.

- Đối với Liên Xô: Từ năm 1933 chính phủ Ru-dơ-ven đã chính thức công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Việc làm này xuất phát từ những lợi ích của Mĩ. Trên thực tế, chính quyền Ru-dơ-ven vẫn không từ bỏ lập trường chống cộng sản.

Câu 3: Những điểm cơ bản trong chính sách thoát khỏi khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933) của Mĩ là gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Để đưa nước Mĩ thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, Tổng thống Ph. Ru-dơ-ven đã thực hiện chính sách mới. Chính sách mới đã giải quyết được một số vấn đề cơ bản của nước Mĩ trong cơn khủng hoảng nguy kịch. Nhà nước tư sản đã tăng cường vai trò của mình trong việc cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới, khôi phục sản xuất, xoa dịu mâu thuẫn giai cấp và góp phần làm cho nước Mĩ duy trì được chế độ dân chủ tư sản. Chính vì thế, Ph. Ru-dơ-ven là Tổng thống duy nhất trong lịch sử nước Mĩ suốt bốn nhiệm kì.

- *Về đối ngoại*, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra "Chính sách láng giềng thân thiện" nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình, và thiết lập ngoại giao với Liên xô.

- *Đối với các vấn đề quốc tế*, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 4: Hãy nêu tóm tắt tình hình kinh tế và chính trị, xã hội của Mĩ trong những năm 1918 - 1923. Rút ra nhận xét chung về nước Mĩ trong thời kì này.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Kinh tế:*

+ Chiến tranh thế giới thứ nhất đã đem lại "những cơ hội vàng" cho nước Mĩ. Với nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao trong suốt những năm trong và sau chiến tranh, Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất.

+ Cùng với lợi thế đó, việc cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền và mở rộng quy mô sản xuất đã đưa nền kinh tế Mĩ bước vào thời kì phồn vinh trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

+ Sự phát triển kinh tế chạy theo lợi nhuận, theo công nghiệp tự do thái quá đã đưa đến sự phát triển không đồng bộ giữa các ngành công nghiệp, giữa công nghiệp với nông nghiệp, và nói chung, không có kế hoạch dài hạn cho sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng.

- *Chính trị, xã hội*

+ Thời kì tăng trưởng cao của kinh tế Mĩ trong thập niên 20 gắn liền với sự cầm quyền của các tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa. Chính phủ của Đảng Cộng hòa một mặt đề cao sự phồn vinh của nền kinh tế, mặt khác thi hành chính sách ngăn chặn công nhân đấu tranh, đàn áp những tư tưởng tiến bộ trong phong trào công nhân.

+ Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra sôi nổi trong các ngành công nghiệp than, luyện thép, vận tải đường sắt... Tháng 5-1921, Đảng Cộng sản Mĩ được thành lập trên cơ sở hợp nhất Đảng Cộng sản công nhân Mĩ và Đảng Cộng sản Mĩ ra đời trước đó (1919), đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân Mĩ.

- *Nhận xét chung:* Đây là thời kì "hoàng kim" của nước Mĩ, song trong lòng nó đã chứa đựng những mầm mống của sự khủng hoảng. Mặc dầu kinh tế phát triển nhưng đời sống của cong nhân và nhân dân lao động vẫn khổ sở, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân bùng nổ.

Câu 5: Vì sao cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra đầu tiên ở Mĩ? Cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933) ở Mĩ diễn ra như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Vì sao?*

Ngay trong thời kì phồn thịnh, nền kinh tế của Mĩ đã bộc lộ những hạn chế: nhiều ngành công nghiệp chỉ sử dụng 60% đến 80% công suất, nạn thất nghiệp thường xuyên xảy ra, sản xuất ồ ạt, chạy theo lợi nhuận, phát triển không đồng bộ giữa các ngành, mất cân đối giữa cung và cầu. Đó chính là nguyên nhân dẫn tới cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933).

- *Khủng hoảng diễn ra:*

+ Cuối tháng 10-1929, nước Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy: Hàng nghìn ngân hàng, công ti công nghiệp và thương mại bị phá sản.

+ Đến cuối mùa hè năm 1932, sản xuất công nghiệp Mĩ giảm 2 lần so với năm 1929, 75% dân trại bị phá sản, hàng triệu người thất nghiệp.

Câu 6: Biện pháp khắc phục của Tổng thống Mĩ Ru-dơ-ven.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối tháng 10-1929, nước Mĩ lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế chưa từng thấy: Hàng nghìn ngân hàng, công ty công nghiệp và thương mại bị phá sản. Đến cuối mùa hè năm 1932, sản xuất công nghiệp Mĩ giảm 2 lần so với năm 1929, 75% dân trại bị phá sản, hàng triệu người thất nghiệp.

- Để đưa nước Mĩ thoát khỏi khủng hoảng năm 1932 Ru-dơ-ven đắc cử Tổng thống, đã thực hiện Chính sách mới.

+ Chính sách mới của Ru-dơ-ven bao gồm các biện pháp nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng với những qui định chặt chẽ, đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Nhà nước tăng cường vai trò trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.

+ Chính sách mới đã cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản Mĩ, giải quyết phần nào khó khăn cho người lao động, góp phần làm cho nước Mĩ duy trì chế độ dân chủ tư sản.

Câu 7: Nêu những điểm cơ bản trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Mĩ Ph. Ru-dơ-ven với các nước Mĩ La-tinh, với Liên Xô và quốc tế.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Về đối ngoại, Chính phủ Ru-dơ-ven đề ra "Chính sách láng giềng thân thiện" nhằm cải thiện quan hệ với các nước Mĩ La-tinh, vốn được Mĩ coi là "sân sau" của mình, và thiết lập ngoại giao với Liên Xô.

- Đối với các vấn đề quốc tế, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh bao trùm toàn thế giới, Quốc hội Mĩ đã thông qua hàng loạt đạo luật để giữ vai trò trung lập trong các cuộc xung đột quân sự bên ngoài nước Mĩ. Chính sách đó đã góp phần khuyến khích chủ nghĩa phát xít tự do hành động, gây ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Bài 14
NƯỚC NHẬT GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Tình hình Nhật Bản trong những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có những điểm gì đáng chú ý?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nước Nhật là nước thứ hai sau Mĩ thu được nhiều lợi trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Lợi dụng sự suy giảm khả năng kinh tế của các nước tư bản châu Âu trong chiến tranh. Nhật Bản đã tăng cường sản xuất hàng hóa và xuất khẩu. Nhờ những đơn đặt hàng quân sự, sản xuất công nghiệp của Nhật tăng trưởng rất nhanh. Trong khi đó nông nghiệp bị kìm hãm bởi tàn dư phong kiến. Đời sống của người lao động không được cải thiện.

- Phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng lên mạnh mẽ những năm sau chiến tranh.

+ Mùa thu 1918, quần chúng nhân dân nổi dậy đánh phá các kho thóc, mở đầu cuộc "Bạo động lúa gạo".

+ Những cuộc bãi công của công nhân cũng lan rộng ở các trung tâm công nghiệp lớn như Kô-bê, Na-gôi-a, Ô-xa-ka... chỉ riêng năm 1919 đã có 2388 cuộc bãi công của công nhân.

+ Trên cơ sở sự phát triển của phong trào công nhân, tháng 7-1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập.

Câu 2: Tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929 có những điểm gì nổi bật?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Kinh tế:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Nhật bước vào thời kì ổn định và phát triển nhưng ngắn ngủi hơn các nước Tây Âu.

+ Sau cuộc khủng hoảng 1920 – 1921, đến năm 1926 kinh tế Nhật mới ổn định.

+ Năm 1927, Nhật lại rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

+ Nền kinh tế của Nhật phát triển chủ yếu dựa vào xuất khẩu hàng hoá và nhập khẩu nguyên liệu nên khó khăn trong cạnh tranh với Mĩ và Tây Âu.

- *Chính trị, xã hội:*

+ Không ổn định, các chính phủ thay nhau liên tiếp.

+ Mâu thuẫn xã hội gay gắt, công nhân thất nghiệp ngày càng tăng, nông dân bị bần cùng hoá, nổi dậy đấu tranh.

Câu 3: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 có tác động đến nước Nhật như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Về kinh tế:* Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật:

+ Sản xuất công nghiệp giảm sút.

+ Khủng hoảng xảy ra nghiêm trọng nhất là trong nông nghiệp.

+ Thị trường trong và ngoài nước bị thu hẹp.

+ Khủng hoảng kinh tế đẩy mạnh quá trình tập trung sản xuất, tăng cường quyền lực của các tập đoàn tư bản lớn.

- *Chính trị, xã hội:*

+ Mâu thuẫn xã hội gay gắt, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân diễn ra mạnh mẽ.

+ Sự thành lập Đảng Cộng sản Nhật vào tháng 7 năm 1922.

Câu 4: Vì sao Nhật Bản đánh chiếm Trung Quốc?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Nhằm thực hiện tham vọng mở ra phạm vi ảnh hưởng của đế quốc Nhật ở vùng Đông Bắc Á, một vùng có ý nghĩa chiến lược.

- Đáp ứng yêu cầu của Nhật về việc thiếu nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa - thị trường Trung Quốc rộng lớn luôn luôn là đối tượng mà Nhật muốn chiếm giữ từ lâu, đặt biệt là vùng Đông Bắc.

Câu 5: Sự phát triển của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản thể hiện ở những điểm nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Trong những năm 1929 -1939, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt của nhân dân Nhật Bản mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản diễn ra sôi nổi dưới nhiều hình thức. Từ những cuộc biểu tình phản đối chính sách xâm lược của giới cầm quyền đã dẫn đến phong trào thành lập mặt trận nhân dân, tập hợp đông đảo các tầng lớp xã hội. Cuộc đấu tranh của nhân dân Nhật Bản đã góp phần làm chậm lại quá trình quân phiệt hóa bộ máy nhà nước ở nước này.

- Từ năm 1929, những cuộc bãi công của công nhân đã bùng nổ ở những khu công nghiệp lớn và trở thành cuộc chiến chống chính phủ. Giới cầm quyền đàn áp dã man phong trào cách mạng.

- Vào giữa những năm 30, phong trào thành lập mặt trận nhân dân phát triển rộng khắp. Phong trào đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, có cả binh lính và sĩ quan Nhật. Năm 1939, đã diễn ra trên 40 cuộc đấu tranh chống chiến tranh của binh sĩ trong quân đội Nhật.

Câu 6: Nêu ngắn gọn các giai đoạn phát triển chính của Nhật Bản trong những năm 1918 - 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

Các giai đoạn	*Sự kiện chính*
1918 - 1929	- 1918 - 1923: Khác với Mĩ, Nhật bước vào thời kì ổn định tạm thời và phát triển bấp bênh. Nhiều phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân bùng nổ. - 1924 -1929: Kinh tế, chính trị ổn định, song đã bắt đầu nảy sinh mầm mống của khủng khoảng.
1929 - 1939	- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã giáng một đòn nặng nề vào kinh tế Nhật. - Nhật thực hiện quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước, thực hiện chính sách đối nội phản động và đối ngoại hiếu chiến. - Phong trào đấu tranh chủ nghĩa quân phiệt ở Nhật diễn ra sôi nổi, rộng khắp.

Câu 7: Quá trình quân phiệt hóa ở Nhật Bản diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nhằm khắc phục những hậu quả của cuộc khủng hoảng và giải quyết khó khăn do thiếu nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa, giới cầm quyền Nhật chủ trương quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, gây chiến tranh xâm lược, bành trướng ra bên ngoài.

- Ở Nhật do đã có sẵn chế độ chuyên chế Thiên hoàng nên quá trình quân phiệt hoá diễn ra thông qua việc quân phiệt hoá bộ máy nhà nước và tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa. Quá trình này kéo dài trong những năm 30 của thế kỉ XX do có những mâu thuẫn giữa phái "sĩ quan trẻ" với phái "sĩ quan già". Cuộc đấu tranh diễn ra quyết kiệt, cuối cùng phái "sĩ quan trẻ" thất bại.

- Từ năm 1937, giới cầm quyền Nhật đã chấm dứt cuộc đấu tranh nội bộ, tập trung vào quá trình quân phiệt hoá bộ máy nhà nước.

- Cùng với việc quân phiệt hóa bộ máy nhà nước, tăng cường chạy đua vũ trang, giới cầm quyền Nhật Bản đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Tình hình Nhật Bản trong những năm 1918 – 1929 có điểm gì khác nhau so với tình hình nước Mĩ cùng thời gian này?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Kinh tế Nhật Bản phát triển bấp bênh, không ổn định, chỉ phát triển trong thời gian ngắn rồi lại lâm vào khủng hoảng.

- Sức cạnh tranh của Nhật yếu hơn so với Mĩ.

- Nhật phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài nên không chủ động trong sản xuất.

- Công nghiệp của Nhật trong thời gian này không được cải thiện, nông nghiệp trì trệ, kĩ thuật lạc hậu, trong khi đó, kinh tế Mĩ phát triển hết sức nhanh chóng do cải tiến kĩ thuật, đổi mới quản lí sản xuất, sức cạnh tranh cao, nguồn nguyên liệu dồi dào, nguồn vốn lớn.

Câu 2: Vì sao sự ổn định của Nhật Bản những năm 1924 – 1929 chỉ là tạm thời và bấp bênh?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.
- Nhật lại thiếu nguyên liệu và thị trường.
- Công nghiệp của Nhật không được cải thiện, nông nghiệp còn trì trệ, lạc hậu.
- Nhật chưa áp dụng thành tựu kho học tiên tiến vào trong sản xuất.

Câu 3: Những biểu hiện về sự ổn định tạm thời của Nhật Bản trong những năm 1924 - 1929.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Về kinh tế:*

+ Năm 1926, sản lượng công nghiệp mới phục hồi trở lại và vượt mức trước chiến tranh. Nhưng chưa đầy một năm sau, mùa xuân 1927, cuộc khủng hoảng tài chính lại bùng nổ ở thủ đô Tô-ki-ô làm 30 ngân hàng phá sản.

+ Nền công nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu của Nhật ngày càng gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với Mĩ và các nước Tây Âu.

- *Về chính trị:*

+ Những năm đầu thập niên 20 của thế kỉ XX, Chính phủ Nhật đã thi hành một số cải cách chính trị (như ban hành luật bầu cử phổ thông cho nam giới, cắt giảm ngân sách quốc phòng...) và giảm bớt căng thẳng trong quan hệ với các cường quốc bên ngoài.

+ Trong những năm cuối thập niên 20, Chính phủ của Tướng Ta-na-ca đã thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại hiếu chiến.

Câu 4: Trong thập niên 20 của thế kỉ XX, kinh tế Mĩ và Nhật Bản có điểm gì giống nhau và khác nhau?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Giống nhau:* Cũng là nước thắng trận, thu được nhiều lợi, không bị mất mát gì nhiều trong chiến tranh.
- *Khác nhau:*

+ Kinh tế Mĩ phát triển cực kỳ nhanh chóng do cải tiến kĩ thuật, thực hiện phương pháp sản xuất dây chuyền, tăng cường tốc độ bóc lột công nhân.

+ Ở Nhật phát triển không đều, mất cân đối (trong vòng mấy năm đầu) rồi lại lâm vào khủng hoảng, công nghiệp không có sự cải thiện, nông nghiệp trì trệ lạc hậu, kinh tế phát triển chậm chạp, bấp bênh.

Câu 5: Để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 Mĩ và Nhật Bản giải quyết khác nhau như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Mĩ giải quyết khủng hoảng bằng cải cách kinh tế, xã hội, thực hiện Chính sách mới của Ru-dơ-ven: bao gồm các biện pháp nhằm giải quyết nạn thất nghiệp, nông nghiệp và ngân hàng với những qui định chặt chẽ, đặt dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Nhà nước tăng cường vai trò trong việc cải tổ hệ thống ngân hàng, tổ chức lại sản xuất, cứu trợ người thất nghiệp, tạo thêm nhiều việc làm mới và ổn định tình hình xã hội.
- Nhật giải quyết khủng hoảng bằng cách tăng cường chính sách quân sự hóa đất nước, phát xít hóa bộ máy thống trị, gây chiến tranh, bành trướng ra bên ngoài.

Chương III
CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 15
PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 – 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Phong trào Ngũ tứ có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Trung Quốc?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nó khẳng định ý thức và vai trò của giai cấp công nhân Trung Quốc đã bước lên vũ đài chính trị, là một lực lượng độc lập có khả năng lãnh đạo cách mạng Trung Quốc đấu tranh giành thắng lợi.

- Đánh dấu bước chuyển biến của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ sang cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới (do giai cấp vô sản lãnh đạo) trong sự nghiệp đấu tranh chống đế quốc và phong kiến.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào Trung Quốc, từ đó dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Câu 2: Nội chiến Quốc - Cộng (1927 – 1937) diễn ra như thế nào?

- Sau Chiến tranh Bắc phạt, quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, được gọi là Nội chiến Quốc - Cộng, diễn ra trong những năm 1927 - 1937.

- Quân đội Tưởng Giới Thạch đã tổ chức bốn lần vây quét lớn nhằm tiêu diệt căn cứ địa cách mạng của Đảng Cộng sản, nhưng đều bị thất bại.

- Để bảo toàn lực lượng, tháng 10-1934, Hồng quân công nông phải tiến hành cuộc phá vây, rút khỏi căn cứ địa cách mạng, tiến lên phía bắc, trong lịch sử gọi là cuộc Vạn lí trường chính. Trên đường trường chinh, tại Hội nghị Tuân Nghĩa (tháng 1-1935), Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc.

- Tháng 7-1937, Nhật xâm lược Trung Quốc, Đảng Cộng sản đề nghị Quốc dân đảng đình chỉ nội chiến để chống Nhật.

Câu 4: Nêu những nét chính của phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1918 - 1929.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính quyền thực dân tăng cường bóc lột thuộc địa, ban hành những đạo luật phản động nhằm củng cố bộ máy thống trị của mình, đã làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng căng thẳng. Một làn sóng đấu tranh chống thực dân Anh dâng cao khắp Ấn Độ trong những năm 1918 - 1922.

- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và thị dân tham gia. Giữ vai trò lãnh đạo phong trào là Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gan-đi. Ông kêu gọi đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân bằng các biện pháp hòa bình. Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo, được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.

- Tháng 12 - 1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh chống thực dân Anh diễn ra mạnh mẽ.

Câu 5: Nêu những nét chính của phong trào độc lập dân tộc ở Ấn Độ trong những năm 1929 - 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu trang mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng.

- Hình thức đấu tranh chủ yếu là chính trị, thực hiện các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng và lãnh đạo. Nổi bật là phong trào đầu năm 1930 phản đối chính sách độc quyền muối của thực dân Anh. Tháng 12 năm 1931, phong trào bất hợp tác mới diễn ra đã lôi cuốn được đông đảo các lực lượng chính trị tham gia đấu tranh chống thực dân Anh trong suốt những năm 1930.

- Tháng 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

Câu 6: Lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu của cách mạng Trung Quốc trong những năm 1919 – 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	***Sự kiện***
Ngày 4 - 5 - 1919	Phong trào Ngũ tứ nhằm phản đối âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc.
Tháng 7 - 1921	Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của lịch sử Trung Quốc.
Từ 1926 đến 1927	Đảng Cộng sản hợp tác với Quốc dân đảng tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng nhằm đánh đổ các tập đoàn quân phiệt Bắc Dương, gọi là Chiến tranh Bắc phạt.
Từ 1927 đến 1937	Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc chiến đấu chống Chính phủ Quốc dân đảng, gọi là Nội chiến Quốc - Cộng.
Tháng 10 – 1934	Hồng quân công nông tiến hành cuộc Vạn lí trường chinh.
Tháng 1 – 1935	Mao Trạch Đông trở thành người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.
Tháng 7 - 1937	Quân phiệt Nhật phát động cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc. Trung Quốc bước vào thời kì chống Nhật.

Câu 7: Hãy nhận xét về giai cấp lãnh đạo và con đường đấu tranh của cách mạng Ấn Độ trong những năm 1918 – 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cách mạng Ấn Độ trong những năm 1918 – 1939 có những nét riêng so với các thuộc địa và phụ thuộc trong cuộc đấu tranh chống đế quốc để giành độc lập dân tộc.

- Về giai cấp lãnh đạo: cuộc cách mạng này do giai cấp tư sản mà đại diện là Đảng Quốc đại lãnh đạo.

- Về con đường đấu tranh: kiên trì đấu tranh chính trị bất hợp tác với chính quyền thực dân Anh.

Câu 8: Tìm hiểu những nét lớn về cuộc đời và hoạt động của Mao Trạch Đông và M. Gan-đi.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Mao Trạch Đông:* Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1893, trong một gia đình nông dân ở Hồ Nam, ông tham gia cách mạng từ rất sớm, là đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng 1 năm 1935, tại Hội nghị Tuân Nghĩa ông được bầu giữ chức Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Khi phát xít Nhật xâm lược Trung Quốc, Mao Trạch Đông đã chủ trương hợp tác với Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch để thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất chống Nhật và đưa cuộc kháng chiến chống Nhật (1937 – 1945) giành thắng lợi.

Sau khi chống Nhật thắng lợi, Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân đảng. Mao Trạch Đông tiếp tục lãnh đạo cách mạng Trung Quốc đánh bại tập đoàn phản động Tưởng Giới Thạch.

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Mao Trạch Đông mất vào ngày 9 tháng 9 năm 1976.

- *M. Gan-đi:* Sinh năm 1869, trong một gia đình khá giả ở Tây Ấn Độ, tốt nghiệp đại học luật ở Anh, làm cố vấn luật cho một số công ti ở Nam Phi, tham gia hoạt động chống phân biệt chủng tộc. Đầu năm 1915 về nước, bắt đầu vận động cuộc đấu tranh chống thực dân Anh bằng chủ trương bất bạo động, bất hợp tác, đòi chính phủ Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ. Cuộc đấu tranh bằng con đường này đã buộc thực dân Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ vào ngày 15 tháng 8 năm 1947.

- Đến ngày 30 tháng 1 năm 1948, M. Gan-đi bị một phần tử phản động sát hại. Ông được suy tôn là Ma-ha-mát – tâm hồn vĩ đại – nhân dân gọi ông là Thánh Gan-đi.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Từ các khẩu hiệu đấu tranh nêu trong bài, em thấy phong trào Ngũ tứ có điểm gì mới so với các phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX ở Trung Quốc?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Các khẩu hiệu đấu tranh trong phong trào Ngũ tứ: "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều" (là hiệp ước các nước đế quốc đưa ra, nhằm xâu xé Trung Quốc), "Giết hết bọn bán nước"...

- Các khẩu hiệu đấu tranh đó thể hiện phong trào mang tính dân tộc và dân chủ rất cao, tức là phong trào chống đế quốc và phong kiến được thể hiện rõ nét.

- Các phong trào đấu tranh nửa sau thế kỉ XIX ở Trung Quốc chỉ đề ra mục tiêu đấu tranh chống phong kiến mà không đụng chạm gì đến đế quốc.

Câu 2: Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập như thế nào? Ý nghĩa của sự kiện này.

- *Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập:*

+ Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Trung Quốc phát triển nhanh chóng, sâu rộng.

+ Tầng lớp trí thức tiến bộ, tiêu biểu là Lí Đại Châu đã tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Trung Quốc, tạo điều kiện cho sự thành lập Đảng Cộng sản.

+ Năm 1920, một sô nhóm cộng sản đã ra đời với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản.

+ Tháng 7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

- *Ý nghĩa:*

+ Đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc.

+ Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

Câu 3: Nội dung chủ yếu của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ vào những năm 30 của thế kỉ XIX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Những hậu quả nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã làm bùng lên làn sóng đấu trang mới của nhân dân Ấn Độ. Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng.

- Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

Câu 4: Vì sao nói phong trào Ngũ tứ (4 – 5 – 1919) mở đầu cuộc cách mạng chống đế quốc và chống phong kiến ở Trung Quốc?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào Ngũ tứ nhằm phản đối âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc.

- Phong trào Ngũ tứ thực hiện các khẩu hiệu đấu tranh: "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều" (là hiệp ước các nước đế quốc đưa ra, nhằm xâu xé Trung Quốc), "Giết hết bọn bán nước"...

- Qua phong trào Ngũ tứ, lần đầu tiên giai cấp công nhân Trung Quốc xuất hiện trên vũ đài chính trị như một lực lượng cách mạng độc lập. Phong trào Ngũ tứ đánh dấu bước chuyển của cách mạng Trung Quốc từ cách mạng dân chủ cũ sang cách mạng dân chủ mới.

- Từ sau phong trào Ngũ tứ, việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Trung Quốc phát triển nhanh chóng, sâu rộng. Tháng 7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập, đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cách mạng Trung Quốc. Từ đây, giai cấp vô sản Trung Quốc đã có chính đảng của mình để từng bước nắm ngọn cờ lãnh đạo cách mạng.

Câu 5: Nêu những điểm khác nhau về giai cấp lãnh đạo, con đường và phương pháp đấu tranh của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ so với Trung Quốc trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tiêu chí so sánh	*Cách mạng Ấn Độ*	*Cách mạng Trung Quốc*
Giai cấp lãnh đạo	Giai cấp tư sản mà đại diện là Đảng Quốc đại.	Giai cấp vô sản mà đại diện là Đảng Cộng sản.
Con đường	Cách mạng dân chủ tư sản	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
Phương pháp	Bất bạo động, bất hợp tác	Bạo động kết hợp với sự nổi dậy của quần chúng.

Câu 6: Diễn biến và ý nghĩa của phong trào Ngũ tứ ở Trung Quốc.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Diễn biến:*

+ Ngày 4-5-1919, hơn 3000 sinh viên yêu nước ở Bắc Kinh đã đứng lên đấu tranh phản đối quyết định bãi công của các nước đế quốc về việc chuyển giao những đặc quyền của Đức ở tỉnh Sơn Đông cho Nhật Bản.

+ Phong trào lan rộng khắp 22 tỉnh và 150 thành phố trong cả nước, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là giai cấp công nhân. Phong trào giương cao các khẩu hiệu đấu tranh: "Trung Quốc của người Trung Quốc", "Xoá bỏ 21 điều", "Giết hết bọn giặc bán nước". Những cuộc bãi công chính trị to lớn của công nhân Thượng Hãi, Nam Kinh, Thiên Tân... đã đưa phong trào nhanh chóng giành được thắng lợi.

Câu 7: Nêu tóm tắt phong trào dân tộc ở Ấn Độ qua hai thời kì 1918 – 1929 và 1929 - 1939 theo bảng thống kê dưới đây:

Thời gian	*Nội dung sự kiện*
1918 - 1929	
1929 - 1939	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Nội dung sự kiện*
1918 - 1929	- Phong trào đấu tranh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và thị dân tham gia. Giữ vai trò lãnh đạo phong trào là Đảng Quốc đại, đứng đầu là M. Gan-đi. - Phong trào bất bạo động, bất hợp tác do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại lãnh đạo, được các tầng lớp nhân dân Ấn Độ hưởng ứng.
1929 - 1939	- Phong trào kéo dài trong suốt những năm 30 thông qua các chiến dịch bất hợp tác với thực dân Anh, do M. Gan-đi và Đảng Quốc đại khởi xướng. - Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền Anh tuyên chiến ở châu Âu và tuyên bố Ấn Độ là một bên tham chiến. Phong trào cách mạng ở Ấn Độ chuyển sang một thời kì mới.

Bài 16
CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Tình hình các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có những chuyển biến quan trọng nào về các mặt kinh tế, chính trị, xã hội?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tình hình các nước Đông Nam Á. Những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đã diễn ra ở hầu khắp các nước trong khu vực.

+ Về kinh tế: Trở thành thị trường tiêu thụ hàng hoá, cung cấp nguyên liệu cho các nước chính quốc.

+ Về chính trị: Bị chính quyền thực dân khống chế. Các quyền hành nắm trong tay chính quyền thực dân.

+ Về xã hội: Phân hoá giai cấp ngày càng sâu sắc. Giai cấp tư sản dân tộc lớn mạnh, giai cấp nông dân chiếm đa số, gia cấp công nhân dần dần trưởng thành.

- Cùng với những chuyển biến trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

Câu 2: Nét mới trong phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939) là gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Hoàn cảnh lịch sử mới:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, chính sách khai thác và bóc lột thuộc địa của thực dân phương Tây đã tác động mạnh mẽ đến tình hình các nước Đông Nam Á. Những chuyển biến quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội đã diễn ra ở hầu khắp các nước trong khu vực.

+ Cùng với những chuyển biến trong nước, thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và cao trào cách mạng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

- Phong trào đấu tranh mới:

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc phát triển ở hầu khắp các nước Đông Nam Á. So với những năm đầu thế kỉ XX, phong trào dân tộc tư sản có những bước tiến rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

+ Mục tiêu đấu tranh dân tộc được đề xuất rõ ràng: đòi quyền tự chủ về chính trị, quyền tự do trong kinh doanh, quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong giáo dục...

+ Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội rộng lớn như Đảng Dân tộc In-đô-nê-xi-a, tổ chức phong trào Tha-kin ở Miến Điện, Đại hội toàn Mã Lai...

+ Từ thập niên 20, giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á bắt đầu trưởng thành. Hàng loạt các Đảng Cộng sản được thành lập, mở đầu là Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (tháng 5-1920). Tiếp theo, trong năm 1930, các đảng cộng sản lần lượt ra đời ở Việt nam, Mã Lai, Xiêm và Phi-líp-pin.

Câu 3: Nêu những diễn biến chính của phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a trong thập niên 20 của thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, sự phát triển của phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a vào tháng 5-1920.

- Đảng Cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926 - 1927. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a.

- Từ năm 1927, sau thất bại của Đảng Cộng sản, quyền lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp tư sản, đứng đầu là Ác-mét-xu-các-nô. Với chủ trương đoàn kết các lực lượng dân tộc, chống đế quốc, đấu tranh bằng con đường hòa bình, bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân, Đảng Dân tộc đã nhanh chóng trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.

- Sau khi khủng bố tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, bắt giữ các lãnh tụ Đảng Dân tộc và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật.

- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 4: Lập niên biểu về phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a trong thập niên 20 và 30 của thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	***Nội dung sự kiện***
Thập niên 20 của thế kỉ XX	- Phong trào công nhân và việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin vào In-đô-nê-xi-a đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a vào tháng 5-1920. - Đảng Cộng sản đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra trong những năm 1926-1927. Cuộc khởi nghĩa thất bại nhưng đã làm rung chuyển nền thống trị của thực dân Hà Lan ở In-đô-nê-xi-a. - Từ năm 1927, lãnh đạo phong trào cách mạng chuyển vào tay Đảng Dân tộc của giai cấp tư sản, đứng đầu là Ác-mét-xu-các-nô. Đảng Dân tộc đã nhanh chóng trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.
Thập niên 30 của thế kỉ XX	- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.

	- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 5: Sự liên minh chiến đấu chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương được thể hiện ở những sự kiện nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa, nhất là ở các nước Đông Dương, chính sách khai thác tàn bạo và chế độ thuế khóa, lao dịch nặng nề đã làm bùng nổ phong trào đấu tranh chống Pháp ở các nước Đông Dương.

- Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Đông Dương. Những cơ sở bí mật đầu tiên của Đảng đã được thành lập ở Lào và Cam-pu-chia. Sau thất bại của phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh ở Việt Nam, thực dân Pháp tập trung lực lượng, đàn áp dã man những người cộng sản, phá vỡ các cơ sở cách mạng ở hai nước này.

- Trong những năm 1936-1939, Mặt trận Dân chủ Đông Dương được thành lập, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 6: Nêu những nét chính của phong trào giải phóng dân tộc ở Mã Lai và Miến Điện.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ở Mã Lai:

+ Từ đầu thế kỉ XX phong trào đấu tranh chống thực dân Anh đã lan rộng trên khắp bán đảo Mã Lai. Ách áp bức bóc lột nặng nề của chủ nghĩa thực dân, gánh nặng nợ nần chồng chất đã làm bùng nổ những cuộc đấu tranh của nông dân người Mã Lai bản địa và người Mã Lai gốc Hoa, gốc Ấn. Giai cấp tư sản dân tộc thông qua tổ chức Đại hội toàn Mã Lai đã lên tiếng đấu tranh đòi dùng tiếng Mã Lai trong nhà trường, đòi thực hiện tự do dân chủ trong kinh doanh. Nhiều cuộc bãi công lớn của công nhân bùng nổ đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc.

+ Tháng 4-1930, Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập. Sự kiện này đã tác động đến sự phát triển của phong trào công nhân. Trong những năm 1934 - 1936, các cuộc tổng bãi công của công nhân liên tiếp dẫn ra, chính quyền thực dân buộc phải đi đến thỏa thuận tăng lương cho công nhân.

- Ở Miến Điện:

+ Vào đầu thế kỉ XX, các nhà sư trẻ đứng đầu là Ốt-ta-ma đã khởi xướng phong trào bất hợp tác, không đóng thuế và tẩy chay hàng hóa Anh. Phong trào lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

+ Trong thập niên 30, học sinh, sinh viên Miến điện đã phát động Phong trào Tha-kin (phong trào của những người làm chủ đất nước) đòi cải cách quy chế đại học, thành lập trường học riêng cho Miến Điện, đòi tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ và được quyền tự trị. Trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, năm 1937 Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ, chấm dứt hơn nửa thế kỉ là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh.

Câu 7: Cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm có ý nghĩa như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm là cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo. Cuộc cách mạng này có ý nghĩa to lớn:

- Là một cuộc cách mạng xã hội làm thay đổi nền chính trị của Xiêm, chuyển nước Xiêm từ chế độ quân chủ chuyên chế sang chế độ quân chủ lập hiến.

- Cách mạng đã tạo điều kiện cho việc tiến hành những cải cách theo hướng tư sản, mở ra một thời kì mới cho đất nước Xiêm.

Câu 8: Nêu một số nét khái quát về phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào độc lập dân tộc phát triển hầu khắp các nước Đông Nam Á. So với những năm đầu thế kỉ XX, phong trào dân tộc tư sản có những tiến bộ rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.

- Giai cấp tư sản dân tộc đề ra mục tiêu đấu tranh đòi quyền tự do kinh doanh, tự chủ về chính trị. Từ đó dẫn đến sự ra đời của một số chính đảng tư sản ở Đông Nam Á như Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a, phong trào Tha-kin ở Miến Điện, Đại hội toàn Mã Lai.

- Đến đầu thập niên 20 của thế kỉ XX, giai cấp vô sản trẻ tuổi ở Đông Nam Á cũng bắt đầu trưởng thành, nhiều đảng cộng sản được thành lập như Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a (5-1920), Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Cộng sản Mã Lai... thành lập trong năm 1930.

- Dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Đông Nam Á diễn ra sôi nổi và quyết liệt.

Câu 5: Phong trào chống Pháp của nhân dân Lào và Cam-pu-chia giữa hai cuộc chiến tranh thế giới diễn ra như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp tăng cường chính sách khai thác thuộc địa ở Lào và Cam-pu-chia, nên nhân Lào và Cam-pu-chia đứng lên đấu tranh chống Pháp.

+ Ở Lào, cuộc khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam diễn ra trong hơn 30 năm đầu thế kỉ XX. Cuộc khởi nghĩa của người Mèo do Chậu Pa-chay lãnh đạo kéo dài trong những năm 1918 – 1922 ở Bắc Lào và Tây Bắc Việt Nam.

+ Ở Cam-pu-chia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nông dân thuộc huyện Rô-lê-phan ở Công-pông Chơ-năng.

- Từ năm 1930, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) đã mở ra thời kì mới của phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia.

- Trong những năm 1936-1939, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống bọn phản động thuộc địa, chống phát xít và chống chiến tranh. Trong điều kiện đó, một số cơ sở cách mạng của Đảng đã được xây dựng và củng cố ở các thành phố lớn như Viêng Chăn, Phnông Pênh. Cuộc vận động dân chủ Đông Dương đã kích thích sự phát triển của phong trào đấu tranh dân chủ ở Lào và Cam-pu-chia cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Phong trào độc lập dân tộc trong thập niên 30 của thế kỉ XX ở Đông Nam Á diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đầu thập niên 30, phong trào đấu tranh chống thực dân Hà Lan tiếp tục bùng nổ lan rộng khắp các đảo In-đô-nê-xi-a, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của các thủy binh ở cảng Su-ra-bay-a vào năm 1933.
- Sau khi khủng bố tàn khốc những người khởi nghĩa, chính quyền thực dân tăng cường đàn áp, bắt giữ các lãnh tụ Đảng Dân tộc và đặt Đảng ra ngoài vòng pháp luật.
- Cuối thập niên 30, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít, những người cộng sản đã kết hợp với Đảng In-đô-nê-xi-a, thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít với tên gọi Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a.

Câu 2: Nhận xét về phong trào đấu tranh giành độc lập ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào diễn ra sôi nổi với những hình thức phong phú phong trào lên cao, lan rộng khắp các quốc gia. Giai cấp vô sản trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào.
- Đặc biệt ở Đông Dương, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân ba nước (Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia) đấu tranh chống Pháp tạo bước ngoặt cho phong trào.
- Phong trào dân chủ tư sản tiếp tục phát triển, chưa có phong trào nào thắng lợi, nhưng đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân chống kẻ thù chung, từ 1940 trở đi lần lượt chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 3: Nêu đặc điểm của phong trào dân tộc ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phát triển ở hầu khắp các nước Đông Nam Á.
- Có những bước tiến rõ rệt cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản dân tộc.
- Mục tiêu giành độc lập được đề xuất rõ ràng.
- Một số chính đảng tư sản được thành lập và có ảnh hưởng xã hội sâu rộng.

Câu 4: Biện pháp đấu tranh của Đảng Dân tộc có điểm gì khác so với Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đảng Cộng sản ở In-đô-nê-xi-a sử dụng biện pháp đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc bằng khởi nghĩa vũ trang.
- Đảng Dân tộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc bằng cách đoàn kết các lực lượng dân tộc, tiến hành đấu tranh giành độc lập bằng biện pháp hoà bình và bằng phong trào bất hợp tác với chính quyền thực dân. Biện pháp đấu tranh của Đảng Dân tộc ở In-đô-nê-xi-a phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và điều kiện cụ thể của In-đô-nê-xi-a nên đã nhanh chóng giành được uy tín chính trị và trở thành lực lượng dẫn dắt phong trào giải phóng dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Câu 5: Hãy nhận xét về cuộc cách mạng năm 1932 ở Xiêm.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Mặc dù là nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị rơi vào tình trạng thuộc địa, nhưng trên thực tế nước Xiêm cũng không giữ được trọn vẹn nền độc lập của mình và phải phụ thuộc về nhiều mặt vào Anh và Pháp. Sự bất mãn của các tầng lớp trong xã hội đối với chế độ quân chủ Ra-ma VII ngày một tăng.

- Mùa hè năm 1932, một cuộc cách mạng đã nổ ra ở Băng Cốc dưới sự lãnh đạo của giai cấp tư sản, đứng đầu là Phi-đi Pha-nô-mi-ông.

- Cách mạng năm 1932 đã thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến, tạo điều kiện tiến hành các cải cách theo hướng tư sản, mở ra một thời kì phát triển mới của Xiêm.

Câu 6: Hãy điền sự kiện lịch sử vào các mốc thời gian ở bảng kê dưới đây:

Thời gian	***Sự kiện***
Tháng 5 - 1920	
Năm 1926 - 1927	
Năm 1927	
Tháng 12 - 1939	
Năm 1933	
Trong 30 năm đầu thế kỉ XX	
Tháng 9 -1940	
Tháng 4 - 1940	
Năm 1937	

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	***Sự kiện***
Tháng 5 - 1920	Đảng Cộng sản In-đô-nê-xi-a thành lập.
Năm 1926 - 1927	Đảng Công sản In-đô-nê-xi-a phát động khởi nghĩa ở Gia-va và Xu-ma-tơ-ra.
Năm 1927	Đảng Dân tộc đứng đầu là Ác-mét Xu-các-nô nắm quyền lãnh đạo phong trào đấu tranh ở In-đô-nê-xi-a.
Tháng 12 - 1939	Liên minh chính trị In-đô-nê-xi-a triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân.
Năm 1933	Cuộc khởi nghĩa của thuỷ binh ở cảng Su-ra-bay-a ở In-đô-nê-xi-a.
Trong 30 năm đầu thế kỉ XX	Khởi nghĩa của Ong Kẹo và Com-ma-đam ở Lào.
Tháng 9 -1940	Phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, phong trào cách mạng ở Lào và Cam-pu-chia chuyển sang thời kì đấu tranh chống phát xít Nhật.
Tháng 4 - 1940	Đảng Cộng sản Mã Lai được thành lập.
Năm 1937	Miến Điện được tách ra khỏi Ấn Độ.

Chương IV
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Bài 17
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Các nước phát xít trong giai đoạn 1931 – 1937 có những hoạt động xâm lược nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Những năm 30 của thế kỉ XX, các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Bec-lin – Rô-ma – Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình.

- Trước hết Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.

Câu 2: Theo em, sự kiện Muy-ních còn được nhìn nhận, đánh giá như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 29 tháng 9 năm 1938, tạ Muy-ních (Đức), hội nghị những người đứng đầu bốn nước Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a được triệu tập để giải quyết vấn đề Xuy-đét. Tại hội nghị này, Tiệp Khắc không được tham gia hội nghị mà chỉ được mời đến để nghe kết quả hội nghị. Hội nghị quyết định cắt Xuy-đét cho Đức, trên cơ sở đó Hít-le cam kết chấm dứt mọi thôn tính ở châu Âu.

- Qua sự kiện Muy-ních đã thể hiện chính sách dung túng, nhượng bộ, lôi kéo phát xít mà các nước Anh, Pháp từ lâu đã thi hành nhằm chống lại Liên Xô.

- Sự kiện Muy-ních thực chất là sự thoả hiệp của Anh, Pháp, I-ta-li-a với Đức nhằm thực hiện âm mưu chống Liên Xô. Nó thể hiện sự yếu kém của Anh, Pháp, I-ta-li-a trong quan hệ quốc tế và bộc lộ những bản chất hèn yếu của các nước tư bản ở Tây Âu trước họa chiến tranh phát xít.

- Sự kiện Muy-ních đã giúp Đức củng cố được địa vị của mình ở Trung Đông, Đông Nam Á trên cơ sở làm suy yếu Anh, Pháp. Đây là bước chuẩn bị cơ bản để Đức thực hiện âm mưu phát động cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 3: Sử dụng lược đồ (hình 43) để trình bày việc phát xít Đức mở đầu việc xâm chiếm châu Âu như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi đánh chiếm Áo và Tiệp Khắc, giành được ưu thế trong hội nghị Muy-ních, Đức tiếp tục thực hiện tham vọng của mình bằng việc chính thức châm ngòi cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Rạng sáng ngày 1 - 9 - 1939, quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.

Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" và chiếm được Ba Lan sau gần một tháng.

- Tháng 4 - 1940, Đức tấn công sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu.

- Tháng 6 - 1940, Đức đánh chiếm nước Pháp, Pa-ri bỏ ngỏ.

- Tháng 7 - 1940, Đức thực hiện kế hoạch đánh Anh nhưng không thực hiện được.

Câu 4: Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Do quy luật phát triển không đồng đều giữa các nước tư bản chủ nghĩa trong thời đại đế quốc chủ nghĩa: Anh, Pháp, Mĩ phát triển tư bản chủ nghĩa sớm nên chiếm được nhiều thị trường và thuộc địa. Còn Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản phát triển muộn nhưng lại có tốc độ nhanh lại có ít hoặc không có thị trường ở các nước thuộc địa, do các nước phát triển sớm chiếm hầu hết.

+ Chính sự phát triển không đồng đều đó làm cho so sánh lực lượng trong thế giới tư bản chủ nghĩa thay đổi về căn bản. Việc phân chia thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất thông qua hoà ước Véc-xai – Oa-sinh-tơn không còn phù hợp. Từ đó dẫn đến hình thành hai khối đế quốc đối địch nhau.

- Nguyên nhân trực tiếp:

+ Do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản giải quyết khủng hoảng bằng cách phát xít hoá bộ máy nhà nước, đi đến gây chiến tranh thế giới.

+ Thủ phạm gây chiến chính là phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Song chính sách hai mặt của các cường quốc Tây Âu đã tạo điều kiện cho phát xít gây Chiến tranh thế giới thứ hai

Câu 5: Lập niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức (từ tháng 9 – 1939 đến tháng 6 – 1941).

** Hướng dẫn trả lời:*

Giai đoạn	*Chiến sự*
9 - 1939 đến 6 - 1940	- Ngày 1 - 9 -1939, Đức tấn công Ba Lan, chiếm Ba Lan trong vòng một tháng. - Tháng 4 - 1940, Đức đánh chiếm Đan Mạch, Na-uy, Bỉ, Thụy Điển, Hà Lan, Lúc-xăm-bua. - Tháng 6 - 1940, Đức đánh chiếm nước Pháp. - Tháng 7 - 1940, Đức tấn công Anh, chỉ là chiến sự nghi binh.
9 - 1940 đến 6 -1941	- Tháng 9 - 1940, Hiệp ước Tam cường Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản được kí kết. - Tháng 10 - 1940, Đức thôn tính các nước Đông và Nam Âu. - Tháng 5 - 1941, Đức thôn tính hầu hết các nước châu Âu, chuẩn bị mở cuộc tấn công "chớp nhoáng" vào lãnh thổ Liên Xô. - Tháng 6 - 1941, Đức tấn công Liên Xô. Nhân dân Liên Xô thực hiện cuộc chiến tranh vệ quốc.

Câu 6: Cuộc tấn công của phát xít Đức vào lãnh thổ Liên Xô diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Rạng sáng ngày 22 tháng 6 năm 1941, phát xít Đức thực hiện cuộc "Chiến tranh chớp nhoáng" tấn công vào lãnh thổ Liên Xô với hi vọng trong vòng một tuần sẽ thôn tính Liên Xô. Để thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược Liên Xô, phát xít Đức đã huy động một lực lượng mạnh gồm 5,5 triệu quân, 3712 xe tăng, 47.260 khẩu pháo, 4.950 máy bay... chia làm ba đạo quân tấn công vào dọc tuyến biên giới phía Tây Liên Xô. Đạo quân phía Bắc bao vây Lê-nin-grát, đạo quân trung tâm tiến tới ngoại vi thủ đô Mát-xcơ-va, đạo quân phía nam chiếm Kiép và phần lớn U-crai-na.

- Trong những tháng đầu tiên, nhờ ưu thế về vũ khí và kinh nghiệm tác chiến, quân Đức đã tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô, chúng đã tiến sát thủ đô Mát-xcơ-va chỉ còn 20 km là vào đến thủ đô. Nhưng với tinh thần quả cảm của của Hồng quân và nhân dân Liên Xô đã lần lượt ngăn được bước tiến quân của quân đội phát xít Đức.

- Tháng 12 năm 1941, dưới sự chỉ huy của Tướng Gui-cốp, Hồng quân Liê Xô đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân đội phát xít Đức ra khỏi thủ đô Mát-xcơ-va 400 km, làm phá sản "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài với Liên Xô.

- Để thực hiện kế hoạch đánh lâu dài, phát xít Đức chuyển hướng tấn công vào thành phố Xta-lin-grát. Kế hoạch đánh Xta-lin-grát kéo dài hơn hai tháng cuối cùng bị thất bại. Sau đó Hồng quân Liên Xô tiếp tục phản công quân đội phát xít Đức. Đến năm 1944, Hồng quân đã đẩy lùi quân đội đức ra khỏi lãnh thổ Liên Xô.

Câu 7: Chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ như thế nào? (trình bày theo lược đồ hình 46).

** Hướng dẫn trả lời:*

- Dựa vào lược đồ hình 46 trong sách giáo khoa trang 96 trình bày chiến tranh ở Thái Bình Dương như sau:

- Tháng 9 - 1940, quân Nhật kéo vào Đông Dương, Mĩ kiên quyết phản đối, quan hệ Nhật - Mĩ càng căng thẳng.

- Ngày 7 - 12 - 1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ – Anh.

- Sau trận Trân Châu Cảng, Nhật mở một loạt cuộc tấn công vào Đông Nam Á và Thái Bình Dương.

- Chỉ trong vòng 6 tháng (từ tháng 12 – 1941 đến tháng 5 – 1942), quân Nhật đã chiếm được một vùng rộng lớn, bao gồm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Miến Điện, In-đô-nê-xi-a và nhiều bán đảo ở Thái Bình Dương. Chiến tranh đã lan rộng toàn thế giới.

Câu 8: Khối Đồng minh chống phát xít được hình thành như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Hành động xâm lược của phe phát xít đã thúc đẩy các quốc gia trên thế giới cùng phối hợp với nhau trong một liên minh chống phát xít. Đồng thời khi Liên Xô tham chiến đã làm thay đổi cục diện chiến tranh.

- Anh, Mĩ thay đổi thái độ, bắt tay với Liên Xô chống phát xít. Khối Đồng minh chống phát xít hình thành.

- Ngày 1-1-1942, tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh) đã kí bản Tuyên ngôn Liên Hiệp Quốc, khẳng định quyết tâm chiến đấu đến cùng chống chủ nghĩa phát xít. Với bản Tuyên ngôn này, khối Đồng minh chống phát xít đã chính thức hình thành. Cuối tháng 11 - 1943, nguyên thủ của ba cường quốc là Xta-lin (Liên Xô), Ru-dơ-ven (Mĩ) và Sớc-sin (Anh) đã họp tại Tê-hê-ran để thống nhất đường lối tiến hành chiến tranh.

Câu 9: Nêu những sự kiện chính về cuộc phản công của quân Đồng minh trên các mặt trận (từ tháng 11 - 1942 đến tháng 6 - 1944).

** Hướng dẫn trả lời:*

Mặt trận	*Thời gian*	*Chiến sự*
Xô - Đức	- Tháng 11 + 1942 đến tháng 2 - 1943. - Ngày 5 - 7 - 1943 đến 23 - 8 - 1943. - Tháng 6 - 1944.	- Trận phản công thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở Xta-lin-grát. Liên Xô và Đồng minh chuyển sang thế phản công đồng loạt trên khắp các mặt trận. - Tại Cuốc-xơ, Hồng quân Liên Xô đánh tan 30 sư đoàn của Đức, loại khỏi vòng chiến 50 vạn quân của chúng. - Hồng quân Liên Xô đã giải phóng phần lớn lãnh thổ Liên Xô.
Bắc Phi	- Tháng 3 đến tháng 5 - 1943. - Tháng 7 - 1943.	- Quét sạch liên quân Đức- I-ta-li-a khỏi lục địa châu Phi. - Quân Mĩ - Anh tấn công vào miền Nam I-ta-li-a và truy kích quân Đức về phía bắc, chiếm đảo Xi-xi-li-a, tiến vào thủ đô Rô-ma, buộc chính phủ I-ta-li-a đầu hàng.
Thái Bình Dương	Tháng 8 - 1942 đến tháng 1 - 1943.	Liên quân Anh - Mĩ đánh Nhật ở Gu-a-đan-ca-nan giành thắng lợi đã tạo ra bước ngoặt cho chiến tranh ở Thái Bình Dương.

Câu 10: Trận phản công tại Xta-lin-grát: diễn biến và ý nghĩa.

**Hướng dẫn trả lời:*

- *Diễn biến:*

+ Trận phản công tại Xta-lin-grát (từ tháng 11-1942 đến tháng 2-1943) của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới.

+ Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy.

+ Từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- *Ý nghĩa:*

+ Trận Xta-lin-grát là một trong những trận đánh lớn, tiêu biểu nhất về nghệ thuật quân sự, có ý nghĩa xoay chuyển toàn cuộc chiến, giáng một đòn quyết liệt

vào tinh thần chiến đấu của quân Đức.

+ Thắng lợi trong trận Xta-lin-grát đã chứng tỏ sức mạnh vật chất và tinh thần của Hồng quân Liên Xô trong sự nghiệp chiến đấu chống chiến tranh phát xít, bảo vệ Tổ quốc.

+ Thắng lợi này đã đánh dấu bước ngoặt của Chiến tranh thế giới thứ hai: quân Đức từ chỗ tấn công chuyển sang thế phòng ngự, Liên Xô và các nước Đồng minh từ cho phòng ngự chuyển sang thế phản công và tiến công trên khắp các mặt trận.

Câu 11: Quân đội Nhật bị đánh bại như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 7-12-1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ – Anh.

- Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á: Chiếm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.

- Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tối đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mĩ - Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-líp-pin. Quân Mĩ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.

- Ngày 6-8-1945, Mĩ mém quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8-8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân Quan Đông ở Mãn Châu. Ngày 9-8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15-8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 12: Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc như thế nào?

**Hướng dẫn trả lời:*

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc chiến đấu ấy, ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- Ảnh hưởng của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại. Hơn 70 quốc gia với 1700 triệu người đã bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế.

- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

Câu 13: Phát xít Đức bị tiêu diệt như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ ngày 6 - 6 - 1944, cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) của liên quân Mĩ – Anh và Đồng minh mở "Mặt trận thứ hai" ở Tây Âu.

- Quân đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

- Sau khi đẩy lùi quân đội Đức ra khỏi lãnh thổ, từ tháng 7-1944 đến tháng 10-1944, Hồng quân Liên Xô tiến quân vào Đông Âu, giúp nhân dân Đông Âu tiêu diệt phát xít Đức, giải phóng hàng loạt các nước Đông Âu.

- Từ tháng 1- 1945, Hồng quân Liên Xô cũng bắt đầu cuộc tấn công nước Đức ở mặt trận phía Đông.

- Tháng 2 - 1945, ở mặt trận phía Tây, Mĩ - Anh và các nước Đồng minh khác vượt sông Ranh tràn vào nước Đức.

- Từ 16 - 4 đến 2 - 5 - 1945, Hồng quân Liên Xô đã đập tan sự kháng cự của quân phát xít Đức. Ngày 9 - 5 - 1945, Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh chấm dứt ở châu Âu.

Câu 14: Trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, Liên Xô có vai trò như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Trước những hành động của chủ nghĩa phát xít, Liên Xô đã ra sức ngăn chặn sự bùng nổ của chiến tranh: giúp đỡ Tiệp Khắc năm 1939, kí kết Hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau với Đức.

- Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Liên Xô vận động các nước thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh.

- Khi phát xít Đức tấn công vào lãnh thổ Liên Xô, Hồng quân và nhân dân Liên Xô đã trực tiếp đương đầu với phát xít Đức. sau khi đánh bại quân đội phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô còn giúp các nước Đông Âu đánh bại quân xâm lược Đức, giải phóng hàng loạt các nước Đông, Nam Âu.

- Hồng quân Liên Xô cùng với liên quân Anh – Mĩ tấn công vào tận sào huyệt Béc-lin tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức, kết thúc chiến tranh ở châu Âu.

- Thực hiện chủ trương của Hội nghị I-an-ta, Hồng quân Liên Xô mang quân đánh bại một triệu quân Quan Đông của Nhật, rồi cùng với lực lượng Đồng minh đánh bại phát xít Nhật vào ngày 14 – 8 – 1945, kết thúc chiến tranh ở châu Á – Thái Bình Dương.

- Sau khi chiến tranh kết thúc, Liên Xô chủ trì hội nghị Pốt-xđam để giải quyết vấn đề giải giáp phát xít và sắp xếp lại trật tự thế giới sau chiến tranh.

Như vậy, Liên Xô là nước đi đầu trong sự nghiệp chống chủ nghĩa phát xít.

Câu 15: Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây bao đau thương, tan tóc cho nhân loại, vì vậy bài học rút ra từ cuộc chiến tranh này là phải bảo vệ nền hoà bình, an ninh cho nhân loại.

- Ngày nay vẫn còn những cuộc xung đột vẫn thường xuyên xảy ra ở nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Nhân loại phải chung tay đấu tranh chống tư tưởng gây chiến, chống các thế lực bạo loạn đang có mưu đồ dùng chiến tranh để giải quyết các mâu thuẫn, các xung đột.

- Cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình, chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân là trách nhiệm chung của toàn nhân loại, phải ra sức giải quyết các cuộc xung đột bằng con đường hoà bình.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Qua các sự kiện diễn ra trong quá trình dẫn đến chiến tranh, hãy phân tích nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất lại tiếp tục nảy sinh.

- Do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã dẫn đến sự ra đời và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản nhằm gây chiến tranh để chia lại thế giới.

- Do chính sách thoả hiệp, "dung dưỡng" của các nước phương Tây đã tạo điều kiện cho bọn phát xít phát động chiến tranh.

- Các nước đế quốc hình thành hai khối đối lập nhau.

+ Anh, Pháp, Mĩ thi hành chính sách thoả hiệp nhượng bộ nhằm đẩy khối phát xít tấn công Liên xô, đỉnh cao của chính sách này là Hiệp ước Muy-nich, "bán đứng" Tiệp Khắc cho Đức. Tuy vậy, thấy chưa đủ sức tấn công Liên xô, Hít-le tấn công các nước châu Âu trước.

+ Ngày 1-9-1939, phát xít Đức tấn công Ba Lan, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

Câu 2: Vì sao Đức có thể xâm chiếm Ba Lan một cách nhanh chóng?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Đức có ưu thế tuyệt đối về sức mạnh quân sự, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng", sử dụng yếu tố bất ngờ để tấn công Ba Lan.

- Chính phủ Ba Lan bị bất ngờ trước cuộc chiến tranh xâm lược chớp nhoáng của Đức không trở tay kịp.

- Các nước Anh, Pháp theo đuổi chính sách thoả hiệp nên đã án binh bất động, bỏ mặc cho Đức thôn tính Ba Lan với hi vọng Đức sẽ quay nũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô.

Câu 3: Hãy trình bày quá trình hình thành và củng cố liên minh phát xít. Ba nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã phân chia phạm vi thống trị trên thế giới như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Bec-lin – Rô-ma – Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới. Sự hình thành phe Trục phát xít vào năm 1937 chỉ là sự liên minh vì mục đích chung.

- Tháng 9 - 1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức-I-ta-li-a – Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, phân chia phạm vi thống trị của Đức, I-ta-li-a ở châu Âu, của Nhật Bản ở Viễn Đông. Hiệp ước Tam cường năm 1940 đã phân chia cụ thể phạm vi thống trị cuả ba nước, vạch rõ nghĩa vụ trợ giúp lẫn nhau giữa ba nước phát xít.

Câu 4: Chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Đức bị bị thất bại như thế nào? Tại sao chiến lược đó bị thất bại trong cuộc tấn công Liên Xô?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 22-6-1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô bất chấp Hiệp định Xô - Đức. Đức sử dụng chiến thuật "Chiến tranh chớp nhoáng" đánh vào Liên Xô theo ba hướng:

+ Đạo quân phía bắc đánh vào Lê-nin-grát.

+ Đạo quân trung tâm tiến vào ngoại vi Thủ đô Mát-xcơ-va.

+ Đạo quân phía nam chiếm Ki-ép và phần lớn U-crai-na.

- Quân đội và nhân dân Liên Xô kiên quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tháng 12-1941, Hồng quân Liên Xô do Tướng Giu-cốp chỉ huy đã phản công quyết liệt, đẩy lùi quân Đức ra khỏi cửa ngõ thủ đô. Chiến tranh Mát-xcơ-va đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" của Hít-le.

- Sau thất bại ở Mát-xcơ-va, quân Đức chuyển mũi nhọn tấn công xuống phía nam nhằm đánh chiếm Xta-lin-grát. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn hai tháng nhưng quân Đức không thể chiếm được thành phố này.

- Từ tháng 11-1942 đến tháng 2-1943, diễn ra trận phản công tại Xta-lin-grát của quân đội Liên Xô đã tạo nên bước ngoặt của cuộc chiến tranh thế giới. Trong trận đánh vĩ đại này, Hồng quân Liên Xô đã tấn công, bao vây, chia cắt để tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đội quân tinh nhuệ của Đức gồm 33 vạn người do Thống chế Pao-lút chỉ huy. Bắt đầu từ đây, Liên Xô và phe Đồng minh chuyển sang tấn công đồng loạt trên các mặt trận.

- Nguyên nhân thất bại của Đức:

+ Cuộc chiến tranh xâm lược của Đức vào lãnh thổ Liên Xô là chiến tranh phi nghĩa, cuộc chiến tranh ấy vấp phải sự phản kháng quyết liệt của nhân dân Liên Xô.

+ Mặc dầu Đức tổ chức tấn công Liên Xô bất ngờ như Hồng quân Liên Xô đã chuẩn bị sẵn sàng để chống trả ác cuộc tấn công của quân đội Đức.

+ Mặc dầu Đức thực hiện "Chiến tranh chớp nhoáng" nhưng trên thực tế khi đánh vào Liên Xô, Đức phải chấp nhận một cuộc chiến tranh kéo dài, dàn trải ở nhiều mặt trận.

Câu 5: Tại sao Nhật Bản khai chiến với Mĩ – Anh ở Thái Bình Dương? Hãy tường thuật việc khai chiến, quá trình xâm lược và bành trướng của Nhật trên lược đồ châu Á – Thái Bình Dương.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Tại sao:*

+ Để thực hiện việc bành trướng ở châu Á – Thái Bình Dương, mục tiêu chiến lược của Nhật Bản là chiếm vùng Đông Nam Á. Với mục tiêu này, Nhật bản sẽ phải đối đầu với Mĩ – Anh và các cường quốc phương Tây.

+ Khi Nhật Bản nhảy vào Đông Dương (9 – 1940), quan hệ Nhật – Mĩ trở nên căng thẳng đến mức không giải quyết được trên bàn hội nghị, mà phải dùng chiến tranh.

+ Nhật Bản hiểu rằng sức mạnh chủ yếu của Mĩ dựa vào hạm đội Thái Bình Dương đóng tại Trân Châu Cảng. Do đó muốn nhanh chóng đánh bại Mĩ thì phải bí mật, bất ngờ tiêu diệt hạm đội Mĩ ơ Trân Châu Cảng.

- *Tường thuật:* Dựa vào lược đồ để tường thuật sau đó chốt lại các ý:

+ Ngày 7-12-1941, quân Nhật bất ngờ tấn công Trân Châu Cảng - căn cứ hải quân chủ yếu của Mĩ ở Thái Bình Dương. Hạm đội Mĩ bị thiệt hại nặng nề. Cùng lúc đó, Nhật đổ bộ ở Nam Thái Bình Dương và Bắc Mã Lai. Nhật tuyên chiến với Mĩ – Anh.

+ Ngày 1-1-1942, Liên Xô, Mĩ, Anh kí bản Tuyên ngôn Liên Hiệp Quốc, khẳng định quyết tâm chống phát xít.

+ Khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ, Nhật tiến hành đánh chiếm khu vực Đông Nam Á: Chiếm Thái Lan, Mã Lai, Xin-ga-po.

+ Nhật mở rộng chiến tranh Thái Bình Dương. Đến năm 1942, Nhật đã bành trướng tối đa ở Đông Á, Đông Nam Á và Tây Thái Bình Dương.

Câu 6: Tại sao ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ba nước Mĩ, Anh, Liên Xô trước chiến tranh không có đường lối hành động chung, nhưng trong chiến tranh lại liên kết được với nhau vì:

+ Trước chiến tranh, Mĩ và Anh có mâu thuẫn với Liên Xô. Khi chiến tranh mới bắt đầu bùng nổ, Mĩ, Anh muốn hướng cuộc tấn công của chủ nghĩa phát xít vào lãnh thổ Liên Xô.

+ Riêng Mĩ, trước chiến tranh, Mĩ không muốn tham chiến ngay từ đầu, vì Mĩ muốn thực hiện chính sách "toạ sơn quan hổ đấu".

+ Khi chiến tranh bùng nổ và đến giai đoạn quyết liệt, Đức mở các cuộc tấn công vào các nước Đông, Nam, Tây Âu đã đụng chạm đến quyền lợi của Anh, Pháp. Đặc biệt là khi Nhật bành trướng ở Thái Bình Dương, khai chiến với Mĩ, Anh. Nhất là khi Nhật đánh Mĩ ở Trân Châu Cảng, buộc Mĩ phải tuyên chiến với Nhật, Mĩ chấm dứt chính sách biệt lập để tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Khi Hồng quân Liên Xô lần lượt đánh bại phát xít Đức ở Mặt trận Liên Xô, sau đó giúp các nước Đông Âu đánh bại chủ nghĩa phát xít, lúc nàu ưu thế thuộc về phe Đồng minh đã thúc đẩy Mĩ, Anh liên kết với nhau để chống phát xít mạnh hơn nữa.

Câu 7: Hãy trình bày về "trật tự mới" của phe Trục ở châu Âu và châu Á. Em có suy nghĩ gì về trật tự mới đó?

** Hướng dẫn trả lời:*

**"Trật tự mới" của phe Trục:*

- Ở châu Âu: Sự thống trị của Đức Quốc xã đã tạo ra cái gọi là "Trật tự mới" ở châu:

+ Đối với các nước bị chiếm đóng, Đức thống trị bằng bạo lực và khủng bố. Hít-le thực hiện chính sách phân biệt chủng tộc cực kì tàn bạo.

+ Đối với người Do Thái bị Hít-le dành cho "giải pháp cuối cùng" nghĩa là tiêu diệt toàn bộ.

- Ở châu Á: Nhật Bản tuyên bố "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" với khẩu hiệu "Châu Á của người châu Á". Nhưng Nhật thiết lập ở đây ách thống trị tàn bạo và khủng bố.

** Suy nghĩ:*

- Đây là một trật tự giết người của phát xít Đức và Nhật. Chúng đã dùng mọi cực hình để tiêu diệt con người, nhất là dân Do Thái.

- Trật tự nay đã gây căm phẫn cho nhân loại và đó là căn nguyên dẫn đến phong trào đấu tranh chống phát xít diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt ở nhiều nước.

Câu 8: Phong trào kháng chiến ở những nước bị phát xít chiếm đóng diễn biến ra sao?

**Hướng dẫn trả lời:*

- Tại Pháp, Đảng Cộng sản và nhiều tổ chức khác đã thành lập lực lượng kháng chiến trong nước.
- Tại Nam Tư, phong trào kháng chiến của Đảng Cộng sản diễn ra mạnh mẽ.
- Tại Ba Lan, Đảng Cộng sản thành lập "Quân đội nhân dân", "Quân đội trong nước" để chống phát xít.
- Tại Liên Xô, chiến tranh du kích trong vùng bị địch chiếm đã làm rung chuyển hậu phương quân đội Đức.
- Phong trào kháng chiến ở Đông Nam Á cũng lên cao, nhất là ở Trung Quốc, Việt Nam, Phi-lip-pin, Mã Lai, Miến Điện...

Câu 9: Hãy tường thuật diễn biến cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi và nêu ý nghĩa của việc mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu.

**Hướng dẫn trả lời:*

- *Diễn biến:*

+ Cuộc đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Bắc Pháp) từ ngày 6 - 6 - 1944 của liên quân Mĩ – Anh và Đồng minh mở "Mặt trận thứ hai".

+ Quân đổ bộ tiến vào nước Pháp. Ngày 15 – 8 – 1944, quân Mĩ và quân Pháp Tự do lại đổ bộ ở Prô-văng-xơ (Nam Pháp). Hai cách quân này đuổi quân Đức về biên giới. Lực lượng kháng chiến trong nước Pháp cũng nổi dậy khởi nghĩa, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, làm chủ Thủ đô. Cánh quân Mĩ của tướng Pát-tơn tiến vào Pa-ri ngày 25 – 8. Chính phủ Lâm thời Pháp do Tướng Đờ-Gôn đứng đầu được thành lập, chính quyền Pê-tanh bị giải tán. Toàn bộ nước Pháp được giải phóng vào tháng 9 – 1944. Tiếp theo đó quân Đồng minh đổ bộ tiến vào giải phóng các nước Pháp, Bỉ, Hà Lan và chuẩn bị tấn công nước Đức.

- *Ý nghĩa của việc mở mặt trận thứ hai:*

+ Đây là hoạt động quân sự lớn nhất của Mĩ, Anh trên chiến trường châu Âu.

+ Thể hiện đúng sự thoả thuận của ba nước Liên Xô, Mĩ, Anh trong việc quyết tâm tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

+ Thể hiện sức mạnh và sự liên kết của các nước Đồng minh chống phát xít, đứng đầu là Liên Xô, Mĩ, Anh.

+ Đẩy Đức lâm vào tình thế nguy ngập, buộc Đức phải chiến đấu cùng một lúc trên cả hai mặt trận phía Đông và phía Tây.

Câu 10: Cuộc phản công của quân Đồng minh trong giai đoạn cuối của chiến tranh (từ tháng 6 – 1944 đến tháng 8 – 1945) để đánh bại Nhật Bản diễn ra như thế nào?

**Hướng dẫn trả lời:*

- Ở mặt trận Thái Bình Dương, từ năm 1944, liên quân Mĩ - Anh đã triển khai các cuộc tấn công đánh chiếm Miến Điện và quần đảo Phi-líp-pin. Quân Mĩ tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của nước Nhật bằng không quân.
- Ngày 6-8-1945, Mĩ mém quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hi-rô-si-ma. Ngày 8-8, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công đạo quân quan

Đông ở Mãn Châu. Ngày 9-8, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Na-ga-xa-ki. Ngày 15-8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 11: Những hoạt động chuẩn bị tiến tới gây chiến tranh của phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929-1933), các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã liên kết với nhau thành Liên minh phát xít, còn được gọi là trục Bec-lin – Rô-ma – Tô-ki-ô. Khối này vừa chống lại Quốc tế Cộng sản, vừa gây chiến tranh chia lại thế giới.

- Trong bối cảnh đó, các cường quốc tư bản và Liên Xô lại không có đường lối hành động chung. Các nước phát xít đã lợi dụng tình hình đó để thực hiện mục tiêu gây chiến tranh xâm lược của mình.

- Trước hết Hít-le quyết định sáp nhập Áo vào nước Đức, rồi tiến hành xâm lược các nước khác. Tiếp đó, Hít-le yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển giao xứ Xuy-đét cho người Đức.

- Ngày 29-9-1938, Hội nghị Muy-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, theo đó Anh, Pháp trao vùng Xuy-đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu. Đại biểu Tiệp Khắc được mời đến Muy-ních chỉ để tiếp nhận và thi hành hiệp định.

- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (tháng 3-1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Câu 12: Diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1939 đến mùa hè 1941.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Rạng sáng ngày 1-9-1939 quân đội Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau, Anh và Pháp buộc phải tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu. Với ưu thế tuyệt đối về sức mạnh, quân Đức áp dụng chiến lược "Chiến tranh chớp nhoáng" và chiếm được Ba Lan sau gần một tháng.

- Liên quân Anh – Pháp dàn trận dọc biên giới phía tây nước Đức, nhưng không tấn công Đức.

- Liên Xô tiến hành một số hoạt động quân sự và chính trị để giành lại lãnh thổ của Nga cũ.

- Tháng 4-1940, quân Đức chuyển hướng tấn công từ phía đông sang phía tây, chiếm hầu hết các nước tư bản châu Âu như Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua và đánh thẳng vào nước Pháp.

- Tháng 9-1940, nhằm củng cố khối liên minh phát xít, Hiệp ước Tam cường Đức – I-ta-li-a – Nhật Bản được kí kết tại Béc-lin, thừa nhận sự thống trị của Đức và I-ta-li-a ở châu Âu.

- Từ tháng 10-1940, Hít-le chuyển sang thôn tính các nước Đông và Nam châu Âu. Các nước Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri trở thành chư hầu của Đức và bị quân Đức chiếm đóng. Bằng vũ lực, quân Đức và I-ta-li-a thôn tính Nam Tư và Hi Lạp. Đến mùa hè năm 1941, phe phát xít đã thống trị phần lớn châu Âu.

Câu 13: Chiến sự tại Bắc Phi gắn với số phận của phát xít I-ta-li-a như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngay từ tháng 9-1940 quân đội I-ta-li-a đã tấn công Ai Cập. Cuộc chiến ở đây diễn ra trong thế giằng co, không phân thắng bại giữa liên quân Đức – I-ta-li-a với liên quân Anh – Mĩ.

- Tháng 10-1942, liên quân Anh – Mĩ giành thắng lợi trong trận En A-la-men (Ai Cập), giành lại ưu thế ở Bắc Phi và chuyển sang phản công trên toàn mặt trận.

- Tiếp đó Đồng minh chiếm đảo Xi-xi-li-a (7-1943), chính phủ phát xít I-ta-li-a bị lật đổ, phải kí kết đầu hàng Đồng minh (3-9-1943).

Câu 14: Lập bảng thống kê về diễn biến chính của Chiến tranh thế giới thứ hai.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	***Chiến sự***
Từ 1- 9 - 1939 đến đầu năm 1943.	- Bằng chiến thuật chớp nhoáng, phát xít Đức đánh chiếm hầu hết châu Âu. Ngày 22-6-1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô và tiến vào lãnh thổ Xôviết. - Ở Thái Bình Dương. Ngày 7-12-1941, Nhật Bản tấn công hạm đội Mĩ ở Trân Châu Cảng. Quân Nhật chiếm toàn bộ Đông Nam Á và một số đảo Thái Bình Dương. - Ở Bắc Phi, tháng 9-1940, quân I-ta-li-a tấn công Ai Cập. Chiến tranh lan rộng khắp thế giới. - Tháng 1-1942, Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập.
Từ đầu năm 1943 đến tháng 8-1945.	- Trận phản công của quân đội Liên Xô ở Xta-lin-grát (2-1943) đã tạo ra bước ngoặt của chiến tranh thế giới, Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh chuyển sang phản công khắp các mặt trận. - Mặt trận Xô - Đức: đến cuối 1944 Hồng quân Liên xô quét sạch quân Đức khỏi lãnh thổ Xô viết. Trên đường truy kích phát xít Đức, Hồng quân giúp đỡ nhân dân các nước Đông Âu lật đổ ách thống trị phát xít. - Mặt trận Bắc Phi: quân Anh, Mĩ tấn công mạnh mẽ, tháng 5-1943, quân Đức và I-ta-li-a phải hạ vũ khí. - Mặt trận Tây Âu: ngày 6-6-1944, quân Anh, Mĩ đổ bộ lên miền Bắc nước Pháp, mở Mặt trận thứ hai. - Sau thắng lợi của Hồng quân Liên Xô ở chiến dịch công phá Bec-lin, ngày 9-5-1945, chính phủ mới của Đức đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh kết thúc ở châu Âu. - Mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, Hồng quân Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật; ngày 6 và 9-8, Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản làm hơn 20 vạn người chết. - Ngày 15-8-1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Câu 15: Lập niên biểu những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)

Niên đại	*Sự kiện chính*
1-9-1939	
9-1940	
26-6-1941	
7-12-1941	
1-1942	
2-2-1943	
6-6-1944	
9-5-1945	
15-8-1945	

**Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	*Sự kiện chính*
1-9-1939	Đức tấn công Ba Lan chiến tranh bùng nổ.
9-1940	I-ta-li-a tấn công Ai Cập
26-6-1941	Đức tấn công Liên Xô.
7-12-1941	Nhật tấn công Mĩ ở Ha Oai.
1-1942	Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập.
2-2-1943	Chiến thắng Xta-lin-grát.
6-6-1944	Anh-Mĩ đổ bộ vào Bắc Pháp.
9-5-1945	Phát xít Đức đầu hàng.
14-8-1945	Nhật đầu hàng Đồng minh, chiến tranh kết thúc.

Câu 16: Nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai. So với Chiến tranh thế giới thứ nhất có điểm gì giống và khác nhau?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Mâu thuẫn về quyền lợi giữa các nước đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ nhất lại tiếp tục nảy sinh.

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã dẫn đến sự ra đời và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản nhằm gây chiến tranh để chia lại thế giới.

+ Chính sách thoả hiệp, "dung dưỡng" của các nước phương Tây đã tạo điều kiện cho bọn phát xít phát động chiến tranh.

+ Các nước đế quốc hình thành hai khối đối lập nhau.

- *Điểm giống nhau:* Cả hai cuộc chiến tranh đều nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa.

- *Điểm khác nhau:* Chiến tranh thế giới thứ hai còn nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với Liên Xô, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.

Bài 18
ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Lập niên biểu về những sự kiện chính của lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến 1945)

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*	*Diễn biến chính*	*Kết quả, ý nghĩa*
1917	Cách mạng Nga năm 1917.	- Cách mạng tháng Hai lật đổ chế độ Nga hoàng, hai chính quyền song song tồn tại. - Cách mạng tháng Mười thắng lợi, lật đổ chính phủ lâm thời của tư sản, xây dựng nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới.	Lật đổ chế độ Nga Hoàng, lật đổ Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản, thành lập nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới.
1918- 1923	Cao trào cách mạng ở các nước tư bản chủ nghĩa.	Cách mạng phát triển mạnh mẽ ở các nước tư bản. Tiêu biểu là cao trào cách mạng ở Đức và Hung-ga-ri.	Giáng một đòn nặng nề vào chính sách thống trị của chủ nghĩa tư bản.
1929- 1933	Khủng hoảng kinh tế thế giới.	- Khủng hoảng nổ ra đầu tiên ở Mĩ vào tháng 10- 1929, sau đó nhanh chóng lan rộng đến các nước tư bản khác. - Đây là cuộc khủng hoảng thừa, khủng hoảng lớn nhất, kéo dài nhất trong lịch sử các nước tư bản chủ nghĩa.	- Kinh tế, chính trị, xã hội của các nước tư bản đều lâm vào khủng hoảng. - Mầm mống của chủ nghĩa phát xít hình thành ở các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.
1933- 1935	Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền.	- Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên nắm quyền ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản chuẩn bị gây Chiến tranh thế giới hứ hai. - Chủ nghĩa phát xít thi hành chính sách về kinh tế, chính trị, đối ngoại phản động nhằm phát động Chiến tranh thế giới thứ hai.	- Mở ra thời kì đen tối trong lịch sử. - Báo hiệu thời kì chiến tranh thế giới bùng nổ.
7- 1935	Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản.	Chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước để chống phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.	Mặt trận nhân dân các nước được thành lập
1939- 1945	Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.	- Lúc đầu là cuộc chiến tranh giữa hai khối đế quốc là Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản với Anh, Pháp, Mĩ.	- Chủ nghĩa phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản bị tiêu diệt. Thắng lợi thuộc về các nước Đồng

		- Sau khi Liên Xô tham chiến làm cho tính chất và cục diện chiến tranh thay đổi. - Khi Anh, Mĩ và nhiều nước khác đứng về phía Liên Xô chống phát xít, Chiến tranh thế giới thứ hai trở thành cuộc chiến tranh chống phát xít.	minh. - Mở ra thời kì mới cho lịch sử nhân loại: thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2: Nêu một ví dụ về mối liên hệ giữa lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam trong những năm 1917 – 1945.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Có nhiều sự kiện lịch sử thế giới có mối quan hệ với lịch sử Việt Nam trong thời kì 1917 – 1945, ở đây chúng ta có thể chọn một sự kiện đó là việc thành lập Mặt trận Nhân dân Pháp và Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 -1939).

- Để giải quyết khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933), các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản đã tiến hành phát xít hoá bộ máy nhà nước, chuẩn bị gây chiến tranh thế giới.

- Trước nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Quốc tế Cộng sản đã chủ trương cho các nước phải thành lập Mặt trận nhân dân để chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình.

- Thực hiện chủ trương của Quốc tế Cộng sản, Mặt trận nhân dân lần lượt được thành lập ở các nước như Trung Quốc, Tây Ban Nha và Pháp. Đặc biệt, tại Pháp vào năm 1936, Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử và lên nắm chính quyền ở Pháp. Sau khi nắm chính quyền, Mặt trận Nhân dân Pháp đề ra một số chính sách có lợi cho các nước thuộc địa như: thực hiện các quyền tự do dân chủ và ân xá tù chính trị cho các nước thuộc địa.

- Lợi dụng tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương phát động quần chúng thực hiện cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936 – 1939. Trong cuộc vận động này, Đảng Cộng sản Đông Dương đã thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để đoàn kết các lực lượng yêu nước đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Hãy lựa chọn một trong số các sự kiện lịch sử cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại (phần từ 1917 đến năm 1945) và trình bày sự kiện đó theo cách hiểu biết của mình.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Học sinh có thể chọn một hoặc một vài sự kiện tiêu biểu để trả lời, chẳng hạn như Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Sau đây là một số gợi ý:

- *Trình bày vài nét về cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917.*

+ Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát và khởi nghĩa vũ trang lật đổ chế độ Nga Hoàng Ni-cô-lai II.

+ Cách mạng tháng Hai đã hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản. Nhưng sau khi cách mạng thắng lợi, cục diện hai chính quyền song song tồn tại đó là: các Xô viết của giai cấp vô sản và Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản. Nhiệm vụ của cách mạng ở Nga là phải chuyển toàn bộ chính quyền về tay các Xô viết.

- Tiếp đó, trình bày về Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917.

+ Nêu quá trình chuyển từ Cách mạng tháng Hai sang Cách mạng tháng Mười bằng phương pháp hoà bình và phương pháp đấu tranh vũ trang. Trong đấu tranh vũ trang, chú ý đến sự kiện khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát, tấn công Cung điện Mùa Đông, bắt giữ Chính phủ lâm thời tư sản. Cách mạng thắng lợi trong cả nước.

+ Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa và tác dụng như thế nào đối với nước Nga và các nước trên thế giới.

Câu 2: Trình bày tóm tắt nội dung chính của lịch sử thế giới hiện đại (phần từ năm 1917 đến năm 1945)

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thời kì này đã diễn ra những chuyển biến quan trọng trong nền sản xuất vật chất của nhân loại:

+ Những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật đã thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển với một tốc độ cao.

+ Sự tăng trưởng của kinh tế thế giới đã làm thay đổi đời sống chính trị - xã hội, văn hóa của các quốc gia, dân tộc và thế giới nói chung.

- Chủ nghĩa xã hội được xác lập ở một số nước đầu tiên trên thế giới, nằm giữa vòng vây của chủ nghĩa tư bản.

+ Cách mạng bùng nổ ở Nga trong năm 1917: Cách mạng tháng Hai lật đổ chế độ Nga hoàng; Cách mạng tháng Mười lật đổ Chính phủ lâm thời của tư sản, đưa nước Nga thành một nước vô sản đầu tiên trên thế giới.

+ Sau Cách mạng tháng Mười, nước Nga bước vào thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và đã đạt được những thành tựu to lớn. Từ đó, Liên Xô trở thành một cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới và có vị trí quan trọng trên trường quốc tế.

- Phong trào cách mạng thế giới bước sang một thời kì phát triển mới từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

+ Cao trào cách mạng 1918 -1923; Quốc tế Cộng sản ra đời.

+ Phong trào cách mạng trong những năm khủng hoảng kinh tế (1929 – 1933).

+ Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh (1936 – 1939).

+ Cuộc đấu tranh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945).

- Chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới và trải qua những bước phát triển thăng trầm đầy biến động.

+ Trong 10 năm (1919 – 1929), các nước tư bản từng bước ổn định.

+ Trong 10 năm (1929 – 1939), các nước tư bản lâm vào tình trạng khủng hoảng.

+ Các nước Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản giải quyết khủng hoảng bằng cách phát xít hoá bộ máy nhà nước, đi đến gây Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất và tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử nhân loại.

+ Các quốc gia có chế độ chính trị khác nhau đã phối hợp trong khối Đồng minh chống phát xít.

+ Liên Xô, Mĩ, Anh đóng vai trò quan trọng trong việc đánh bại chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh.

Câu 3: Tìm hiểu về tiểu sử một số nhân vật lịch sử thuộc thời kì lịch sử này.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Tiểu sử của M. Gan-đi (1869 – 1948)

M. Gan-đi, nhà yêu nước Ấn Độ, được suy tôn là Ma-hát-ma, có nghĩa là "Tâm hồn vĩ đại". Nhân dân gọi ông là Thánh M. Gan-đi là lãnh tụ Đảng Quốc đại, người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ theo đường lối bạo động, bất hợp tác.

Sinh ra trong một gia đình khá giả ở Tây Ấn Độ, ông tốt nghiệp đại học Luật ở Anh, sau đó làm cố vấn pháp luật cho một công ti ở Nam Phi, tham gia những hoạt động chống chế độ phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa thực dân. Đầu năm 1915, ông về nước, vận động cuộc đấu tranh chống thực dân Anh. Ông bị thực dân Anh bắt giam hai lần vào các năm 1922 và 1930. Sau khi Ấn Độ được trao trả độc lập (15 – 8 – 1947). M. Gan-đi đã tiếp tục đấu tranh ngăn chặn cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn giữa người Hồi giáo và Ấn Độ giáo. Ngày 30 – 1 – 1948, M. Gan- đi bị một phần tử phản động sát hại.

- Tiểu sử của Xu-các-nô (1901 – 1970), lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a.

Xu-các-nô sinh ngày 6 – 6 – 1901 tại Bli-ta thành phố Sa-ra-bay-a thuộc Đông Gia-va, con một nhà giáo. Ông tốt nghiệp đại học y khoa. Năm 1927, ông sáng lập Đảng Dân chủ In-đô-nê-xi-a. Với tư cách chủ tịch Đảng, Xu-các-nô nhiều lần tuyên bố đòi thực dân Hà Lan trao trả độc lập cho In-đô-nê-xi-a. Cuối năm 1929, Xu-các-nô và các nhà lãnh đạo Đảng Dân tộc bị chính quyền thực dân bắt giam. Tháng 8 – 1930, thực dân Hà Lan mở phiên toà xét xử Xu-các-nô. Với tài hùng biện, ông đã tự bào chữa trước toà bằng bài phát biểu nổi tiếng "In-đô-nê-xi-a tố cáo", lên án tội ác và sự thống trị của thực dân Hà Lan. Bất chấp dư luận phản đối trong và ngoài nước, chính quyền thực dân kết án Xu-các-nô 4 năm tù giam. Do cuộc đấu tranh của nhân dân In-đô-nê-xi-a và bạn bè quốc tế, ngày 31 – 12 – 1931, ông được ra tù trước thời hạn và tiếp tục lãnh đạo phong trào độc lập dân tộc ở In-đô-nê-xi-a.

Tháng 8 – 1933, Xu-các-nô bị thực dân Hà Lan bắt và lưu đầy tại đảo Kê-xin, sau đó là đảo Ben-cu-len.

Xu-các-nô là Tổng thống đầu tiên của nước Cộng hoà In-đô-nê-xi-a (1945 – 1965). Ông là nhà hoạt động chính trị, lãnh tụ xuất sắc của phong trào giải phóng dân tộc In-đô-nê-xi-a.

Câu 4: Hãy nêu những sự kiện chính của nước Nga – Liên Xô trong những năm 1917 – 1941.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	*Sự kiện*	*Diễn biến chính*	*Kết quả, ý nghĩa*
2-1917	Nước Nga - Liên Xô: Cách mạng dân chủ tư sản Nga	- Tổng bãi công chính trị ở Pê-tơ-rô-grát. - Khởi nghĩa vũ trang. - Nga Hoàng thoái vị.	- Lật đổ chế độ Nga hoàng. - Hai chính quyền song song tồn tại. - Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

10 -1917	Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi	Khởi nghĩa vũ trang ở Pê-tơ-rô-grát, tấn công Cung điện Mùa Đông.	Thành lập chính quyền Xô viết Nga. Tác dụng to lớn đến phong trào cách mạng thế giới.
1918-1921	Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết.	Xây dựng nhà nước mới, đập tan bộ máy nhà nước cũ, đánh thắng thù trong, giặc ngoài.	Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười Nga, giữ chính quyền Xô viết, đập tan âm mưu chống phá cách mạng.
1921-1941	Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.	Công nghiệp hoá XHCN, tập thể hoá nông nghiệp, thực hiện hai kế hoạch 5 năm.	Từ nước nông nghiệp lạc hậu trở thành cường quốc công nghiệp. Đạt được những thành tựu to lớn.

Câu 5: Các sự kiện chính của các nước tư bản chủ nghĩa từ năm 19 8 đến 1939.

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	***Sự kiện***	***Diễn biến chính***	***Kết quả, ý nghĩa***
1918-1923	Cao trào cách mạng ở châu Âu. Khủng hoảng kinh tế chính trị ở phần lớn các nước tư bản.	Cao trào cách mạng bùng nổ, lan rộng lên cao ở Đức, Hung, Pháp... Tiêu biểu là cách mạng dân chủ tư sản 11-1918 ở Đức.	Các Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản thành lập và lãnh đạo phong trào.
1924-1929	Thời kì ổn định và tăng trưởng của CNTB.	Sản xuất tăng trưởng nhanh. Phong trào công nhân tạm thời lắng xuống.	Kinh tế phát triển, tình hình chính trị ổn định.
1929-1933	Khủng hoảng kinh tế trong thế giới TBCN.	Kinh tế suy sụp, công nghiệp đình đốn, tài chính hỗn loạn.	Thất nghiệp tăng cao, mất ổn định chính trị, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Khủng hoảng chính trị.
1933-1939	Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng.	- Cải cách kinh tế, xã hội, tiêu biểu là chính sách mới của Mĩ. - Phát xít hoá gây chiến tranh xâm lược (Đức, I-ta-li-a, Nhật)	Vượt qua khủng hoảng, kinh tế phục hồi và tiếp tục phát triển. Nguy cơ chiến tranh, xuất hiện ba lò lửa chiến tranh thế giới.

Câu 6: Tóm tắt các sự kiện chính ở châu Á từ năm 1918 đến 1945.

** Hướng dẫn trả lời:*

Niên đại	*Sự kiện*	*Diễn biến chính*	*Kết quả, ý nghĩa*
Thập niên 20	Phong trào giải phóng dân tộc lên cao sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.	- Phong trào dân tộc tư sản có bước tiến mới về tổ chức, phạm vi. - Xuất hiện xu hướng vô sản	Giai cấp tư sản nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào cách mạng một số nước. Các đảng cộng sản thành lập.
Thập niên 30	Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít, chống chiến tranh.	Thành lập Mặt trận dân tộc chống phát xít. Hợp tác giữa các đảng cộng sản và các đảng phái khác.	Tập hợp đông đảo các lực lượng cách mạng. Các đảng cộng sản trưởng thành.
1939-1945	Chiến tranh thế giới thứ hai.	Diễn ra khắp các mặt trận Tây Âu, Xô - Đức, Bắc Phi, châu Á – Thái Bình Dương, 72 nước trong tình trạng chiến tranh.	Chủ nghĩa phát xít thất bại. Đồng minh thắng lợi. Làm thay đổi căn bản cục diện thế giới.

Câu 7 : Lập bảng thống kê theo mẫu sau đây về những sự kiện chính của lịch sử thế giới (1917-1945)

Thời gian	*Sự kiện (a)*	*Kết quả (b)*
Nước Nga - Liên Xô		
Tháng 2-1917		
7-11-1917		
1918-1920		
1921-1941		
Các nước khác		
1918-1923		
1924-1929		
1929-1933		
1933-1939		
1939-1945		

** Hướng dẫn trả lời:*

1. a. CM dân chủ tư sản Nga thắng lợi
   b. Lật đổ chế độ Nga hoàng, 2 chính quyền song song tồn tại.
2. a. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi
   b. + Lật đổ chính phủ lâm thời tư sản
   + Thành lập nước Cộng hòa Xô viết và chính phủ Xô viết.
   + Xoá bỏ chế độ người bóc lột người.

3. a. Cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô viết
b. Xây dựng hệ thống chính trị, nhà nước mới, đánh thắng thù trong giặc ngoài.
4. a. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.
b. Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tập thể hóa nông nghiệp.
5. a. Cao trào cách mạng ở châu Âu, châu Á.
b. Đảng Cộng sản thành lập, Quốc tế Cộng sản ra đời.
6. a. Thời kì ổn định và phát triển của chủ nghĩa tư bản.
b. Sản xuất công nghiệp phát triển nhanh chóng, chính trị ổn định.
7. a. Cuộc khủng hoảng kinh tế nổ ra ở Mĩ và lan khắp các nước tư bản.
b. Kinh tế giảm sút nghiêm trọng, chính trị khủng hoảng.
8. a. Các nước tư bản tìm cách thoát khỏi khủng hoảng.
b. Khối Đức, I-ta-li-a, Nhật, phát xít hóa chế độ chính trị chuẩn bị chiến tranh.
+ Khối Anh, Pháp, Mĩ thực hiện cải cách kinh tế chính trị, duy trì chế độ dân chủ tư sản.
9. a. Chiến tranh thế giới thứ hai.
b. 72 nước trong tình trạng chiến tranh. Phe phát xít thất bại, thắng lợi thuộc về Liên Xô, các nước Đồng minh và nhân loại tiến bộ trên thế giới.

Câu 8: Trong số các sự kiện lịch sử từ 1917 đến năm 1945, em hãy chọn 5 sự kiện tiêu biểu nhất và nêu lí do vì sao em chọn sự kiện đó.

**Hướng dẫn trả lời:*

- *Năm sự kiện tiêu biểu nhất:*

1. Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917.
2. Cao trào Cách mạng ở châu Âu 1918 - 1923.
3. Phong trào độc lập dân tộc ở châu Á.
4. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.
5. Chiến tranh thế giới thứ hai.

- *Lí do:*

1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga, lần đầu tiên chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực ở một nước, nó mở ra một thời kì mới trong lịch sử của nhân loại: độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội.

2. Cao trào cách mạng 1918 - 1923 có bước chuyển biến mới: giai cấp công nhân trưởng thành, nhiều Đảng Cộng sản ra đời, dẫn tới Quốc tế Cộng sản thành lập, lãnh đạo phong trào cách mạng đi theo con đường Cách mạng tháng Mười.

3. Phong trào độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa phụ thuộc là đòn tấn công vào tư bản chủ nghĩa, trong phong trào đó giai cấp vô sản trưởng thành và tham gia lãnh đạo phong trào.

4. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đẩy các nước tư bản vào cuộc khủng hoảng chưa từng có dẫn đến hậu quả chủ nghĩa phát xít thắng thế và đẩy nhân loại đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mới.

5. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945) là cuộc chiến tranh gây ra những tổn thất khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại, kết thúc một thời kì phát triển của lịch sử thế giới hiện đại.

PHẦN BA
LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858 - 1918)

Chương I
VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 19
VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ BỊ PHÁP XÂM LƯỢC

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nêu tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX, trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Vào giữa thế kỉ XIX, trước khi bị thực dân Pháp xâm lược, Việt Nam là nước độc lập, kinh tế có những bước phát triển, nhưng đã bộc lộ những suy yếu.
- Thời nhà Nguyễn, kinh tế công, nông, thương nghiệp sa sút. Nhà Nguyễn thực hiện đường lối đối ngoại thiển cận khiến cho Việt Nam bị cô lập.
- Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.
- Khả năng phòng thủ đất nước giảm sút, quốc phòng yếu kém đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của tư bản phương Tây.

Câu 2: Những hành động nào chứng tỏ thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, những cuộc phát kiến địa lí lớn đã báo hiệu "buổi bình minh của thời đại tư bản chủ nghĩa". Liền sau đó, để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và kinh doanh, tư bản các nước đã tỏa đi khắp thế giới để tìm kiếm thị trường và nguyên liệu.
- Trong cuộc chạy đua sang phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng đạo Thiên Chúa như là một công cụ xâm lược.
- Cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào nông dân Tây Sơn nổ ra, giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) đã chớp cơ hội cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam khi Nguyễn Ánh cầu cứu các thế lực ngoại bang giúp ông ta giành lại quyền lực.
- Đến giữa thế kỉ XIX, nước Pháp tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa. Lúc này Pháp ráo riết tìm cách tiến đánh Việt Nam để tranh giành ảnh hưởng với Anh ở khu vực châu Á.
- Năm 1857, Na-pô-nê-ông III lập ra Hội đồng Nam Kì để bàn cách can thiệp vào nước ta; tiếp đó cho sứ thần tới Huế đòi được "tự do buôn bán và truyền đạo". Cùng lúc, Bộ trưởng Bộ Hải quân thuộc địa Pháp tăng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương để cùng Anh - Mĩ xâm lược Trung Quốc và lệnh cho Phó Đô đốc Giơ-nuy chỉ huy cho hạm đội Pháp đánh Việt Nam ngay sau khi chiếm được Quảng Châu (Trung Quốc).

- Sau khi liên quân Anh – Pháp đánh chiếm xong Quảng Châu (Trung Quốc), buộc triều Mãn Thanh kí Điều ước Thiên Tân (27 – 6 – 1858), chiều 31 – 8 – 1858 liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo tới cửa biển Đà Nẵng, chuẩn bị nổ súng xâm lược Việt Nam.

Câu 3: Tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Đà Nẵng lúc bấy giờ là một bộ phận của tỉnh Quảng Nam, là một cảng lớn, là đầu mối giao thông từ Bắc vào Nam và từ Đông sang Tây, Đà Nẵng lại gần kinh thành Huế.

- Thực dân Pháp đánh Đà Nẵng đầu tiên nhằm mục đích: đánh chiếm một căn cứ quan trọng để trên cơ sở đó làm bàn đạp đánh vào Nam và đánh ra Bắc, nhanh chóng tấn công kinh thành Huế, buộc triều Nguyễn phải đầu hàng, kết thúc nhanh cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với nước ta.

Câu 4: Em có nhận xét gì về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta vào năm 1858?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta năm 1858 chính là cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng.

- Ngay khi thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta cùng quan quân triều đình nhà Nguyễn đã anh dũng đứng lên đánh giặc, làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp, buộc chúng phải chuyển sang kế hoạch "chinh phục từng gói nhỏ".

- Tuy nhiên, trong quá trình kháng chiến chống Pháp, triều đình nhà Nguyễn nặng về phòng thủ, bỏ lỡ nhiều cơ hội đánh Pháp. Trái lại nhân dân ta kháng chiến với tinh thần tích cực, chủ động rất cao, tự nguyện đứng lên kháng chiến.

Câu 5: Âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công Gia Định là gì?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Khi thực dân Pháp đánh chiếm Đà Nẵng bằng kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" bị thất bại do sự phản kháng quyết liệt của quân dân ta, chúng buộc phải chuyển sang chinh phục "từng gói nhỏ". Để thực hiện âm mưu nàp, Pháp chuyển hướng tấn công vào Gia Định.

- Gia Định là vựa lúa của Nam Kì, là nguồn tiếp tế lương thực cho triều đình Huế.

- Gia Định có vị trí chiến lược quan trọng, chiếm được Gia Định sẽ có điều kiện để chiếm cả Nam Kì và đánh chiếm Cam-pu-chia, sau đó sẽ đưa quân ra đánh chiếm miền Trung, miền Bắc để hoàn thành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và cả Cam-pu-chia và Lào.

Câu 6: Hiệp ước Nhâm Tuất giữa Pháp và triều đình Huế (5 – 6 – 1862) được kí kết trong hoàn cảnh nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 23 – 2 – 1861, quân Pháp mở cuộc tấn công vào Đại đồn Chí Hoà. Đại đồn Chí Hoà rơi vào tay giặc. Sau đó, quân Pháp chiếm Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long. Dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước, nhân dân Nam Kì hăng hái đứng lên chống Pháp. Ngày 10 – 12 – 1861, đội quân của Nguyễn Trung Trực đã đánh chìm tàu chiến của địch trên sông Vàm Cỏ Đông.

- Giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân đang dâng cao, khiến quân giặc vô cùng bối rối thì triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6- 1862).

Câu 7: Nêu nội dung cơ bản của Hiệp ước Nhâm Tuất.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn.
- Mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán.
- Bồi thường chiến phí và kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự.
- Hậu quả: Hiệp ước đã vi phạm chủ quyền dân tộc: cắt đất cho giặc.

Câu 8: Em có suy nghĩ gì về hành động của Trương Định sau Hiệp ước 1862?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Khi triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất với Pháp làm cho nhân dân Nam Kì nói riêng và nhân dân cả nước nói chung rất bất bình.
- Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống lại triều đình đầu hàng, nổi lên cuộc khởi nghĩa của Trương Định.
- Những hành động của Trương Định thể hiện lòng yêu nước, tiêu biểu cho nhân dân trong việc kiên quyết đấu tranh chống ngoại xâm, không chấp nhận thái độ mù quáng của triều đình Huế.
- Hành động của Trương Định được nhân dân ủng hộ và họ quyết tâm đi theo ngọn cờ "Bình Tây Đại nguyên soái".
- Với tài thao lược và ý chí đấu tranh, khí tiết của người chiến sĩ yêu nước, Trương Định xứng đáng là tấm gương sáng cho mọi người dân Việt Nam khâm phục và noi theo.

Câu 9: Ba tỉnh miền Tây Nam Kì đã rơi vào tay Pháp như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Chiếm xong ba tỉnh miền Đông Nam Kì, Pháp tiếp tục mở rộng địa bàn chiếm đóng.
- Năm 1863, chúng đặt nền bảo hộ ở Cam-pu-chia. Sau đó, chúng yêu cầu triều đình Huế giao nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.
- Ngày 20 - 6 - 1867, quân Pháp kéo đến trước thành Vĩnh Long, ép Phan Thanh Giản phải nộp thành không điều kiện.
- Trong vòng 5 ngày (từ ngày 20 đến 24 – 6 – 1867), thực dân Pháp đã chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kì: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên mà không tốn một viên đạn.

Câu 10: Nêu những đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Pháp ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì sau năm 1867.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi cả Nam Kì rơi vào tay thực dân Pháp, nhân dân Nam Kì và nhân dân cả nước kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp và chống lại sự phản bội của triều đình Huế.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân ba tỉnh miền Tây Nam Kì bùng nổ khắp nơi như: ở Tây Ninh, dọc theo sông Cửu Long, Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ....

- Cuộc kháng chiến chống Pháp ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì nổi lên các đặc điểm:

+ Lượng lượng tham gia kháng chiến là của toàn dân.

+ Các sĩ phu yêu nước vừa tham gia kháng chiến vừa lãnh đạo phong trào kháng chiến.

+ Cuộc kháng chiến có sự liên kết giữa nhân dân ta với nhân dân Cam-pu-chia.

+ Tinh thần chiến đấu của nghĩa quân và người lãnh đạo rất anh dũng, tiêu biểu là thái độ của Nguyễn Trung Trực: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây".

Câu 11: Quan sát lược đồ (hình 52), xác định địa bàn hoạt động của nghĩa quân Trương Định và tường thuật ngắn gọn diễn biến của cuộc khởi nghĩa này.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Dựa vào lược đồ (hình 52) trong sách giáo khoa trang 113, các em xác định địa bàn hoạt động của nghĩa quân Trương Định ở Tân Hoà – Gò Công (nay thuộc Tiền Giang), căn cứ Tân Phước.

- Tường thuật lại diễn biến cuộc khởi nghĩa này:

+ Trương Định là con của lãnh binh Trương Cầm, quê ở Quảng Ngãi. Ông theo cha vào Nam từ hồi nhỏ. Năm 1850, ông cùng Nguyễn Tri Phương mộ phu đồn điền, khai khẩn nhiều đất đai. Năm 1859, khi Pháp đánh Gia Định, Trương Định đã đưa đội quân đồn điền của ông về sát cánh cùng quân triều đình chiến đấu.

+ Sau Hiệp ước 1862, triều đình hạ lệnh cho Trương Định phải bãi binh, mặt khác điều ông đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang, rồi Phú Yên. Nhưng được sự ủng hộ của nhân dân, ông đã chống lệnh triều đình, quyết tâm ở lại chiến đấu. Phất cao lá cờ "Bình Tây Đại nguyên soái", hoạt động của nghĩa quân đã củng cố niềm tin của dân chúng, khiến bọn cướp nước và bán nước phải run sợ.

+ Nghĩa quân tranh thủ thời gian ra sức xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí, liên kết lực lượng, đẩy mạnh đánh địch nhiều nơi.

+ Được biết căn cứ trung tâm của phong trào ở Tân Hoà, ngày 28 – 2 – 1863, Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ này. Nghĩa quân dũng cảm chiến đấu suốt 3 ngày đêm, sau đó rút lui để bảo toàn lực lượng, xây dựng căn cứ mới ở Tân Phước. Ngày 20 – 8 – 1864, nhờ có tay sai dẫn đường, thực dân Pháp đã tìm ra nơi ở của Trương Định. Chúng mở cuộc tập kích bất ngờ vào căn cứ Tân Phước. Nghĩa quân chống trả quyết liệt. Trương Định trúng đạn và bị thương nặng. Ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết.

Câu 12: Thông qua bài học, hãy nhận xét về tinh thần chống Pháp của vua quan triều đình nhà Nguyễn.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Trong quá trình xâm lược của thực dân Pháp đối với nước ta từ năm 1858 đến 1867, thái độ chống Pháp của vua quan triều đình nhà Nguyễn được thể hiện theo thời gian như sau:

+ Lúc đầu vua quan triều đình nhà Nguyễn tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, biết hợp tác với nhân dân, được nhân dân ủng hộ.

+ Về sau tỏ thái độ lo sợ thực dân Pháp, quay mặt với nhân dân, thậm chí phản đối cuộc kháng chiến của nhân dân để rồi đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác.

- Từ đó có thể nhận thấy rằng tinh thần chống Pháp của vua quan triều đình nhà Nguyễn đi từ chỗ chống ngoại xâm đến chỗ nhượng bộ, từng bước đầu hàng giặc, thể hiện sự hèn yếu, tinh thần bạc nhược trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Chính tinh thần đó mà ta có thể kết luận về trác nhiệm của triều đình nhà Nguyễn là biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nguyên nhân nào thúc đẩy các nước phương Tây xâm lược phương Đông thế kỉ XIX. Tình thế của Việt Nam trong bối cảnh đó.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Vào thế kỉ XIX, nền kinh tế công nghiệp của các nước phương Tây phát triển mạnh, đặt ra nhu cầu thị trường, nguyên liệu, nhân công để đáp ứng yêu cầu phát triển đó.

+ Ở phương Đông, nơi có đất rộng, người đông, nhất là Ấn Độ và Trung Quốc, lại giàu tài nghuyên thiên nhiên. Phương Đông đã trở thành miếng mồi béo bở cho các nước phương Tây.

- *Tình thế Việt Nam:*

+ Trong khi các nước phương Tây xâm lược phương Đông, Việt Nam cũng không tránh khỏi bị dòm ngó, vì Việt Nam cũng có những đặc điểm giống với các nước phương Đông.

+ Trên thực tế, trong cuộc chạy đua giữa các thế lực tư bản chủ nghĩa phương Tây, tư bản Pháp đã bám sâu vào Việt Nam, rồi lần lượt tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 2: Hãy nhận xét tình hình Việt Nam trước khi bị thực dân Pháp xâm lược.

- Kinh tế ngày càng suy yếu, xã hội chứa nhiều mâu thuẫn, tạo điều kiện cho phương Tây xâm lược Việt Nam.

- Triều Nguyễn không đủ khả năng phòng thủ đất nước trước hoạ xâm lược của phương Tây.

- Trong các thế kỉ XVI – XVII, thương gia của các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh... đã tới Việt Nam buôn bán. Thậm chí Anh còn có ý định chiếm đảo Côn Lôn.

- Người Pháp tuy đến sau nhưng thông qua Hội truyền giáo đã dần dần bám sâu vào Việt Nam để chuẩn bị âm mưu xâm lược.

Câu 3: Hãy ghi sự kiện lịch sử vào bảng thống kê sau đây:

Thời gian	*Sự kiện*
1) 3 – 1847	
2) 4 – 1847	
3) 9 – 1856	
4) 1 – 1857	
5) 7 – 1857	
6) 27 – 6 – 1858	
7) 31 – 8 – 1858	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
1) 3 – 1847	1) Hai tàu chiến Pháp tới Đà Nẵng.
2) 4 – 1847	2) Tàu chiến Pháp đánh vào Đà Nẵng phá chiến thuyền của triều đình Huế.
3) 9 – 1856	3) Pháp cho tàu chiến đến Đà Nẵng đưa quốc thư cho triều đình Huế.
4) 1 – 1857	4) Pháp lại tới xin được truyền đạo và buôn bán tại Việt Nam, cũng bị triều đình Huế từ chối.
5) 7 – 1857	5) Na-pô-lê-ông III quyết định đưa quân tới Việt Nam.
6) 27 – 6 – 1858	6) Điều ước Thiên Tân được kí kết.
7) 31 – 8 – 1858	7) Liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo đến Đà Nẵng chuẩn bị xâm lược Việt Nam.

Câu 4: Trình bày nguyên nhân và duyên cớ của việc thực dân dân Pháp xâm lược Việt Nam.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây đã phát triển với tốc độ nhanh. Để thu được nhiều lợi nhuận, các nước tư bản một mặt bóc lột nhân dân lao động trong nước, mặt khác đẩy mạnh xâm chiếm thuộc địa nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá, vơ vét nguyên liệu, bóc lột đội ngũ công nhân rẻ mạt... Ở phương Đông, trong đó có Việt Nam, đất rộng, người đông, tài nguyên phong phú, nhưng còn bị chìm đắm trong vòng chế độ phong kiến chuyên chế đã suy tàn. Đây là đối tượng trong sự dòm ngó của phương Tây, đặc biệt là Pháp.

+ Đến giữa thế kỉ XIX, Pháp xúc tiến việc xâm lược Việt Nam vì lúc này, chủ nghĩa tư bản Pháp chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và cuộc chạy đua giành giật thị trường ở phương Đông, nhất là Việt Nam trở nên gay gắt và quyết liệt.

- *Duyên cớ:*

Lấy cớ triều đình Huế không nhận quốc thư, làm nhục quốc thể nước Pháp và bênh vực đạo Thiên Chúa đang bị khủng bố ở Việt Nam, thực dân Pháp phối hợp với Tây Ban Nha đem tàu chiến đến bắn phá Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta (30 – 8 – 1858).

Câu 5: Pháp có âm mưu gì khi mở cuộc tấn công Đà Nẵng năm 1858? Chúng đã bị thất bại như thế nào trong việc thực hiện kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh"?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Âm mưu:*

+ Đánh Đà Nẵng làm bàn đạp để đánh vào nội địa rồi tấn công lên Huế, nhanh chóng buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.

+ Thực hiện âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh".

- *Thất bại của Pháp:*

+ Sáng 1-9-1858, Pháp gửi tối hậu thư đòi triều đình Huế phải trả lời trong hai giờ. Chưa hết hạn, chúng đã nã đạn lên bờ rồi đổ bộ chiếm bán đảo Sơn Trà.

+ Triều đình Nguyễn cử Nguyễn Tri Phương chỉ huy trận Quảng Nam. Sau 5 tháng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược mà quân Pháp không mở rộng được phạm vi chiếm đóng.

+ Tháng 2-1859, Pháp quyết định đem phần lớn lực lượng vào Gia Định.

Câu 6: Những khó khăn của quân Pháp khi tổ chức đánh chiếm Gia Định là gì? Tại sao chúng vẫn đứng được ở Gia Định để đánh chiếm các nơi khác?

**Hướng dẫn trả lời:*

- *Những khó khăn:*

+ Chúng bị nhân dân ở đây kết hợp với quân triều đình chống lại chúng, vì ngay từ những năm đầu khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhà Nguyễn vẫn còn ý định tổ chức kháng chiến chống Pháp, do đó vẫn được sự hỗ trợ của nhân dân trong chừng mực nhất định.

+ Khi đánh chiếm Gia Định, Pháp còn gặp phải khó khăn mới như mâu thuẫn giữa "chiếm đóng" và "bình định", chúng bị sa lầy vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

+ Trong lúc đánh chiếm Gia Định, Pháp còn bị sa lầy ở các chiến trường I-ta-li-a, Trung Quốc. Pháp phải đưa một phần lực lượng quân đội sang ứng chiến cho chiến trường Trung Quốc.

- *Tại sao:*

Mặc dầu gặp nhiều khó khăn trong quá trình đánh chiếm Gia Định nhưng Pháp vẫn đứng được ở Gia Định vì:

+ Triều đình nhà Nguyễn thiếu tin tưởng vào cuộc kháng chiến của nhân dân ta, tỏ ra lúng túng, rồi đi vào con đường thoả hiệp, đầu hàng.

+ Do tư tưởng ngại địch, sợ địch của một số quan lại cấp cao của triều đình Huế.

Câu 7: Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5 – 6 – 1862). Nội dung cơ bản và hậu quả của Hiệp ước là gì?

**Hướng dẫn trả lời:*

- *Vì sao:*

+ Nhà Nguyễn nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ.

+ Rảnh tay ở phía Nam để đối phó với phong trào nông dân khởi nghĩa ở Trung Kì và Bắc Kì.

- *Nội dung:*

+ Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) và đảo Côn Lôn.

+ Mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp vào tự do buôn bán.

+ Bồi thường chiến phí và kèm theo nhiều nhượng bộ nặng nề khác về chính trị, quân sự.

- *Hậu quả:* Hiệp ước đã vi phạm chủ quyền dân tộc: cắt đất cho giặc.

Câu 8: Trước và sau Hiệp ước 1862, phong trào kháng chiến của nhân dân ta đã phát triển như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Trước Hiệp ước:*

+ Tháng 3-1860, Nguyễn Tri Phương được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy đồn

Chí Hòa làm trung tâm.

+ Ngày 23-2-1861, quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa, tại đây cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt trong hai ngày liên tiếp, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Sau đó, quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường (12-4-1861), Biên Hòa (18-12-1861) và Vĩnh Long (23-3-1862). Đến tháng 4-1861, ba tỉnh miền Đông và một số tỉnh miền Tây Nam Kì bị giặc chiếm.

+ Nhân dân Nam Kì đã đứng lên kháng chiến. Ngày 10-12-1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

- *Sau Hiệp ước:*

+ Với Hiệp ước 1862 làm cho nhiều sĩ phu bất bình. Trong đó tiêu biểu nhất là Trương Định đã cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

+ Được sự ủng hộ của nhân dân, Trương Định đã không nhận chức lãnh binh ở An Giang theo lệnh triều đình mà quyết tâm ở lại cùng nhân dân kháng chiến. Lá cờ "Bình Tây Đại nguyên soái" của ông đã củng cố niềm tin trong nhân dân, khiến cho bọn cướp nước và bán nước phải khiếp sợ. Căn cứ Tân Hoà (Gò Công) trở thành đại bản doanh của phong trào toàn miền.

+ Ngày 20 - 8 - 1864, nhờ có tay sai dẫn đường, thực dân Pháp dò ra nơi ở của Trương Định, chúng mở cuộc tập kích bất ngờ vào căn cứ Tân Hòa. Nghĩa quân chống trả quyết liệt. Trương Định bị thương nặng. Ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết.

Câu 9: Cuộc khởi nghĩa của Trương Định có những nét đặc sắc gì?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào đã quy tụ thành những trung tâm kháng chiến lớn, tổ chức ngày càng chặt chẽ.
- Khởi nghĩa đã bất chấp lệnh giải tán của triều đình, cùng nhân dân chống giặc.
- Khởi nghĩa đã giương cao được ngọn cờ "Bình Tây Đại nguyên soái", tạo thêm niềm tin của nhân dân, đồng thời làm cho bè lũ cướp nước và bán nước khiếp sợ.
- Khởi nghĩa thể hiện tinh thần chiến đấu vô cùng quả cảm của Trương Định cũng như lực lượng tham gia khởi nghĩa.

Câu 10: Âm mưu của Pháp sau khi chiếm được Nam Kì như thế nào? Tình hình xã hội trong giai đoạn này có gì nổi bật?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Chiếm xong Nam Kì, thực dân Pháp gấp rút chuẩn bị đánh Bắc Kì và Trung Kì:
  + Củng cố bộ máy chính quyền từ trên xuống dưới.
  + Thực hiện phương châm "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".
- Buộc triều đình Huế vẫn tiếp tục thương thuyết: Bồi thường chiến phí cho Pháp.
- Nét nổi bật của tình hình xã hội:

+ Về nội trị: Nhà Nguyễn tăng cường vơ vét bóc lột nhân dân vừa để thoả mãn chi dùng, vừa để có tiền bồi thường chiến phí cho Pháp, tiếp tục khước từ những đề nghị cải cách. Các ngành nông nghiệp, công thương - nghiệp đều bị bỏ bê. Tài chính thêm thiếu hụt. Đời sống nhân dân ngày càng sa sút. Một loạt cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra.

+ Về đối ngoại: Nhà Nguyễn vẫn muốn dùng con đường thương lượng nhằm hạn chế sự "chém cắt" của thực dân Pháp.

Câu 11: Thông qua bài học, hãy so sánh thái độ của nhân dân và của triều đình Huế trong cuộc đấu tranh chống Pháp xâm lược.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thái độ của nhân dân: Mặc dầu trước sự bất lực của triều đình Huế ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta nhưng nhân dân đã chủ động, sáng tạo, kiên quyết, đoàn kết đứng lên chống xâm lược.

- Thái độ của triều đình: Triều đình luôn bị động, máy móc, thiếu sáng tạo, thiếu quyết tâm, dẫn đến xa rời cuộc kháng chiến của dân tộc và kết cục thất bại của cuộc kháng chiến.

Câu 12: Chiến sự ở Gia Định từ năm 1859 đến 1862 diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 9-2-1859, quân Pháp tập trung ở Vũng Tàu, đến ngày 16-2-1859, quân Pháp đến Gia Định.

- Sáng 17-2-1859, Pháp nổ súng đánh thành Gia Định. Tuy chiếm được thành Gia Định nhưng quân Pháp gặp rất nhiều khó khăn bởi các hoạt động ráo riết của nghĩa quân. Sau đó, chúng chỉ để lại một số ít quân ở Gia Định để chốt giữ, số còn lại thì cấp tốc hành quân ra cứu viện cho mặt trận Đà Nẵng.

- Tháng 3-1860, Nguyễn Tri Phương được điều vào chỉ huy mặt trận Gia Định. Ông đã huy động lực lượng, xây dựng hệ thống phòng ngự kiên cố, lấy đồn Chí Hòa làm trung tâm.

- Ngày 23-2-1861, quân Pháp nổ súng tấn công Đại đồn Chí Hòa, tại đây cuộc chiến đấu diễn ra hết sức ác liệt trong hai ngày liên tiếp, Nguyễn Tri Phương buộc phải rút lui. Sau đó, quân Pháp thừa thắng đánh chiếm Định Tường (12-4-1861), Biên Hòa (18-12-1861) và Vĩnh Long (23-3-1862). Đến tháng 4-1861, ba tỉnh miền Đông và một số tỉnh miền Tây Nam Kì bị giặc chiếm.

- Nhân dân Nam Kì đã đứng lên kháng chiến. Ngày 10-12-1861, nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh chìm tàu chiến Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.

Câu 13: Nguyên nhân nào khiến nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), Hiệp ước đã vi phạm điều gì?

**Hướng dẫn trả lời:*

- Nhà Nguyễn nhân nhượng với Pháp để bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ.

- Rảnh tay ở phía Nam để đối phó với phong trào nông dân khởi nghĩa ở Trung Kì và Bắc Kì.

- Hiệp ước đã vi phạm chủ quyền dân tộc: cắt đất cho giặc.

Câu 14: So sánh hai thái độ, hai kiểu hành động nhân dân và triều đình Huế trước sự xâm lược của thực dân Pháp.

** Hướng dẫn trả lời:*

	Thái độ	***Hành động***
Nhân dân	- Kiên quyết chống xâm lược ngay từ khi Pháp nổ súng xâm lược nước ta	- Anh dũng chống trả chúng tại Đà Nẵng dẫn đến làm thất bại kế hoạch "đánh nhanh thắng nhanh" của địch.

	- Kiên quyết chống trả khi địch tấn công Gia Định và các tỉnh Nam Bộ.	- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra quyết liệt chống sự mở rộng chiếm đóng của thực dân Pháp và chống sự nhu nhược của triều đình.
Triều đình	- Không kiên quyết động viên nhân dân chống Pháp. - Bỏ lỡ thời cơ để hành động. - Nhu nhược, ươn hèn, ích kỉ vì quyền lợi của dòng họ bán rẻ dân tộc.	- Bỏ lỡ thời cơ khi địch đánh Gia Định. - Kí Hiệp ước 1862 để mất ba tỉnh miền Đông Nam Kì. - Để mất ba tỉnh miền Tây (1867). - Đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.

Câu 15: Lập niên biểu những sự kiện chính trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ 1858 - 1873, theo mẫu sau:

Thời gian	*Nội dung chính*

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Nội dung chính*
1) 1-9-1858.	A. Pháp tấn công Đà Nẵng.
2) 17-2-1859	B. Pháp tấn công Gia Định.
3) 10-12-1861	C. Pháp tấn công Đại đồn Chí Hòa.
4) 24-2-1861	D. Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu giặc trên sông Vàm Cỏ Đông.
5) 5-6-1862	E. Hệp ước Nhâm Tuất.
6) 2-1863	F. Pháp tấn công căn cứ Tân Hòa (Gò Công).
7) 20-8-1863	G. Trương Định hi sinh.
8) 24-6-1867	H. Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây.
9) 1867-1875	I. Hàng loạt các cuộc khởi nghĩa chống Pháp nổ ra ở Nam Kì.

Câu 16: Nhận xét về phong trào chống Pháp của nhân dân Nam Kì theo thứ tự sau: Hoàn cảnh, số lượng, qui mô, kết quả.

Hướng dẫn trả lời

- Hoàn cảnh: Cuộc kháng chiến càng ngày càng khó khăn vì thái độ bạc nhược, câu kết với giặc để đàn áp phong trào của nhân dân.

Số lượng người tham gia: Đông đảo, nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, đặc biệt là nông dân.

Qui mô: Rộng khắp 6 tỉnh Nam Kì.

Kết quả: Thất bại.

Bài 20
CHIẾN SỰ LAN RA CẢ NƯỚC, CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1884, NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Tình hình nước ta sau năm 1867 có gì đáng chú ý.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Triều Nguyễn thừa nhận sáu tỉnh Nam Kì thuộc Pháp.
- Kinh tế đất nước ngày càng kiệt quệ.
- Đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, mâu thuẫn xã hội gay gắt. Phong trào đấu tranh của nhân dân bùng nổ.
- Một số sĩ phu cấp tiến đề nghị cải cách, duy tân nhưng không được chấp nhận.

Câu 2: Hãy thuật lại "vụ Đuy-puy" và nêu kết cục của nó.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đuy-puy là một tên lái buôn hiếu chiến, muốn dùng đường sông Hồng chở hàng hoá, vũ khí qua miền Bắc chuyển lên Trung Quốc để tạo cớ xâm lược Bắc Kì.
- Trong khi tư bản Pháp còn dè dặt với Bắc Kì thì Đuy-puy đã tự mình hành động. Y tự đi từ Hương Cảng và Thượng Hải để sắm pháo, thuyền, mua vũ khí, đạn dược, mộ quân lính kéo tới Bắc Kì. Tháng 11 – 1872, ỷ thế nhà Thanh, Đuy-puy tự tiện cho tàu ngược sông Hồng lên Vân Nam (Trung Quốc) mặc dù chưa được phép của triều đình Huế. Hắn còn ngang ngược đòi đóng quân bên bờ sông Hồng.
- Quan hệ giữa triều đình Huế và thực dân Pháp trở nên căng thẳng, lấy cớ "giải quyết vụ Đuy-puy đang gây rối ở Hà Nội, bọn thực dân Pháp hiếu chiến ở Sài Gòn đã đem quân ra Bắc. Đội quân do Đại uý Gác-ni-ê chỉ huy, bề ngoài với danh nghĩa giải quyết tại chỗ vụ Đuy-puy, nhưng bên trong chính là kiếm cớ can thiệp sâu vào vấn đề Bắc Kì.

Câu 3: Cuộc kháng chiến ở Bắc Kì lần thứ nhất có điểm gì đáng chú ý?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 20-11-1873, Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội. Quân dân ta anh dũng kháng cự. Khi địch tổ chức đánh thành, một cánh quân Pháp bị chặn đứng tại Ô Thanh Hà (sau được đổi tên thành Ô Quan Chưởng).
- Trong thành Hà Nội, Tổng đốc Nguyễn Tri Phương trực tiếp chỉ huy cuộc chiến đấu. Khi bị trọng thương và bị giặc bắt, ông đã nhịn ăn, nhịn uống cho đến chết. Con trai ông là Nguyễn Lâm cũng bị trúng đạn và hi sinh.
- Thành Hà Nội bị giặc chiếm, quân triều đình tan rã nhanh chóng nhưng nhân dân Hà Nội vẫn tiếp tục chiến đấu. Các sĩ phu, văn thân yêu nước đã lập ra tổ chức Nghĩa hội, bí mật liên kết chống Pháp.
- Trận đánh gây được tiếng vang lớn nhất lúc bấy giờ là trận phục kích của quân ta và quân Cờ đen tại Cầu Giấy ngày 21-12-1873.
- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất khiến cho nhân dân ta vô cùng phấn khởi; ngược lại, làm cho thực dân Pháp hết sức hoang mang, lo sợ. Chúng tìm cách thương lượng với triều đình Huế rồi thiết lập bản Hiệp ước 1874, rút quân khỏi Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì nhưng vẫn tiếp tục xây dựng cơ sở để thực hiện các bước xâm lược về sau.

- Bản Hiệp ước 1874 khiến cho đông đảo nhân dân và sĩ phu yêu nước bất bình. Phong trào đấu tranh phản đối Hiệp ước dâng cao trong cả nước, đáng chú ý nhất là cuộc nổi dậy ở Nghệ An, Hà Tĩnh do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển lãnh đạo.

- Nhiều văn thân, sĩ phu còn gửi điều trần lên triều đình, đòi cải cách để chấn hưng đất nước.

Câu 4: Trận Cầu Giấy ngày 21 – 12 – 1873 ảnh hưởng đến cục diện chiến tranh như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sơ lược về trận Cầu Giấy ngày 21 – 12 - 1873:

+ Thừa lúc Gác-ni-ê đem quân xuống đánh Nam Định, việc canh phòng Hà Nội sơ hở, quân ta do Hoàng Tá Viêm chỉ huy (có sự phối hợp với đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc) từ Sơn Tây kéo về Hà Nội, hình thành trận tuyến bao vây quân địch. Nghe tin đó, Gác-ni-ê phải tức tốc đưa quân từ Nam Định trở về.

+ Ngày 21 – 12 – 1873, Lưu Vĩnh Phúc kéo quân vào sát thành Hà Nội khiêu chiến. Gác-ni-ê đem quân đuổi theo. Rơi vào ổ phục kích của nghĩa quân ta tại khu vực Cầu Giấy, toán quân Pháp, trong đó có Gác-ni-ê bị tiêu diệt.

- Chiến thắng Cầu Giấy có tiếng vang lớn:

+ Chiến thắng này làm cho nhân dân ta vô cùng phấn khởi, càng quyết tâm chống Pháp.

+ Thực dân Pháp hoang mang, lo sợ.

+ Trước tình hình đó, Pháp tìm cách thương lượng với triều đình Huế và kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874).

Câu 5: Thực dân Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, ngày 3 - 4 - 1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội.

- Ngày 25 - 4 - 1882, chúng gửi tối hậu thư cho Tổng đốc Hoàng Diệu, yêu cầu quân đội triều đình hạ vũ khí, giao thành trong 3 tiếng đồng hồ. Chưa hết thời hạn chúng đã nổ súng chiếm thành.

- Quân Pháp cướp nhiều vàng bạc châu báu, phá huỷ các cổng thành, các khẩu đại bác, vứt thuốc đạn xuống hồ nước, lấy hành cung làm đại bản doanh, cho củng cố khu nhượng địa ở sông Hồng, chiếm Sở Thương chính, dựng nên chính quyền tay sai để tạm thời cai quản thành Hà Nội.

- Ri-vi-e còn cho quân chiếm mỏ than Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định.

Câu 6: Trận Cầu Giấy lần thứ hai (19 – 5 – 1883) diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Diễn biến:

+ Tháng 5 – 1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân dân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề.

+ Ngày 19 – 5 – 1883, Ri-vi-e huy động 550 quân có đại bác yểm trợ, mở cuộc hành quân đánh ra Hà Nội theo đường Hà Nội đi Sơn Tây.

+ Nắm được ý đồ của giặc, quân dân ta cùng đội quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tổ chức phục kích tại Cầu Giấy. Quân Pháp đại bại, nhiều sĩ quan, binh lính địch bị chết và bị thương. Ri-vi-e cũng phải bỏ mạng. Tàn quân Pháp tháo chạy về Hà Nội.

- *Kết quả và ý nghĩa chiến thắng Cầu Giấy:*

+ Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai làm nức lòng nhân dân cả nước, bồi đắp thêm ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân ta.

+ Làm cho thực dân Pháp hết sức hoang mang, dao động.

+ Tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân ta đánh đuổi quân giặc.

Câu 7: Vì sao đến năm 1883, thực dân Pháp quyết định tiến đánh Thuận An?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi thất bại trong trận Cầu Giấy lần thứ hai thực dân Pháp càng củng cố dã tâm xâm chiếm toàn bộ Việt Nam.

- Lấy cớ "trả thù" cho Ri-vi-e, quân Pháp vạch kế hoạch, chuẩn bị lực lượng xâm lược toàn bộ Việt Nam.

- Trong lúc triều đình Huế đang lo việc tang cho vua Tự Đức mới qua đời, quân Pháp đánh vào Thuận An (Huế), buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng, trên cơ sở đó sẽ đánh chiếm cả nước.

Câu 8: Hãy nêu nội dung cơ bản của Hiệp ước 1883.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Triều đình Huế chính thức thừa nhận quyền "bảo hộ" của Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì.

- Triều đình Huế chỉ được cai quản từ Khánh Hòa đến Đèo Ngang.

- Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kì thuộc Pháp; Thanh - Nghệ - Tĩnh sát nhập vào Bắc Kì.

- Khâm sứ Pháp ở Trung Kì trực tiếp điều khiển công việc nội trị và ngoại giao của triều đình. Công sứ Pháp ở Bắc Kì thường xuyên kiểm soát công việc của quan chức sở tại. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài do người Pháp nắm. Triều đình Huế rút toàn bộ quân ở Bắc Kì về, Pháp được đóng quân ở những nơi xét thấy cần thiết.

Câu 9: Dựa vào nội dung bài học, lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến 1884.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Giai đoạn	*Diễn biến chính*	*Tên nhân vật*
1858 - 1862	- Từ 1 – 9 – 1858, nhân dân Đà Nẵng phối hợp với quân triều đình nhà Nguyễn đứng lên chống Pháp. Đánh bại âm mưu "Đánh nhanh, thắng nhanh" của Pháp. - Nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kì nổi dậy chống Pháp, gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại.	Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương.
1863 - trước 1873	Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kì, phong trào kháng chiến chống Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì phát triển; nhiều trung tâm	Trương Quyền, Nguyễn Hữu Huân, Phan Tôn, Phan

	kháng chiến được xây dựng ở Đồng Tháp Mười, Sa Đéc, Trà Vinh, Rạch Giá, Hà Tiên.	Liêm, Nguyễn Trung Trực.
1873 - 1884	- Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân Nam Kì vẫn diễn ra quyết liệt. - Nhân dân Bắc Kì chuẩn bị đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. - Hai chiến thắng vang dội ở Cầu Giấy làm cho quân dân ta phấn khởi và quân Pháp hoang mạng, lo sợ.	Hoàng Tá Viêm, Trương Quang Đản, Lưu Vĩnh Phúc, Phạm Văn Nghị, Nguyễn Mậu Kiến.

Câu 10: Những nguyên nhân nào khiến cho cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của quân dân ta từ năm 1858 đến 1884 thất bại?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngay khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, nhân dân ta đã đấu tranh anh dũng chống thực dân Pháp gây cho Pháp nhiều khó khăn, tổn thất, không thực hiện được kế hoạch "Đánh nhanh, thắng nhanh".

- Nhưng cuối cùng cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến 1885 bị thất bại, do các nguyên nhân sau đây:

+ Thực dân Pháp có lực lượng mạnh hơn ta, lại quyết tâm xâm lược nước ta để biến nước ta thành thuộc địa của chúng.

+ Triều đình nhà Nguyễn không có khả năng và ý muốn tập hợp, đoàn kết, tổ chức, lãnh đạo nhân dân ta để chống Pháp mà ngược lại sẵn sàng thoả hiệp với Pháp chống lại nhân dân ta.

+ Triều đình nhà Nguyễn đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác làm cản trở rất lớn đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta thiếu sự lãnh đạo chung, chưa có đường lối đúng đắn, chưa có giai cấp tiên tiến lãnh đạo. Cuộc kháng chiến ấy lại diễn ra lẻ tẻ ở từng địa phương nên không tạo nên được sức mạnh tổng hợp để đánh Pháp và thắng Pháp.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội năm 1873 được Pháp thực hiện như thế nào? Nội dung, tính chất của Hiệp ước 1874.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Kế hoạch đánh chiếm Hà Nội:

+ Thực dân Pháp tung gián điệp đội lốt giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

+ Lấy cớ giải quyết "vụ Đuy-puy" theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

+ Cho quân khiêu khích. Rồi gửi tối hậu thư yêu cầu Nguyễn Tri Phương nộp thành Hà Nội cho chúng. Sau đó tổ chức đánh vào thành Hà Nội.

- *Nội dung:*

+ Triều đình Huế chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì.

+ Mở các cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn), Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán.

+ Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công, đặt lãnh sự có quân lính bảo vệ ở những nơi chúng được vào buôn bán.

+ Nền ngoại giao của Việt Nam lệ thuộc vào đường lối ngoại giao của Pháp.

- *Tính chất:*

+ Đây là Hiệp ước bất bình đẳng giữa triều Nguyễn và Pháp.

+ Hiệp ước đã làm mất một phần quan trọng chủ quyền độc lập của Việt Nam. Từ nay nước ta đã bị biến thành thị trường riêng của tư bản Pháp.

Câu 2: Tình hình Việt Nam sau Hiệp ước 1874 đến trước khi thực dân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai (1882) có những điểm gì đáng chú ý?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra, vừa chống thực dân Pháp, vừa phản đối triều Nguyễn đầu hàng. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa ở Nghệ An, Hà Tĩnh do Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển..

- Ở ngoài Bắc thường xuyên xảy ra nạn giặc giã gây khó khăn cho triều đình. Đất nước rơi vào tình trạng rối ren cực độ.

- Nhiều sĩ phu yêu cầu duy tân đất nước nhưng triều đình đã khước từ. Đất nước ngày càng suy yếu thêm.

- Từ năm 1878, các nước Anh, Đức, Tây Ban Nha đẩy mạnh việc giao thiệp với triều đình Huế. Tình hình đó càng thôi thúc thực dân Pháp nhanh tay hành động để chiếm lấy nước ta.

Câu 3: Vì sao từ sau năm 1874, thực dân Pháp lại quyết tâm chiếm bằng được Bắc Kì? Thực dân Pháp thực hiện âm mưu đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Vì sao:*

+ Từ những năm 70 của thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản Pháp bước sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Nền kinh tế Pháp có những đòi hỏi ngày càng lớn về thị trường, nhân công và nguyên liệu. Thực dân Pháp đã lao vào cuộc chạy đua quyết liệt để giành giật thuộc địa.

+ Việc xâm lược Bắc Kì và toàn bộ Việt Nam lúc này không còn là mưu đồ của một nhóm thực dân hiếu chiến, mà trở thành chủ trương chung của giới tư bản tài phiệt đang nắm quyền ở Pháp.

+ Đối với Pháp, Bắc Kì là nơi có dân đông, nhiều tài nguyên, nhất là than đá, là miếng mồi ngon không thể bỏ qua.

- *Thực hiện âm mưu đánh Bắc Kì lần hai:*

+ Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, Pháp đưa quân thêm ra Bắc Kì.

+ Ngày 3 - 4 - 1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội. Sau khi giở trò khiêu khích, chúng nổ súng đánh thành (25 - 4 - 1882).

Quan trấn thủ thành Hà Nội là Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự, nhưng cuối cùng thành mất.

+ Triều đình Huế tiếp tục hoang mang và khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh, nhà Thanh đưa quân sang nước ta rồi bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam.

+ Về phía Pháp, tháng 3 - 1883, Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai, Quảng Yên, rồi kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định. Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kì rơi vào tay giặc.

Câu 4: Nhân dân Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng đã anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược lần thứ hai như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng sông Hồng:

Khi quân Pháp đánh Bắc Kì lần thứ hai, nhân dân ta đã anh dũng chiến đấu chống Pháp

+ Ở Hà Nội, dọc sông Hồng nhân dân tạo bức tường lửa làm chậm bước tiến của địch.

+ Những nơi khác dân chúng nổi trống, mõ, khua chiêng, cổ vũ nhân dân chiến đấu.

- Chiếm được Hà Nội, giặc mở rộng phạm vi đánh chiếm các tỉnh đồng bằng, nhưng tới đâu chúng cũng vấp phải sức chiến đấu của quân dân địa phương.

- Tháng 5-1883, trên chiến trường Cầu Giấy, quân ta lại một lần nữa giáng cho giặc một đòn nặng nề, giết tên Tổng chỉ huy Hăng-ri Ri-vi-e.

- Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai thể hiện rõ ý chí quyết tâm sẵn sàng tiêu diệt giặc của nhân dân ta. Tuy nhiên, triều đình Huế vẫn nuôi ảo tưởng thu hồi Hà Nội bằng con đường thương thuyết.

Câu 5: Nội dung của Hiệp ước Hác-măng (1883) và Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) có những điểm gì giống và khác nhau? Nêu nhận xét các Hiệp ước đó.

** Hướng dẫn trả lời:*

	Hiệp ước Hác-măng	**Hiệp ước Pa-tơ-nốt**
Giống nhau	Đều thừa nhận quyền "bảo hộ" của thực dân Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì. Đều thể hiện thái độ của triều Nguyễn biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.	
Khác nhau	Khu vực cai quản của triều đình Huế bị thu hẹp lại từ Khánh Hoà đến Đèo Ngang	Khu vực cai quản của triều đình Huế được mở rộng đến Bình Thuận và Thanh - Nghệ - Tĩnh. Đây là âm mưu xoa dịu sự công phẫn của nhân dân.

Nhận xét:

- Các hiệp ước trên đều thể hiện sự nhu nhược của triều đình Huế, không dám cùng nhân dân đứng lên chống Pháp.

- Các hiệp ước trên đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp đặt ách thống trị lâu dài nước ta.

Câu 6: Lập bảng thống kê các bước xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
** Hướng dẫn trả lời:*

Các bước	*Thời gian*	*Sự kiện*
Bước 1	Từ năm 1858 đến 1862	Đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kì, buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước Nhâm Tuất 1862.
Bước 2	Từ năm 1863 đến năm 1867	Chiếm nốt ba tỉnh miền Tây Nam Kì.
Bước 3	Từ 1867 đến 1874	Đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất, buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước 1874.
Bước 4	Từ 1875 đến 1884	Đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai, buộc triều Nguyễn kí các Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, hoàn thành việc xâm lược Việt Nam.

Câu 7: Thái độ của thực dân Pháp trong hai lần đưa quân ra đánh Bắc Kì có gì khác nhau? Tại sao có sự khác nhau đó?

- *Lần thứ nhất:*

+ Thực dân Pháp tung gián điệp đội lốt giáo sĩ hoặc thương nhân ra do thám tình hình Bắc Kì, bắt liên lạc với lái buôn Đuy-puy lúc đó đang hoạt động ở vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam và tích cực gây dựng cơ sở nội ứng trong một bộ phận dân chúng.

+ Lấy cớ giải quyết "vụ Đuy-puy" theo yêu cầu của triều đình Huế, thực dân Pháp ở Sài Gòn đã phái Gác-ni-ê đưa quân ra Bắc.

+ Cho quân khiêu khích. Rồi gửi tối hậu thư yêu cầu Nguyễn Tri Phương nộp thành Hà Nội cho chúng. Sau đó tổ chức đánh vào thành Hà Nội.

- *Lần thứ hai:*

+ Thực hiện ý đồ chiếm đóng toàn bộ Việt Nam, viện cớ nhà Nguyễn không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản của Hiệp ước 1874, Pháp đưa quân thêm ra Bắc Kì.

+ Ngày 3 - 4 - 1882, Ri-vi-e chỉ huy một đạo quân Pháp từ Sài Gòn kéo ra Hà Nội. Sau khi giở trò khiêu khích, chúng nổ súng đánh thành (25 - 4 - 1882). Quan trấn thủ thành Hà Nội là Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ kiên quyết chống cự, nhưng cuối cùng thành mất.

+ Triều đình Huế tiếp tục hoang mang và khiếp nhược, cầu cứu nhà Thanh, nhà Thanh đưa quân sang nước ta rồi bí mật thương thuyết với Pháp để chia nhau quyền lợi ở Việt Nam.

+ Về phía Pháp, tháng 3 - 1883, Ri-vi-e cho quân chiếm đóng vùng mỏ Hồng Gai, Quảng Yên, rồi kéo quân từ Hà Nội xuống đánh chiếm Nam Định. Lần thứ hai, hầu hết các tỉnh thành lớn ở vùng đồng bằng Bắc Kì rơi vào tay giặc.

- *Tại sao có sự khác nhau đó:* Vì lần thứ hai ý đồ của Pháp muốn chiếm toàn bộ Việt Nam, trên cơ sở đó biến nước ta thành thuộc địa của Pháp.

Câu 8: Vì sao triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất 1874? Em có nhận xét gì về Hiệp ước 1874 so với Hiệp ước Nhâm Tuất 1862?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Hiệp ước 1874 là một sự tính toán thiển cận của triều đình Huế, xuất phát từ ý thức bảo vệ quyền lợi của giai cấp và dòng họ triều đình Huế trượt dài trên con đường đi đến đầu hàng hoàn toàn. Chủ quyền dân tộc bị xâm phạm nhiều hơn, tạo điều kiện để Pháp thực hiện âm mưu lược tiếp theo.

- So với Hiệp ước 1862, Hiệp ước 1874 ta mất thêm 3 tỉnh Nam Kì, mất thêm một phần quan trọng chủ quyền lãnh thổ, ngoại giao và thương mại của Việt Nam.

Câu 9: Cuộc chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội năm 1882 có gì khác năm 1873?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tăng cường phòng thủ.
- Cuộc chiến đấu có sự phối hợp trong ngoài.
- Một số người chủ trương trình triều đình thực hiện kế sách chiến đấu lâu dài, dựa vào rừng núi như không được triều đình chấp nhận.

Câu 10: Đường lối kháng chiến của triều đình Nguyễn có gì thay đổi sau chiến thắng Cầu Giấy 12 - 1873?

** Hướng dẫn trả lời:*

Đường lối kháng chiến của triều đình Nguyễn không có gì thay đổi. Vì vậy, đã không phát huy được chiến thắng Cầu Giấy (12-1873), mà chỉ coi đây là một cơ hội để điều đình, thương lượng với Pháp. Hiệp ước cắt đất cầu hòa lần thứ hai (thừa nhận cho Pháp chiếm cả 6 tỉnh Nam Kì) do đó đã nhanh chóng được kí kết vào ngày 15-3-1873.

Câu 11: Chủ trương của Pháp sau trận Cầu Giấy lần thứ hai (5-1883), có gì khác với trận Cầu Giấy thứ nhất (12-1873)? Kết quả của việc Pháp thực hiện chủ trương đó?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Không giống như trận Cầu Giấy lần thứ nhất, lần này chủ trương thôn tính toàn bộ Việt Nam đã trở thành đường lối chung của Nhà nước thực dân Pháp.

- Vì vậy: Pháp quyết định đem quân đánh thẳng Thuận An, sát kinh thành Huế, Hiệp ước Hác-măng (1883) và sau đó là Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884) đã được kí kết, chấm dứt sự tồn tại độc lập của triều đình phong kiến nhà Nguyễn. Nền "bảo hộ" của Pháp được xác lập trên toàn bộ đất nước Việt Nam.

Câu 12: Em hãy so sánh thái độ và hành động của nhân dân và triều đình Huế trong việc Pháp đánh Bắc Kì lần thứ nhất.

	Thái độ	***Hành động***
Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì		
Triều đình		

* *Hướng dẫn trả lời:*

	Thái độ	*Hành động*
Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì	Kiên quyết chống giặc.	Nhân dân anh dũng đứng lên kháng chiến ở Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.
Triều đình	Không liên quyết chống giặc, cầm chừng, chủ yếu thiên về thương thuyết.	Tạo điều kiện cho Pháp ra Bắc Kì. Làm thất thủ thành Hà Nội. Kí Hiệp ước Giáp Tuất (15-3-1874)

Câu 13: Lập bảng thống kê về các Hiệp ước mà triều đình Huế đã kí với Pháp theo yêu cầu sau:

- Hoàn cảnh kí kết.
- Nội dung cơ bản.
- Hậu quả của nó.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Các Hiệp ước	*Hoàn cảnh*	*Nội dung*	*Hậu quả*
1) Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1882)	Giữa lúc cuộc kháng chiến của nhân dân nam Kì bùng nổ và dâng cao (tiêu biểu nhất là khởi nghĩa của Trương Định) thì triều đình Huế kí Hiệp ước với Pháp.	Nhượng cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn; mở cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho Pháp tự do buôn bán, bồi thường chiến phí và kèm theo nhiều nhượng bộ khác về chính trị, quân sự.	- Tạo điều kiện cho Pháp mở rộng địa bàn chiếm đóng ở Nam Kì. - Gây nên nhiều nỗi bất bình trong nhân dân.
2) Hiệp ước Giáp Tuất (15-3-1874)	Khi quân dân ta giành chiến thắng ở Cầu Giấy làm cho quân Pháp ở Hà Nội và các tỉnh run sợ. Thực dân Pháp ở Nam Kì cũng hoảng hốt. Tạo ra thời cơ thuận lợi để đánh đuổi quân giặc.	Triều đình Huế chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở sáu tỉnh Nam Kì, cam kết mở cửa biển Thị Nại (Quy Nhơn), Ninh Hải (Hải Phòng), Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán. Ở những nơi đó Pháp có quyền mở mang công nghệ, xây dựng kho tàng, thuê mướn nhân công. Ngoại giao của ta lệ thuộc vào ngoại giao của Pháp.	- Đã làm mất một phần quan trọng về chủ quyền độc lập của Việt Nam. - Nước ta bị biến thành thị trường riêng của Pháp.

3) Hiệp ước Hác-măng (25-8-1883)	Ngày 17 – 7 – 1883, vua Tự Đức qua đời. Lợi dụng triều đình đang bận rộn với công việc chọn người kế vị vua, Pháp đem quân đánh Thuận An, sát kinh thành Huế. Triều đình Huế xin đình chiến. Lúc đó Hác-măng đến Huế đưa ra bản hiệp ước đã thảo sẵn, buộc triều đình Huế phải chấp nhận.	- Triều đình Huế chính thức thừa nhận quyền "bảo hộ" của Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì. - Triều đình Huế chỉ được cai quản từ Khánh Hòa đến Đèo Ngang. - Bình Thuận sát nhập vào Nam Kì thuộc Pháp; Thanh - Nghệ - Tĩnh sát nhập vào Bắc Kì. - Khâm sứ Pháp ở Trung Kì trực tiếp điều khiển công việc nội trị và ngoại giao của triều đình. Công sứ Pháp ở Bắc Kì thường xuyên kiểm soát công việc của quan chức sở tại. Mọi việc giao thiệp với nước ngoài do người Pháp nắm. Triều đình Huế rút toàn bộ quân ở Bắc Kì về, Pháp được đóng quân ở những nơi xét thấy cần thiết.	- Làm cho chủ quyền độc lập của dân tộc ta bị vi phạm một cách trắng trợn. Tiếp tục gây nên nổi bất bình trong nhân dân. Nguy cơ mất nước đang đến gần.
4) Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-6-884)	Sau Hiệp ước Hác-măng, tại bắc Kì Pháp còn phải đối phó với quân Mãn Thanh và phong trào tự động kháng chiến của nhân dân ta. Tháng 5-1884, Hiệp ước Thiên Tân được kí kết, nhà Thanh rút quân khỏi bắc Kì. Nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân ta vẫn tiếp diễn. Để buộc triều đình Huế phục vụ đắc lực cho Pháp, chúng đã sử đổi Hiệp ước 1883 thành Hiệp ước Pa-tơ-nốt 1884.	- Về cơ bản giống Hiệp ước Hác- măng. - Sửa đổi điều khoản là giao Bình Thuận và ba tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh về lại Trung Kì cho triều đình Huế cai quản.	- Thủ tiêu độc lập thống nhất của nước ta. - Biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.

Bài 21
PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Phong trào Cần vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau hai Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam. Chúng bắt đầu xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ lên phần lãnh thổ Bắc Kì và Trung Kì.

- Phong trào phản đối hai hiệp ước 1883 và 1884 diễn ra rất sôi nổi. Nhiều toán nghĩa quân hoạt động mạnh ở các vùng xung quanh Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn Tây, Hải Dương ...

- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) mạnh tay hành động.

- Đêm mùng 4 rạng ngày 5 - 7 - 1885, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ.

- Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi và Tam cung (Mẹ, vợ cả, vợ thứ vua Tự Đức) ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13 - 7 - 1885, Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta, tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 10 năm.

Câu 2: Tóm lược diễn biến 2 giai đoạn của phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX và rút ra đặc điểm của mỗi giai đoạn.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Giai đoạn một: từ năm 1885 đến tháng 11-1888*

+ Phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã nổ ra trên phạm vi cả nước, từ Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định cho tới Khánh Hòa, Phú Yên. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định. Cùng nổi dậy với ông có Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận, Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung ...

+ Lúc này, phò tá cho Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết còn có nhiều văn thân, sĩ phu và tướng lĩnh khác như Trần Xuân Soạn, Tôn Thất Đàm, Tôn Thất Thiệp (hai con của Tôn Thất Thuyết), Phạm Tường, Trần Văn Định. Bộ chỉ huy của phong trào đóng tại vùng rừng núi phía tây hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh.

+ Cuối năm 1888, do sự phản bội của Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc. Nhà vua đã hiên ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp, chịu án lưu đày sang An-giê-ri (Bắc Phi).

- *Đặc điểm:* Phong trào đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, quy mô phong trào lan rộng khắp các tỉnh ở Bắc Kì và Trung Kì.

- *Giai đoạn hai: từ năm 1888 đến năm 1895.*

+ Ở giai đoạn này không còn sự chỉ huy của triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và quy tụ dần thành các trung tâm lớn, tồn tại bền bỉ và ngày càng có xu hướng đi vào chiều sâu.

+ Trước những cuộc hành quân càn quét dữ dội của thực dân Pháp, phong trào ở vùng đồng bằng ngày càng bị thu hẹp và chuyển trọng tâm hoạt động lên vùng trung du và miền núi. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa: Hùng Lĩnh do Cao Điền và Tống Duy Tân lãnh đạo, hoạt động ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Thanh Hóa; khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

+ Khi tiếng súng kháng chiến đã im trên núi Vụ Quang (Hương Khê, Hà Tĩnh) vào cuối năm 1895, phong trào Cần vương coi như chấm dứt.

- *Đặc điểm:* Phong trào tiếp tục phát triển dẫu không còn sự chỉ huy của triều đình. Phong trào chuyển trung tâm hoạt động lên các vùng trung du và miền núi.

Câu 3: Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Bãi Sậy.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Từ năm 1883, Đinh Gia Quế đã lãnh đạo nghĩa quân hoạt động ở vùng Bãi Sậy (Hưng Yên). Năm 1885, hưởng ứng "Chiếu Cần vương" phong trào kháng Pháp lại bùng lên mạnh mẽ dưới sự chỉ huy của Nguyễn Thiện Thuật.

- Dựa vào vùng lau lách um tùm và đầm lầy thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Lang, Khoái Châu, Yên Mĩ... Nghĩa quân xây dựng căn cứ và triệt để áp dụng chiến thuật đánh du kích.

- *Khởi nghĩa trải qua hai giai đoạn:*

+ Từ năm 1885 đến năm 1887: nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của Pháp ở cả vùng Văn Giang, Khoái Châu và các vùng ở căn cứ Hai Sông. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...

+ Từ năm 1885 trở đi: nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt. Thực dân Pháp tăng viện binh, cho xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc, thực hiện chính sách "dùng người Việt trị người Việt" để cô lập nghĩa quân. Nghĩa quân đã chiến đấu rất dũng cảm. Năm 1889, Nguyễn Thiện Thuật sang Trung Quốc, phong trào tiếp tục một thời gian rồi tan rã.

Câu 4: Mô tả cấu trúc của căn cứ Ba Đình.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Căn cứ Ba Đình được xây dựng ở ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá).

- Cấu trúc căn cứ Ba Đình khá độc đáo:

+ Lợi dụng lũy tre làng dày đặc và vùng đầm lầy để làm chiến tuyến tự nhiên.

+ Xây dựng căn cứ có hệ thống hào rộng, rồi đến lớp thành đất cao, chân thành rộng, trên thành có các lỗ châu mai. Trong thành có hệ thống giao thông hào để vận động và tiếp tế khi chiến đấu.

+ Xây dựng thêm một số công sự để bảo vệ ruộng đồng, làng mạc.

+ Ngoài căn cứ Ba Đình còn có thêm căn cứ khác, tiêu biểu là Mã Cao (phía tây bắc Ba Đình) để làm nhiệm vụ cảnh báo, phòng bị cho căn cứ chính khi bị tấn công.

Câu 5: Trình bày diễn biến của khởi nghĩa Ba Đình.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ba Đình thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
- Lãnh đạo là Phạm Bành và Đinh Công Tráng, nghĩa quân lợi dụng địa hình của các làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê để xây dựng một chiến tuyến phòng thủ kiên cố.
- Cuộc chiến đấu quyết liệt từ tháng 12 - 1886 đến tháng 1 – 1887 khi giặc Pháp mở cuộc tấn công qui mô vào căn cứ.

+ Tháng 12 – 1886, thực dân Pháp tập trung 500 quân, mở cuộc tấn công vào căn cứ Ba Đình, nhưng chúng đã bị thất bại.

+ Ngày 6 – 1 – 1887, Pháp lại huy động khoảng 2500 quân, dưới sự chỉ huy của Đại tá Brít-xô tấn công vào Ba Đình. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. cả hai bên đều bị thương vong rất nhiều.

+ Trước sức tấn công áp đảo của địch, đêm 20 – 1 – 1887, nghĩa quân đã mở đường máu rút lên Mã Cao. Sáng ngày 21 – 1 – 1887, khi chiếm được căn cứ, thực dân Pháp điên cuồng đốt phá và sau đó ra lệnh xoá tên ba làng Thượng Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê.

+ Nghĩa quân phải rút về Mã Cao, cầm cự một thời gian, rồi bị đẩy vào miền Tây Thanh Hoá và sáp nhập vào đội quân của Cầm Bá Thước.

Câu 6: Tóm lược các giai đoạn của khởi nghĩa Hương Khê.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Giai đoạn 1:* Từ năm 1885 - 1888, là giai đoạn chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân. Nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.
- *Giai đoạn 2:* Từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt nghĩa quân dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Nhiều trận đánh nổi tiếng đã diễn ra, như trận tấn công đồn Trường Lưu (5 – 1890), trận tập kích thị xã Hà Tĩnh (8 – 1892), trận tấn công vào Đồn Nu (Thanh Chương (Nghệ An)).
- Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc nhằm bao vây cô lập nghĩa quân. Đồng thời mở nhiều cuộc hành quân tấn công qui mô vào Ngàn Trươi căn cứ chính của nghĩa quân.
- Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng hi sinh (28-12-1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

Câu 7: Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Địa bàn hoạt động của khởi nghĩa rộng cả bốn tỉnh Bắc Trung Kì.
- Khởi nghĩa kéo dài suốt 10 năm (từ năm 1885 đến 1895).
- Lãnh đạo khởi nghĩa là những người có uy tín, đức độ, tài năng như Phan Đình Phùng, Cao Thắng.
- Lực lượng nghĩa quân tham gia khởi nghĩa đông, gồm cả nam, nữ và gồm các dân tộc.
- Khởi nghĩa đã từng giành được những thắng lợi to lớn như trận phục kích địch ở núi Vụ Quang, tiêu diệt hàng chục tên địch.

Câu 8: Tóm lược các giai đoạn phát triển của cuộc khởi nghĩa Yên Thế từ năm 1884 đến 1913.

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Giai đoạn 1884-1892*, nghĩa quân hoạt động riêng lẻ chưa có sự chỉ huy thống nhất, thủ lĩnh uy tín nhất là Đề Nắm. Sau khi Đề Nắm mất, Đề Thám trở thành thủ lĩnh của phong trào.

- *Giai đoạn 1893-1897*, nghĩa quân vừa chiến đấu vừa xây dựng cơ sở.

+ Thấy tương quan lực lượng chênh lệch, Đề Thám tìm cách giảng hoà.

+ Sau khi phục kích bắt được tên điền chủ người Pháp Sét-nay. Đề Thám đồng ý thả tên này với điều kiện Pháp phải rút khỏi Yên Thế, Đề Thám cai quản bốn tổng Nhã Nam, Mục Sơn, Yên Lễ, Hữu Thượng.

+ Thời gian giãn hoà không kéo dài, thực dân Pháp tấn công trở lại. Lực lượng của Đề Thám bị tổn thất, suy yếu nhanh chóng. Để cứu vãn tình thế, Đề Thám xin giãn hoà lần thứ hai.

- *Giai đoạn 1898 - 1908*, tranh thủ thời gian hoà hoãn, Đề Thám cho khai khẩn đồn điền Phồn Xương, tích trữ lương thực, xây dựng đội quân tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu.

- *Giai đoạn 1909 -1913*, phát hiện thấy Đề Thám có dính líu đến vụ đầu độc trại lính Pháp ở Hà Nội. Thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công qui mô lên Yên Thế. Lực lượng nghĩa quân hao mòn dần. Ngày 10-2-1913, Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

Câu 9: Cách tổ chức và chiến đấu của nghĩa quân Bãi Sậy có những điểm gì khác với với nghĩa quân Ba Đình?

**Hướng dẫn trả lời:*

Cuộc khởi nghĩa	*Tổ chức chiến đấu và chiến thuật*
Bãi Sậy	- Địa bàn hoạt động ở Hưng Yên, Hải Dương. - Tổ chức nghĩa quân: + Phân tán thành các đội, mỗi đội nhiều toán (mỗi toán gồm 10 đến 15 người), ở lẫn trong dân, di chuyển linh hoạt. + Vũ khí tự trang bị, tự chế tạo theo mẫu súng Pháp. - Chiến thuật: + Hoạt động đánh địch trên các tuyến giao thông hoặc trên các con sông lớn như sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống. + Chiến thuật phòng ngự, dựa vào thành lũy, công sự.
Ba Đình	- Địa bàn hoạt động ở Ba Đình (Thanh Hoá). - Tổ chức nghĩa quân: + Lực lượng khoảng 300 người/ toán, phân bố ở ba làng, dựa vào thành luỹ công sự chiến đấu. + Vũ khí tự trang bị gồm súng hoả mai, giáo mác, cung nỏ. - Chiến thuật: Bắt đầu từ hoạt động nhỏ: tập kích, phục kích những toán quân, những đoàn xe vận tải của Pháp trên đường bộ và đường sông, rồi tiến lên những trận đánh lớn, đẩy lùi các cuộc tiến công lớn của địch khi chúng đánh vào căn cứ Ba Đình.

Câu 10: Lập bảng hệ thống kiến thức về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương theo mẫu sau:

* *Hướng dẫn trả lời:* Chọn ba cuộc khởi nghĩa tiêu biểu sau:

TT	Tên cuộc khởi nghĩa, thời gian, người lãnh đạo	Hoạt động nổi bật	Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm
1	Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892) Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật.	Xây dựng nhiều căn cứ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Chia thành nhiều đội nhỏ đánh du kích. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra tại Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...	Tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Khống chế các tuyến giao thông đường bộ và đường thuỷ của địch. Để lại bài học về chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa cách mạng.
2	Khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887) Pham Bành, Đinh Công Tráng.	Xây dựng công sự kiên cố, có cấu trúc độc đáo. Trận đánh nổi tiếng nhất diễn ra vào tháng 1 – 1887.	Tiêu hao sinh lực địch, làm chậm quá trình bình định vùng Bắc Trung Kì của thực dân Pháp. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức nghĩa quân và xây dựng căn cứ khởi nghĩa.
3	Khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896) Phan Đình Phùng, Cao Thắng.	Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu, căn cứ kháng chiến, huấn luyện quân sự, chế tạo vũ khí. Trận đánh nổi tiếng ở núi Vụ Quang 10 – 1894, tiêu diệt hàng chục tên địch.	Đây là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng căn cứ, về tổ chức khởi nghĩa và chiến thuật tác chiến.

Câu 11: Khởi nghĩa Yên Thế có những đặc điểm nào khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX và cuộc khởi nghĩa Yên Thế cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX có những điểm chung sau đây:

+ Thể hiện lòng yêu nước và ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp để giải phóng dân tộc.

+ Lực lượng tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp là đông đảo quần chúng nhân dân lao động , chủ yếu là nông dân.

+ Phong trào cuối cùng bị thất bại vì thiếu giai cấp tiên tiến lãnh đạo với đường lối cách mạng đúng đắn.

- Những điểm khác nhau giữa hai phong trào:

+ Về lãnh đạo: Trong phong trào Cần vương, lãnh đạo là quan lại, sĩ phu yêu nước. Còn trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế, lãnh đạo là những người xuất thân từ nông dân.

+ Về địa bàn hoạt động: Trong phong trào Cần vương, địa bàn được xây dựng ở những địa bàn nhỏ, hẹp, phân tán, thiếu sự lãnh đạo thống nhất. Còn trong khởi nghĩa Yên Thế, địa bàn được mở rộng, nhất là giai đoạn cuối.

+ Về lực lượng tham gia: Phong trào Cần vương, lực lượng tham gia chủ yếu là nông dân ở các địa phương nơi diễn ra khởi nghĩa. Còn trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế, lực lượng tham gia gồm nhân dân các địa phương, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp.

+ Về thời gian tồn tại: khởi nghĩa Yên Thế tồn tại lâu hơn bất cứ cuộc khởi nghĩa nào trong phong trào Cần vương, kể cả cuộc khởi nghĩa Hương Khê.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Nội bộ triều đình Huế sau hai Hiệp ước 1883 và 1884 ra sao?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Hai Hiệp ước Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt 1884 đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Tuy vậy, phái chủ chiến do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu vẫn nuôi hi vọng sẽ khôi phục lại chủ quyền.

- Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế mà đại diện là Tôn Thất Thuyết (Thượng thư Bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư Bộ Lại) mạnh tay hành động.

- Tình hình đó buộc thực dân Pháp phải tăng thêm lực lượng quân sự, xiết chặt bộ máy kìm kẹp và tìm mọi cách để loại trừ phái chủ chiến ra khỏi triều đình. Biết được âm mưu của Pháp, Tôn Thất Thuyết và lực lượng chủ chiến quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

Câu 2: Nêu diễn biến cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (7-1885). Trình bày nội dung cơ bản và ý nghĩa của chiếu Cần vương.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Diễn biến:

+ Đêm mùng 4 rạng ngày 5-7-1885, trong khi tên Toàn quyền về chính trị và quân sự Pháp tại Việt Nam là Cuốc-xi (De Cuorcy) đang mải mê yến tiệc tại toà Khâm sứ Pháp tại Huế, Tôn Thất Thuyết đã hạ lệnh cho các đạo quân của mình tấn công. Một số tên Pháp bị tiêu diệt tại đồn Mang Cá, tòa Khâm sứ. Cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, song do chuẩn bị vội vã, thiếu chu đáo nên sức chiến đấu của quân ta nhanh chóng giảm sút. Sáng 6-7, quân Pháp phản công. Chúng cướp bóc và tàn sát nhân dân ta vô cùng man rợ.

+ Tôn Thất Thuyết phải đưa Vua Hàm Nghi và Tam cung ra khỏi Hoàng thành, rồi chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị). Ngày 13-7-1885, Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến.

- Nội dung của chiếu Cần vương:

+ Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.

+ Lên án sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới dựng lên.

+ Khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến chống Pháp đến cùng.

- *Ý nghĩa:*

+ Chiếu Cần vương đã nhanh chóng thổi bùng ngọn lửa yêu nước của nhân dân ta.

+ Tạo thành phong trào vũ trang chống Pháp diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài 12 năm, đến cuối thế kỉ XIX mới chấm dứt.

Câu 3: Nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- Khởi nghĩa Bãi Sậy dựa vào địa thế thuận lợi, nghĩa quân đã sử dụng lối đánh du kích độc đáo, lợi hại phân tán trong nhân dân thành nhóm nhỏ, khi ẩn, khi hiện, bất thường luôn chủ động phục kích giặc trên đường đi hoặc tập kích các đồn lẻ của chúng.

- Phương thức tổ chức và hoạt động tác chiến của nghĩa quân trên địa hình đồng bằng, đất hẹp, người đông.

- Việc xây dựng căn cứ thể hiện sự sáng tạo của nghĩa quân, cho nên khởi nghĩa tồn tại được lâu hơn khởi nghĩa Ba Đình.

Câu 4: Dựa vào lược đồ, hãy miêu tả công sự phòng thủ ở căn cứ Ba Đình.

* *Hướng dẫn trả lời :*

- *Miêu tả:* Dựa vào lược đồ trong sách giáo khoa để miêu tả theo các ý sau đây:

+ Xác định căn cứ Ba Đình được xây dựng trên vùng đất thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

+ Cách xây dựng căn cứ Ba Đình khá độc đáo: lợi dụng ngay các lũy tre làng và vùng đất lầy thụt làm chiến tuyến tự nhiên.

+ Phía trong thành có hệ thống giao thông hào dùng để vận chuyển và tiếp tế khi chiến đấu. Ở những nơi xung yếu đều có công sự vững chắc. các hầm chiến đấu được đào theo kiểu chữ "chi". Các ngôi đình của ba làng được biến thành các chốt đóng quân, nối với nhau bằng chiến hào, có thể hỗ trợ cho nhau.

+ Ngoài căn cứ Ba Đình còn có các căn cứ khác, tiêu biểu nhất là căn cứ Mã Cao ở phía tây bắc Ba Đình. Tuy nhiên, căn cứ Ba Đình cũng có những điểm bất lợi: nằm giữa cánh đồng bằng phẳng, ngập nước, dễ bị phát hiện, nếu bị tấn công khó thoát ra ngoài.

Câu 5: Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh diễn ra như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi căn cứ Ba Đình thất thủ, ở Hùng Lĩnh (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá) lại hình thành một trung tâm kháng chiến thứ hai, mở rộng từ vùng đồng bằng lên miền rừng núi phía tây, sát biên giới Việt – Lào, lãnh đạo chính của khởi nghĩa là Tống Duy Tân và một thủ lĩnh người Thái là Cầm Bá Thước.

- Ngoài căn cứ chính, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động, phối hợp chiến đấu với Đề Kiều, Đốc Ngữ ở vùng hạ lưu sông Đà và với nghĩa quân Phan Đình Phùng ở vùng rừng núi Nghệ An – Hà Tĩnh.

- Trong vòng hai năm (1889 – 1890), nghĩa quân đã chiến đấu anh dũng, gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nổi tiếng nhất là trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lãng (Xuân Yên - Thọ Xuân) tháng 3 – 1890.

- Thực dân Pháp tập trung lực lượng truy quét, nghĩa quân phải vừa chống đỡ, vừa rút dần lên miền Tây Thanh Hoá. Lực lượng suy yếu dần.

- Do có kẻ chỉ điểm, tháng 10 – 1892, Tống Duy Tân bị Pháp bắt, Cao Điền phải trốn ra Bắc. Khởi nghĩa đến đây coi như thất bại.

Câu 6: Trình bày những hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Hương Khê qua 2 giai đoạn của cuộc khởi nghĩa. Hãy so sánh khởi nghĩa Hương Khê với các cuộc khởi nghĩa Cần vương khác.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Trình bày những hoạt động:*

+ Lãnh đạo Phan Đình Phùng, bên cạnh có các tướng tài nổi bật là Cao Thắng.

+ Địa bàn hoạt động: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

+ Từ năm 1885-1888, nghĩa quân lo tổ chức, huấn luyện xây dựng công sự, rèn đúc vũ khí và tích trữ lương thực.

+ Từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân dựa vào rừng núi, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

+ Để đối phó, thực dân Pháp tập trung binh lực và xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặt nhằm bao vây cô lập nghĩa quân. Đồng thời mở nhiều cuộc hành quân tấn công qui mô vào Ngàn Trươi căn cứ chính của nghĩa quân.

+ Lực lượng nghĩa quân suy yếu dần, sau khi Phan Đình Phùng hi sinh (28-12-1895), các thủ lĩnh còn lại tiếp tục chiến đấu thêm một thời gian. Đến năm 1896, phong trào tan rã.

- *So sánh:*

+ Về địa bàn hoạt động: Địa bàn của khởi nghĩa Hương Khê rộng hơn các cuộc khởi nghĩa khác, đó là: địa bàn gồm bốn tỉnh – Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước Lào.

+ Người lãnh đạo: Phan Đình Phùng và Cao Thắng là những người có uy tín trong văn thân sĩ phu, tính thanh liêm, cương trực thẳng thắng, có uy thế về tuổi trẻ, sáng tạo. Hai vị thủ lĩnh này lại có sự phối hợp nhịp nhàng trong quá trình lãnh đạo khởi nghĩa.

+ Lực lượng: Lực lượng nghĩa quân Hương Khê bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

+ Trình độ tổ chức: Khởi nghĩa Hương Khê có trình độ tổ chức cao nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX.

+ Thời gian: Khởi nghĩa Hương Khê kéo dài 10 năm (1885 –1895), dài nhất trong các cuộc khởi nghĩa Cần Vương. Trong mười năm đó, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như trong khi giao chiến với kẻ thù.

Như vậy, khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX, kéo dài trong mười năm, có quy mô rộng lớn, tổ chức tương đối chặt chẽ, lập được nhiều chiến công, gây cho địch tổn thất nặng nề.

Câu 7: Phong trào đấu tranh của đồng bào miền núi và các dân tộc thiểu số diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ở miền Trung, tiêu biểu là cuộc đấu tranh do Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước cầm đầu.
- Ở Tây Nguyên các tù trưởng Nơ-trang Gư, Ama Con, Ama Giơ-hao kêu gọi nhân dân rào làng chiến đấu từ 1889-1905.
- Ở Tây Bắc, đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông...tập hợp dưới ngọn cờ của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Văn Giáp lập căn cứ chống Pháp ở Lai Châu, Sơn La, hoạt động mạnh trên vùng sông Đà.
- Hoạt động của các toán quân người Thái dưới sự chỉ huy của Đèo Văn Trì, Nông Văn Quang, Cầm Văn Thanh, Cầm Văn Hoan kéo dài từ 1884 đến 1890.
- Đèo Chính Lục, Đặng Phúc Thành cầm đầu đồng bào Thái ở Sơn La phục kích quân Pháp ở nhiều nơi.
- Đồng bào Mông ở Hà Giang do Hà Quốc Thượng lãnh đạo nổi dậy chống Pháp từ năm 1894 đến năm 1896.
- Tại vùng Đông Bắc bùng nổ phong trào của người Dao, người Hoa tiêu biểu nhất là đội quân của Lưu Kì.

Câu 8: Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Cần vương chống Pháp.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Với Hiệp ước Hác-măng (1883) và Pa-tơ-nốt (1884), mà thực dân Pháp buộc triều đình Huế kí kết, đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Thực dân Pháp đã áp đặt chế độ đô hộ trên toàn bộ nước Việt Nam.
- Nhân dân và quan lại yêu nước vừa bất bình với sự hèn yếu của triều đình vừa căm thù thực dân Pháp nên họ quyết tâm đấu tranh chống bọn cướp nước và bán nước.
- Sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế (7 – 1885) bị thất bại. Tôn Thất thuyết lấy danh nghĩa Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.

Câu 9: Những nguyên nhân nào khiến cho các cuộc khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỉ XIX thất bại?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Về chủ quan:*

+ Giai cấp lãnh đạo là tầng lớp sĩ phu xuất thân từ nông dân, tầng lớp này không đại diện cho lực lượng sản xuất tiến tiến, không còn đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam.

+ Đường lối đấu tranh trong phong trào Cần vương đi theo con đường lối phong kiến cũng trở nên lạc hậu. Những cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương đi theo con đường này diễn ra lẻ tẻ, rời rạc nên dễ bị cô lập và đàn áp.

+ Chiến lược và chiến thuật của phong trào Cần vương còn non yếu, chưa phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp. Chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích nhỏ, lẻ.

+ Cuộc khởi nghĩa chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, chưa thực hiện chiến tranh nhân dân.

- *Về khách quan:*

+ Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam chưa chín muồi, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại.

+ Do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp còn chênh lệch: Pháp mạnh, ta yếu.

Câu 10: Hệ thống kiến thức về phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp cuối thế kỉ XIX theo bảng sau đây:

Tên cuộc khởi nghĩa	*Thời gian tồn tại*	*Người lãnh đạo chủ chốt*	*Địa bàn hoạt động*	*Những trận đánh tiêu biểu*	*Nguyên nhân thất bại*

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tên cuộc khởi nghĩa	*Thời gian tồn tại*	*Người lãnh đạo chủ chốt*	*Địa bàn hoạt động*	*Những trận đánh tiêu biểu*	*Nguyên nhân thất bại*
Khởi nghĩa Bãi Sậy	1883- 1892	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên, Hải Dương	Trên địa bàn các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình, Quảng Yên.	Thực dân Pháp mạnh, lực lượng nghĩa quân còn non yếu. Địa bàn ở đồng bằng, đất hẹp.
Khởi nghĩa Ba Đình	1886- 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Ba làng: Mĩ Khê, Mậu Thịnh, Thượng Thọ (Nga Sơn – Thanh Hoá)	Tại Ba Đình vào tháng 12 – 1886 đẩy lùi cuộc tấn công của quân Pháp.	Chiến thuật phòng ngự bị động với việc lập chiến tuyến cố thủ tại một vùng đồng chiêm trũng, địa bàn chật hẹp.
Khởi nghĩa Hùng Lĩnh	1887 - 1892	Tống Duy Tân, Cao Điền.	Căn cứ Hùng Lĩnh ở thượng nguồn sông Mã (Thanh Hoá).	Trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lãng (Xuân Yên - Thọ Xuân) tháng 3 – 1890.	Do bị chỉ điểm nên Tống Duy Tân bị bắt, Cao Điền phải trốn ra Bắc, làm cho khởi nghĩa không có người lãnh đạo.
Khởi nghĩa Hương Khê	1885 - 1896	Phan Đình Phùng, Cao Thắng.	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.	Trận Vụ Quang ngày 17 – 10 – 1894 tiêu hao nhiều sinh lực địch.	Do nghĩa quân chưa biết liên kết, tập hợp lực lượng, phát triển thành phong trào trong toàn quốc.
Phong trào nông dân Yên Thế	1884 - 1913	Hoàng Hoa Thám	Căn cứ Yên Thế ở phía tây tỉnh Bắc Giang.	Ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Vĩnh Yên.	Thực dân Pháp tập trung lực lượng quá mạnh để đàn áp phong trào.

Câu 11: Trong cuộc khởi nghĩa Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê cuộc khởi nghĩa nào điển hình nhất trong phong trào Cần vương ? Vì sao?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Khởi nghĩa Hương Khê là điển hình nhất.
- Bởi vì :

+ Đây là cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn, địa bàn rộng.

+ Lãnh đạo cuộc khởi nghĩa là văn thân các tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh.

+ Thời gian tồn tại 10 năm.

+ Tính chất ác liệt (chiến đấu cam go) chống Pháp và triều đình phong kiến bù nhìn, tính chất của cuộc khởi nghĩa đã có sự thay đổi: đó là sự xung đột giữa nhân dân Việt Nam với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, tức nội dung dân tộc của cuộc khởi nghĩa đã thể hiện rõ, chứ không còn đơn thuần chỉ là xung đột giữa đế quốc và phong kiến.

Câu 12: Hãy trình bày tóm tắt cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy theo yêu cầu sau:

Địa bàn	
Lãnh đạo	
Diễn biến	
Ý nghĩa	
Bài học kinh nghiệm	

** Hướng dẫn trả lời:*

Địa bàn	Vùng lau lách rậm rạp thuộc huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mĩ (Hưng Yên). Ngoài ra còn có căn cứ ở Hai Sông (Kinh Môn).
Lãnh đạo	Từ năm 1883, do Đinh Gia Quế lãnh đạo. Từ năm 1885 vai trò lãnh đạo thuộc về Nguyễn Thiện Thuật.
Diễn biến	- Từ năm 1885 đến 1887, bẻ gãy nhiều cuộc tấn công của Pháp đánh vào căn cứ Bãi Sậy. - Năm 1888, Pháp tập trung lực lượng, quyết tiêu diệt bằng được khởi nghĩa. Nghĩa quân vẫn được duy trì và đẩy mạnh nhiều hoạt động, đánh một số trận lớn như trận Liêu Thăng, trận Lang Tài (Bắc Ninh). - Tháng 7 – 1889, cuộc khởi nghĩa suy yếu rõ rệt, Nguyễn Thiện Thuật phải tìm đường sang Trung Quốc. - Cuối 7 – 1889, căn cứ Hai Sông bị Pháp tấn công. Đến năm 1892, khởi nghĩa bị thất bại hoàn toàn.
Ý nghĩa	Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân ta ở vùng châu thổ Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX.
Bài học kinh nghiệm	Bài học về phương thức tổ chức hoạt động và tác chiến trên địa bàn đồng bằng đất hẹp người đông. Bài học về chiến tranh du kích.

Câu 13: Hãy nêu những đặc điểm về tổ chức và hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tổ chức trên diện rộng, dựa vào địa bàn các tỉnh đồng bằng, nơi có nhiều tuyến giao thông quan trọng chạy qua.

- Hoạt động đánh địch trên các tuyến giao thông hoặc trên các con sông lớn như sông Thái Bình, sông Hồng, sông Đuống.

- Nghĩa quân được chia thành từng toán nhỏ, trà trộn với dân để hoạt động và tiến hành đánh du kích chớp nhoáng hoặc phục kích chặn đường giao thông tiếp tế của địch.

Câu 14: Căn cứ Ba Đình được xây dựng như thế nào? So sánh chiến thuật của nghĩa quân Ba Đình với nghĩa quân Bãi Sậy.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ba Đình là vùng đất thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê huyện Nga Sơn – Thanh Hóa.
- Căn cứ Ba Đình được xây dựng rất độc đáo: lợi dụng các lũy tre làng và vùng đất lầy thụt làm chiến tuyến tự nhiên.
- Ngoài Ba Đình còn có một số căn cứ khác ở xung quanh, đóng vai trò hỗ trợ cho căn cứ chính như căn cứ Phi Lai, căn cứ Quảng Hóa, đáng chú ý nhất là căn cứ Mã Cao.

Câu 15: Qua cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh, hãy nêu:

- Địa bàn khởi nghĩa.
- Người lãnh đạo.
- Tóm tắt diễn biến.

Dưới dạng bảng thống kê

** Hướng dẫn trả lời:*

Địa bàn khởi nghĩa	Ở Hùng Lĩnh – Vĩnh Lộc (Thanh Hóa), lan rộng từ đồng bằng lên miền núi phía tây sát biên giới Việt – Lào. Ngoài ra, nghĩa quân còn mở rộng địa bàn hoạt động, phối hợp chiến đấu với nghĩa quân ở hạ lưu sông Hồng và các vùng núi Nghệ An.
Người lãnh đạo	Lãnh đạo chính là Tống Duy Tân và Cầm Bá Thước (người Thái).
Tóm tắt diễn biến	- Trong hai năm (1889 – 1890) nghĩa quân đã gây cho Pháp nhiều thiệt hại, nổi tiếng nhất là trận Vân Đồn (Nông Cống) đầu năm 1889 và trận Yên Lãng (Xuân Yên - Thọ Xuân) tháng 3 – 1890. - Tháng 10 –1890, Tống Duy Tân bị bắt, Cao Điền phải trốn ra Bắc. Phong trào thất bại.

Câu 16: Hãy tóm tắt diễn biến của khởi nghĩa Yên Thế theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	*Sự kiện chính*
1) 1884 – 1892	
2) 1893 – 1897	
3) 1898 – 1908	
4) 1909 - 1913	

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện chính*
1) 1884 – 1892	Nghĩa quân còn hoạt động lẻ tẻ, chưa có sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất. Nghĩa quân đã đẩy lùi được nhiều trận càn của Pháp.
2) 1893 – 1897	Nghĩa quân mở rộng địa bàn hoạt động ra nhiều vùng thuộc Bắc Giang, Bắc Ninh và xây dựng căn cứ Hố Chuối. Nghĩa quân hai lần giảng hòa với Pháp.
3) 1898 – 1908	Suốt 11 năm đình chiến, nghĩa quân vẫn giữ vững tinh thần chiến đấu
4) 1909 - 1913	Thực dân Pháp tấn công trở lại. Phong trào bước vào giai đoạn cuối, suy yếu dần rồi thất bại.

Câu 17: Hãy nêu tích tính chất, ưu điểm và nhược điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tính chất:

+ Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân, chủ yếu là nông dân nổ ra lẻ tẻ tự phát.

+ Tầng lớp sĩ phu là lực lượng đứng ra lãnh đạo cuộc đấu tranh. Mục đích của họ là đánh đuổi quân xâm lược để khôi phục nhà nước phong kiến đã sụp đổ.

- Ưu điểm:

+ Nổ ra kịp thời, sôi nổi vì một động cơ chung là đánh Pháp, cứu tổ quốc.

+ Quy mô phong trào rộng lớn, lực lượng tham gia đông đảo.

+ Nghĩa quân biết lợi dụng điều kiện địa lí hiểm yếu và dùng chiến thuật du kích để đối phó với một lực lượng lớn mạnh hơn gấp nhiều lần.

- Nhược điểm:

+ Thiếu tổ chức và lãnh đạo không thống nhất.

+ Hậu cần thiếu thốn, trang bị vũ khí thô sơ.

+ Thiếu một lực lượng lãnh đạo kiên định, tiên tiến dẫn đường.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX mặc dầu hết sức oanh liệt, cuối cùng bị thất bại. Tuy vậy, phong trào đã thể hiện tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc ta.

Câu 18: So sánh những điểm giống và khác nhau về khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần vương.

**Hướng dẫn trả lời:*

	Khởi nghĩa Bãi Sậy	***Khởi nghĩa Ba Đình***	***Khởi nghĩa Hương Khê***
Giống nhau	Cả ba cuộc khởi nghĩa đều do các văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi. Đều thể hiện tinh thần đấu tranh chống xâm lược để bảo vệ tổ quốc.		
Khác nhau	- Không có công sự nổi như Ba Đình mà có cạm bẫy ngầm. Nổi bật là chiến thuật du kích bất ngờ. - Được dân chúng ủng hộ tích cực nên tồn tại giữa vùng đồng bằng từ năm 1883 đến 1892. - Pháp phải dùng thủ đoạn "tát nước bắt cá "mới dập tắt được khởi nghĩa.	- Căn cứ nằm trên vị trí chiến lược án ngữ đường giao thông từ Bắc vào Nam; có công sự kiên cố; đã giành được nhiều chiến công vang dội.	- Có quy mô lớn nhất, trình độ tổ chức cao nhất, tồn tại lâu nhất. - Khởi nghĩa lập được nhiều chiến công vang dội: tập kích nhà lao Hà Tĩnh năm 1892; trận Vụ Quang năm 1894.

Chương II
VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1918)

Bài 22
XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1897, Chính phủ Pháp cử Pôn Đu-me sang làm Toàn quyền Đông Dương để hoàn thiện bộ máy thống trị và tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

- Về kinh tế, nét nổi bật là chính sách về ruộng đất. Năm 1897, thực dân Pháp ép triều đình nhà Nguyễn kí điều ước "nhượng" quyền "khai khẩn đất hoang" cho chúng.

- Đầu tiên, với số vốn đầu tư còn hạn chế, tư bản Pháp tập trung vào khai thác mỏ (than đá, thiếc, kẽm...) ở Hòn Gai, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Quảng Nam. Bên cạnh đó, những cơ sở công nghiệp đầu tiên phục vụ đời sống như điện, nước, bưu điện... cũng lần lượt ra đời.

- Đặc biệt, Pháp chú ý đến việc xây dựng hệ thống đường giao thông hiện đại, vừa phục vụ làm ăn lâu dài, vừa nhằm mục đích quân sự. Những đoạn đường sắt quan trọng ở Bắc và Trung Kì thuộc "con đường xuyên Việt" đã được thiết lập.

- Tác động: Cuộc khai thác này đã bước đầu làm cho cơ cấu kinh tế thay đổi, kinh tế Việt Nam phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, chuyển nền kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt và lệ thuộc vào kinh tế Pháp.

Câu 2: Nêu những biến chuyển của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Sau khi thực dân Pháp bình định xong về quân sự chúng tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam.

- Cuộc khai thác này diễn ra trong bối cảnh nước Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, nên công cuộc khai thác chủ yếu trên lĩnh vực nông nghiệp, từ những biến đổi về kinh tế, dẫn đến những chuyển biến của xã hội:

+ Nông dân bị mất ruộng đất ngày càng nhiều và phải chịu nhiều loại thuế, khổ cực trăm bề.

+ Công nhân, chủ yếu xuất thân từ nông dân bị tước đoạt ruộng đất.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc ra đời nhưng bị thực dân Pháp chèn ép nên số lượng còn ít, thế lực yếu ớt.

+ Tầng lớp tiểu tư sản như những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ... cũng ra đời với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

+ Các sĩ phu có nhiều chuyển biến về tư tưởng chính trị.

Câu 3: Nêu mối quan hệ về sự chuyển biến xã hội ở Việt Nam.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Do cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho kinh tế và xã hội Việt Nam có những chuyển biến sâu sắc.

- Chuyển biến về kinh tế có tác động rất lớn đối với chuyển biến về xã hội:

+ Do sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và do sự bóc lột theo kiểu chủ nghĩa tư bản đã sinh ra giai cấp công nhân, tư sản dân tộc và tư sản mại bản.

+ Ngoài sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, ở Việt Nam vẫn còn duy trì chế độ phong kiến đã làm thay đổi vai trò, vị trí của địa chủ và nông dân. Địa chủ vừa bóc lột bằng địa tô như trước đây, vừa kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Nông dân không chỉ bị bóc lột của địa chủ phong kiến mà còn phải gánh chịu thêm sự bóc lột của các giai tầng trong xã hội, họ bị đẩy vào con đường cùng khổ.

- Chuyển biến về xã hội có tác động trở lại đối với chuyển biến về kinh tế:

Các giai cấp và tầng lớp mới ra đời đã làm cho nền kinh tế Việt Nam có sự thay đổi. Đó là kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa đang ngày càng hình thành bên cạnh nền kinh tế phong kiến vẫn còn tồn tại.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Tại sao đầu thế kỉ XX các sĩ phu yêu nước cho rằng việc cứu nước phải gắn liền với duy tân đất nước?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Ngay trong lúc nước ta bị thực dân Pháp đô hộ, thống trị, hàng loạt phong trào đấu tranh chống Pháp nổ ra sôi nổi, rộng khắp nhưng cuối cùng bị thất bại do khủng hoảng về đường lối cách mạng.

- Lúc này những trào lưu tư tưởng cách mạng mới như: cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc, tư tưởng của cách mạng Pháp với những tác phẩm của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ được dịch sang tiếng Hán du nhập vào nước ta. Cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra ở Trung Quốc... đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

- Đặc biệt là cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868 đã đưa nước Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa của phương Tây.

- Chính những tác động đó làm cho các sĩ phu yêu nước ở Việt Nam thấy rằng muốn cứu nước phải tiến hành duy tân đất nước. Họ coi đó là một yêu cầu hợp với xu thế và là điều kiện để giành độc lập cho dân tộc.

Câu 2: Tại sao các sĩ phu Việt Nam lại noi gương Nhật Bản?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nhật Bản đã tiến hành cải cách Minh Trị năm 1868 đưa nước Nhật thoát khỏi thuộc địa của các nước phương Tây và từ đó Nhật tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa.

- Trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật (1904 -1905), Nhật đã đánh bại nước Nga Sa hoàng.

- Hơn nữa, Nhật là nước được coi là "đồng chủng, đồng văn" với Việt Nam, có thể dựa vào để đánh Pháp.

Câu 3: Nêu những nét mới về kinh tế, xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Về kinh tế:*

+ Ruộng đất, trong đó có cả ruộng đất công làng xã bị chiếm đoạt, trở thành đồn điền của các địa chủ người Pháp.

+ Công nghiệp khai thác mỏ và công nghiệp phục vụ đời sống được triển khai.

+ Giao thông gồm đường sắt, đường bộ, cầu, cảng được xây dựng.

+ Thương nghiệp do người Pháp độc quyền.

- *Về xã hội:* Xuất hiện các giai cấp và tầng lớp xã hội mới:

+ Công nhân: Một bộ phận nông dân bị phá sản vì đế quốc và địa chủ phong kiến cướp mất ruộng đất, phải bỏ làng xóm ra thành thị, đến nhà máy, đồn điền, hầm mỏ xin việc làm và trở thành công nhân.

+ Tư sản dân tộc: Một số người đứng ra hoạt động công thương nghiệp, kêu gọi mở cửa hiệu buôn bán hoặc lập xưởng sản xuất.

+ Tiểu tư sản: Những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, viên chức trong các công sở, trí thức, học sinh, sinh viên... cũng ngày một đông cùng với sự mở rộng khai thác của thực dân Pháp.

Câu 4: Ảnh hưởng của trào lưu dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào cải cách chính trị - văn hoá ở Trung Quốc với những nhân vật như Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi.

- Tư tưởng của cách mạng Pháp với những tác phẩm của Rút-xô, Mông-te-xki-ơ.

- Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc đã ảnh hưởng đến tư tưởng của các sĩ phu Việt Nam.

- Đặc biệt là cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868.

Câu 5: Trình bày sự ra đời của phong trào giải phóng dân tộc mang tính chất cách mạng theo khuynh hướng tư sản ở Việt Nam.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Sự chuyển biến của kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

+ Ảnh hưởng trào lưu tư tưởng từ bên ngoài vào.

- *Xu hướng:* giải phóng dân tộc gắn với duy tân và thay đổi chế độ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- *Những người tiên phong:* Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

- *Hình thức đấu tranh:* không chỉ có đấu tranh vũ trang mà còn có hình thức khác như đấu tranh chính trị, ngoại giao, lập ra các tổ chức cách mạng, các hội...

Câu 6: So sánh cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam trước và trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất theo yêu cầu sau:

Nội dung	*Trước cuộc khai thác*	*Trong cuộc khai thác*
Cơ cấu kinh tế		
Cơ cấu xã hội		

** Hướng dẫn trả lời:*

Nội dung	*Trước cuộc khai thác*	*Trong cuộc khai thác*
Cơ cấu kinh tế	Chủ yếu là nông nghiệp, còn công thương nghiệp kém phát triển.	Công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải bước đầu phát triển, nhưng nông nghiệp vẫn là chủ yếu.
Cơ cấu xã hội	Hai giai cấp chính là địa chủ phong kiến và nông dân.	Hai giai cấp chính là địa chủ phong kiến và nông dân; ngoài ra còn xuất hiện lực lượng xã hội mới: công nhân, tư sản và tiểu tư sản.

Bài 23
PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Nêu những sự kiện chứng minh Phan Bội Châu chủ trương giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản bằng phương pháp bạo động.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phan Bội Châu là sĩ phu nổi tiếng đất Nghệ An, là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX. Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam. Chủ trương đó được thể hiện:

- Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập Hội Duy tân, chủ trương đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập một chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam.

- Là người tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh thiếu niên sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

- Tháng 6 - 1912, ông thành lập Việt Nam Quang phục hội, khẳng định tôn chỉ: "Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hoà dân quốc".

- Bí mật cử người về nước trừ khử những tên thực dân đầu sỏ và bọn tay sai đắc lực của Pháp để khuấy động dư luận trong và ngoài nước.

- Phan Bội Châu là người vươn lên liên tục để đạt mục tiêu giải phóng dân tộc nhưng tất cả đều bị thất bại.

Câu 2: Nêu những sự kiện chứng minh Phan Châu Trinh chủ trương cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bằng phương pháp cải cách.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phan Châu Trinh là người sớm tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, chủ trương cứu nước bằng phương pháp cải cách như nâng cao dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và bọn phong kiến hủ bại, xem đó như là điều kiện tiên quyết để giành độc lập. Chủ trương đó được biểu hiện:

+ Từ năm 1906, Phan Châu Trinh và nhóm sĩ phu tiến bộ ở Quảng Nam mở cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì. Ông chú ý đến việc cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh.

+ Cuộc vận động duy tân của Phan Châu Trinh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú.

Phong trào Duy tân là một cuộc vận động yêu nước có nội dung chủ yếu là cải cách văn hoá – xã hội, gắn liền với giáo dục lòng yêu nước, đấu tranh cho dân tộc thoát khỏi ách thống trị ngoại xâm.

- Khuynh hướng của Phan Châu Trinh thể hiện lòng yêu nước, đấu tranh cho dân tộc thoát khỏi sự thống trị của nước ngoài nhưng cuối cùng cũng bị thất bại.

Câu 3: Vì sao nói Đông Kinh nghĩa thục có những đóng góp lớn trong cuộc vận động văn hoá đầu thế kỉ XX?

**Hướng dẫn trả lời:*

- Đông Kinh nghĩa thục do các sĩ phu yêu nước lập ra, đứng đầu là Lương Văn Can và Nguyễn Quyền.

- Mục đích của Đông Kinh nghĩa thục nhằm tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, chí tiến thủ cho quần chúng; truyền bá một nền học thuật mới và nếp sống văn minh, tiến bộ, góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi ách thống trị ngoại bang, trở thành một quốc gia độc lập.

- Đông Kinh nghĩa thục không chỉ là trường học mà còn là một tổ chức cách mạng để hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.

- Sở dĩ Đông Kinh nghĩa thục có những đóng góp lớn trong cuộc vận động văn hoá đầu thế kỉ XX vì:

+ Đã xác định được mục đích của nhà trường và mục tiêu của giáo dục mới: nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và chí tiến thủ của quần chúng, truyền bá một nền học thuật mới và một nếp sống văn minh ở Việt Nam.

+ Cải tiến phương pháp học tập theo hướng phát triển tư duy.

+ Cải cách nội dung giáo dục: chống nền cựu học, đòi bỏ việc dùng chữ Hán, bỏ học theo lối thi cử, nhồi sọ, xây dựng một nền giáo dục "phổ cập".

+ Biên soạn và phổ cập các loại sách mang tính giáo khoa và văn học.

Câu 4: Phong trào đấu tranh của binh sĩ người Việt và nông dân có ý nghĩa gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội:

+ Do sự đối xử tồi tệ của thực dân Pháp đối với binh lính người Việt. Do binh lính đã được giác ngộ và thức tỉnh trước sự phát triển của phong trào yêu nước.

+ Kế hoạch đầu độc: Nghĩa quân Yên Thế kéo về phục sẵn xung quanh Hà Nội; bồi bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc trại lính Pháp. Khi có pháo lệnh, binh sĩ người Việt sẽ nổi dậy và từ trong đánh ra; quân của Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào, nhanh chóng chiếm thành Hà Nội. Nhưng cuối cùng bị lộ và bị thực dân Pháp ngăn chặn.

- Vụ đầu độc tuy thất bại nhưng nó có ý nghĩa to lớn:

+ Đã gây nên sự hoang mang trong sĩ quan và binh lính Pháp.

+ Đánh dấu cuộc nổi dậy đầu tiên của binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

+ Thể hiện sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc của binh lính người Việt.

- *Những ngày cuối cùng của nghĩa quân Yên Thế:*

+ Cuối tháng 1 năm 1909, thực dân Pháp tập trung lực lượng tấn công vào các vị trí quan trọng, nhằm xoá bỏ căn cứ Yên Thế.

+ Nghĩa quân Yên Thế đã anh dũng chống lại âm mưu của thực dân Pháp, giành được một số thắng lợi nhưng lực lượng ngày càng hao mòn dần, sức đề kháng suy giảm và cuối cùng đã thất bại.

- *Mặc dầu thất bại, phong trào nông dân Yên Thế đã:*

+ Thể hiện tinh thần yêu nước mãnh liệt và sức mạnh tiềm tàng của nông dân Việt Nam.

+ Chứng tỏ sức sống mãnh liệt của cuộc đấu tranh (kéo dài gần 30 năm).

Câu 5: Khuynh hướng mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX nảy sinh trong bối cảnh nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX gồm có hai khuynh hướng: Khuynh hướng bạo động của Phan Bội Châu và khuynh hướng cải cách của Phan Châu Trinh.

- *Hai khuynh hướng này nảy sinh trong hoàn cảnh lịch sử:*

+ Sau khi phong trào Cần vương bị thất bại, con đường cứu nước theo khuynh hướng phong kiến không còn phù hợp ở Việt Nam.

+ Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế và xã hội ở Việt Nam có những biến chuyển sâu sắc. Những biến chuyển này có tác động rất lớn đối với các sĩ phu yêu nước.

+ Cùng với những biến chuyển trong nước, lúc này còn [illegible] ng từ bên ngoài: cuộc Duy tân ở Nhật Bản, Trung Quốc, Cách mạng Tân [illegible] đã có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức và hành động của các nhà cách mạng Việt Nam, tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Câu 6: Phân tích sự giống và khác nhau giữa hai xu hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX (về chủ trương và phương pháp)

** Hướng dẫn trả lời:*

Câu 7: Tư tưởng cứu nước của Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu có điểm gì giống và khác nhau?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Giống nhau:*

+ Cả hai ông đều mong muốn thực hiện mục đích làm cách mạng là cứu nước, cứu dân.

+ Cả hai ông đều đi ra nước ngoài để tìm đường cứu nước, học hỏi khinh nghiệm cách mạng các nước về làm cách mạng ở Việt Nam.

- *Khác nhau:*

+ Phan Bội Châu là lãnh tụ của phong yêu nước – cách mạng, chủ trương vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ bên ngoài để tiến hành bạo động chống Pháp, xây dựng nên một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

+ Phan Châu Trinh là lãnh tụ của phong trào cải cách dân chủ, ông chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, ua quan, hô hào cải cách xã hội; nâng cao dân trí , dân quyền tiến tới cứu nước; tư tưởng của ông ảnh hưởng đến phong trào dân chủ của các sĩ phu lúc bấy giờ.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Tại sao Phan Bội Châu và những người sáng lập ra Hội Duy tân lại chủ trương dựa vào Nhật Bản?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nhật Bản có cuộc cải cách Minh Trị đưa đất nước Nhật trở thành nước tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi số phận bị các nước phương Tây xâm lược.

Nhật Bản đã đánh thắng đế quốc Nga trong chiến tranh Nga - Nhật (1904-1905).

Nhật Bản ở châu Á, là nước đồng văn, đồng chủng với Việt Nam.

Câu 2: Qua mục đích Hội Duy tân và Việt Nam Quang phục hội, em hiểu gì về tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Đánh đuổi đế quốc Pháp, giành độc lập cho dân tộc Việt Nam.
- Chủ trương dựa vào Nhật để đánh Pháp.
- Muốn đánh đuổi thực dân Pháp phải tiến hành bạo động.

Như vậy, tư tưởng bao trùm ở Phan Bội Châu là vận động quần chúng và tranh thủ sự giúp đỡ từ bên ngoài để tiến hành bạo động chống Pháp, giải phóng dân tộc, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

Câu 3: Đông Kinh nghĩa thục ra đời trong hoàn cảnh nào? Nội dung và phương pháp dạy học của trường có gì mới?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh:*

+ Các sĩ phu yêu nước Việt Nam muốn noi theo Nhật Bản để tự cường đất nước nên họ thành lập Đông Kinh nghĩa thục vào tháng 3 – 1907 do Lương Văn Can làm Thục trưởng.

+ Đông kinh nghĩa thục là trường học được mô phỏng theo Khánh Ứng ở Nhật Bản.

+ Mục đích của Đông Kinh nghĩa thục nhằm tuyên truyền, giáo dục lòng yêu nước, chí tiến thủ cho quần chúng; truyền bá một nền học thuật mới và nếp sống văn minh, tiến bộ, góp phần làm cho đất nước thoát khỏi lạc hậu, thoát khỏi ách thống trị ngoại bang, trở thành một quốc gia độc lập.

- *Nội dung học rất phong phú:*

+ Dạy chương trình văn hoá trên lớp.
+ Chủ trương chốngg tư tưởng phong kiến lạc hậu.
+ Thực hiện cải cách văn hoá – xã hội.

- *Phương pháp học:*

+ Chú trọng đến phương pháp học mới.
+ Cho phép học sinh tự bàn bạc, thảo luận.
+ Giảng sách, đọc báo, bình văn…

Câu 4: Ảnh hưởng của Đông Kinh nghĩa thục trong phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX như thế nào?

+ Pham vi hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục không chỉ ở Hà Nội mà lan đến nhiều địa phương.

+ Đông Kinh nghĩa thục không chỉ là trường học mà còn là một tổ chức cách mạng để hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX.

Câu 5: Trình bày các khuynh hướng chủ yếu trong phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Đầu thế kỉ XX, dưới tác động của tình hình thế giới làm cho phong trào yêu nước ở Việt Nam đi theo khuynh hướng mới, đó là khuynh hướng dân chủ tư sản. Trong đó có hai khuynh hướng cơ bản:

+ Khuynh hướng bạo động của Phan Bội Châu: Khuynh hướng này vận động cứu nước, cứu dân theo con đường cách mạng tư sản. Tiến hành giải phóng dân tộc bằng phương pháp bạo động vũ trang. Cơ sở để thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc là dựa vào bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản.

+ Khuynh hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Khuynh hướng này cũng xuất phát từ tinh thần yêu nước. Vận động giải phóng dân tộc theo con đường tư sản. Tiến hành giải phóng dân tộc bằng phương pháp cải cách về kinh tế, đặc biệt là văn hoá - xã hội.

Câu 6: Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX có gì mới, khác với phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Hoàn cảnh lịch sử mới:*

+ Trong nước: Sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; sự phân hoá của giai cấp trong xã hội; sự thất bại của phong trào giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến - những hạn chế về giai cấp và thời đại.

+ Thế giới: Sự tác động của tư tưởng dân chủ tư sản từ Trung Quốc và Nhật Bản. Trong đó, những tác động của tình hình trong nước có tính chất quyết định.

- *Khuynh hướng đấu tranh mới:* Đấu tranh giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- *Giai cấp lãnh đạo mới:* Các sĩ phu yêu nước thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc bằng con đường bạo động vũ trang và con đường cải cách.

Câu 7. Nêu những nét cơ bản về hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Phan Bội Châu là sĩ phu nổi tiếng đất Nghệ An, là lãnh tụ tiêu biểu nhất trong phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

- Phan Bội Châu chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi Pháp, xây dựng một chế độ chính trị mới ở Việt Nam.

- Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập hội Duy tân.

- Là người tổ chức phong trào Đông du, đưa thanh thiếu niên sang Nhật học tập để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

- Tháng 3-1909, Phan Bội Châu bị trục xuất Nhật.

- Tháng 6-1912, ông thành lập Việt Nam Quang phục hội.

- Phan Bội Châu là người vươn lên liên tục để đạt mục tiêu giải phóng dân tộc nhưng tất cả đều bị thất bại.

Câu 8: Những nét chính về hoạt động cứu nước của Phan Châu Trinh.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Là lãnh tụ của phong trào cải cách dân chủ. Ông chủ trương phê phán chế độ thuộc địa, vua quan, hô hào cải cách xã hội; nâng cao dân trí, dân quyền, tiến tới cứu nước.

- Phan Châu Trinh đã đi khắp tỉnh Quảng Nam và đến các tỉnh Trung Kì để vận động cải cách.

- Cuộc vận động duy tân của Phan Châu Trinh diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú.

- Phong trào Duy tân đang phát triển ngày càng sâu rộng thì bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. năm 1908, Phan Châu Trinh bị án tù ba năm ở Côn Đảo. Năm 1911, thực dân Pháp đưa ông sang Pháp. Suốt 14 năm sống ở trung tâm châu Âu, Phan Châu Trinh vẫn giữ đường lối cải cách, kêu gọi dân quyền, dân sinh, dân khí.

Câu 9: Vụ đầu độc binh lính Pháp tại Hà Nội diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Nguyên nhân:*

+ Do sự đối xử tàn tệ của thực dân Pháp đối với binh lính người Việt.

+ Do binh lính đã được giác ngộ và thức tỉnh trước sự phát triển của phong trào yêu nước.

- *Kế hoạch đầu độc:* Nghĩa quân Yên Thế kéo về phục sẵn xung quanh Hà Nội; bồi bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn, đầu độc trại lính Pháp. Khi có pháo lệnh, binh sĩ người Việt sẽ nổi dậy và từ trong đánh ra; quân của Hoàng Hoa Thám từ ngoài đánh vào, nhanh chóng chiếm thành Hà Nội. Nhưng cuối cùng bị lộ và bị thực dân Pháp ngăn chặn.

- Vụ đầu độc tuy thất bại nhưng đã gây nên sự hoang mang trong sĩ quan và binh lính Pháp.

Câu 10: Lập bảng thống kê các phong trào yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX. Nêu điểm giống nhau và khác nhau của các phong trào trên.

** Hướng dẫn trả lời:*

Các phong trào	***Mục đích***	***Hình thức và nội dung hoạt động***
Đông du (1905)	Đào tạo nhân tài cho đất nước, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.	- Đưa học sinh sang Nhật du học - Viết sách báo tuyên truyền yêu nước.
Đông Kinh nghĩa thục (1907)	Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài.	Diễn thuyết: bình văn, sách báo.
- Cuộc vận động Duy tân - Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)	- Nâng cao dân trí. - Bồi dưỡng đấu tranh.	- Diễn thuyết đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới. - Khuyến khích kinh doanh công thương nghiệp.

- *Điểm giống:*

Đều là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các sĩ phu yêu nước đề xướng, lãnh đạo.

- *Điểm khác:*

Khuynh hướng đấu tranh:

+ Đông du: Bạo động chống Pháp.

+ Duy tân: Ôn hòa.

+ Đông Kinh nghĩa thục: mở các nhà trường, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài.

Câu 11: Lập bảng so sánh về bối cảnh lịch sử, mục tiêu đấu tranh, tầng lớp lãnh đạo, lực lượng tham gia, phong trào tiêu biểu, kết quả và ý nghĩa của phong trào Cần vương với cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

Hướng dẫn trả lời:

Nội dung	***Phong trào Cần vương***	***Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX***
Bối cảnh lịch sử	- Sau Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, Pháp đã áp đặt chế độ đô hộ trên toàn cõi Việt Nam. - Nhân dân và quan lại yêu nước tiếp tục đấu tranh chống thực dân và phong kiến triều Nguyễn bán nước. - Sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế bị thất bại, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần vương.	- Phong trào Cần vương bị thất bại, thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam. - Sự chuyển biến về kinh tế xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. - Ảnh hưởng của cac trào lưu tư tưởng tư sản tiến bộ từ Trung Quốc, Nhật Bản..., các sĩ phu yêu nước vận động cứu nước theo con đường mới.
Mục tiêu đấu tranh	- Đánh đuổi thực dân Pháp và bọn tay sai phong kiến. - Khôi phục lại vương triều phong kiến.	- Đánh đuổi thực dân Pháp và phong kiến tay sai. - Gắn liền với cuộc duy tân để thay đổi chế độ theo kiểu dân chủ tư sản.
Tầng lớp lãnh đạo	- Triều đình phong kiến lưu vong do vua Hàm Nghi đứng đầu. - Các sĩ phu văn thân.	- Sĩ phu yêu nước tiến bộ mang tư tưởng duy tân tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.
Lực lượng tham gia	Sĩ phu văn thân và đông đảo nông dân, các tộc người thiểu số.	Sĩ phu yêu nước, trí thức nhỏ, tiểu tư sản thành thị, giới công thương, học sinh, sinh viên và nông dân.
Phong trào tiêu biểu	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hùng Lĩnh, Hương Khê.	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục.
Kết quả và ý nghĩa	- Cuối cùng bị thất bại. - Góp phần cổ vũ phong trào yêu nước, chống Pháp. - Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá cho các cuộc đấu tranh sau này.	- Cuối cùng bị thất bại do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội chư chín muồi. - Tiếp tục phát huy tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc. - Tạo tiền đề để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 12 : So sánh một số điểm cơ bản về xu hướng cứu nước cuối thế kỉ XIX và xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX theo các nội dung sau đây:

Các nội dung chủ yếu	*Xu hướng cứu nước cuối thế kỉ XIX (a)*	*Xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX (b)*
Mục đích mục tiêu		
Thành phần lãnh đạo		
Phương thức hoạt động		
Tổ chức		
Lực lượng tham gia		

* *Hướng dẫn trả lời:*

1. a - Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng lại chế độ phong kiến.

   b - Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, kết hợp với cải cách xã hội, xây dựng chế độ quân chủ lập hiến và dân chủ cộng hoà tư sản.

2. a - Văn thân, sĩ phu phong kiến yêu nước.

   b - Tầng lớp Nho học trẻ đang trên con đường tư sản hoá.

3. a - Vũ trang.

   b - Vũ trang, tuyên truyền giáo dục, vận động cải cách xã hội, kết hợp lực lượng bên trong và bên ngoài.

4. a -Theo lề lối phong kiến.

   b - Biến đấu tranh giai cấp thành tổ chức chính trị sơ khai.

5. a - Đông, nhưng hạn chế.

   b - Nhiều tầng lớp, giai cấp, thành phần xã hội.

Bài 24
VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Chính sách của Pháp trong chiến tranh đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

Toàn quyền Đông Dương tuyên bố: Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức của, sức người phục vụ cho "nước mẹ" tham chiến. Vì vậy, nó làm cho nền kinh tế Việt Nam có những biến đổi:

- *Về công nghiệp:* Nhiều cơ sở công nghiệp được mở rộng để bù đắp cho công nghiệp chính quốc; phục hồi các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh.

- *Về thương nghiệp, giao thông vận tải:* Do chiến tranh, các cơ sở buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

- *Về nông nghiệp:* Nông nghiệp chuyên canh lúa đã chuyển một phần sang trồng cây phục vụ cho chiến tranh.

Câu 2: Những chính sách khai thác thuộc địa của Pháp trong chiến tranh đã tác động như thế nào đến các tầng lớp xã hội Việt Nam?

** Hướng dẫn trả lời:*

Chính sách cai trị và những biến động về kinh tế ở Việt Nam trong những năm chiến tranh đã đẩy mạnh sự phân hoá xã hội.

- Nông dân bị kiệt quệ, bần cùng vì nạn sưu cao thuế nặng, bị bắt lính.
- Giai cấp công nhân tăng lên về số lượng.
- Tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển nhưng bị chèn ép, bạc đãi, nguy cơ thất nghiệp đe doạ.

Câu 3: Trong thời gian đầu chiến tranh, Việt Nam Quang phục hội đã hoạt động với những hình thức nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- *Lực lượng tham gia:*
  + Công nhân chiếm đa số.
  + Viên chức hoả xa trên tuyến đường sắt Hải Phòng – Vân Nam.
  + Một số binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- *Hình thức:*
  + Tiến hành một số cuộc bạo động như: tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lị Phú Thọ, đột kích Lục Nam (Bắc Giang), Bát Xát (Lào Cai), Đồng Văn (Hà Giang)...
  + Nổi dậy giết lính canh, cướp vũ khí, phá nhà lao.

Hình thức đấu tranh của Việt Nam Quang phục hội trong thời gian này nặng về bạo động vũ trang. Nhưng do các tù nhân bị giam lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt, bị cô lập, cuối cùng cuộc bạo động bị thất bại.

Câu 4: Việc vua Duy Tân tham gia cuộc vận động khởi nghĩa năm 1916 ở Huế có ý nghĩa như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc vận động khởi nghĩa ở Huế năm 1916 là cuộc khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân. Hai ông vận động khởi nghĩa và mời vua Duy Tân tham gia với tư cách là người lãnh đạo tối cao của khởi nghĩa và nhằm mục đích huy động nhân dân tham gia khởi nghĩa, kể cả các tầng lớp quan lại.
- Vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa vì tinh thần yêu nước, mong muốn đấu tranh để giải phóng dân tộc.
- Vì vậy, việc vua Duy Tân tham gia khởi nghĩa đã tạo nên sự phấn khởi, có tác dụng động viên, cổ vũ nhân dân trong cuộc đấu tranh chống Pháp.

Câu 5: Việc binh lính người Việt tham gia phong trào yêu nước trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có ý nghĩa gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Binh lính người Việt tham gia phong trào yêu nước trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất chủ yếu là trong cuộc khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên (1917).
- Cuộc khởi nghĩa diễn ra ác liệt, cuối cùng bị thất bại. Mặc dầu bị thất bại, nhưng nó có ý nghĩa lịch sử to lớn:

+ Nó khơi dậy truyền thống yêu nước của dân tộc ta.

+ Làm cho thực dân Pháp gặp nhiều khó khăn trong quá trình thống trị Việt Nam.

Câu 6: Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất ở Việt Nam đã có những cuộc khởi nghĩa lớn nào của đồng bào dân tộc thiểu số?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Tại Tây Bắc, vào đầu tháng 11-1914 đã bùng nổ cuộc khởi nghĩa của người Thái. Nghĩa quân đánh chiếm nhiều đồn giặc dọc biên giới Việt - Lào và đến cuối năm 1915 đã làm chủ cả vùng Tây Bắc.

- Năm 1918, đồng bào Mông ở Lai Châu khởi nghĩa dưới sự lãnh đạo của Giàng Tả Chay.

- Vùng Đông Bắc, binh lính đồn Đồng Liêu nổi dậy (tháng 11-1918) lôi cuốn đông đảo đồng bào các dân tộc Hán, Nùng, Dao ở địa phương vào phong trào, hoạt động trên một địa bàn rất rộng, từ sông Yên Tiên ra đến biển. Quân khởi nghĩa uy hiếp cả vùng mỏ Quảng Yên, lan sang các hải đảo Móng Cái đến Hải Phòng. Đến giữa năm 1919, giặc Pháp mới đàn áp nổi.

- Ở Tây Nguyên, cao nguyên Tây Nam Trung Bộ, đồng bào các dân tộc thiểu số đã nhiều lần vùng dậy chống thực dân Pháp. Cuộc khởi nghĩa có ảnh hưởng lớn nhất là của đồng bào Mơ-nông do Nơ-trang Long chỉ huy. Nghĩa quân thắng nhiều trận lớn, buộc thực dân Pháp phải bỏ cả vùng cao nguyên Mơ-nông rộng lớn. Từ năm 1916, thực dân Pháp tổ chức bao vây chặt vùng Mơ-nông, triệt đường tiếp tế muối. Mặc dù vậy, cuộc khởi nghĩa vẫn kéo dài đến nhiều năm sau chiến tranh, cho tới năm 1935 mới chấm dứt.

Câu 7: Cuộc khởi nghĩa của đồng bào thiểu số có ý nghĩa gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Cuộc khởi nghĩa của đồng bào thiểu số diễn ra rộng khắp ở nhiều nơi, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược.

- Các cuộc khởi nghĩa ấy thể hiện lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết của đồng bào dân tộc thiểu số trong cuộc đấu tranh cứu nước.

Câu 8: Tại sao các Hội kín dùng hình thức tôn giáo và sử dụng bùa chú trong tổ chức và hoạt động?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Các Hội kín là tổ chức yêu nước chống Pháp của nhân dân Nam Kì, gồm phần lớn là nông dân và dân nghèo thành thị.

- Các Hội kín thường dùng hình thức tôn giáo, bùa chú để tuyên truyền, vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân yêu nước nhưng còn mê tín.

- Đây là cách tuyên truyền có hiệu quả đối với nông dân ở Nam Kì lúc bấy giờ.

Câu 9: Vì sao Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19 – 5 – 1890, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, lớn lên trong hoàn cảnh nước mất nhà tan, lại chứng kiến các cuộc đấu tranh yêu nước của các bậc tiền bối bị thất bại. Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần yêu nước của họ, nhưng không đi theo con đường cứu nước ấy.

- Ngày 5 – 6 – 1911, Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của mình, Nguyễn Ái Quốc hướng về phương Tây mà cụ thể là nước Pháp. Sở dĩ như vậy vì những lí do sau đây:

+ Người muốn tìm hiểu sự thật của khẩu hiệu mà thực dân Pháp đã từng rêu rao ở nước ta là "Tự do, bình đẳng, bác ái!"

+ Muốn tìm hiểu nền văn minh của Pháp, tìm hiểu về cách mạng tư sản Pháp 1789 thắng lợi. Tìm hiểu các nước làm cách mạng thế nào rồi về làm cách mạng cho nước mình.

+ Con đường sang phương Đông, nhất là Nhật Bản, Trung Quốc đã được các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh từng đi nhưng vận dụng vào cứu nước ở Việt Nam không thành công.

Câu 10: Những hoạt động cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 – 1918 nhằm mục đích gì?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Nguyễn Ái Quốc sinh ngày 19-5-1890, tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, Nghệ An. Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước, lớn lên trên quê hương giàu truyền thống cách mạng. Lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành.

- Nguyễn Ái Quốc sớm có lòng yêu nước, thương dân, muốn cứu nước, cứu dân, nhưng Người không đi theo con đường cứu nước của các bậc tiền bối.

- Năm 1904, Nguyễn Ái Quốc theo cha vào Huế, học tại trường Quốc học.

- Ngày 5 - 6 - 1911, Nguyễn Ái Quốc rời cảng Sài Gòn đi tìm đường cứu nước.

- Tháng 7-1911, Người đến cảng Mác-xây, sau đó qua nhiều nước châu Phi, châu Mĩ, châu Âu và trở lại Pháp vào tháng 12-1917.

- Trong thời gian ở Pháp, Nguyễn Ái Quốc hăng hái hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào công nhân Pháp. Người nhanh chóng trở thành nhân vật lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Hội người Việt Nam yêu nước ở Pa-ri.

- Quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc là quá trình khảo sát, lựa chọn. Quá trình hoạt động ấy là cơ sở đầu tiên và quan trọng để Người xác định con đường cứu nước, cứu dân đúng đắn.

Câu 11: Những biến động về mặt kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Kinh tế:

+ Trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp thực dân Pháp tăng cường vơ vét, bóc lột của cải của nhân dân ta để phục vụ cho chiến tranh.

+ Do chiến tranh, hàng hoá của Pháp không sang được Việt Nam nên kinh doanh của tư sản Việt Nam được tự do hơn và có điều kiện phát triển.

- Xã hội:

+ Số lượng các giai cấp và tầng lớp mới trong xã hội ngày càng tăng nhanh, đó là giai cấp công nhân, giai cấp tư sản dân tộc và tầng lớp tiểu tư sản.

+ Đời sống của các giai cấp và tầng lớp trong xã hội Việt Nam bị khốn khổ vì bị bóc lột, phải đi lính cho Pháp, chết thay cho Pháp...

+ Phong trào đấu tranh chống Pháp ngày càng phát triển, một loạt cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp bùng nổ, đặc biệt là binh lính người Việt trong quân đội Pháp.

Câu 12: Điểm lại các phong trào yêu nước tiêu biểu trong thời kì chiến tranh.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội 1914.
- Cuộc vận động của Thái Phiên, Trần Cao Vân 1916.
- Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên 1917.
- Phong trào Hội kín ở Nam Kì.
- Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào thiểu số.
- Phong trào công nhân và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 13: Tại sao nói đây là thời kì phong trào cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Các phong trào đấu tranh trong thời kì này chưa tìm ra đường lối đấu tranh đúng đắn, chưa có đường lối cụ thể và lâu dài.
- Các phong trào đấu tranh còn mang tính tự phát, chủ yếu đòi các quyền lợi cá nhân, nặng về quyền lợi kinh tế.
- Các phong trào chưa có giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Chính sách cai trị của Pháp ở Việt Nam trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất có gì mới.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Trong những năm chiến tranh, thực dân Pháp nới rộng quyền hạn cho chính quyền Nam triều, củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kì mà quyền hành tập trung trong tay Thống sứ người Pháp.
- Mở rộng thương thuyết với chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam.
- Chính sách cai trị thời chiến nhằm giữ yên Việt Nam để huy động tối đa sức của, sức người phục vụ chiến tranh.

Câu 2: Hãy cho biết các phong trào yêu nước tiêu biểu trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Có thể lập bảng thống kê như sau:

Phong trào	*Địa bàn*	*Hình thức đấu tranh*	*Thành phần chủ yếu*	*Kết quả*
1/ Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	Dọc theo đường biên giới Việt - Trung	Vũ trang	Công nhân, viên chức hoả xa	Thất bại
2/ Khởi nghĩa Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Trung Kì	Vũ trang	Nhân dân, binh lính	Thất bại
3/ Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên	Thái Nguyên	Vũ trang	Binh lính	Thất bại

4/ Phong trào Hội kín ở Nam Kì	Nam Kì	Vũ trang	Nông dân	Thất bại
5/ Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào thiểu số	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	Vũ trang	Nhân dân các dân tộc thiểu số	Thất bại

Câu 3: Tại sao các phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất đều thất bại?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Các phong trào này chưa tìm ra được con đường cứu nước đúng đắn, đó chính là sự khủng hoảng về đường lối.
- Các phong trào chưa có giai cấp tiên phong lãnh đạo.
- Các phong trào chưa tập hợp được toàn dân đứng lên làm cách mạng.
- Các phong trào diễn ra lẻ tẻ, rời rạc, chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân và phong kiến.

Câu 4: Nêu khái quát về hoạt động của Việt Nam Quang phục hội. Vì sao cuộc bạo động của Việt Nam Quang phục hội bị thất bại?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Khái quát:*

+ Khi chiến tranh bùng nổ, thấy hoàn cảnh mới, Hội đã tổ chức hoạt động trở lại.

+ Từ cuối năm 1914, Việt Nam Quang phục hội chuyển hướng về hoạt động trong nước.

+ Việt Nam Quang phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia một số cuộc bạo động như tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lị Phú Thọ, Lục Giang (Bắc Giang); phối hợp với tù nhân ở Lao Bảo khởi nghĩa nhưng bị thất bại. Cuối cùng Việt Nam Quang phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.

- *Vì sao thất bại:*

+ Do những tù nhân tham gia bạo động bị giam cầm lâu ngày, sức khoẻ suy kiệt.

+ Do thực dân Pháp cô lập Việt Nam Quang phục hội.

+ Do thực dân Pháp còn mạnh, tổ chức Việt Nam Quang phục hội còn non yếu, cuộc bạo động mang tính tự phát.

Câu 5: Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916) diễn ra như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Lợi dụng sự phản ứng của binh lính người Việt và nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế đối với chính quyền thực dân, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động họ tiến hành khởi nghĩa và mời vua Duy Tân tham gia.
- Khởi nghĩa dự định vào giữa tháng 5-1916, nhưng kế hoạch bị lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí của binh lính người Việt, lùng bắt những người yêu nước. Thái Phiên và Trần cao Vân đưa được vua Duy Tân ra ngoài Hoàng thành, nhưng mấy hôm sau cả ba người đều bị giặc bắt. Nghĩa binh ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều nổi dậy, nhưng thiếu người lãnh đạo nên tan vỡ nhanh chóng.

Câu 6: Hãy trình bày khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917).

** Hướng dẫn trả lời:*

- Thái Nguyên lại là nơi đày ải những người yêu nước bị bắt trong các phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân, khởi nghĩa Yên Thế... Giữa những người tù chính trị bị giam giữ với số binh lính yêu nước làm việc trong nhà tù dần dần có sự gặp gỡ tiếp xúc bí mật. Một âm mưu bạo động được chuẩn bị.

- Những người lãnh đạo cuộc bạo động là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến - một hội viên của Quang phục hội bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.

- Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31-8-1917. Giám binh Nô-en bị giết ngay tại trận. Quân khởi nghĩa làm chủ các công sở, phá nhà tù, giải phóng tất cả tù nhân. Trừ trại lính Pháp vẫn ngoan cố chống cự, toàn bộ thị xã đã do quân khởi nghĩa chiếm giữ. Ngọn cờ khởi nghĩa "Nam binh phục quốc" bay cao trên bầu trời tỉnh lị Thái nguyên. Lãnh đạo nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi đồng bào vùng lên khôi phục nền độc lập của đất nước.

- Thực dân Pháp quyết định đưa 2.000 quân lên Thái Nguyên. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Sau một tuần lễ làm chủ tỉnh lị, cuối cùng để thoát khỏi thế bao vây o ép của quân thù, nghĩa quân phải rút ra ngoài và kéo dài cuộc chiến đấu được sáu tháng thì tan rã.

Câu 7: Phong trào Hội kín ở Nam Kì diễn ra như thế nào?

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kì tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hòa hội, Thái binh hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường khoác áo tôn giáo mê tín để dễ tuyên truyền vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân.

- Trong dân gian hồi đó lan truyền rằng Phan Xích Long là dòng dõi nhà trời, sai xuống làm vua nước Nam.

- Trong những năm chiến tranh, phong trào Hội kín phát triển rầm rộ ở tất cả các tỉnh miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long.

- Phong trào Hội kín ở Nam Kì thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân Nam Bộ bị đè nén đến cùng cực đã vùng lên quyết liệt, nhưng vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nên nhanh chóng thất bại.

Câu 8: Hãy nêu tóm tắt các sự kiện lớn diễn ra ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất theo bảng kê sau đây:

Sự kiện	*Tóm tắt nội dung*
1/ Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	
2/ Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	
3/ Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	
4/ Phong trào Hội kín ở Nam Kì	

* *Hướng dẫn trả lời:*

Sự kiện	Tóm tắt nội dung
1/ Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	- Khi chiến tranh bùng nổ, thấy hoàn cảnh mới, Hội đã tổ chức nhiều cuộc bạo động. - Trong những năm đầu chiến tranh, Việt Nam Quang phục hội đã vận động được nhiều tầng lớp tham gia một số cuộc bạo động. Nhưng các hoạt động đó đều lần lượt thất bại trước sự phản công của quân thù. Cuối cùng Việt Nam Quang phục hội tan rã sau đợt khủng bố lớn của giặc Pháp và tay sai vào năm 1916.
2/ Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)	Khởi nghĩa dự định vào giữa tháng 5-1916, nhưng kế hoạch bị lộ. Ở Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Pháp đóng chặt cửa trại lính, tước vũ khí của binh lính người Việt, lùng bắt những người yêu nước. Thái Phiên và Trần Cao Vân đưa được vua Duy Tân ra ngoài Hoàng thành, nhưng mấy hôm sau cả ba người đều bị giặc bắt. Nghĩa binh ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi đều nổi dậy, nhưng thiếu người lãnh đạo nên tan vỡ nhanh chóng.
3/ Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (1917)	- Những người lãnh đạo cuộc bạo động là Trịnh Văn Cấn (Đội Cấn) một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến - một hội viên của Quang phục hội bị giam ở nhà tù Thái Nguyên. - Cuộc khởi nghĩa nổ ra đêm 30 rạng sáng 31-8-1917. Giám binh Nô-en bị giết ngay tại trận. Quân khởi nghĩa làm chủ các công sở, phá nhà tù, giải phóng tất cả tù nhân. Trừ trại lính Pháp vẫn ngoan cố chống cự, toàn bộ thị xã đã do quân khởi nghĩa chiếm giữ. Ngọn cờ khởi nghĩa "Nam binh phục quốc" bay cao trên bầu trời tỉnh lị Thái nguyên. Lãnh đạo nghĩa quân phát hịch tuyên bố Thái Nguyên độc lập, đặt quốc hiệu là Đại Hùng, vạch tội ác của giặc Pháp, kêu gọi đồng bào vùng lên khôi phục nền độc lập của đất nước. - Thực dân Pháp quyết định đưa 2.000 quân lên Thái Nguyên. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. sau một tuần lễ làm chủ tỉnh lị, cuối cùnh để thoát khỏi thế bao vây o ép của quân thù, nghĩa quân phải rút ra ngoài và kéo dài cuộc chiến đấu được sáu tháng thì tan rã.
4/ Phong trào Hội kín ở Nam Kì	- Phong trào yêu nước của nhân dân Nam Kì tồn tại trong các tổ chức hội kín như Thiên địa hội, Nghĩa hòa hội, Thị binh hội, Phục hưng hội... Các hội kín thường khoác áo tôn giáo mê tín để dễ tuyên truyền vận động và hoạt động trong quần chúng, chủ yếu là nông dân. - Trong dân gian hồi đó lan truyền rằng Phan Xích Long là dòng dõi nhà trời, sai xuống làm vua nước Nam. Ngay trước chiến tranh bùng nổ, vào năm 1913 đã có 600 nông dân các tỉnh Gia Định, Tân An, Vĩnh Long... mặc áo bà ba trắng, đeo bù chú, kéo

	vào Sài Gòn đánh đánh chiếm công sở, rồi tôn Phan Xích Long lên ngôi. Đoàn người bị đàn áp, Phan Xích Long bị giam giữ trong khám lớn Sài Gòn. - Trong những năm chiến tranh, phong trào Hội kín phát triển rầm rộ ở tất cả các tỉnh miền Nam. Đáng chú ý nhất là vụ đột nhập vào Sài Gòn, mưu phá khám lớn để cứu Phan Xích Long. - Phong trào Hội kín ở Nam Kì thực chất là phong trào đấu tranh của nông dân Nam Bộ bị đè nén đến cùng cực đã vùng lên quyết liệt, nhưng vì thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến nên nhanh chóng thất bại.

Câu 9: Tại sao từ khi mới ra đời, công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại tư bản Pháp? Những hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam từ đầu đến năm 1918.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Vì sao:*

+ Vừa mới ra đời, công nhân Việt Nam đã tiếp thu truyền thống yêu nước, đấu tranh bất khuất của dân tộc.

+ Công nhân Việt Nam sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt, bị tư bản Pháp áp bức bóc lột nặng nề, giá lao động rẻ mạt, đời sống khó khăn nên sớm đấu tranh chống lại tư bản Pháp.

- *Hình thức đấu tranh:* Các hình thức đấu tranh phổ biến của công nhân Việt Nam trong giai đoạn này là: bỏ việc, phá giao kèo, đánh lại cai, kí, tổ chức bãi công... Đây là hình thức đấu tranh mới của một lực lượng xã hội mới.

Câu 10: Trình bày cuộc hành trình cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1917.

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
Ngày 5 - 6 - 1911	Rời bến cảng Nhà rồng ra đi tìm đường cứu nước.
Tháng 7 - 1911	Đến cảng Véc-xai (Pháp), sau đó đi nhiều nước ở châu Phi, châu Mĩ, châu Âu.
Tháng 12 - 1917	Nguyễn Ái Quốc rời Luân Đôn (Anh) về Pa-ri (Pháp) để nghiên cứu, học tập Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 11: Trong hoàn cảnh nào Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Năm 1858, thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên ở Đà Nẵng báo hiệu thời kì xâm lược nước ta. Mặc dầu triều Nguyễn đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác rồi lần lượt chấp nhận sự cai trị của thực dân Pháp trên đất nước ta. Mặc dầu vậy, nhân dân ta vẫn luôn luôn đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược. Tiêu biểu cho những cuộc đấu tranh lâu dài và bền bỉ đó là phong trào Cần vương thế kỉ XIX. Nhưng cuối cùng phong trào Cần vương bị thất bại, ngọn cờ cứu nước theo khuynh hướng phong kiến không còn phù hợp nữa. Tiếp theo phong trào Cần vương là những cuộc đấu tranh của các văn thân, sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX

theo khuynh hướng dân chủ tư sản, nhưng rồi cũng bị thất bại. Cách mạng Việt Nam đang bị khủng hoảng về đường lối cứu nước.

- Đứng trước hoàn cảnh nước mất, nhà tan lại được chứng kiến những cuộc đấu tranh yêu nước của các bậc tiền bối bị thất bại. Tất cả đã hun đúc trong Nguyễn Ái Quốc lòng yêu nước nồng nàn và quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước.

Câu 12: Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với những người đi trước.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Các bậc sĩ phu và văn thân yêu nước trước đây đi tìm đường cứu nước chủ yếu là dựa vào các nước để giúp Việt Nam chống Pháp. Chẳng hạn, Phan Bội Châu sang Nhật để dựa vào Nhật giúp Việt Nam đánh Pháp, hay học tập những kinh nghiệm của Nhật để về lãnh đạo đồng bào ta chống Pháp.

- Còn quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc là quá trình khảo sát, quá trình lựa chọn.

+ Nguyễn Ái Quốc đến nhiều nước, tìm hiểu các cuộc cách mạng đã diễn ra trên thế giới.

+ Từ đó, Nguyễn Ái Quốc rút ra kết luận: Cách mạng tư sản Pháp, cách mạng Mĩ là những cuộc cách mạng chưa tới nơi. Người ta đã cách mạng hàng trăm năm rồi mà dân chúng vẫn còn khổ cực đang toan tính làm lại cách mạng khác.

+ Cuộc cách mạng tới nơi mà Nguyễn Ái Quốc tìm kiếm là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đồng thời giải phóng cho người lao động.

Đó là lí do để Người khẳng định Việt Nam phải đi theo Cách mạng tháng Mười Nga vào năm 1920, khi mà Người đọc sơ thảo Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa.

Câu 13: Lập bảng thống kê các phong trào đấu tranh của công nhân trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Phong trào đấu tranh*
Tháng 5 - 1909	Cuộc đấu tranh của công nhân viên chức hãng Liên hiệp thương mại Đông Dương ở Hà Nội.
Năm 1912	Cuộc bãi công của công nhân xưởng sửa chữa và đóng tàu Ba Son.
Tháng 7 - 1914	Công nhân mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) bỏ việc đi tập thể.
Tháng 2 - 1916	Nữ công nhân nhà máy sàng Kế Bào nghỉ việc để phản đối cúp phạt lương.
Năm 1917	Công nhân mỏ than Phấn Mễ và Na Lương tham gia khởi nghĩa do Đội Cấn lãnh đạo.
Năm 1918	700 công nhân mỏ than Hà Tu đốt nhà riêng tên Bang Sâm.

Câu 14: Vì sao Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước của mình, Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường của các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh mà Người quyết định đi sang phương Tây, nhất là nước Pháp để tìm đường cứu nước, cứu dân. Sở dĩ Người chọn con đường sang phương Tây là vì:

+ Ở phương Tây đã từng diễn ra các cuộc cách mạng tư sản và các cuộc cách mạng tư sản đó đã giành được thắng lợi.

+ Các nước phương Tây lúc này được xem là nơi có nền "văn minh" đang phát triển.

+ Đặc biệt ở Pháp, lúc này thực dân Pháp đang thống trị, đô hộ nước ta, một mặt chúng ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Việt Nam, mặt khác chúng rêu rao khẩu hiệu: "Tự do, bình đẳng, bác ái!". Người đến Pháp để tìm hiểu sự thật của nền văn minh nước Pháp, tìm hiểu sự thật về đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở Pháp, tìm hiểu sự thật của khẩu hiệu ấy.

Bài 25
SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1858 – 1918

I. CÂU HỎI, BÀI TẬP CƠ BẢN

Câu 1: Hãy nêu những đặc điểm của phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc Việt Nam từ giữa thế kỉ XIX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất.

** Hướng dẫn trả lời:*

- Phong trào nổ ra với quy mô rộng khắp trong cả nước, thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia.
- Phong trào yêu nước, chống Pháp trong những năm 1858 – 1897 theo khuynh hướng phong kiến. Đó là các cuộc khởi nghĩa hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi.
- Phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp trong những năm đầu thế kỉ XX theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Đó là các cuộc vận động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.
- Lãnh đạo phong trào là các sĩ phu yêu nước hoặc sĩ phu trí thức.
- Phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt nhưng cuối cùng bị thất bại do bị khủng hoảng đường lối đấu tranh.

Câu 2: Lập niên biểu những sự kiện chủ yếu trong phong trào Cần vương.

** Hướng dẫn trả lời:*

Tên cuộc khởi nghĩa	*Thời gian*	*Người lãnh đạo*	*Địa bàn hoạt động*	*Hình thức, nội dung hoạt động*
1. Khởi nghĩa Ba Đình	1886 - 1887	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Nga Sơn – Thanh Hoá	- Xây dựng chiến tuyến, phòng thủ kiên cố. - Chặn các cuộc hành quân của địch để tiêu diệt.
2. Khởi nghĩa Bãi Sậy	1883 - 1892	Nguyễn Thiện Thuật	Vùng lau sậy ở Khoái Châu – Hưng Yên	Xây dựng căn cứ, áp dụng chiến thuật du kích, đánh đồn bốt, phá đường giao thông.
3. Khởi nghĩa Hương Khê	1885 - 1895	Phan Đình Phùng, Cao Thắng	Hương Sơn, Hương Khê – Hà Tĩnh	Dựa vào núi rừng hiểm trở để chiến đấu.

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP BỔ SUNG

Câu 1: Vì sao thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Mâu thuẫn xã hội nảy sinh. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng nổ.

- Yêu cầu lịch sử đặt ra là phải thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển. Giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

- Sự cai trị đất nước của triều Nguyễn:

+ Tư tưởng bảo thủ, cố chấp, nên không theo kịp xu thế thời đại.

+ Thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

+ Đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

- Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, nhất là Pháp dòm ngó rồi xâm lược Việt Nam.

Câu 2: Thái độ của nhân dân ta và triều đình Huế trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 1-9-1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

- *Thái độ của triều Nguyễn:* đi từ thoả hiệp này đến thoả hiệp khác và cuối cùng phải kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-6-1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- *Thái độ của nhân dân ta:* chiến đấu ngoan cường vì nền đ[illegible] của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh [illegible], dẻo dai, đều khắp với tinh thần dũng cảm vô song.

- Từ giữa năm 1885, sau khi triều Nguyễn đầu hàng hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Phong trào đã thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của nhân dân ta.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một dấu son trong trang sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Câu 3: Những biến đổi lớn trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là gì?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Về kinh tế:*

+ Việt Nam trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến và bị biến thành nơi cung cấp sức người, sức của rẻ mạt.

+ Kinh tế Việt Nam bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp.

+ Đã xuất hiện những thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân.

- *Về xã hội:*

+ Giai cấp công nhân ra đời.

+ Tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản xuất hiện nhưng chưa trở thành giai cấp thực thụ.

Câu 4: Phong trào yêu nước, cách mạng của nhân dân Việt Nam đầu thế kỉ XX diễn ra như thế nào?

- Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã không thể giương cao được nữa.
- Một trào lưu tư tưởng cách mạng mới bắt đầu dội vào Việt Nam.
- Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đã đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp. Họ đã thực hiện cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng cuộc vận động yêu nước của họ bị thất bại.

Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản còn có cuộc đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế.

- Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến chủ nghĩa Mac – Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 5: Lập bảng quá trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta.

Thời gian	*Quá trình xâm lược của thực dân Pháp*	*Cuộc đấu tranh của nhân dân ta*
1-9-1858		
2-1859		
2-1862		
6-1862		
6-1867		
20-11-1873		
18-8-1883		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Quá trình xâm lược của thực dân Pháp*	*Cuộc đấu tranh của nhân dân ta*
1-9-1858	Pháp đánh bán đảo Sơn Trà. Mở màn cuộc xâm lược Việt Nam.	Quân dân ta đánh trả quyết liệt
2-1859	Pháp kéo vào Gia Định	Quân ta chặn địch ở đây
2-1862	Pháp chiếm Gia Định, Định Tường, Biên Hoà, Vĩnh Long	

6-1862	Hiệp ước Nhâm Tuất, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kì	Nhân dân độc lập kháng chiến
6-1867	Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây	Nhân dân 6 tỉnh khởi nghĩa
20-11-1873	Pháp đánh thành Hà Nội	Nhân dân tiếp tục chống Pháp
18-8-1883	Pháp đánh Huế Hiệp ước Hác-măng, Pa-tơ-nốt công nhận sự bảo hộ của Pháp	Triều đình đầu hàng nhưng phong trào kháng chiến của nhân dân ta không chấm dứt.

Câu 6: Lập niên biểu về phong trào Cần Vương theo yêu cầu sau đây:

Thời gian	*Sự kiện*

* *Hướng dẫn trả lời:*

Thời gian	*Sự kiện*
5-7-1885	Cuộc phản công của phái chủ chiến ở kinh thành Huế
13-7-1885	Vua Hàm Nghi ra chiếu Cần vương
1886-1887	Khởi nghĩa Ba Đình
1883-1892	Khởi nghĩa Bãi Sậy
1885-1895	Khởi nghĩa Hương Khê

Câu 7: Lập biểu bảng về phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX (đến năm 1918) theo yêu cầu dưới đây:

Phong trào	*Chủ trương*	*Biện pháp đấu tranh*	*Thành phần tham gia*
Phong trào Đông du (1905-1909)			
Đông Kinh nghĩa thục (1907)			
Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì (1908)			
Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)			

** Hướng dẫn trả lời:*

Phong trào	Chủ trương	Biện pháp đấu tranh	Thành phần tham gia
Phong trào Đông du (1905-1909)	Giành độc lập, xây dựng xã hội tiến bộ.	Bạo động vũ trang để giành độc lập. Cầu viện Nhật Bản.	Nhiều thành phần nhưng chủ yếu là thanh niên yêu nước.
Đông Kinh nghĩa thục (1907)	Giành độc lập, xây dựng xã hội tiến bộ.	Truyền bá tư tưởng mới, vận động chấn hưng đất nước	Đông đảo nhân dân tham gia, nhiều tầng lớp xã hội.
Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì (1908)	Nâng cao ý thức tự cường để đi đến giành độc lập.	Mở trường, diễn thuyết, tuyên truyền, đả phá phong tục lạc hậu, bỏ cái cũ, học theo cái mới, cổ động việc mở mang công thương nghiệp...	Đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.
Phong trào chống thuế ở Trung Kì (1908)	Chống đi phu, chống sưu thuế.	Từ đấu tranh hòa bình, phong trào dần thiên về xu hướng bạo động.	Đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, chủ yếu là nông dân.

Câu 8: So sánh xu hướng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

Xu hướng	*Chủ trương*	*Biện pháp*	*Khả năng thực hiện*	*Tác dụng*	*Hạn chế*

** Hướng dẫn trả lời:*

Xu hướng	Chủ trương	Biện pháp	Khả năng thực hiện	Tác dụng	Hạn chế
Bạo động của Phan Bội Châu	Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, xây dựng xã hội tiến bộ về kinh tế, chính trị.	Tập hợp lực lượng đánh Pháp, trước hết là xây dựng lực lượng về mọi mặt, kết hợp với cầu viện.	Phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, nhưng chủ trương cầu viện Nhật Bản: khó thực hiện.	Khuấy động lòng yêu nước, cổ vũ tinh thần dân tộc.	Ý đồ cầu viện Nhật Bản là sai lầm, nguy hiểm.
Cải cách của Phan Châu Trinh	Vận động cải cách trong nước - khai trí, mở ngành công thương nghiệp tự cường.	- Mở trường học - Đề nghị cùng thực dân chấn chỉnh lại chế độ phong kiến, giúp Việt Nam tiến bộ.	Không thể thực hiện được vì trái với đường lối của Pháp.	- Cổ vũ tinh thần học tập tự cường. - Giáo dục tư tưởng chống các hủ tục phong kiến.	Biện pháp cải lương, xu hướng bắt tay với Pháp, làm phân tán tư tưởng cứu nước của nhân dân.

Câu 9: Tình hình Việt Nam thế kỉ XVIII - XIX như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- *Tình hình xã hội phong kiến Việt Nam thế kỉ XVIII- XIX:*

+ Bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng.

+ Mâu thuẫn xã hội nảy sinh.

+ Hàng loạt cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân bùng nổ.

- *Yêu cầu lịch sử đặt ra:*

+ Thống nhất đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế hàng hoá và thị trường dân tộc phát triển.

+ Giải phóng sức sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân.

- *Sự cai trị đất nước của triều Nguyễn:*

+ Tư tưởng bảo thủ, cố chấp, nên không theo kịp xu thế thời đại.

+ Thi hành hàng loạt chính sách hẹp hòi, đi ngược lại quyền lợi dân tộc.

+ Đẩy đất nước vào tình trạng suy yếu, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, quốc phòng yếu kém, tài chính kiệt quệ.

- Lợi dụng cơ hội này, các nước tư bản phương Tây, nhất là Pháp dòm ngó rồi xâm lược Việt Nam.

Câu 10: Thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam như thế nào?

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Ngày 1-9-1858, Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

- *Thái độ của triều Nguyễn:* đi từ thoả hiệp này đến thoả hiệp khác và cuối cùng phải kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6-6-1884) chấp nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên đất nước ta.

- *Thái độ của nhân dân ta:* chiến đấu ngoan cường vì nền độc lập, tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống bình yên của quê hương. Cuộc chiến tranh nhân dân bền bỉ, dẻo dai, đều khắp với tinh thần dũng cảm vô song.

- Từ giữa năm 1885, sau khi triều Nguyễn đầu hành hoàn toàn, một phong trào yêu nước mới dưới khẩu hiệu "Cần vương" đã được phát động. Phong trào đã thể hiện tinh thần quật khởi, bất khuất của nhân dân ta.

- Mặc dầu cuối cùng bị thất bại, nhưng phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX đã đánh một dấu son trong trang sử chống ngoại xâm oai hùng của dân tộc ta và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Câu 11: Trình bày phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX.

* *Hướng dẫn trả lời:*

- Cuối thế kỉ XIX, ngọn cờ phong kiến đã không thể giương cao được nữa.

- Một trào lưu tư tưởng cách mạng mới bắt đầu dội vào Việt Nam.

- Các sĩ phu yêu nước Việt Nam đã đón nhận những ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, nhất là của Nhật Bản, Trung Quốc và Pháp. Họ đã thực hiện cuộc vận động cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

- Tuy nhiên, do tầm nhìn hạn chế và những trở lực không thể vượt qua, cuối cùng cuộc vận động yêu nước của họ bị thất bại.

- Bên cạnh cuộc vận động yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản còn có cuộc đấu tranh của nông dân, điển hình là khởi nghĩa Yên Thế.

- Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Trong bối cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến chủ nghĩa Mac – Lê-nin và tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Câu 12: Hãy so sánh phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX với phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX theo yêu cầu sau đây:

Tiêu chí so sánh	*Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX*	*Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX*
Chủ trương		
Biện pháp đấu tranh		
Thành phần tham gia		
Hình thức hoạt động		

* *Hướng dẫn trả lời:*

Tiêu chí so sánh	*Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX*	*Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX*
Chủ trương	Chống Pháp theo tư tưởng phong kiến.	Chống Pháp theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
Biện pháp đấu tranh	Vũ trang khởi nghĩa.	Bạo động vũ trang, tuyên truyền vận động cải cách.
Thành phần tham gia	Sĩ phu yêu nước, nông dân	Nho sĩ yêu nước, nông dân, công nhân, binh lính.
Hình thức hoạt động	Xây dựng căn cứ, tiến hành khởi nghĩa.	Du học, mở trường, cổ động phát triển kinh tế, khởi nghĩa.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

PHẦN MỘT. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương I. CÁC NƯỚC CHÂU Á, CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX)

Bài 1. NHẬT BẢN 5
Bài 2. ẤN ĐỘ 11
Bài 3. TRUNG QUỐC 14
Bài 4. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX) 20
Bài 5. CHÂU PHI VÀ KHU VỰC MĨ LATINH (THẾ KỈ XIX- ĐẦU THẾ KỈ XX) 27

Chương II. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

Bài 6. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918) 33

Chương VII. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI

Bài 7. NHỮNG THÀNH TỰU VĂN HOÁ THỜI CẬN ĐẠI 38
Bài 8. ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI 41

PHẦN HAI. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (PHẦN TỪ NĂM 1917 ĐẾN NĂM 1945)

Chương I. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

Bài 9. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG (1917 - 1921) 52
Bài 10. LIÊN XÔ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1921 - 1941) 58

Chương II. CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 11. TÌNH HÌNH CÁC NƯỚC TƯ BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939) 65
Bài 12. NƯỚC ĐỨC GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939) 70
Bài 13. NƯỚC MĨ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939) 75
Bài 14. NƯỚC NHẬT GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918-1939) 79

Chương III. CÁC NƯỚC CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

Bài 15. PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ (1918 – 1939) 83
Bài 16. CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á
GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939) 88

Chương IV. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945)

Bài 17. CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945) 94
Bài 18. ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (1917 - 1945) 107

PHẦN BA. LỊCH SỬ VIỆT NAM (1858-1918)

Chương I. VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIX

Bài 19. VIỆT NAM TRƯỚC NGUY CƠ BỊ PHÁP XÂM LƯỢC 114
Bài 20. CHIẾN SỰ LAN RA CẢ NƯỚC,
CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NHÂN DÂN TA TỪ NĂM 1873
ĐẾN NĂM 1884, NHÀ NGUYỄN ĐẦU HÀNG 124
Bài 21. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM
TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX 134

Chương II. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN HẾT CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1918)

Bài 22. XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC
LẦN THỨ NHẤT CỦA THỰC DÂN PHÁP 147
Bài 23. PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM TỪ ĐẦU
THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914) 150
Bài 24. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM
CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918) 157
Bài 25. SƠ KẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM 1858 – 1918 167

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9715011; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ THÀNH

Biên tập: TÚ OANH, NGUYỄN HẠNH

Sửa bài: ĐÌNH TÔ

Chế bản: Nhà sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa: NGỌC ANH

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI & BÀI TẬP LỊCH SỬ 11
(Chương trình cơ bản)

Mã số: 2L - 249ĐH2007

In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Chí Minh.

Số xuất bản: 85 - 2007/CXB/35 – 03/ĐHQGHN, ngày 22/1/2007.

Quyết định xuất bản số: 713 LK/XB.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.